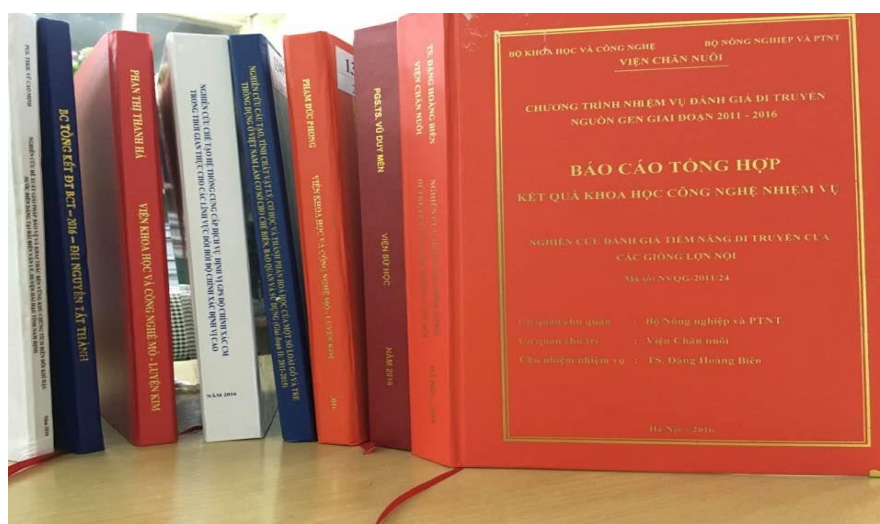


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 11 (2022)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN

Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	146

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***.

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

⑤

⑥

⑦

⑧

⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyên đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ——— ⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	8
10101. Toán học cơ bản	8
10102. Toán học ứng dụng.....	9
10199. Toán học và thống kê khác.....	11
10201. Khoa học máy tính	11
10202. Khoa học thông tin	13
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học	13
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	14
10304. Vật lý hạt nhân	14
10399. Khoa học vật lý khác	16
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân.....	17
10403. Hoá lý	17
10501. Địa chất học.....	18
10504. Địa vật lý	19
10508. Trắc địa học và bản đồ học	20
10509. Các khoa học môi trường	22
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển	23
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	24
10604. Vi rút học.....	24
10612. Động vật học	25
10613. Sinh học biển và nước ngọt.....	25
10614. Sinh thái học.....	25
10615. Đa dạng sinh học	26
10616. Công nghệ sinh học	27
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	27
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	28
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị	29
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	30
20105. Kỹ thuật thủy lợi	30

20201. Kỹ thuật điện và điện tử	33
20202. Người máy và điều khiển tự động.....	33
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	34
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	40
20205. Viễn thông.....	41
20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính.....	43
20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung	44
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	44
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông.....	46
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thuỷ	47
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	48
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân	49
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	50
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung	52
20403. Kỹ thuật hoá dược	52
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ	54
20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim	55
20504. Luyện kim bột	55
20507. Vật liệu xây dựng	55
20510. Gốm.....	57
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ.....	58
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	58
20515. Vật liệu tiên tiến	59
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	60
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh.....	61
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	61
20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí	65
20704. Viễn thám	66
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	66
20708. Kỹ thuật bờ biển.....	67
20899. Công nghệ sinh học môi trường khác	67

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	68
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	69
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	70
299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác	70
3. Khoa học y, dược.....	71
30202. Sản khoa và phụ khoa	72
30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan.....	72
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	73
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	73
30404. Hoá dược học	77
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế	77
30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc.....	78
30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen.....	78
4. Khoa học nông nghiệp	79
40101. Nông hoá	79
40102. Thổ nhưỡng học	80
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	80
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	84
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	86
40106. Bảo vệ thực vật.....	89
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	93
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	93
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	95
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	95
40205. Bảo vệ động vật nuôi.....	97
40299. Chăn nuôi khác.....	98
40310. Vi rút học thú y.....	98
40405. Giống cây rừng.....	98
40499. Khoa học công nghệ lâm nghiệp khác	99

40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản.....	100
40503. Bệnh học thuỷ sản	100
40504. Nuôi trồng thuỷ sản.....	101
40507. Bảo quản và chế biến thuỷ sản.....	102
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	103
40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp.....	105
499. Khoa học nông nghiệp khác.....	106
5. Khoa học xã hội	108
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	108
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	110
50202. Kinh doanh và quản lý	112
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....	118
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	120
50401. Xã hội học nói chung	125
50404. Dân tộc học.....	126
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	126
50501. Luật học.....	131
50601. Khoa học chính trị.....	133
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	134
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội.....	137
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	137
50801. Báo chí.....	138
50803. Khoa học thư viện	139
50899. Thông tin đại chúng và truyền thông khác.....	140
6. Khoa học nhân văn.....	140
60101. Lịch sử Việt Nam	140
60103. Khảo cổ học và tiền sử.....	141
60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.....	141
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	143

**THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP****1. Khoa học tự nhiên****10101. Toán học cơ bản**

83720.11-2022 **Khảo sát một số phương trình vi phân - đạo hàm riêng cấp không nguyên/** PGS. TS. Nguyễn Huy Tuấn, TS. Trần Thanh Bình; TS. Trần Bảo Ngọc; TS. Võ Văn Âu; TS. Lưu Vũ Cẩm Hoàn; ThS. Nguyễn Hữu Cần; ThS. Nguyễn Đức Phương - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát sự tồn tại, tính duy nhất và tính đều của phương trình khuếch tán sóng có yếu tố ngẫu nhiên. Ngoài ra, đề tài có thể khảo sát thêm các loại phương trình phi tuyến khác như phương trình Rayleigh – Stokes, phương trình B-oldroyd, phương trình Cahn-Hilliard... Nghiên cứu các phương pháp số cho các loại phương trình như đã nêu trên. Nghiên cứu các phương pháp chỉnh hóa các bài toán ngược cho các loại phương trình đã nêu. Đưa ra các đánh giá sai số và tìm tốc độ hội tụ.

Số hồ sơ lưu: 20254

83766.11-2022 **Cấu trúc tổ hợp và đại số của một số mô hình trên đồ thị/** PGS. TSKH. Phan Thị Hà Dương, TS. Phạm Văn Trung; ThS. Nguyễn Huy Trường; TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Hoàng Thạch - Hà Nội - Viện Toán học, 2022; 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các tính chất đại số và tổ hợp để đề xuất thuật toán cho bài toán tính hạng của các ước trên một số lớp đồ thị. Liên kết các tính chất của đồ thị lớn, phân tích các đồ thị thay đổi theo thời gian, tính toán các clique cực đại và việc phân chia đồ thị thành các clique cực đại để giải quyết bài toán phân cụm của mạng phức tạp. - Nghiên cứu về các bài toán ràng buộc trên các cấu trúc được định nghĩa bởi logic bậc thứ nhất trên cấu trúc mối quan hệ đồng nhất phổ dụng và các bài toán ràng buộc trên các cấu trúc có định nghĩa bởi logic bậc thứ nhất trên tập sắp thứ tự ngẫu nhiên. Nghiên cứu mối liên hệ giữa các mô hình: rotor router và CFG (chip firing game). Đề xuất các thuật toán để giải quyết các bài toán như tính chất hoặc đặc trưng của trạng thái dừng. Tìm đặc trưng các trạng thái critical thông qua hàm năng lượng.

Số hồ sơ lưu: 20261

83779.11-2022 **Giải tích biến phân và một số vấn đề liên quan trong tối ưu số/** PGS. TS. Nguyễn Huy Chiêu, TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; TS. Nguyễn Thái An; TS. Phạm Duy Khánh; ThS. Lê Văn Hiền; ThS. Hà Anh Tuấn - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2022; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập mức độ hiệu biết mới về công cụ của giải tích biến phân trên cơ sở khảo các vấn đề liên quan đến tối ưu số. Mức độ hiệu biết mới

được thể hiện thông qua việc phát hiện ra những kết quả mới có ý nghĩa và được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín; Giúp các thành viên đề tài theo đuổi hướng nghiên cứu về giải tích biến phân và tối ưu số; Giúp cho một số viên cao học và nghiên cứu tiếp cận hướng nghiên cứu của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 20264

83782.11-2022 **Một số tính chất hình học và cấu trúc đại số của các lược đồ chiều không và ứng dụng/** TS. Trần Nguyễn Khánh Linh, TS. Lê Ngọc Long; TS. Trần Quang Hóa; GS. TS. Martin Kreuzer - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Sư phạm Huế - Đại học Huế, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giới thiệu và nghiên cứu đại số vi phân Kähler và các bất biến đại số khác đối với các lược đồ điểm bé trong không gian xạ ảnh bội. Tính toán, lý thuyết về cơ sở Groofbner và lý thuyết về cơ sở biên (border bases) và được ứng dụng trong nhiều nhánh toán học như đại số giao hoán, hình học đại số, lý thuyết kỳ dị, w.w. Xem xét việc sử dụng các lý thuyết trong tính toán và nghiên cứu các đối tượng đại số liên kết và các thuộc tính hình học của lược đồ chiều không. Việc nghiên cứu những vấn đề nêu trên bổ sung thêm các kết quả mới vào kiến thức về các lược đồ chiều không trong không gian xạ ảnh và điều này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 20265

83966.11-2022 **Một số vấn đề liên quan đến giả thuyết hàm tử của Langlands/** TS. Đỗ Việt Cường, PGS. TS. Lê Quý Thường; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng đề cương chi tiết và viết tổng quan tư liệu. Tính nhân tử chuyển của bộ đề cơ bản của JacquetMao và chứng minh bộ đề cơ bản của Jacquet-Mao trong trường hợp tổng quát. Tổ chức seminar về các phân thớ Higgs và phân thớ Higgs parabolic và xây dựng thuật toán tính motive của các không gian moduli các phân thớ Higgs parabolic và cuối cùng là tiến hành tính thớ Milnor của hàm hợp.

Số hồ sơ lưu: 20384

10102. Toán học ứng dụng

83668.11-2022 **Một số bài toán cơ bản của Logic mờ và ứng dụng vào tính toán mềm/** PGS.TSKH. Bùi Công Cường, PGS.TS. Lê Hoàng Sơn; TS. Phạm Văn Hải; TS. Phạm Hồng Phong; TS. Roãn Thị Ngân; TS. Phạm Huy Thông; CN. Trần Văn Thành - Hà Nội - Viện Toán học, 2020; 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ bản Logic mờ bức tranh : các toán tử logic chình, bộ ba De Morgan, một số lớp toán tử suy diễn và quy trình tính toán suy diễn mờ. Một số độ đo mới trong Lý thuyết tập mờ và Hệ mờ : đánh giá ,ước lượng và ứng dụng trong phân tích, dự báo và các bài toán ra quyết định. Phối hợp với một số công cụ

khác của Hệ chuyên gia, của Khoa học máy tính, trong các hệ chuyên gia mới, các hệ tư vấn trong chuẩn đoán y khoa, dự báo và các bài toán ra quyết định

Số hồ sơ lưu: 20218

83711.11-2022 **Một số bài toán ngược cho phương trình parabolic và phương trình elliptic/** PGS.TS. Phạm Hoàng Quân, PGS.TS. Lê Minh Triết; TS. Lưu Hồng Phong - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sài Gòn, 2021; 12/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát tính chỉnh của bài toán ngược cho phương trình khuếch tán đối với trường hợp toán tử A chứa toán tử bậc không nguyên, ... Ngoài ra, nghiên cứu bài toán trên miền hai lớp. Khảo sát tính chỉnh của một số bài toán ngược cho phương trình elliptic với hàm nguồn phi tuyến thỏa điều kiện Lipschitz địa phương. Ngoài ra, đề tài cũng quan tâm đến các bài toán ngược cho phương trình Helmholtz có điều chỉnh với hàm nguồn phi tuyến và dữ liệu rời rạc. Nghiên cứu các phương pháp chỉnh hóa cho các dạng bài toán trên và đưa ra đánh giá sai số cụ thể. Tiến hành các ví dụ số minh họa cho tính hiệu quả của phương pháp đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 20240

83911.11-2022 **Nâng cao năng lực cạnh tranh nghề nghiệp sau tốt nghiệp sử dụng phương pháp dạy học theo dự án ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên/** TS. Lê Quang Thảo, PGS. TS. Đặng Thị Thanh Thủy; TS. Đỗ Quang Lộc; ThS. Lương Thị Minh Thúy - Hà Nội -

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ dạy học vào môn học. Triển khai lồng ghép các dự án kỹ thuật, thực tập, bài tập lớn để giải quyết các bài toán ứng dụng ngoài thực tế vào chương trình môn học. Xây dựng hệ thống các dự án mẫu, các bài thực tập cho người học theo chuyên ngành nghiên cứu định hướng ứng dụng.

Số hồ sơ lưu: 20335

83929.11-2022 **Phân tích ổn định tĩnh và động lực phi tuyến của vỏ thoải hai độ cong auxetic với hệ số Poisson âm có gân gia cường/** TS. Phạm Hồng Công, TS. Dương Tuấn Mạnh; ThS. Phạm Minh Phúc; ThS. Hoàng Thị Thiêm; KS. Vũ Đình Trung - Hà Nội - Trung tâm tin học và tính toán, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích ổn định tĩnh phi tuyến của kết cấu vỏ thoải hai độ cong auxetic với hệ số Poisson âm có gân gia cường trên nền đàn hồi Pasternak. Lý thuyết vỏ cổ điển và biến dạng trượt được sử dụng để xây dựng các phương trình cơ bản để nghiên cứu ổn định tĩnh phi tuyến của kết cấu vỏ thoải hai độ cong auxetic với hệ số Poisson âm có gân gia cường trên nền đàn hồi Pasternak. Phân tích động lực phi tuyến của kết cấu vỏ thoải hai độ cong auxetic với hệ số Poisson âm có gân gia cường trên nền đàn hồi Pasternak. Kết quả giải số đi phân

tích ảnh hưởng của các tham số như: tính chất vật liệu, tham số hình học, tính không hoàn hảo, lớp lỗi auxetic, gân gia cường, nền đàn hồi và các loại tải trọng đến đáp ứng động học, tần số dao động cơ bản, đường cong tần số - biên độ, thời điểm; tới hạn và tải tới hạn động.

Số hồ sơ lưu: 20344

83960.11-2022 **Phương trình suy rộng: Tính chính quy, lược đồ lặp kiểu Newton với ứng dụng trong Giải tích biến phân, Tối ưu và Tối ưu vận tải/** TS. Nguyễn Hữu Trọn, TS. Nguyễn Văn Vũ; TS. Nguyễn Văn Thành - Hà Nội - Trường Đại học Quy Nhơn, 2021; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa ra các đặc trưng vi phân cho các loại chính quy của các ánh xạ đa trị như tính chính quy metric, tính dưới chính quy metric, tính chính quy metric (mạnh) theo hướng, tính giả chính quy, hay một số phiên bản của các tính chất này trên các tập cố định. Nghiên cứu các loại chính quy này cho các hàm ẩn đa trị liên kết với các phương trình suy rộng phụ thuộc tham số. Khảo sát tính chính quy của tổng và hợp của các ánh xạ đa trị. Áp dụng các kết quả đạt được vào một số lĩnh vực của Toán học như bao hàm thức vi phân, lý thuyết điểm bất động, lý thuyết điểm trùng, lý thuyết chặn sai số phi tuyến, tối ưu phụ thuộc tham số, sự hội tụ của các thuật toán tối ưu, điều khiển tối ưu... Nghiên cứu sự tồn tại nghiệm của hệ biến phân tổng quát dưới giả thiết nói lỏng áp đặt trên phân đa trị. Xem xét đáng điệu của các quỹ đạo

và khảo sát sự tồn tại của điểm cân bằng, đồng thời xây dựng lược đồ lặp kiểu Newton cho việc tìm một nghiệm như thế.

Số hồ sơ lưu: 20367

10199. Toán học và thống kê khác

83678.11-2022 **Một số ước lượng cho thể tích và độ suy tàn của tích phân dao động/** PGS.TS. Tạ Lê Lợi, TS. Trần Gia Lộc; TS. Trịnh Đức Tài; ThS. Văn Quang Viên - Lâm Đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ước lượng thể tích của ảnh hay nghịch ảnh của một ánh xạ đối với các họ mặt k -chiều thông qua thể tích của họ đó. Đánh giá chặn trên cho độ suy tàn của tích phân dao động trong đó hàm pha f là sub-giải tích hay định nghĩa được trong cấu trúc o -tối tiểu. Tính các số mũ trong số hạng đầu tiên của khai triển tiệm cận của thể tích và số điểm nguyên chứa trong tập dưới mức. Thể tích tập dưới mức và diện tích tập mức là hữu hạn và chúng có mối quan hệ chặt với nhau. Nghiên cứu mối quan hệ thông qua dạng Leray-Gelfand. Ngoài ra, mối liên hệ giữa độ suy tàn của tích phân dao động kiểu trong bài toán 2 và lược đồ Newton của f cũng là chủ đề thú vị đòi hỏi sự nghiên cứu sâu sắc.

Số hồ sơ lưu: 20212

10201. Khoa học máy tính

54856.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất cấu trúc, tiêu chí cho cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ/** ThS. Nguyễn Hồng Hạnh,

ThS. Nguyễn Văn Thành, KS. Nguyễn Tử Bình, KS. Nguyễn Thắng, KS. Trần Mai Lan, CN. Nguyễn Cao Cường, ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng, ThS. Đặng Thị Yên, ThS. Vũ Anh Tuấn, ThS. Cao Minh Kiểm, ThS. Nguyễn Đình Giao; KS. Trịnh Chí Công; KS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Chung - Hà Nội - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2016 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung và bộ tiêu chí dữ liệu cho các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Xây dựng mô hình quan hệ các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế phối hợp thu thập, xử lý, chia sẻ, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 13761

83940.11-2022 Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí bảo đảm an toàn cho các sản phẩm bảo vệ máy tính, máy chủ/ CN. Ngô Tùng Lâm, TS. Nguyễn Thành Phúc; ThS. Hồ Việt Thắng; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; KS. Từ Phúc Luân; ThS. Trần Duy Khánh; ThS. Hoàng Thị Hồng Thắm; CN. Ngô Thị Minh Sử; ThS. Nguyễn Tiến Đức; CN. Đỗ Hải Anh - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu vấn đề đảm bảo an toàn thông tin đối với sản phẩm bảo vệ thiết bị đầu cuối (ở đây là sản phẩm EDR) theo nội dung thuyết

minh đề cương đã được phê duyệt và đề xuất bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm bảo đảm an toàn cho máy tính cá nhân và máy chủ (sản phẩm phát hiện và phản hồi điểm cuối - EDR).

Số hồ sơ lưu: 20360

84132.11-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành công tác xúc bốc - vận tải nhằm nâng cao hiệu quả khai thác ở các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh/ PGS.TS. Phạm Văn Hòa, ThS. Trần Thị Hải Vân; TS. Lê Hồng Anh; TS. Trần Trung Chuyên; GS.TS. Bùi Xuân Nam; TS. Lê Văn Quyền; PGS.TS. Triệu Hùng Trường; PGS.TS. Nguyễn Quang Minh; PGS.TS. Khổng Cao Phong; ThS. Phạm Văn Việt; TS. Lê Thị Thu Hoa; ThS. Lê Quý Thảo; TS. Nguyễn Đình An; KS. Phạm Quốc Việt; KS. Nguyễn Ngọc Dũng; ThS. Lê Minh Bằng; ThS. Nguyễn Hoàng; ThS. Trần Anh Tuấn; TS. Trần Quang Hiếu; ThS. Đào Hiếu; TS. Đặng Văn Chí; TS. Nguyễn Duy Huy; ThS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Nông Thị Oanh; ThS. Đặng Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Phương Bắc; ThS. Vũ Duy Tấn; KS. Nguyễn Gia Khuê; ThS. Nguyễn Thị Hương Quỳnh; ThS. Nguyễn Quyết Chiến; KS. Phạm Quang Hiên; KS. Lê Thị Hải; Nguyễn Thị Tuyết Mai; Hoàng Thị Nga; KS. Nhữ Văn Phúc; CN. Nguyễn Thị Thúy Hằng - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát đánh giá hiện trạng công nghệ, thiết bị và hiện trạng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục

vụ công tác xúc bốc – vận tải tại các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh. Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế tới công tác điều hành công tác xúc bốc – vận tải bằng công nghệ thông tin tại các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin sử dụng trong tối ưu hóa việc quản lý và điều hành công tác xúc bốc – vận tải cho các mỏ khai thác lộ thiên lớn vùng Quảng Ninh. Biên tập, chuẩn hóa dữ liệu và xây dựng phần mềm tương tác thời gian thực, thu thập dữ liệu phục vụ cho việc tính toán tối ưu trên thiết bị di động thông minh (trên nền tảng iOS). Xây dựng phần mềm tối ưu hóa, quản lý, theo dõi và điều hành số lượng lớn ô tô và máy xúc của mỏ và áp dụng thử nghiệm tại mỏ than Cao Sơn.

Số hồ sơ lưu: 20454

10202. Khoa học thông tin

84090.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng dự thảo tiêu chuẩn hướng dẫn về việc thiết lập mô hình liên thông dữ liệu trong đô thị thông minh/** ThS. Phạm Đình Chung, TS. Nguyễn Chiến Trinh; ThS. Đỗ Trọng Đại; Phạm Văn Bình; Phạm Minh Hiền; Dương Đình Trung - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2022; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan, hiện trạng và nhu cầu chuẩn hoá về mô hình liên thông dữ liệu trong đô thị thông minh tại một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Nghiên cứu tình hình tiêu chuẩn hóa trên thế giới liên quan đến

mô hình liên thông dữ liệu trong đô thị thông minh. Đánh giá về kỹ thuật công nghệ và sự phù hợp của dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đang xây dựng với tình hình phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia hướng dẫn về việc thiết lập mô hình liên thông dữ liệu trong đô thị thông minh.

Số hồ sơ lưu: 20448

84222.11-2022 **Xây dựng hệ thống hỗ trợ công tác thống kê ngành khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** ThS. Nguyễn Tiến Thành, Nguyễn Tiến Thành; Nguyễn Đăng Tuấn; Đinh Phú Lộc; Phan Thị Chuyển ; Phạm Thúy An; Võ Thị Dung; Tạ Trung Nghĩa - Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình - Trung tâm Ứng dụng và thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình, 2022; 06/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng phần mềm báo cáo thống kê có đầy đủ các chức năng cập nhật số liệu, tổng hợp, kết xuất số liệu trực tuyến và hỗ trợ quá trình phân tích, đánh giá số liệu về KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo chính xác, giao diện đẹp và dễ sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 01/2022-QLKHCN-CS

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

83675.11-2022 **Nâng cao tính năng để SERS trên vật liệu silic bằng cách triệt tiêu kênh tán xạ**

vào mod dẫn sóng/ TS. Nguyễn Minh Huệ, TS. Nghiêm Thị Hà Liên; TS. Nguyễn Trọng Nghĩa - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hiện tượng tán xạ bởi các tâm nằm trên biên giới ngăn cách giữa hai môi trường có hằng số điện môi khác nhau dạng phẳng và dạng hình trụ. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp ăn mòn ướt xúc tác kim loại trong chế tạo các cấu trúc trụ silic (nanopillar) trên vật liệu silic khối. Khảo sát đánh giá tính năng của các đế SERS chế tạo được, đối chứng với kết quả lý thuyết. Nghiên cứu phương pháp quang khắc giao thoa kết hợp an mòn ướt trong chế tạo các tinh thể quang tử 2 chiều trên vật liệu silic. Khảo sát sự ảnh hưởng của các cấu trúc tinh thể photonic lên tính năng của đế SERS. So sánh, đánh giá các tính năng của đế SERS được nhóm phát triển với các đế SERS thông thường khác và đế SERS thương mại.

Số hồ sơ lưu: 20219

84137.11-2022 **Trạng thái ứng xử và tin cậy va đập của hệ thống ống thành mỏng/** TS. Trần Trọng Nhân, TS. Nguyễn Nhật Tân; TS. Lê Đức Hiếu; ThS. Mai Tiến Hậu - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu trạng thái ứng xử của hệ thống ống thành mỏng dưới tác dụng của nén và va đập. Biến đổi lý thuyết Simplified Folding Element (SSFE) và xây dựng phần tử nẹp cơ

bản. Phát triển kiểu biến dạng cơ bản của cấu trúc ống thành mỏng. Xây dựng công thức lý thuyết để dự đoán lực ép trung bình. Đưa ra cấu trúc có tính tin cậy cao khi chịu tải.

Số hồ sơ lưu: 20457

10302. Vật lý các chất cô đặc

83667.11-2022 **Xây dựng mô hình tính toán độ nhớt và hệ số Soret của chất lưu dựa trên định luật tỷ lệ entropy/** TS. Hoàng Hải, PGS.TS. Hồ Khắc Hiếu; TS. Nguyễn Phước Thử; CN. Nguyễn Phúc; CN. Lục Hán Tường - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu khả năng của các mô hình tính toán độ nhớt dựa vào nguyên lý entropy đối với hỗn hợp chất lưu. Nghiên cứu sự phụ thuộc của hệ số khuếch tán nhiệt và các thành phần của nó vào các đại lượng nhiệt động, đặc biệt là entropy dư. Nghiên cứu phương pháp mô phỏng phân tử để xác định các đại lượng nhiệt vật lý của hỗn hợp chất lưu, như độ nhớt, hệ số khuếch tán nhiệt, entropy dư, đại lượng mole riêng phần ...

Số hồ sơ lưu: 20221

10304. Vật lý hạt nhân

83400.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ phê duyệt dự án đầu tư và cấp phép xây dựng (về an toàn) lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu/** ThS. Nguyễn Hoàng Anh, PGS. TS. Nguyễn Nhị Điền; TS. Nguyễn Quốc Anh; ThS. Trần Thị Trang; KS. Đỗ

Thành Trung; ThS. Lại Thị Hà Vân; ThS. Trần Vĩnh Thành; ThS. Nguyễn An Trung; ThS. Nguyễn Đức Hà; ThS. Phạm Khắc Tuyên - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật an toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố, 2021; 03/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về an toàn cho lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; Xây dựng dự thảo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung báo cáo phân tích an toàn và các văn bản khác có liên quan cho phê duyệt dự án đầu tư và cấp phép xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; Xây dựng dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm định an toàn cho phê duyệt dự án đầu tư và cấp phép xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; Xây dựng dự thảo danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài và quốc tế áp dụng cho lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu của Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm định an toàn cho phê duyệt dự án đầu tư và cấp phép xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu).

Số hồ sơ lưu: 20062

83474.11-2022 **Nghiên cứu công nghệ và an toàn Trạm Năng lượng hạt nhân nổi sử dụng lò Mô đun nhỏ**/ ThS. Trần Việt Phú, CN. Phạm Tuấn Nam; KS. Đinh Anh Tuấn; ThS. Trần Vĩnh Thành; ThS. Hoàng Tân Hưng; ThS. Bùi Thị

Hoa; TS. Hoàng Văn Khánh; PGS. TS. Trần Hoài Nam; ThS. Nguyễn Hoàng Tú; ThS. Nguyễn Đức Hà; TS. Lê Trí Dân - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu trong nước tìm hiểu về các công nghệ SMR và FNPP, chuẩn bị cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn sau này. Làm rõ thiết kế khái niệm hệ thống công nghệ trạm năng lượng hạt nhân nổi sử dụng lò mô đun nhỏ. Làm rõ các khía cạnh đảm bảo an toàn, an ninh của trạm năng lượng hạt nhân nổi sử dụng lò mô đun nhỏ. Xây dựng tiềm lực nghiên cứu công nghệ, tính toán và thiết kế lò mô đun nhỏ sử dụng trong trạm năng lượng hạt nhân nổi.

Số hồ sơ lưu: 20107

83480.11-2022 **Nghiên cứu thiết kế nhiên liệu có độ sâu cháy lớn cho lò phản ứng ACPR50S của Trung Quốc**/ TS. Hoàng Văn Khánh, ThS. Trần Việt Phú; CN. Cao Đình Hưng; ThS. Trần Vĩnh Thành; CN. Nguyễn Thị Dung - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trình bày các kết quả tính toán vật lý cho thiết kế nhiên liệu của vùng hoạt có độ sâu cháy lớn trong lò phản ứng nước áp lực (PWR). Đạt được độ sâu cháy cao, nhiên liệu làm giàu cao U-235 được xét đến với việc loại trừ khả năng phổ biến vũ khí hạt nhân. Tính toán tham số được thực hiện để định lượng giá trị độ sâu cháy tương ứng có thể đạt được tại mỗi độ giàu nhiên liệu và

cho một số dạng hình học có khoảng cách giữa các thanh nhiên liệu lớn. Các hệ số phản hồi độ phản ứng theo nhiệt độ nhiên liệu, nhiệt độ chất tải nhiệt cũng như hệ số rỗng lớn và nhỏ cũng được trình bày trong nghiên cứu này.

Số hồ sơ lưu: 20120

83905.11-2022 Xây dựng hệ tạo hiệu ứng EIT trong môi trường khí nguyên tử Rb, ứng dụng cho đào tạo và nghiên cứu về lưỡng ổn định quang nguyên tử đa kênh/ GS. TS. Nguyễn Huy Bằng, TS. Lê Văn Đoài; GS. TS. Đinh Xuân Khoa; TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Lê Cảnh Trung; TS. Phan Văn Thuận; TS. Lê Thị Minh Phương; TS. Hoàng Minh Đồng; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Văn Ái; ThS. Lương Thị Yến Nga; ThS. Lê Nguyễn Mai Anh; ThS. Nguyễn Lê Thủy An; ThS. Nguyễn Duy Cường - Nghệ An - Trường Đại học Vinh, 2021; 06/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về EIT lưỡng ổn định quang nguyên tử và triển vọng ứng dụng trong công nghệ quang tử trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu khả năng điều khiển tán sắc và hấp thụ cộng hưởng của vật liệu EIT có ba cửa sổ trong suốt: Thiết kế hệ lưỡng ổn định quang nguyên tử đa kênh sử dụng vật liệu EIT có ba cửa sổ trong suốt. Xây dựng hệ tạo hiệu ứng EIT trong môi trường khí nguyên tử Rb.

Số hồ sơ lưu: 20318

83977.11-2022 Thiết kế xây dựng cấu hình chụp ảnh cắt lớp

phát xạ đơn photon (SPECT) phục vụ các thí nghiệm đánh dấu nghiên cứu mô hình dòng chảy/ KS. Nguyễn Văn Chuẩn, KS. Nguyễn Thanh Châu; KS. Nguyễn Ngọc Nhật Anh; CN. Lại Viết Hải; CN. Vương Đức Phụng; KTV. Trần Minh Tiến - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tổng quan, tìm hiểu các kỹ thuật SPECT trong y tế, xây dựng cơ sở lý thuyết và cấu hình hình học cho phương pháp SPECT. Kết hợp bộ số liệu mô phỏng xây dựng phần mềm dựng ảnh SPECT cấu hình lục giác trên 3 thuật toán: FBP, ART, EM và các kỹ thuật xử lý ảnh. Thiết kế gia công, chế tạo cấu hình SPECT hình lục giác khảo sát đối tượng có đường kích tối đa 20 cm. Hệ điều khiển và thu nhận số liệu có cơ cấu chuyển động tịnh tuyến. Tiến hành thí nghiệm trên các mô hình vật lý và đánh giá tính khả thi của cấu hình SPECT phục vụ thí nghiệm đánh dấu nghiên cứu mô hình dòng chảy.

Số hồ sơ lưu: 20392

10399. Khoa học vật lý khác

83453.11-2022 Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị đo xa sử dụng laser bơm bằng laser bán dẫn/ TS. Nguyễn Văn Thương, ThS. Hoàng Anh Đức; ThS. Vũ Quốc Thủy; ThS. Tạ Trung Kiên; ThS. Mai Nguyệt Công; Trần Thu Trang; PGS. TS. Đinh Văn Trung; TS. Phạm Hồng Minh; TS. Dương Chí Dũng; TS. Phạm Văn Nguyên - Hà

Nội - Viện Vật lý Kỹ thuật, 2021; 11/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế và chế thử thiết bị đo xa sử dụng laser bơm bằng laser bán dẫn. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị đo xa sử dụng laser bơm bằng laser bán dẫn. Chế tạo thành công thiết bị đo xa sử dụng laser bơm bằng laser bán dẫn có khả năng tích hợp và ứng dụng. xây dựng được bộ bản vẽ thiết kế, quy trình lắp ráp, căn chỉnh và thử nghiệm cho mẫu đo xa laser sử dụng laser rắn YAG:Nd, bơm bằng laser bán dẫn và biến điệu chủ động trên cơ sở tinh thể LiNbO₃. Đồng thời đã chế tạo và tích hợp O₂ thiết bị đo xa laser với hệ thống quang điện tử để thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 20093

10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

83354.11-2022 **Nghiên cứu tổng hợp và đặc tính xúc tác của rây phân tử silicoaluminophosphat và aluminosilicat có cấu trúc FAU chứa kim loại chuyển tiếp/** TS. Đặng Thị Thúy Hạnh, TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; GS. TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Cao Thị Thúy; TS. Đỗ Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thị Thu Trang - Hà Nội - Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ lọc hóa dầu, 2018; 03/2013 - 03/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp SAPO-37 làm chất mang cho xúc tác. Đánh giá độ bền của SAPO-37 sau khi loại template từng phần bằng các phương pháp khác nhau để tránh làm sập khung. Nghiên cứu sự khác nhau của hệ

thống kênh phi template trong vật liệu SAPO-37 sau khi đã loại template từng phần bằng các phương pháp khác nhau và ảnh hưởng của chúng đối với quá trình đưa kim loại lên chất mang. Đánh giá hoạt tính xúc tác cho phản ứng OCM bằng CO và O₂ trong pha khí để tổng hợp DMC hoặc phản ứng POM. Xác định mối quan hệ giữa tính chất và hoạt tính xúc tác.

Số hồ sơ lưu: 20042

10403. Hoá lý

83432.11-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của các mảnh oxit/hydroxit neodymi tạo thành trong plasma đến quá trình phân tích vết các tạp chất đất hiếm nặng trong nền oxit neodymi tinh khiết bằng kỹ thuật HPLC-ICPMS Tandem/** ThS. Ngô Quang Huy, PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Nguyễn Thị Liên; KS. Nguyễn Thị Mến - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tạo thành các mảnh oxit/hydroxit đất hiếm trong plasma khi phân tích các vết đất hiếm nặng trong sản phẩm oxit đất hiếm tinh khiết; Khảo sát ảnh hưởng của các thông số ICP-MS đến sự tạo thành REO(H)+/RE+, REO+/RE+. Khảo sát sự đóng góp của các mảnh oxit/hydroxit neodymi tại một vài số khối đất hiếm nặng. Xây dựng quy trình loại trừ các yếu tố ảnh hưởng, đưa ra phương thức hiệu chuẩn khi định lượng Ho và / hoặc Tb trong nền neodymi;

Số hồ sơ lưu: 20078

10501. Địa chất học

83445.11-2022 **Nghiên cứu địa tầng - trầm tích và địa mạo Pliocen - Đệ tứ khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông và kế cận/** GS. TS. Đặng Văn Bát, PGS. TS. Lê Hải An; PGS. TS. Ngô Xuân Thành; GS. TS. Trần Nghi; TS. Đỗ Văn Nhuận; PGS. TS. Hoàng Văn Long; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; TS. Đinh Xuân Thành; TS. Tạ Quang Minh; PGS. TS. Nguyễn Văn Lập; TS. Nguyễn Hữu Hiệp; TS. Ngô Thị Kim Chi - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập khung địa tầng thống nhất và phân chia địa tầng Pliocen - Đệ tứ cho phần khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông và kế cận. Làm sáng tỏ các đặc điểm địa mạo và cổ địa mạo Pliocen - Đệ tứ khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông và kế cận. Làm sáng tỏ thành phần vật chất, các điều kiện hóa lý, tương, cổ địa lý các trầm tích Pliocen - Đệ tứ. Xác lập các tiền đề thạch học, địa tầng và địa mạo phục vụ đánh giá triển vọng, định hướng công tác điều tra khoáng sản rắn. Nghiên cứu các đặc điểm về thạch học, địa tầng và địa mạo, cổ địa mạo Pliocen - Đệ tứ khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông và kế cận. Nghiên cứu xây dựng khung địa tầng Pliocen - Đệ tứ cho phần khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông và kế cận.

Số hồ sơ lưu: 20087

83699.11-2022 **Nghiên cứu giá trị địa chất trong các thành tạo trầm tích tuổi Devon muộn - Permi (D3-P) ở Miền Bắc Việt**

Nam phục vụ phát triển du lịch/ PGS.TS. Tạ Hòa Phương, TS. Đoàn Nhật Trường; TS. Nguyễn Công Thuận; TS. Lưu Thị Phương Lan; TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Nguyễn Văn Hương; KTV. An Thị Thùy - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020; 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tổng quan đầy đủ nhất các phân vị địa tầng trong khoảng địa tầng D3- P ở Việt Nam trên cơ sở kiểm duyệt toàn bộ những tài liệu địa tầng đã tích lũy trên một thế kỷ qua cho đến nay, đáp ứng Quy phạm địa tầng Việt Nam. Xác định ranh giới thời địa tầng F/F tại mặt cắt Xóm Nha, Quảng Bình với tất cả các đặc trưng của nó về thạch học, cổ sinh, từ cảm, đồng vị và địa hóa môi trường. Trong đó bộ mẫu hóa thạch Conodonta minh họa cho ranh giới này được mô tả chuyên khảo theo đúng các chuẩn mực quy định đối với công tác mô tả cổ sinh. Giới thiệu giá trị di sản của một số hang động karst trong khối đá vôi Phong Nha-Kẻ Bàng trên cơ sở phân tích giá trị cảnh quan và điều kiện hình thành của các cấu trúc lòng hang và các loại hình thạch nhũ.

Số hồ sơ lưu: 20228

83936.11-2022 **Nghiên cứu địa tầng các trầm tích Devon vùng Bắc - Tây Bắc đối cấu trúc Sông Hiến/** TS. Nguyễn Đức Phong, ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS. Đinh Công Tiến; CN. Nguyễn Hữu Mạnh; KS. Nguyễn Việt Hiên; CN. Đào Thanh Hương; KS. Cao Thị Thúy Bình; PGS. TS. Nguyễn Xuân Khiển; GS.

TS. Tạ Hòa Phương; PGS. TS. Nguyễn Văn Vượng; ThS. Hoàng Văn Dũng - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2021; 07/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về cổ sinh, địa tầng, trầm tích và các hoạt động kiến tạo liên quan với các trầm tích Devon vùng Bắc Tây Bắc đới cấu trúc Sông Hiến. Xây dựng mặt cắt chuẩn địa tầng phân tập các trầm tích Devon vùng Bắc Tây Bắc đới cấu trúc Sông Hiến. Nghiên cứu đặc điểm cổ sinh thái, luận giải điều kiện môi trường thành tạo trầm tích giai đoạn Devon vùng Bắc Tây Bắc đới cấu trúc Sông Hiến; đặc điểm và quy luật phân bố tương trầm tích Devon vùng Bắc Tây Bắc đới cấu trúc Sông Hiến; đặc điểm và quy luật phân bố các đơn vị địa tầng phân tập vùng Bắc Tây Bắc đới cấu trúc Sông Hiến. Nghiên cứu chính xác hóa trật tự, khối lượng và liên kết địa tầng các trầm tích Devon vùng Bắc Tây Bắc đới cấu trúc Sông Hiến.

Số hồ sơ lưu: 20352

83950.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất mức an toàn bức xạ đối với chiếu xạ tự nhiên**/ ThS. Nguyễn Thái Sơn, GS. TS. Lê Khánh Phồn; ThS. Lại Tiến Thịnh; ThS. Bùi Thị Dung; ThS. Nguyễn Việt Bảo; CN. Phan Văn Tường; ThS. La Hồng Giang; KS. Đỗ Thị Trang; ThS. Lê Văn Đạt; CN. Hoàng Trang Nhung - Hà Nội - Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở khoa học về an toàn bức xạ cho con người đối với chiếu xạ từ các nguồn bức xạ ion hóa và các đồng vị phóng xạ tự nhiên trong môi trường (đất, nước, không khí). Nghiên cứu, tổng hợp các định mức được quy định trong các tiêu chuẩn an toàn bức xạ ở một số nước và tổ chức Quốc tế có uy tín. Xây dựng cơ sở khoa học về an toàn bức xạ đối với các nguồn phóng xạ nói chung và phóng xạ tự nhiên nói riêng. Khảo sát thực địa tại khu vực Nậm Xe, tỉnh Lai Châu để kiểm chứng các tham số môi trường đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 20355

10504. Địa vật lý

83454.11-2022 **Nghiên cứu đặc điểm kiến tạo và tác động của các hoạt động nhân sinh có khả năng làm thay đổi trường ứng suất kiến tạo liên quan với độ nguy hiểm động đất vùng biển từ Tuy Hòa tới Vũng Tàu.**/ TS. Đỗ Văn Lĩnh, ThS. Vũ Trọng Tấn; TS. Thái Anh Tuấn; ThS. Thái Quang; ThS. Nguyễn Lợi Lộc; ThS. Đinh Quốc Văn; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Xuân Huy; TS. Lê Văn Dũng; TS. Cao Đình Trọng - Hồ Chí Minh - Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam, 2021; 06/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định đặc điểm địa chấn kiến tạo của vùng biển từ Tuy Hòa tới Vũng Tàu; Nghiên cứu đánh giá sự thay đổi trường ứng suất kiến tạo do tác động của hoạt động kinh tế dẫn đến nguy cơ phát sinh các tai biến địa chất liên quan vùng biển từ Tuy Hòa

tới Vũng Tàu; Đánh giá tác động của hoạt động nhân sinh có khả năng làm thay đổi trường ứng suất kiến tạo của khu vực nghiên cứu; Đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động của hoạt động nhân sinh làm thay đổi trường ứng suất kiến tạo khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 20095

10508. Trắc địa học và bản đồ học

83423.11-2022 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý "Cà Mau" cho sản phẩm tôm sú của tỉnh Cà Mau/** KS. Nguyễn Văn Ba, TS. Phạm Duy Khánh; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Đào Đức Huân; TS. Nguyễn Mai Hương; ThS. Phạm Thế Bảo; ThS. Tạ Văn Tường; CN. Đào Tiến Dũng; CN. Nguyễn Như Khải; CN. Nguyễn Hương Trang; TS. Thái Trường Giang; ThS. Nguyễn Trí Tài; ThS. Biện Văn Ngoan - Hà Nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2021; 03/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý chỉ "Cà Mau" cho sản phẩm tôm sú của tỉnh Cà Mau nhằm bảo vệ danh tiếng, giá trị sản phẩm, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. (Sau đây gọi tắt là tôm sú "Cà Mau"). Xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm tôm sú Cà Mau (tôm tươi nguyên con và tôm nguyên liệu chế biến) đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn. Xây dựng cơ sở pháp lý và hệ thống công cụ phục vụ việc quản lý và kiểm soát sản phẩm tôm sú Cà Mau. Xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý chất lượng đảm bảo danh

tiếng, chất lượng sản phẩm tôm sú Cà Mau.

Số hồ sơ lưu: 20072

83439.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn địa lý cho miến dong riêng đỏ tại tỉnh Bắc Kạn/** PGS. TS. Nguyễn Hiệu, PGS. TS. Lưu Thế Anh; ThS. Bùi Thị Hà Ly; ThS. Phạm Việt Hùng; PGS. TS. Lại Vĩnh Cầm; ThS. Trần Thị Thúy; PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Nguyễn Xuân Nhiệm; ThS. Lưu Văn Quảng - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2021; 09/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được chỉ dẫn địa lý Bắc Kạn cho miến dong riêng đỏ của tỉnh Bắc Kạn; xây dựng mô hình tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý và chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả sản xuất miến dong riêng đỏ tại Bắc Kạn. Thu thập, xử lý số liệu và đánh giá điều kiện tự nhiên, văn hóa và xã hội phục vụ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho miến dong riêng đỏ của tỉnh Bắc Kạn. Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn địa lý Bắc Kạn cho sản phẩm miến dong riêng đỏ tỉnh Bắc Kạn. Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý Bắc Kạn cho miến dong riêng đỏ Bắc Kạn. Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ miến dong riêng đỏ Bắc Kạn. Xây dựng hệ thống công cụ quảng bá, giới thiệu chỉ dẫn địa lý Bắc Kạn cho miến dong riêng đỏ của tỉnh Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 20084

83442.11-2022 **Sửa đổi mở rộng phạm vi bảo hộ và hỗ trợ hoàn**

thiện hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuật/ ThS. Phạm Thế Bảo, TS. Đào Đức Huân; ThS. Đặng Phúc Giang; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Mai Hương; KS. Nguyễn Văn Ba; KS. Đào Tiến Dũng; KS. Hà Thị Ngọc Bích; CN Nguyễn Ngọc Yến; ThS. Đặng Đức Chiến; ThS. Phạm Thái Diễm My; CN. Nguyễn Thị Hà; ThS. Nguyễn Văn Khoa; ThS. Dương Bình Tuy; TS. Trịnh Đức Minh - Hà Nội - Trung tâm phát triển nông thôn, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sửa đổi, mở rộng phạm vi bảo hộ, sửa đổi hồ sơ pháp lý và hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cà phê Buôn Ma Thuật tương ứng, phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhằm tăng cường hiệu quả việc kiểm soát nguồn gốc và chất lượng cà phê mang CDĐL, góp phần duy trì danh tiếng, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sản xuất, chế biến và tiếp cận thị trường một cách ổn định và bền vững. (sau đây gọi tắt là cà phê Buôn Ma Thuật). Hỗ trợ xây dựng mô hình quản lý, kiểm soát CDĐL theo chuỗi giá trị nhằm đảm bảo chất lượng, nguồn gốc sản phẩm mang CDĐL.

Số hồ sơ lưu: 20089

83827.11-2022 Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ giai đoạn 2020-2025, phục vụ thi hành Luật Đo đạc và bản

đồ/ ThS. Bùi Thị Xuân Hồng, ThS. Mai Thu Hương; TS. Nguyễn Cẩm Chi; TS. Trần Quốc Bình; ThS. Lê Ngọc Thúy; KS. Lê Trọng Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Ninh Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Trần Thị Hồng Vân; TS. Trần Trung Chuyên - Hà Nội - Trung tâm Điều tra - Xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, 2021; 10/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống QCVN, TCVN trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý giai đoạn 2020 - 2025 theo các quy định của Luật Đo đạc và bản đồ và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật nhằm tăng cường việc quản lý nhà nước và đảm bảo việc quản lý thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương về các sản phẩm đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý bao gồm cả các sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản cũng như sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành. Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia đồng bộ, thống nhất với hệ thống QCVN, TCVN đã đề xuất và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ triển khai thi hành luật Đo đạc và bản đồ.

Số hồ sơ lưu: 20283

84154.11-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ lớn đáy sông, biển trên cơ sở tích hợp thiết bị đo sâu hồi âm với hệ thống IMU-GNSS-RTK trên xuống không người lái/ ThS. Phạm Thành Việt, ThS. Tạ Thị Minh Thu; ThS. Lưu Hải Âu; ThS.

Phan Tuấn Anh; KS. Đặng Xuân Thủy; ThS. Phan Doãn Thành Long; ThS. Phạm Thị Hạnh; KS. Ngô Thị Liên; ThS. Lê Quốc Long; TS. Nguyễn Văn Cương - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2022; 02/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công tác đo đạc bản đồ địa hình dưới nước sử dụng hệ thống tích hợp thiết bị đo sâu hồi âm với IMU-GNSS-RTK trên xuồng không người lái (USV). Cơ sở khoa học và giải pháp tích hợp thiết bị đo sâu hồi âm với hệ thống IMU-GNSS-RTK trên xuồng không người lái (USV). Thực nghiệm và xây dựng quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy sông biển sử dụng hệ thống tích hợp thiết bị đo sâu hồi âm - IMU-GNSS-RTK trên xuồng không người lái (USV).

Số hồ sơ lưu: 20471

10509. Các khoa học môi trường

83383.11-2022 **Xây dựng các mô hình toán học trong việc nghiên cứu các tác động ô nhiễm môi trường từ các hoạt động giao thông đô thị đối với sức khỏe con người.** / TS. Trần Đình Tường, ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Trần Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà; TS. Mai Thị Hải Hà; ThS. Trần Văn Thành; PGS. TS. Nguyễn Thanh Diệu; ThS. Nguyễn Điệp; ThS. Trương Thị Dung; ThS. Hà Nguyễn Thùy Linh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tình hình ô nhiễm không khí, các tác nhân chủ yếu và sự ảnh hưởng cụ thể tới sức khỏe và các bệnh thường gặp trong sức khỏe cộng đồng, ... Mô hình hóa mối quan hệ định lượng của chất lượng không khí và mô hình dịch tễ. Nghiên cứu và xây dựng các phương pháp và mô hình cũng như tư vấn xây dựng các ứng dụng trong việc đánh giá, kiểm định, dự đoán, khắc phục ô nhiễm không khí cũng như tác động tới tình hình sức khỏe của cộng đồng. Phát triển các phương pháp và mô hình được nghiên cứu trong đề tài sang các lĩnh vực liên quan trong sinh thái môi trường, sinh thái biển,

...

Số hồ sơ lưu: 20056

83674.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc xây dựng Luật biến đổi khí hậu của Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hữu Tài, ThS. Nguyễn Thu Hiền; TS. Nguyễn Hùng Minh; TS. Lương Quang Huy; ThS. Nguyễn Thị; ThS. Hoàng Thị Thảo; TS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Nguyễn Thị Minh Huệ; TS. Bạch Quang Dũng; TS. Trần Văn Trà; ThS. Nguyễn Hữu Tài - Hà Nội - Trung tâm Ứng phó biến đổi khí hậu, 2022; 06/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận xây dựng pháp luật BĐKH. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn xây dựng pháp luật BĐKH. Nghiên cứu, xác định các vấn đề quan trọng dự kiến đưa vào khung dự thảo pháp luật BĐKH. Đề xuất công cụ quản lý Nhà nước đáp ứng phó BĐKH dự kiến đưa vào nội dung nghiên cứu xây dựng Luật

BĐKH, Nghiên cứu lộ trình và phương thức xây dựng pháp luật BĐKH; Đánh giá sơ bộ tác động kinh tế xã hội của Dự thảo Luật đưa vào nội dung nghiên cứu xây dựng Luật BĐKH

Số hồ sơ lưu: 20215

83909.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng và triển khai một số mô hình giảm thiểu và xử lý chất thải phù hợp với các điều kiện tự nhiên đặc thù tại vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long/** ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo, ThS. Lê Quốc Vĩ; PGS. TS. Chế Đình Lý; PGS. TS. Lê Đức Trung; ThS. Hồ Thị Thiên Kim; PGS. TS. Lê Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Như Hiên; TS. Đỗ Thị Thu Huyền; TS. Trần Văn Thanh; GS. TS. Lê Thanh Hải - Hà Nội - Viện Môi trường và Tài nguyên, 2022; 06/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng và hiệu quả các mô hình hiện hữu trong vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường của cụm dân cư nông thôn vùng ngọt, phèn và mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Đề xuất các giải pháp kỹ thuật và các mô hình hiệu quả hướng tới không phát thải nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho cụm dân cư nông thôn vùng ngọt, phèn và mặn ở ĐBSCL. Triển khai xây dựng các mô hình không phát thải nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên nền tảng liên kết các chuỗi yếu tố canh tác/nuôi trồng - sản xuất - tiêu thụ sạch.

Số hồ sơ lưu: 20326

83924.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đánh giá tác động của hoạt động nhận chìm đến môi trường biển và đề xuất các giải pháp kiểm soát, giảm thiểu/** TS. Phạm Văn Hiếu, ThS. Vũ Hồng Hà; TS. Nguyễn Lê Tuấn; ThS. Trần Thế Anh; ThS. Mai Kiên Định; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Lê Đức Dũng; ThS. Nguyễn Hữu Tùng; ThS. Trần Thị Liên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu được cơ sở khoa học và thực tiễn đánh giá tác động của dự án nhận chìm đến môi trường biển; Xây dựng được Dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án nhận chìm trên vùng biển Việt Nam; Xây dựng và ban hành Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20339

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

83770.11-2022 **Nghiên cứu đánh giá giá mức độ ô nhiễm bụi các bon đen ở Hà Nội và nguy cơ phơi nhiễm của người dân/** PGS. TS. Trần Ngọc Quang, ThS. Nguyễn Thị Huệ; TS. Thái Khánh Phong; ThS. Trần Khánh Long; ThS. Nguyễn Văn Duy; KS. Mạc Văn Đạt - Hà Nội - Trường Đại học Xây

dụng Hà Nội, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định nồng độ bụi BC bên ngoài và bên trong một số nhà ở gia đình và văn phòng làm việc; Xác định nồng độ bụi BC trên một số phương tiện giao thông được sử dụng phổ biến xe máy, xe buýt và xe con; Xác định mức độ phơi nhiễm bụi BC tại các môi trường vi khí hậu khác nhau; Kiến nghị các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe của bụi BC.

Số hồ sơ lưu: 20260

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

83387.11-2022 **Nghiên cứu, xây dựng công cụ nhận dạng và số hóa các giản đồ tự ghi khí tượng thủy văn**/ ThS. Phạm Lê Phương, ThS. Lê Trung Hưng; TS. Nguyễn Văn Đoàn; TS. Vũ Duy Linh; ThS. Nguyễn Hữu Tài; ThS. Nguyễn Tất Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Minh; ThS. Trần Thị Hiền; ThS. Lê Thị Thương; CN. Nguyễn Minh Quân - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Khí tượng thủy văn, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng công cụ nhận dạng và số hóa giản đồ tự ghi khí tượng thủy văn để phục vụ công tác số hóa, lưu trữ và khai thác số liệu giản đồ tự ghi tại Tổng cục Khí tượng Thủy văn. Nhận dạng và số hóa giản đồ tự ghi khí tượng thủy văn là chuyển đổi giản đồ dạng hình vẽ thành dạng số liệu tương ứng giúp tự động hoá việc đọc giản đồ của cán bộ tại các đơn vị có liên quan thuộc Tổng Cục Khí tượng Thủy văn nhằm nâng cao hiệu suất

công việc, tiết kiệm tối đa nguồn lực con người.

Số hồ sơ lưu: 20054

83967.11-2022 **Ứng dụng kỹ thuật đồng vị trong xác định thành phần nước mưa chảy tràn tại Trạm quan trắc thủy văn Long Biên**/ ThS. Đàm Thị Thanh Thủy, TS. Trịnh Anh Đức; ThS. Nguyễn Nho Lâm; ThS. Trịnh Hồng Quân; ThS. Lưu Thị Thu Hòa; ThS. Nguyễn Thúy Hằng; ThS. Vũ Hoàng Hải - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Hạt nhân, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp xác định thành phần nước mưa chảy tràn trên lưu vực sông. Thu thập mẫu nước mưa và nước sông tại trạm quan trắc thủy văn Long Biên, Hà Nội và phân tích thành phần đồng vị bền (^2H và ^{18}O) trong các mẫu nước với tần suất 2 lần/ tháng. Tiến hành chạy mô hình xác định thành phần nước mưa chảy tràn trong dòng chảy sông Hồng tại trạm quan trắc thủy văn. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đánh giá thành phần dòng nước mưa chảy tràn trong dòng chảy của sông trên một lưu vực

Số hồ sơ lưu: 20379

10604. Vi rút học

83938.11-2022 **Phân tích hệ gen các chủng virus HAdV gây bệnh đau mắt đỏ ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Văn Sáng, TS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh; PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Đỗ Thị Phúc; ThS. Trần Thị Thùy Anh; TS. Trần Đức Long; TS. Đinh Nho Thái; TS.

Hoàng Anh Tuấn; CN. Nguyễn Quang Hưng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 02/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập và xác định một số chủng virus HAdV gây bệnh đau mắt đỏ chủ yếu ở Việt Nam. Phân tích trình tự hệ gen của các chủng HAdV chính đã phân lập được và chỉ ra tốc độ tiến hóa của HAdV ở Việt Nam so với chủng gốc. Góp phần xây dựng được cơ sở dữ liệu hệ gen HAdV gây bệnh đau mắt đỏ ở Việt Nam để ứng dụng cho các nghiên cứu về hệ protein, cơ chế gây bệnh của HAdV.

Số hồ sơ lưu: 20370

10612. Động vật học

83457.11-2022 **Sinh thái học các loài muỗi cát ở vùng sâu vùng xa miền Bắc Việt Nam và nguy cơ lây truyền Leishmania sang người/** GS. TS. Vũ Sinh Nam, GS. TS. Vũ Sinh Nam; TS. Banuls Anne Laure; TS. Trần Vũ Phong; PGS. TS. Nguyễn Văn Châu; TS. Vũ Trọng Dực; CN. Ngô Khánh Phương; CN. Nguyễn Thị Yên - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2021; 05/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá nguy cơ lây truyền Leishmania qua nghiên cứu về quần muỗi cát hút máu ở vùng sâu vùng xa miền Bắc Việt Nam. Thu thập côn trùng gồm các cuộc điều tra thực địa nhằm cập nhật thông tin về các loài muỗi cát, xây dựng bản đồ phân bố và mô tả đặc điểm sinh thái của chúng. Phát hiện sự hiện diện của ký sinh trùng Leishmania ở muỗi cát

cái, và xác định nguồn gốc máu vật chủ của con cái bằng các kỹ thuật phân tử.

Số hồ sơ lưu: 20094

10613. Sinh học biển và nước ngọt

83488.11-2022 **Tôm nước ngọt Atyidae ở Việt Nam: đa dạng loài, tiến hóa và bảo tồn/** TS. Đỗ Văn Tú, TS. Cao Thị Kim Thu; TS. Hoàng Ngọc Khắc; ThS. Nguyễn Tổng Cường; ThS. Phạm Văn Phú - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện một cách tiếp cận tổng hợp đối với phân loại học tôm Atyidae (tôm riu) ở Việt Nam với mục đích chính là làm sáng tỏ tình trạng phân loại của các loài đã được mô tả và phát hiện những loài mới, giống mới cho khoa học (tập trung chủ yếu vào những loài ở trên đất liền). Xác lập những mối quan hệ tiến hóa của tôm Atyidae ở Việt Nam (cho cả những loài đất liền và những loài phân bố rộng) bằng cách bổ sung các dữ liệu về phát sinh loài phân tử cho bộ dữ liệu lớn hiện có ở khu vực Đông Nam Á và miền Nam Trung Quốc (cung cấp bởi TS. Thomas von Rintelen, Bảo tàng Tự nhiên Đức).

Số hồ sơ lưu: 20117

10614. Sinh thái học

84130.11-2022 **Nghiên cứu cơ chế phát tán nguồn giống và tính liên kết quần thể nguồn lợi nâng cao hiệu quả quản lý các khu bảo tồn vùng biển ven bờ từ Quảng Trị đến Kiên Giang/** TS. Nguyễn Văn Long, ThS. Thái Minh Quang;

PGS.TS. Võ Sĩ Tuấn; TS. Hoàng Xuân Bền; TS. Đào Tấn Học; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Trần Văn Chung; PGS.TS. Nguyễn Văn Quân; ThS. Đỗ Anh Duy; TS. Phạm Quốc Huy - Khánh Hòa - Viện Hải Dương học, 2022; 06/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng nơi sinh cư (habitats), yếu tố môi trường liên quan, thành phần loài, mật độ, khu vực phân bố, mùa vụ xuất hiện nguồn giống và nguồn lợi của các nhóm hải sản quan trọng tại các khu bảo tồn trong vùng nghiên cứu. Đánh giá cơ chế phát tán nguồn giống giữa các khu vực nghiên cứu lựa chọn. Đánh giá tính liên kết quần thể của một số nhóm nguồn lợi quan trọng trong vùng nghiên cứu. Xây dựng mô hình trình diễn về quản lý hiệu quả khu bảo tồn trong vùng nghiên cứu. Đề xuất các khu vực ưu tiên và giải pháp quản lý phù hợp nhằm thiết lập hệ thống các khu bảo vệ nguồn giống thủy sản gắn kết giữa các khu bảo tồn và vùng biển lân cận.

Số hồ sơ lưu: 20455

10615. Đa dạng sinh học

83487.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xác định các nội dung cơ bản phục vụ xây dựng Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040/** ThS. Trần Trọng Anh Tuấn, ThS. Tạ Thị Kiều Anh; TS. Hoàng Thị Thanh Nhân; PGS. TS. Hồ Thanh Hải; ThS. Lê Ngọc Hưng; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Đặng Thùy Vân; TS.

Phạm Anh Cường; CN. Nguyễn Ngọc Linh; PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh - Hà Nội - Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, 2021; 10/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu quả thực hiện chiến lược theo các chỉ tiêu về nguồn lực tài chính và nhân lực; Xác định các thành tựu trong việc thực hiện chiến lược và xác định các hạn chế trong việc thực hiện chiến lược, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Đánh giá tình hình và xu hướng biến động của đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái; Xác định các nguyên nhân dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học; Phân tích vai trò và sự tham gia của các bên trong việc bảo tồn đa dạng sinh học; Nghiên cứu, đánh giá nguồn lực cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học; Xác định các nội dung trọng tâm của chiến lược giai đoạn mới.

Số hồ sơ lưu: 20118

83534.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình cộng đồng bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà/** TS. Triệu Thái Hưng, ThS. Ninh Việt Khương; TS. Trần Lâm Đồng; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Hoàng Thanh Sơn; KS. Vũ Hồng Vân; ThS. Nguyễn Thúy Hiền; TS. Vũ Văn In; TS. Hoàng Liên Sơn; PGS. TS. Đồng Thanh Hải; ThS. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Phùng Đình Trung; ThS. Trần Cao Nguyên; KS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Đặng Thị Hải Hà; ThS. Trần Hải Long - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2021;

09/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các cơ sở khoa học (lý luận và thực tiễn) và nguyên tắc trong việc xây dựng mô hình cộng đồng địa phương tham gia bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học. Xây dựng và thử nghiệm mô hình cộng đồng tham gia bảo tồn và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học trong Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà.

Số hồ sơ lưu: 20129

10616. Công nghệ sinh học

84103.11-2022 Giải trình tự và phân tích hệ gen phiên mã (transcriptome) ở sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.)/ PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền, ThS. Phạm Lê Bích Hằng; ThS. Nguyễn Nhật Linh; ThS. Lưu Hàn Ly; ThS. Lê Thị Mỹ Hào; CN. Vũ Thị Trinh; CN. Nguyễn Văn Giang; TS. Hà Hồng Hạnh; TS. Huỳnh Thị Thu Huệ; TS. Kim Thị Phương Oanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2022; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập các mẫu sâm nghiên cứu ở Quảng Nam và Kon Tum. Định loại bằng phương pháp hình thái, xác định và phân tích trình tự các vùng mã vạch DNA sử dụng phương pháp Sanger phục vụ định loại phân tử ở các mẫu đại diện. Xác định và phân tích trình tự các vùng DNA sử dụng phương pháp làm giàu mục tiêu và giải trình tự gen thế hệ mới phục vụ đánh giá đa dạng di

truyền các quần thể sâm Ngọc Linh đã thu thập ở Quảng Nam và Kon Tum. Phân tích hàm lượng hoạt chất chính của một số mẫu sâm Ngọc Linh sử dụng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Giải trình tự hệ gen phiên mã đặc hiệu mô lá và thân rễ ở hai độ tuổi khác nhau của sâm Ngọc Linh (1 và 4 năm tuổi). Phân tích, lắp ráp và hiệu chỉnh trình tự các hệ gen phiên mã. Chú giải hệ gen phiên mã và nghiên cứu biểu hiện một số gen quan tâm. Xây dựng dữ liệu và phân tích biểu hiện một số gen liên quan đến con đường sinh tổng hợp hoạt chất ginsenoside ở sâm Ngọc Linh.

Số hồ sơ lưu: 20451

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

84344.11-2022 Dự án: "Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chế biến sản phẩm thảo quả trên địa bàn huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang"/ PGS.TS Nguyễn Văn Lợi, ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Minh Thắng; PGS.TS. Phạm Đức Cường; ThS. Vũ Kiều Sâm; ThS. Phạm Thị Bình; TS. Nguyễn Việt Phương; ThS. Bùi Mỹ Trang - Thành viên - Viện Cơ điện NN và CN sau thu hoạch. - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chế biến sản phẩm thảo quả (tinh dầu thảo quả, bột thảo quả, thảo quả khô) trên địa bàn huyện Xín Mần, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm thảo quả

Hà Giang, góp phần nâng cao giá trị kinh tế cho cây thảo quả Hà Giang, gia tăng thu nhập cho người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chế biến sản phẩm thảo quả quy mô 500-700 tấn quả tươi/năm. Hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm thảo quả (tinh dầu thảo quả, bột thảo quả, thảo quả khô); Xây dựng thương hiệu sản phẩm thảo quả Hà Giang. Đào tạo, chuyển giao công nghệ chế biến thảo quả.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2022

20102. Kỹ thuật xây dựng

83841.11-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của tải trọng lặp đến một số tính chất của bê tông tính năng cao và ứng dụng trong các kết cấu bê tông cốt thép ở vùng ven biển Việt Nam/** TS. Hồ Văn Quân, TS. Đặng Văn Sỹ; TS. Nguyễn Văn Tươi; TS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Phạm Thái Uyết; ThS. Bùi Văn Tư; ThS. Ngô Thị My; ThS. Phan Nhật Long; ThS. Huỳnh Phúc Hậu; ThS. Bùi Thị Hương Lan - Đà Nẵng - Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương V, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các tính chất cơ học của bê tông tính năng cao. Xác định một số chỉ tiêu cơ, lý và thành phần hạt của các vật liệu chế tạo bê tông tính năng cao. Xác định cường độ nén và ép chẻ của các loại bê tông tính năng cao. Xác định độ thấm clorua, độ chống thấm nước, vận tốc xung siêu âm của các loại bê tông tính năng cao chịu tác dụng của tải

trọng nén lặp ở các mức ứng suất nén và các chu kỳ lặp khác nhau. Đề xuất mô hình và dự báo tuổi thọ của các kết cấu bê tông cốt thép sử dụng các loại bê tông tính năng cao do xâm nhập clorua có xét đến tác dụng của tải trọng nén lặp ở vùng ven biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20285

83919.11-2022 **Nghiên cứu phát triển chất kết dính không xi măng như một giải pháp thay thế xi măng truyền thống trong các hoạt động xây dựng/** TS. Huỳnh Trọng Phước, PGS. TS. Bùi Lê Anh Tuấn; TS. Phạm Hữu Hà Giang; TS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Trần Thị Bích Quyên - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 04/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn và tiến hành các thí nghiệm đánh giá cả về đặc tính cơ học, hóa học và đặc điểm vi cấu trúc của nguồn vật liệu đầu vào. Dựa trên các tính chất của vật liệu đầu vào mà thiết kế các cấp phối phối trộn. Tiến hành một số thử nghiệm để đánh giá biểu hiện ban đầu cũng như tiềm năng sản xuất CKD không xi măng từ các vật liệu phối trộn. Thực hiện các thao tác hiệu chỉnh cấp phối khi cần thiết. Sau khi đã xác định được các cấp phối có biểu hiện ban đầu tốt, tiến hành chuẩn bị mẫu và bảo dưỡng mẫu theo quy định của các tiêu chuẩn có liên quan để tiến hành các kiểm nghiệm chuyên sâu tiếp theo. Tiến hành các chương trình thí nghiệm chuyên sâu để đánh giá các đặc tính của mẫu đã tạo. Thu thập và phân tích các số liệu thực nghiệm đo trực tiếp được. Tiếp tục thực hiện

các hiệu chỉnh nếu có. Dựa trên kết quả thực nghiệm, đề xuất cấp phối vật liệu tối ưu và quy trình phối trộn tiêu chuẩn cho việc sản xuất CKD không xi măng thân thiện môi trường.

Số hồ sơ lưu: 20333

83934.11-2022 **Phân tích và phát triển dầm mỏng với vật liệu phân lớp chức năng**/ TS. Nguyễn Tấn Tiên, PGS. TS. Nguyễn Quốc Hưng; ThS. Lê Đức Thắng; ThS. Lê Đại Hiệp - Bình Dương - Trường đại học Việt Đức, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lý thuyết, thiết lập các công thức và mô hình, các lý thuyết về dầm mỏng và các tính chất của vật liệu phân lớp chức năng được nghiên cứu kỹ lưỡng. Dựa trên những kết quả phân tích ưu nhược điểm đó, tác giả đưa ra những lý thuyết tính toán số, khai triển các công thức và áp dụng cho bài toán hiện tại. Tính toán chi tiết các bài toán tĩnh và dao động của dầm dựa trên các phương pháp phần tử hữu hạn (FEM). Để đảm bảo tính chính xác và ưu việt của mô hình, kết quả tính toán đã được so sánh với các tác giả khác. Từ kết quả phân tích chuyên vị và các dạng dao động, tác giả cũng đưa ra các điểm quan trọng trong ứng xử đối với kết cấu dạng này.

Số hồ sơ lưu: 20349

83935.11-2022 **Đánh giá hư hại của kết cấu BTCT gia cường bằng FRP chịu động đất có xét đến tương tác giữa đất nền và kết cấu**/ PGS. TS. Cao Văn Vui, PGS. TS.

Lương Văn Hải; PGS. TS. Lê Bá Vinh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh, 2021; 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mô hình tương tác giữa kết cấu và đất nền. Mô hình của tương tác giữa kết cấu và đất nền trong phần mềm tính toán. Phân tích động và phi tuyến khung BTCT không gia cường và có gia cường chịu động đất, có xét và không xét tương tác giữa kết cấu và đất nền. Từ kết quả phân tích phi tuyến trên, tính toán chỉ số hư hại của khung bê tông cốt thép. Từ chỉ số hư hại, đánh giá và so sánh mức độ hư hại của khung BTCT có và không có gia cường trong các trường hợp có và không có xét tương tác giữa kết cấu và đất nền.

Số hồ sơ lưu: 20348

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

83436.11-2022 **Nghiên cứu phát triển thành phố Thanh Hóa hiện đại, bền vững hướng tới đô thị xanh - thông minh**/ TS. Nguyễn Xuân Phi, PGS. TS. Bùi Văn Huyền; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Toàn; TS. Đỗ Tất Cường; TS. Trần Quang Phú; TS. Nguyễn Minh Hải; ThS. Hoàng Văn Hưng; ThS. Lê Thế Thiệp; ThS. Phạm Hải Sơn; PGS. TS. Nguyễn Quốc Thái; PGS. TS. Đinh Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở khoa học nhằm khai thác lợi thế của thành phố Thanh

Hoá cho việc phát triển thành phố hướng tới đô thị xanh thông minh. Xây dựng hệ thống tiêu chí đô thị xanh thông minh phù hợp điều kiện Việt Nam và áp dụng cho Thanh Hoá. Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển thành phố Thanh Hoá trở thành đô thị hiện đại, bền vững hướng tới đô thị xanh-thông minh.

Số hồ sơ lưu: 20080

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

83818.11-2022 Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng và xây dựng cơ sở dữ liệu mô đun đàn hồi, hệ số lớp ai của một số loại bê tông nhựa chặt nóng phục vụ thiết kế kết cấu áo đường mềm ở Việt Nam/ ThS. Vũ Văn Thắng, ThS. Tạ Xuân Trường; PGS. TS. Vũ Đức Chính; PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc; PGS. TS. Trần Thị Kim Đăng; TS. Lâm Hữu Quang; ThS. Đặng Minh Hoàng; ThS. Trần Thị Thùy Anh; KS. Trần Mai Khanh; KS. Huỳnh Thị Bích Hiền - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng của vật liệu (đường kính danh định lớn nhất của cốt liệu, đặc trưng thô-mịn của cấp phối hỗn hợp cốt liệu, đặc tính của nhựa đường, độ chặt-độ rỗng của hỗn hợp bê tông nhựa) đến mô đun đàn hồi (EAC) ở 20 độ C của bê tông nhựa nóng chặt. Xây dựng cơ sở dữ liệu mô đun đàn hồi (EAC) ở 20 độ C, hệ số lớp (ai) của một số loại bê tông nhựa chặt nóng phổ biến để phục vụ thiết kế kết cấu áo đường mềm và làm chỉ tiêu kỹ thuật đánh giá chất lượng vật liệu

BTN ở Việt Nam. Bổ sung bảng mô đun đàn hồi và hệ số lớp của một số loại BTN nóng điển hình vào tiêu chuẩn thiết kế kết cấu áo đường mềm ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20282

20105. Kỹ thuật thủy lợi

83314.11-2022 Xây dựng mô hình dự báo sạt lở bờ sông dựa trên công nghệ tính toán hiệu năng cao sử dụng GPUs kết hợp thực hiện dựa trên mô hình thực nghiệm và ứng dụng cho một số đoạn sông đồng bằng sông Cửu Long/ GS. TS. Nguyễn Kỳ Phùng, PGS. TS. Nguyễn Thị Bảy; PGS. TS. Huỳnh Công Hoài; PGS. TS. Nguyễn Quốc Ý; TS. Dương Thị Thuý Nga; PGS. TS. Đào Nguyên Khôi; TS. Đoàn Xuân Huy Minh; ThS. Trần Tuấn Hoàng; ThS. Ngô Nam Thịnh; ThS. Trần Thị Kim; ThS. Trà Nguyễn Quỳnh Nga; Trần Thị Cẩm Giang; ThS. Bùi Thị Kim Loan; ThS. Nguyễn Khắc Thành Long; KS. Phạm Anh Tài; ThS. Phùng Thị Mỹ Diễm - Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2021; 09/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được mô hình dự báo sạt lở bờ sông dựa trên mô hình tính toán hiệu năng cao dùng GPUs (Graphical Processing Units) kết hợp thực hiện dựa trên mô hình thực nghiệm và ứng dụng cho một số đoạn sông đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng được chương trình tính toán tương tác động lực sông và bờ sông trên CPU. Làm chủ được thuật toán API cho GPU clusters để

chuyển đổi bộ tổ hợp các mô hình: Mô hình thủy động lực học dòng chảy, chuyên tải bùn cát, bồi xói đáy và sạt lở bờ từ CPU sang GPUs. Xây dựng và phát triển hệ thống dự báo sạt lở bờ sông. Triển khai ứng dụng cho hai đoạn sông ở Đồng bằng sông Cửu Long (Sa Đéc - Đồng Tháp, Tân Châu - An Giang).

Số hồ sơ lưu: 20020

83323.11-2022 **Nghiên cứu, đề xuất áp dụng công nghệ quan trắc liên tục một số đặc trưng động lực ven biển và diễn biến đường bờ, thử nghiệm cho bờ biển tỉnh Quảng Bình/** ThS. Nguyễn Khắc Đoàn, KS. Nghiêm Thanh Hải; ThS. Bùi Ngọc Quỳnh; TS. Trần Đức Trứ; CN. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Thế Thịnh; KS. Đỗ Tá Hòa; ThS. Nguyễn Hải Anh; ThS. Vũ Thị Hiền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất được công nghệ quan trắc liên tục một số đặc trưng động lực ven biển, diễn biến đường bờ biển; Áp dụng thử nghiệm công nghệ quan trắc liên tục một số đặc trưng động lực ven biển, diễn biến đường bờ tại bờ biển tỉnh Quảng Bình; Có được bộ dữ liệu liên tục về một số đặc trưng động lực ven biển, diễn biến đường bờ tại vị trí thử nghiệm. Ứng dụng được công nghệ quan trắc liên tục một số đặc trưng động lực ven biển, diễn biến đường bờ tại bờ biển tỉnh Quảng Bình; Xây dựng được bộ dữ liệu liên tục về một số đặc trưng động lực ven biển, diễn biến đường bờ tại tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 20022

83325.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao kết hợp với điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình - Ứng dụng cho lưu vực sông Thao - Việt Nam./** TS. Trần Thế Việt, Nguyễn Trung Kiên; Bùi Thị Kiên Trinh; Nguyễn Cẩm Vân; Phạm Huy Dũng; Trịnh Quang Toàn; Mạc Thị Ngọc; Phạm Phú Vinh; Nguyễn Việt Đức; Nguyễn Thị Thu Trang; Tạ Duy Long; Phan Khánh Linh - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ mối quan hệ và quy luật phân bố của trượt lở đất theo các tác nhân chủ yếu về địa hình, địa mạo, địa chất, và mưa lớn ở lưu vực sông Thao. Đề xuất được giải pháp, công nghệ và phương pháp kết hợp tính toán mô phỏng cảnh báo trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao và các điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất. Xây dựng bản đồ nguy cơ và bản đồ phân vùng trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn kết hợp với điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình cho lưu vực sông Thao - Việt Nam làm cơ sở phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đảm bảo phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20023

83365.11-2022 **Nghiên cứu kết hợp công nghệ viễn thám và mô hình số trị xây dựng kịch bản dòng chảy lũ về hồ chứa phục vụ phòng**

tránh và giảm nhẹ ảnh hưởng hạ du trong trường hợp sự cố/ ThS. Tạ Thị Vân Anh, TS. Lê Quốc Hưng; ThS. Kiều Thị Thanh Tâm; ThS. Đặng Trường Giang; ThS. Trương Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Trường Sơn; ThS. Nguyễn Hồng Hiếu; TS. Nguyễn Đăng Quang; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; TS. Lê Thị Mai Vân - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dữ liệu viễn thám, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình kết hợp công nghệ viễn thám và mô hình số trị dự báo dòng chảy lũ về hồ chứa; Mô phỏng được dòng chảy vào hồ chứa trong trường hợp dòng chảy thường, dòng chảy lũ ảnh hưởng đến an toàn hồ chứa. Nghiên cứu áp dụng trên cơ sở điều kiện thực tiễn của Việt Nam, các phương pháp được nghiên cứu sẽ được áp dụng mô phỏng và đánh giá độ an toàn hồ chứa bởi kịch bản dòng chảy lũ.

Số hồ sơ lưu: 20045

83477.11-2022 Nghiên cứu các giải pháp chỉnh trị chống sa bồi luồng tàu cho các cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền tỉnh Phú Yên và vùng lân cận, áp dụng cho cửa Tiên Châu/ PGS. TS. Trần Thanh Tùng, TS. Lê Tuấn Hải; PGS. TS. Lê Hải Trung; TS. Nguyễn Quang Chiên; TS. Dương Đức Toàn; PGS. TS. Nguyễn Thị Thế Nguyên; TS. Vũ Quốc Hưng; TS. Bạch Dương; PGS. TS. Trần Ngọc Anh; PGS. TS. Đỗ Minh Đức - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng, phân tích nguyên nhân, cơ chế sa bồi

luồng tàu của các cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền ở tỉnh Phú Yên và vùng lân cận từ các tư liệu lịch sử, phân tích diễn biến xói lở/bồi tụ tại cửa vào các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, từ các phân tích nguồn gốc trầm tích sa bồi ở luồng tàu và cửa và hệ thống video-camera; Dự báo tác động của giải pháp chỉnh trị đến thoát lũ cho vùng hạ lưu sông Kỳ Lộ, ổn định bờ biển và môi trường cửa Tiên Châu và vùng ven biển khu vực lân cận.

Số hồ sơ lưu: 20103

83705.11-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường nước trên các sông trực chính và hệ thống công trình thủy lợi các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng Bắc Bộ phục vụ phát triển nông nghiệp an toàn và cấp nước sinh hoạt/ GS.TS. Nguyễn Tùng Phong, ThS. Nguyễn Đức Phong; PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương; PGS.TS. Nguyễn Quang Trung; PGS.TS. Hà Lương Thuận; PGS.TS. Mai Văn Trịnh; TS. Mai Thế Hùng; TS. Hà Hải Dương; TS. Trần Đức Trinh; ThS. Nguyễn Quang Vinh; ThS. Nguyễn Minh Tiến; ThS. Trương Ngọc Hiền; ThS. Trịnh Ngọc Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thu Vân; ThS. Nguyễn Thị Phương Liên; ThS. Nguyễn Minh Tú; ThS. Lương Tuấn Trung; ThS. Hoàng Thị Na; ThS. Phí Thị Hằng; ThS. Vũ Hải Nam - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 06/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước

phục vụ phát triển nông nghiệp an toàn và cấp nước sinh hoạt các tỉnh ven biển Đồng bằng Bắc Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu; Đề xuất các giải pháp nhằm quản lý, bảo vệ nguồn nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước trên các sông trục chính và trong công trình thủy lợi các tỉnh ven biển vùng Đồng bằng Bắc Bộ đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp an toàn và cấp nước sinh hoạt

Số hồ sơ lưu: 20239

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

84156.11-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị vô tuyến sóng ngắn băng rộng, định nghĩa bằng phần mềm, sử dụng cấu trúc đổi tần trực tiếp, bảo mật thông tin thoại và dữ liệu/** TS. Tạ Việt Hùng, ThS. Lê Thị Xuân; ThS. Hồ Xuân Hồ; ThS. Nguyễn Anh Hào; ThS. Phạm Minh Tuấn; ThS. Lê Văn Ngọc; ThS. Vũ Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Đức Hiếu; ThS. Trần Đức Toàn; ThS. Nguyễn Anh Đức; ThS. Trần Minh Lâm; ThS. Phạm Văn Ba; ThS. Nguyễn Tiến Duy; ThS. Hồ Huy Quang; ThS. Vũ Văn Tuấn; ThS. Trần Thị Dung; ThS. Lê Hoàng Lộc; ThS. Hoàng Thị Hưng; ThS. Nguyễn Đức Trọng; ThS. Phạm Quang Hưng; ThS. Nguyễn Quách Cơ - Hà Nội - Trung tâm Kỹ Thuật Thông tin Công nghệ cao, 2022; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về các thiết bị vô tuyến có cấu hình mềm của nước ngoài (M3TR, AN/ARC-210, Falcon 111 AN/PRC-117G) và các thiết bị hiện có trong nước (XD-

D18, XD-D12V...). Tổng hợp tài liệu về lý thuyết, nguyên lý hoạt động và các cấu trúc của thiết bị vô tuyến điện có cấu hình cứng, cấu hình mềm hiện nay. Lựa chọn cấu trúc thiết bị, dạng điều chế tín hiệu và phương pháp điều chế theo công nghệ xử lý tín hiệu số. Xây dựng chỉ tiêu kỹ chiến thuật của thiết bị theo cấu trúc máy vô tuyến số có cấu hình mềm lý tưởng. Thiết kế các mô đun chức năng của thiết bị. Xây dựng chỉ tiêu các mô đun, lựa chọn linh kiện, thiết kế và lắp ráp các bảng mạch với các IC khả trình (FPGA, DSP, ARM), IC khuếch tạp âm dải rộng, IC ADC/DAC tốc độ cao. Xây dựng các thuật toán và các phần mềm điều khiển, phần mềm xử lý tín hiệu số: các bộ điều chế - giải điều chế số tín hiệu, các loại bộ lọc (FIR, CIC, lọc vòng), các bộ trộn và cộng tín hiệu.

Số hồ sơ lưu: 20468

20202. Người máy và điều khiển tự động

83781.11-2022 **Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm tủ khóa thông minh (Smart Locker) dựa trên công nghệ IoT, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo (AI)/** ThS. Nguyễn Văn Chương, TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Đỗ Văn Hanh; ThS. Bùi Thị Vân Anh; ThS. Phạm Thị Thanh Thủy; ThS. Vũ Tuấn Anh - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu một số giải pháp tủ khóa thông minh và kinh nghiệm triển khai của các nước trong việc nâng cao chất lượng phục vụ và

nâng cao hiệu quả kinh doanh. Thiết kế, chế tạo thử nghiệm tủ khóa thông minh sử dụng công nghệ IoT, tự động hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho phép giám sát trạng thái hoạt động từ xa và có hình thức triển khai phù hợp cho các điểm công cộng hoặc nhà dân; Phát triển thử nghiệm ứng dụng trên thiết bị di động cho bên cung cấp dịch vụ chuyên phát và người dân. Triển khai thử nghiệm hệ thống theo mô hình mẫu, phân tích đánh giá, hoàn thiện cơ sở lý luận và đề xuất phương án ứng dụng vào các dịch vụ thực tế.

Số hồ sơ lưu: 20267

83952.11-2022 **Nghiên cứu phát triển Robot tự hành điều hướng thông minh sử dụng công nghệ LIDAR/** KS. Trần Xuân Thịnh, ThS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Nguyễn Văn Thương; KS. Lê Đình Chiến; KS. Đỗ Hữu Hậu; KS. Trần Hải Âu; CN. Phạm Kim Thu - Hà Nội - Trung tâm Quang điện tử, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về robot tự hành và những vấn đề cần được giải quyết, tìm hiểu về khả năng phát triển ứng dụng robot tự hành trong công nghiệp tại Việt Nam và các yếu tố thúc đẩy thị trường cũng như về nguồn cung cấp robot chủ yếu cho thị trường Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và xây dựng module phần mềm, để từ đó tiến hành thiết kế, chế tạo cơ khí và bộ điều khiển robot. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng firmware và phần mềm điều khiển.

Số hồ sơ lưu: 20376

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

83320.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia/** ThS. Nguyễn Thành Trung, ThS. Phùng Thị Hiệp; ThS. Nguyễn Minh Quân; ThS. Phạm Thị Nương - Hà Nội - Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, 2020; 05/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin; Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai; Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; Tạo cơ sở xác định các thành phần, hệ thống CNTT cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai Chính phủ điện tử. Xây dựng Chính phủ điện tử làm cơ sở cho việc triển khai các hoạt động công nghệ thông tin trong tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia theo nghị quyết Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 03/7/2019 của Chính phủ về Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Số hồ sơ lưu: 20029

83389.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ dịch tự động văn bản tiếng Việt ra tiếng nói tiếng Mường, hướng đến áp dụng cho các ngôn ngữ dân tộc thiểu số chưa có chữ viết ở Việt Nam/** TS. Mạc Đăng Khoa, TS. Đỗ Thị Ngọc Diệp; TS. Vũ Thị Hải Hà; TS. Nguyễn Việt Sơn; PGS. TS. Đào Trung Kiên; TS. Nguyễn Việt Tùng - Hà Nội - Viện nghiên cứu Quốc tế về Thông tin đa phương tiện, Truyền thông và Ứng dụng (MICA), 2021; 10/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, làm chủ công nghệ dịch máy từ văn bản tiếng Việt ra tiếng nói tiếng dân tộc thiểu số không có chữ viết ở Việt Nam. Xây dựng cơ sở dữ liệu song ngữ văn bản tiếng Việt - tiếng nói tiếng Mường. Xây dựng hệ thống dịch máy từ văn bản tiếng Việt ra tiếng nói tiếng Mường, với đặc điểm chưa có chữ viết và sự khác biệt về phương/thổ ngữ. Phát triển một số sản phẩm sử dụng hệ thống dịch tự động Việt - Mường. Đề xuất phương pháp cho phép xây dựng hệ thống dịch tự động từ văn bản tiếng Việt ra các tiếng nói ngôn ngữ dân tộc thiểu số chưa có chữ viết ở Việt Nam. Yêu cầu là xây dựng được quy trình công nghệ có tính khái quát, không phụ thuộc ngôn ngữ để có thể ứng dụng được cho nhiều ngôn ngữ thiểu số khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 20053

83456.11-2022 **Nghiên cứu rà soát các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước/** ThS.

Lê Nhật, ThS. Đỗ Công Anh; ThS. Nguyễn Hữu Hạnh; ThS. Trần Quốc Tuấn; KS. Vũ Cao Minh Đức; ThS. Lương Thị Kim Thanh; ThS. Nguyễn Văn Thuật; ThS. Phạm Văn Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; CN. Trần Thị Minh Nguyệt - Hà Nội - Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát tình hình tiêu chuẩn hóa trên thế giới liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Khảo sát, nghiên cứu hiện trạng áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Tổng hợp và đề xuất danh mục các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước cần thay đổi, bổ sung; Nghiên cứu, đề xuất tiêu chuẩn về kết nối, tích hợp dữ liệu và truy cập thông tin; Nghiên cứu, đề xuất tiêu chuẩn về an toàn thông tin; Nghiên cứu, đề xuất tiêu chuẩn về chữ ký số và định danh, xác thực điện tử; Nghiên cứu, đề xuất các tiêu chuẩn giao tiếp cho thiết bị IoT; Tổng hợp đề xuất các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 20097

83528.11-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động trợ giúp theo dõi hô hấp và vận động bất thường dựa trên nền tảng Internet vạn vật (IoT-Internet of Things)/** PGS. TS. Phạm Văn Cường, ThS. Đỗ Trung Anh; TS.

Nguyễn Văn Thủy; GS. TS. Đỗ Văn Hàm; PGS. TS. Lê Thị Lan; TS. Nguyễn Trọng Khánh; ThS. Vũ Hoài Nam; PGS. TS. Lê Thanh Hải; ThS. Hà Quang Thanh; TS. Nguyễn Quốc Uy - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động trợ giúp theo dõi hô hấp và vận động bất thường dựa trên nền tảng Internet vạn vật (IoT-Internet of thing) và phát triển ứng dụng triển khai thực tiễn ở Việt Nam. Làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo thiết bị dạng gắn (đeo) trên người tự động trợ giúp theo dõi một số triệu chứng hô hấp và vận động bất thường ở người dựa trên nền tảng IoT; Nghiên cứu thiết kế chế tạo thành công hệ thống tự động trợ giúp theo dõi triệu chứng một số triệu chứng hô hấp và vận động bất thường (ngã) ở người dựa trên nền tảng IoT.

Số hồ sơ lưu: 20127

83535.11-2022 **Phương pháp mật mã dữ liệu ảnh dựa trên hỗn loạn và thiết kế trên phần cứng/** PGS. TS. Hoàng Mạnh Thắng, TS. Phạm Việt Thành; PGS. TS. Nguyễn Xuân Quyền; TS. Tạ Thị Kim Huệ; TS. Đặng Thái Sơn; TS. Hoàng Xuân Thành; PGS. TS. Safwan El Assad - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các phương pháp phân tích mã mật áp dụng cho các hệ mật mã dùng hỗn loạn. Nhận dạng được các khả năng phân tích mật mã có

thể khả thi khi áp dụng với hệ mật mã hóa ứng dụng hỗn loạn. Các phương pháp phân tích mã được xem xét gồm các phương pháp truyền thống thường dùng để phân tích mật mã truyền thống, như phương pháp lựa chọn bản rõ, phương pháp lựa chọn bản mã, phương pháp biết trước bản rõ và phương pháp chỉ phân tích bản mã. Nghiên cứu đề xuất hệ mật ứng dụng hỗn loạn và thực thi phần cứng Các hệ mật mã được nhắm tới cân đối giữa các yêu cầu về mức độ bảo mật, tài nguyên yêu cầu và tốc độ thực hiện mật mã. Các hệ mật mã được đề xuất được có xét đến khả năng đảm bảo an toàn dựa trên việc xem xét các phương pháp tấn công khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 20132

83672.11-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống “Công thông minh” kiểm soát người vào/ra hầm lò tự động bằng tích hợp công nghệ UHF RFID và Nhận dạng khuôn mặt bằng Trí tuệ nhân tạo/** ThS. Lê Hồng Minh, CN. Nguyễn Huy Hưng; ThS. Đoàn Hồng Quang; ThS. Vũ Xuân Mạnh; ThS. Nguyễn Tuấn Hùng; ThS. Nguyễn Chí Long; ThS. Đặng Quang Thạch; KS. Nguyễn Hồng Hải; KS. Nguyễn Thị Phương Thảo; KS. Vũ Bá Lộc; ThS. Vũ Minh Thoại - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các giải pháp, sản phẩm phục vụ nhu cầu tự động hóa cho ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam để đáp ứng quy định về an toàn lao động và tăng năng

suất lao động. Nghiên cứu, xây dựng tích hợp các công nghệ mới, tiên tiến cốt lõi của cuộc CMCN 4.0 như UHF RFID, thị giác máy bằng trí tuệ nhân tạo để kiểm soát tự động người vào/ra hầm lò. Hệ thống nhận biết người mang thẻ từ xa, không yêu cầu phải dừng để quét thẻ; người giữ thẻ được xác thực bằng nhận dạng khuôn mặt; ghi nhận kết quả kiểm soát, điều khiển công và báo cáo một cách tự động. Giải pháp kiểm soát cửa hầm với các công nghệ được áp dụng có khả năng mở rộng, phát triển tiếp cho mục tiêu giám sát vị trí người lao động trong hầm lò. Giải pháp tích hợp công nghệ định danh gián tiếp và tự động xác thực bằng sinh trắc học còn có thể ứng dụng để tự động hóa cho nhiều hệ thống kiểm soát như vào/ra khu vực cần kiểm soát chặt; chống gian lận trong thi cử, sử dụng bảo hiểm y tế...

Số hồ sơ lưu: 20216

83696.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất chuyển đổi số trong quản lý hoạt động giao hàng chặng cuối của Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel/** ThS. Trần Trung Hưng, ThS. Đinh Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Cao Cẩm Linh; CN. Phan Huyền Trang; ThS. Phạm Đức Dũng; CN. Bùi Song Toàn - Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa một số vấn đề về lý luận chuyển đổi số trong quản lý hoạt động giao hàng chặng cuối. Đánh giá thực trạng vai trò của chuyển đổi số trong quản lý hoạt động giao hàng chặng cuối tại Tổng

công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post), nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam đề xuất bài học kinh nghiệm cho Viettel Post. Đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong quản lý hoạt động giao hàng chặng cuối nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành và khai thác tại Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20232

83821.11-2022 **Nghiên cứu, thử nghiệm giải pháp chia sẻ, dùng chung camera giữa người dân và chính quyền trong đô thị thông minh/** ThS. Hà Đình Dũng, ThS. Đỗ Văn Hanh; ThS. Hoàng Xuân Sơn; ThS. Đỗ Mạnh Hùng; ThS. Trần Danh Tuấn - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát các mô hình chia sẻ tài nguyên trong đô thị thông minh, tìm hiểu khả năng áp dụng cho tài nguyên camera để có thể phát triển hệ sinh thái trong đô thị thông minh; Khảo sát nhu cầu chia sẻ camera và khả năng chia sẻ camera trong các đô thị hiện nay; Đề xuất mô hình chia sẻ camera giữa chính quyền và người dân. Phát triển thử nghiệm cả phần cứng và phần mềm camera chia sẻ. Từ đó đánh giá và đề xuất khuyến nghị cho việc áp dụng vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: 20275

83931.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống liên thông và xử lý dữ liệu phục vụ**

chuyển đổi số giáo dục đại học, ứng dụng tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông/ TS. Ngô Quốc Dũng, KS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh; KS. Nguyễn Thu Thảo; KS. Vũ Ngọc Ánh; ThS. Trần Lê Anh; ThS. Phạm Anh Tuấn - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng các vấn đề về dữ liệu trong giáo dục đại học. Khảo sát, nghiên cứu và phân tích nghiệp vụ các phòng ban chức năng trong các trường đại học. Phân tích, thiết kế hệ thống liên thông và xử lý dữ liệu giữa sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý và lãnh đạo nhà trường phục vụ chuyển đổi số. Xây dựng thử nghiệm hệ thống liên thông và xử lý dữ liệu phục vụ chuyển đổi số giáo dục đại học. Thử nghiệm ứng dụng tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Số hồ sơ lưu: 20351

83933.11-2022 Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng hệ thống quản lý, giám sát sinh viên khi thi cử và học tập trên lớp bằng nhận diện khuôn mặt sử dụng kỹ thuật học sâu (deep learning) phục vụ công tác đào tạo/ TS. Hồ Thị Hương Thom, ThS. Nguyễn Kim Anh; TS. Nguyễn Hữu Tuấn; TS. Nguyễn Trung Đức; TS. Nguyễn Duy Trường Giang; ThS. Trịnh Thị Ngọc Hương; ThS. Nguyễn Hoàng Thuỳ Trang; ThS. Nguyễn Thế Cường - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng

hải Việt Nam, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát mô hình kiểm soát người học và người dự thi hiện tại ở trường Đại học Hàng hải Việt Nam hiện tại, phân tích hạn chế của mô hình hiện tại để đưa ra giải pháp phù hợp để khắc phục. Nghiên cứu kỹ thuật nhận dạng mặt người bằng phương pháp học sâu, lựa chọn kỹ thuật phù hợp cho bài toán kiểm soát người học/người dự thi. Nghiên cứu thiết kế hệ thống kiểm soát người học và người dự thi bằng nhận dạng khuôn mặt sử dụng học sâu. Nghiên cứu phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu (CSDL) cần lưu trữ về học tập của người học /người thi trên hệ quản trị CSDL MySQL. Nghiên cứu thiết kế hệ thống website quản lý thông tin kiểm soát người học /người thi online nhằm hỗ trợ tra cứu và tổng hợp thông tin và xuất phiếu điểm quá trình X hoặc tổng hợp người vắng thi.

Số hồ sơ lưu: 20350

83939.11-2022 Nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm nền tảng Internet vạn vật (IoT- Internet of Things) trong quan trắc tài nguyên nước/ KS. Nguyễn Huyền Quang, KS. Bùi Văn Sinh; ThS. Trần Văn Trung; KS. Nguyễn Hồng Quân; KS. Nguyễn Xuân Thang; KS. Hồ Văn Đích; ThS. Đinh Thị Phương Thảo; KS. Phạm Thái Hoàng - Hà Nội - Trung tâm cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, 2021; 01/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá khả năng thống nhất, đồng bộ, hiện đại trong mạng lưới

quan trắc khi ứng dụng nền tảng hệ sinh thái IoT, nâng cao chất lượng số liệu, dễ dàng tích hợp kết quả quan trắc và phân tích, dễ so sánh. Xây dựng hệ thống thử nghiệm tích hợp các thiết bị cảm biến nguồn nước trên nền tảng hệ sinh thái IoT. Thử nghiệm triển khai mô hình thu thập, tổ chức, khai thác dữ liệu quan trắc Tài nguyên nước, đánh giá kết quả thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 20356

83970.11-2022 Nghiên cứu thị trường dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và đề xuất chính sách quản lý cho Việt Nam/ ThS. Phạm Quốc Hoàn, ThS. Nguyễn Thị Mai; KS. Khổng Ngọc Anh; ThS. Phùng Thị Anh; CN. Trần Thị Huyền; ThS. Nguyễn Hữu Chung; ThS. Bùi Xuân Chinh; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Ngân - Hà Nội - Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, 2021; 01/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích đặc điểm sản phẩm chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; các yếu tố, sản phẩm liên quan chữ ký số; phân tích về đặc điểm của dịch vụ chứng thực chữ ký số. Tìm hiểu hiện trạng phát triển của thị trường dịch vụ chứng thực chữ ký số ở Việt Nam và tìm hiểu về thị trường cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số ở một số quốc gia trên thế giới. Qua đó đưa ra các phương án phát triển, mở rộng thị trường chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20381

84147.11-2022 Nghiên cứu xây dựng hệ thống quan trắc tiếng ồn trực tuyến tại khu vực đô thị bằng công nghệ WebGIS và truyền dẫn không dây/ ThS. Nguyễn Thị Huệ, ThS. Nguyễn Thanh Thủy; CN. Lê Lan Lam; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Nguyễn Công Sơn; ThS. Phạm Thị Thùy; TS. Lương Quang Hải; KS. Vương Trí Tiếp; KS. Nguyễn Văn Hiệp - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2022; 02/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về sóng âm, tiếng ồn và ô nhiễm tiếng ồn. Thiết kế hệ thống quan trắc tiếng ồn trực tuyến bằng công nghệ truyền dẫn không dây. Xây dựng phần mềm tự động thành lập, xuất bản và WebGIS cung cấp dữ liệu tiếng ồn trực tuyến. Thử nghiệm vận hành hệ thống và thành lập bản đồ ô nhiễm tiếng ồn trực tuyến tại một số khu vực, tuyến đường thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 20463

84285.11-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo ROBOT hàn tự động 6 bậc/ TS. Nguyễn Hồng Tây, ThS. Dương Văn Toàn Ninh ThS. Nguyễn Tấn Tại; TS. Trương Quang Tri; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Nguyễn Nam Phương; ThS. Võ Hữu Việt; ThS. Trang Tấn Triển; ThS. Nguyễn Đạt; KS. Võ Văn Vui; ThS. Cao Bảo Hiệp; KS. Trương Quang Hay - Quảng Ngãi - Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất, 2022; 04/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo robot hàn tự động 6 bậc sẽ phục vụ tốt cho việc giảng dạy, học tập, đào tạo nghề nghiệp cho sinh viên, từng bước làm chủ công nghệ hàn. Giúp cho sinh viên từng bước tiếp cận về robot hàn từ trong ghế Nhà trường. Bên cạnh đó, đề tài là tiền đề cho việc nghiên cứu và phát triển robot hàn tự động 6 bậc đối với tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung, từng bước giới thiệu và chuyên giao công nghệ thiết kế, chế tạo robot hàn tự động 6 bậc cho doanh nghiệp sau này

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-005

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

83485.11-2022 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống giải nhiệt bằng địa nhiệt ứng dụng cho các trạm thu phát sóng di động (BTS).**/ TS. Phạm Gia Điềm, PGS. TS. Ngô Văn Hiền; TS. Lê Kiều Hiệp; PGS. TS. Ngô Văn Hê; PGS. TS. Hoàng Thị Kim Dung; TS. Lê Thị Tuyết Nhung; TS. Tạ Văn Chương; TS. Trương Văn Thuận; PGS. TS. Lê Thị Thái; ThS. Nguyễn Sơn Tùng - Hà Nội - Viện Cơ khí Động lực, 2021; 06/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu nắm vững thiết kế, quy trình chế tạo, phát triển công nghệ làm mát tận dụng nguồn nhiệt địa nhiệt trong điều kiện khí hậu Việt Nam nhằm giảm thiểu tiêu thụ điện năng cho quá trình làm mát các trạm BTS. Chế tạo thử nghiệm, lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống làm mát trạm BTS sử dụng nguồn nhiệt địa nhiệt

có công suất phù hợp cho làm mát trạm BTS có khả năng làm mát tương đương với hệ thống làm mát bằng điều hòa không khí đang sử dụng. Sản phẩm có độ bền lớn, vận hành ổn định lâu dài, có khả năng thương mại hóa. Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính khi thay thế hệ thống làm mát bằng điều hòa không khí hiện nay bằng hệ thống làm mát sử dụng nguồn địa nhiệt, từ đó đề xuất các hướng nghiên cứu tiếp theo trong việc sử dụng hiệu quả nguồn địa nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 20112

83777.11-2022 **Nghiên cứu mô hình đánh số IPv6 cho Internet vạn vật (IoT) và đề xuất cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Hồng Thắng; Nguyễn Trường Giang; Nguyễn Thị Oanh - Hà Nội - Trung tâm Internet Việt Nam, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về các mô hình, tiêu chuẩn, quy định của IPv6 có liên quan tới việc đánh số địa chỉ IPv6 cho IoT: các tiêu chuẩn kỹ thuật của IPv6 dành cho IoT; Các hướng dẫn, khuyến nghị về việc triển khai IPv6 cho IoT; các phương thức và mô hình đánh số IPv6 cho IoT; Các hướng dẫn, khuyến nghị có liên quan tới việc đánh số địa chỉ IPv6 cho IoT. Nghiên cứu về hiện trạng sử dụng IPv6 cho IoT: Hiện trạng ứng dụng IPv6 cho IoT quốc tế; Hiện trạng triển khai IoT tại Việt Nam. Xây dựng tài liệu đánh giá và khuyến nghị về đánh số IPv6 cho IoT; Tài liệu hướng dẫn về đánh số

IPv6 cho IoT dành cho thành viên địa chỉ. Đề xuất về ứng dụng IPv6 trong triển khai IoT tại Việt Nam; Đề xuất về các chính sách, kế hoạch thúc đẩy ứng dụng IPv6 cho IoT tại Việt Nam; Đề xuất các khuyến nghị về mô hình, kỹ thuật ứng dụng IPv6 cho IoT tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20268

83778.11-2022 Nghiên cứu và chế tạo thử nghiệm mẫu Internet of Robotic Things (IoRT) dùng trong sản xuất hoặc vận hành thông minh/ ThS. Hoàng Xuân Sơn, ThS. Nguyễn Văn Chương; ThS. Nguyễn Thanh Toàn; KS. Lê Thị Hà; ThS. Hoàng Thị Thu; KS. Đỗ Thị Hải Yến - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài sử dụng cách tiếp cận tìm hiểu thông tin từ các nghiên cứu đã được công bố và các tài liệu khác từ Internet để làm rõ các đặc trưng, các công nghệ cấu thành IoRT và các xu hướng ứng dụng hiện tại của công nghệ này, qua đó phân tích và đánh giá tiềm năng cũng như mức độ khả thi áp dụng công nghệ này tại Việt Nam. Đề tài sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết để nghiên cứu về công nghệ IoRT, các xu hướng cùng tiềm năng ứng dụng của công nghệ. Đề tài sử dụng phương pháp thực nghiệm thông qua việc phát triển, thử nghiệm mẫu IoRT. Bên cạnh đó, đề tài cũng thu nhận ý kiến của các chuyên gia tại các hội thảo để củng cố về mặt phương pháp thực hiện cũng như các

đề xuất và có thêm các nguồn thông tin tham khảo cần thiết.

Số hồ sơ lưu: 20270

83819.11-2022 Nghiên cứu đề xuất giải pháp xuất bản sách phục vụ mục tiêu chuyển đổi số đối với các lĩnh vực quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông/ Trần Chí Đạt, Ngô Thị Mỹ Hạnh; Nguyễn Tiến Phát; Nguyễn Long Biên; Lê Hà Vĩnh; Nguyễn Thị Lê; Lê Đắc Quang; Trương Minh Đức - Hà Nội - Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài có mục đích nghiên cứu và đề xuất giải pháp xuất bản sách (từ công tác xây dựng kế hoạch đề tài, công tác tổ chức bản thảo, công tác tổ chức sản xuất, phát hành mảng sách này tại NXB Thông tin và Truyền thông) nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số đối với các lĩnh vực quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông. Nghiên cứu tổng quan về chuyển đổi số ở Việt Nam – cơ sở pháp lý và mức độ sẵn sàng; Khảo sát, phân tích thực trạng công tác chuyển đổi số và nhu cầu về sách, tài liệu phục vụ chuyển đổi số đối với các lĩnh vực quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông; Nghiên cứu phương án xuất bản sách phục vụ mục tiêu chuyển đổi số đối với các lĩnh vực quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 20278

20205. Viễn thông

83767.11-2022 Nghiên cứu giải pháp xây dựng hệ thống giám sát,

chia sẻ thông tin định tuyến để phục vụ quản lý vận hành định tuyến Internet tại Việt Nam/ ThS. Trần Cảnh Toàn, ThS. Nguyễn Trường Thành; ThS. Nguyễn Trường Giang; KS. Nguyễn Tiến Dũng - Hà Nội - Trung tâm Internet Việt Nam, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về hoạt động định tuyến trên mạng Internet tại Việt Nam bao gồm cả định tuyến trong nước và định tuyến quốc tế; các tiêu chuẩn và giải pháp để thu thập, xử lý, phân tích, giám sát và chia sẻ thông tin định tuyến đang được áp dụng phổ biến và hiệu quả tại các tổ chức trên thế giới và trong khu vực. Xây dựng giải pháp phù hợp với hiện trạng công tác quản lý định tuyến Internet hiện nay tại Việt Nam và đề xuất lộ trình chi tiết, khả thi để triển khai và áp dụng thực tế. Trong khuôn khổ nghiên cứu, đề tài sẽ không thể xây dựng được đầy đủ các thành phần trong giải pháp đề xuất, tuy nhiên nhóm chủ trì sẽ tiến hành các thử nghiệm để kiểm chứng mức độ khả thi và từng bước hoàn thiện và tiến tới triển khai được đầy đủ hệ thống trong thời gian sớm nhất.

Số hồ sơ lưu: 20256

83826.11-2022 Nghiên cứu nâng cấp hệ thống thu thập chỉ số đô thị thông minh theo hướng hỗ trợ nhiều bộ chỉ số đồng thời/ CN. Lê Thị Hà, ThS. Đỗ Văn Hanh; TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Nguyễn Kim Quang; ThS. Phạm Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2022; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hướng dẫn cụ thể hơn cho các đô thị trong việc ứng dụng bộ chỉ số KPI ĐTTM (phiên bản 1.0) phù hợp với thực tiễn địa phương; Nâng cấp hệ thống theo hướng hỗ trợ nhiều bộ chỉ số đồng thời và hướng dẫn các đô thị cài đặt, sử dụng phần mềm thu thập dữ liệu bộ chỉ số KPI ĐTTM cũng như tích hợp các bộ chỉ số khác trong công tác quản lý của chính quyền đô thị. Ngoài ra, do các đô thị cấp 2,3 trực thuộc Tỉnh/Thành phố có rất nhiều dữ liệu cần thu thập cho bộ chỉ số không thuộc sự quản lý của đô thị đó mà thuộc các cơ quan hành chính là các Sở/Ban ngành thuộc cấp Tỉnh, nên trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, ngoài khả năng cho phép tích hợp nhiều bộ chỉ số khác nhau, phần mềm sẽ được thiết kế phân cấp để có thể đáp ứng linh hoạt hơn khi triển khai.

Số hồ sơ lưu: 20276

83837.11-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Bigdata trong xây dựng giải pháp ngăn chặn cuộc gọi rác, thử nghiệm trong mạng viễn thông MobiFone/ Dư Thái Hùng, ThS. Nguyễn Thúc Cường; ThS. Vũ Đình Phú; ThS. Nguyễn Tất Hậu; KS. Nguyễn Duy Hùng; CN. Nguyễn Hữu Đạt; KS. Nguyễn Đức Hải; KS. Vũ Thị Hằng - Hà Nội - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, 2022; 04/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

MobiFone đã làm chủ các công nghệ mới về lưu trữ, xử lý và phân phối dữ liệu lớn. MobiFone có các hệ thống, áp dụng các công nghệ tiên tiến để đón nhận và xử lý dữ liệu theo thời gian thực với năng lực lên

đến hàng nghìn TPS (Transactions per second). MobiFone đã có thể TAPPING được cuộc gọi của thuê bao (TAPPING IN), là điều kiện quan trọng nhằm tăng độ chính xác khi kiểm định mô hình dự đoán bằng cách khảo sát người nhận cuộc gọi, cũng như các ngăn chặn thuê bao gọi rác kịp thời. MobiFone có đội ngũ tự xây dựng mô hình học máy, dự đoán dựa trên hành vi khách hàng, đã triển khai các usecase như chấm điểm thuê bao, dự đoán thuê bao rời mạng, dự đoán thuê bao MNP, phân khúc cộng đồng ... MobiFone có đội ngũ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, hỗ trợ cho đội ngũ xây dựng mô hình đánh giá các thuê bao có hành vi bất thường về cuộc gọi.

Số hồ sơ lưu: 20289

20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính

83820.11-2022 **Nghiên cứu, xây dựng thử nghiệm giải pháp xác định tính nguyên bản và tính xác thực của nội dung số xuất bản trực tuyến dựa trên công nghệ SmartContract và IPFS/** ThS. Bùi Thị Vân Anh, ThS. Hoàng Xuân Sơn; TS. Nguyễn Kim Quang; TS. Cao Minh Thắng; ThS. Hoàng Thị Thu; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các quan niệm cơ bản của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu kỹ thuật công nghệ, các nhà nghiên cứu lý luận xuất bản và đưa ra khái niệm, các vấn đề cơ bản của xuất bản trực tuyến và công

nghệ Blockchain. Khảo sát thực trạng hoạt động xuất bản nội dung số trực tuyến. Trên cơ sở đó phân tích những vấn đề còn tồn tại và các bài toán cần giải quyết của hoạt động xuất bản nội dung số trực tuyến. Tìm hiểu tình hình phát triển, ứng dụng của các công nghệ Blockchain, Smartcontract, IPFS, thông qua đó phân tích khả năng giải quyết các bài toán nêu trên. Trên cơ sở các nghiên cứu, khảo sát, đề xuất mô hình giải pháp và xây dựng, thử nghiệm, đánh giá hệ thống xác thực nguồn gốc và đảm bảo tính nguyên bản của nội dung số xuất bản trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: 20277

83945.11-2022 **Nghiên cứu, đề xuất mô hình và giải pháp xây dựng Phòng Thử nghiệm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các thiết bị phần cứng, phần mềm/** TS. Trần Mạnh Thắng, ThS. Dương Xuân Hiệp; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Đặng Huy Hoàng; ThS. Vũ Việt Hùng; KS. Ngô Lê Hoàng; KS. Bùi Văn Cường; KS. Hoàng Trung Dũng; CN. Phan Liên Hương; CN. Phạm Phương Mỹ - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mô hình và giải pháp xây dựng phòng thử nghiệm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các thiết bị phần cứng, phần mềm. Từ đó đề xuất triển khai mô hình và giải pháp phòng thử nghiệm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin áp dụng tại Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 20366

20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung

84224.11-2022 **Nghiên cứu thiết kế, cải tiến mẫu mã và áp dụng công nghệ “đúc mẫu xốp” sản xuất trụ nước chữa cháy 3 cửa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm/** KS. Nguyễn Thanh Tùng, KS. Nguyễn Cao Quỳnh; KS. Trần Minh Tuyên; ThS. Nguyễn Như Lương; KS. Đỗ Hữu Khang; KS. Đỗ Tiên Thành; KS. Đinh Văn Thăng; KS. Lê Khương Duy. - Tỉnh Yên Bái - Công ty TNHH MTV cơ khí 83, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, thu thập thông tin, phân tích về trụ nước chữa cháy 3 cửa kiểu mới và tình hình áp dụng công nghệ “đúc mẫu xốp” của một số Công ty trong nước; Nghiên cứu, cải tiến thiết kế trụ nước chữa cháy 3 cửa; Lập quy trình công nghệ; thiết kế, chế tạo một số trang bị công nghệ sản xuất sản phẩm trụ nước chữa cháy 3 cửa; Áp dụng công nghệ “đúc mẫu xốp” để tạo phôi và chế tạo hoàn thiện sản phẩm Trụ nước chữa cháy 3 cửa kiểu mới; Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành, lắp đặt trụ nước chữa cháy 3 cửa kiểu mới; Tổ chức hội thảo đánh giá sản phẩm; Quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác

Số hồ sơ lưu: YBI-026-2021

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

83397.11-2022 **Hoàn thiện công nghệ và sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm chế biến sâu từ cà phê Việt Nam rang xay chất lượng cao/** CN. Nguyễn Xuân Huy, KS. Nguyễn

Xuân Thắng; KS. Nguyễn Xuân Lợi; PGS. TS. Lê Trung Chon; ThS. Nguyễn Duy Khánh; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Dũng; PGS. TS. Cung Thị Tố Quỳnh; TS. Lại Quốc Đạt; TS. Hoàng Quốc Tuấn; KS. Nguyễn Xuân Vinh - Đắc Lắc - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thái, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ sản xuất cà phê rang xay chất lượng cao; Công nghệ tiên tiến sản xuất cà phê hòa tan theo phương pháp trích ly áp suất cao kết hợp sấy phun; Công nghệ sản xuất cà phê cô đặc; Phân tích, đánh giá chất lượng các sản phẩm cà phê và truy nguyên nguồn gốc các sản phẩm cà phê. Sản phẩm cà phê rang xay Việt Nam chất lượng cao có hàm lượng caffeine 1,5 – 2,0%. Các sản phẩm chế biến sâu: cà phê hòa tan theo phương pháp trích ly áp suất cao kết hợp sấy phun, cà phê uống liền, cà phê cô đặc có hàm lượng caffeine > 2% so với chất khô, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Việt Nam. Xây dựng mô hình chế biến sâu cà phê; Xây dựng các mô hình dây chuyền sản xuất cà phê rang xay chất lượng cao quy mô 500 kg/giờ; Dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan theo phương pháp sấy thăng hoa kết hợp sấy phun 250kg/giờ; Dây chuyền sản xuất cà phê cô đặc: 250 lít/giờ.

Số hồ sơ lưu: 20059

83425.11-2022 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo một số thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa một số khâu trong thu hoạch một số loại cây ăn quả tại vùng Tây Nam Bộ/** PGS.

TS. Nguyễn Thanh Quang, PGS. TS. Dương Văn Tài; PGS. TS. Nguyễn Phạm Thục Anh; TS. Hoàng Sơn; PGS. TS. Vũ Khắc Bẩy; TS. Trần Văn Tường; TS. Nguyễn Thái Vân; PGS. TS. Lê Hồng Kỳ; ThS. Đặng Ngọc Khải; ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Bùi Văn Trung; KS. Dương Văn Giới; KS. Lê Mạnh Tuấn; KTV. Nguyễn Hoàng Minh Đức - Hà Nội - Công ty cổ phần thiết bị chuyên dùng Việt Nam, 2020; 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng vấn đề cơ giới hóa, tự động hóa trong thu hoạch cây khóm và cây thanh long. Xây dựng qui trình công nghệ cơ giới hóa, tự động hóa trong thu hoạch cây khóm và cây thanh long đáp ứng yêu cầu tăng năng suất và giảm tổn thất sau thu hoạch. Thiết kế, chế tạo thiết bị tự động thu hoạch cây khóm đạt năng suất và giảm tổn thất sau thu hoạch (chất lượng sản phẩm không dập nát). Thiết kế chế tạo đường cáp để vận chuyển trái thanh long sau khi thu hái, đường cáp có tính năng di động, lắp đặt nhanh, có chế độ tự động và điều khiển từ xa, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch. Thử nghiệm các thiết bị đã chế tạo, đánh giá hiệu quả, nhân rộng và chuyển giao dây chuyền thiết bị cho các đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 20075

83443.11-2022 Nghiên cứu công nghệ, thiết kế, chế tạo thiết bị sản xuất bún dạng mini dùng gạo lứt trang bị cho các nhà hàng,

khách sạn trong và ngoài nước nhằm quảng bá thương hiệu ẩm thực Việt nam trên toàn thế giới/ PGS. TS. Trần Doãn Sơn, GS. TS. Lê Văn Việt Mẫn; Hồ Triết Hưng; PGS. TS. Trần Thị Thu Trà; TS. Tôn Nữ Minh Nguyệt; PGS. TS. Trần Anh Sơn; TS. Trần Nhật Khoa - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cho ra đời hệ thống thiết bị sản xuất bún tươi từ gạo lứt nhỏ gọn, thiết kế trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến với mức độ tự động hóa cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thích hợp trang bị cho các nhà hàng và khách sạn trong và ngoài nước. Làm chủ quy trình công nghệ sản xuất bún tươi với các công đoạn rút ngắn so với quy trình truyền thống; Thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị sản xuất bún tươi từ gạo lứt nhỏ gọn với mức độ tự động hóa cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, thích hợp trang bị cho các nhà hàng, khách sạn trong và ngoài nước; Sản phẩm bún tươi từ gạo lứt đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20088

83957.11-2022 Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nêm từ phụ phẩm cá tra/ KS. Đào Văn Hào, TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Điềm; KS. Nguyễn Thanh Điều; KS. Lê Xuân Quế; KS. Bùi Thị Nga; KS. Nguyễn Thị Cẩm Tiên; KS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Đặng Văn An; KS. Bùi Thị Minh Nguyệt; CN. Trần Thị Hương; KS. Huỳnh Công Lý; KS.

Nguyễn Văn Sĩ; KS. Lê Thanh Huy; KS. Lê Nhật Linh; KS. Nguyễn Minh Trung; KS. Trần Quang Nha; KS. Phạm Thị Hồng Nhung; KS. Nguyễn Thị Xuân; KS. Vũ Văn Ngọc; KS. Vũ Thị Hồng; KS. Bùi Văn Dũng; KS. Huỳnh Quốc Huy; KS. Trần Văn Bình; KS. Trần Quốc Khôi; KS. Lê Thị Hồng Vân; KS. Phạm Thị Hồng Nghi; KS. Nguyễn Ngọc Yên; KS. Trần Thị Cẩm Lài; KS. Nguyễn Thị Thu Phiếu; KS. Nguyễn Thị Nhung; KS. Nguyễn Thị Bé Trúc; KS. Lương Duy Lâm; KS. Lê Thị Hồng Chi; KS. Hà Thị Cẩm Chi - Đồng Tháp - Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, 2021; 03/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ và thiết bị để nâng cao chất lượng bột cá và bột nê-m từ phụ phẩm cá tra. Sản xuất 50 tấn bột nê-m từ phụ phẩm cá tra đảm bảo chất lượng: độ ẩm: 7-10%, protein 18 – 22 %, muối NaCl: 18-20%, Cacbonhydrat: 30-33%, Năng lượng: 1,8-2kcal/g, các chỉ tiêu về cảm quan và an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành. 6/ Sản xuất được 1.000 tấn bột cá tra đảm bảo chất lượng và an toàn theo TCVN 1644:2001 thức ăn chăn nuôi- Bột cá và QCVN 01-78:2011/BNNPTNT, QCVN 01-183:2016/BNNPTNT, trong đó Protein: > 60%, hàm lượng nito bay hơi 50%. Nghiên cứu bộ tiêu chuẩn cơ sở cho bột cá và bột nê-m từ phụ phẩm cá tra.

Số hồ sơ lưu: 20368

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông

83310.11-2022 **Nghiên cứu phân tích các đặc tính kỹ thuật, an toàn vận hành và bảo trì ô tô điện (EV) ở Việt Nam/** ThS. Đông Anh Nam, PGS.TS. Phạm Hữu Nam; ThS. Dương Thế Anh; TS. Nguyễn Minh Nhất; ThS. Trần Văn Chương; ThS. Lê Hoàng Long; ThS. Lưu Tuấn Hải; ThS. Lê Hoàng Linh; TS. Phạm Văn Thoan; ThS. Lê Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Trường - Hà Nội - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cấu hình của ô tô điện nói chung và các đặc điểm của cấu hình xe du lịch, xe bus, xe tải dùng năng lượng điện. Phân tích so sánh các đặc tính động lực học của xe điện so với các ô tô dùng năng lượng từ động cơ đốt trong thông thường. Phân tích đặc điểm cấu tạo, nguyên lý hoạt động, công tác bảo trì kỹ thuật của các cụm chi tiết trong hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống truyền động và hệ thống điều khiển của ô tô điện.

Số hồ sơ lưu: 20019

83435.11-2022 **Nghiên cứu chế tạo mẫu giảm chấn tái sinh năng lượng để đồng thời giảm xóc và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của phương tiện giao thông và máy công cụ/** PGS. TS. Lã Đức Việt, TS. Phan Thị Trà My; ThS. Lê Duy Minh; TS. Nguyễn Trọng Kiên; ThS. Nguyễn Bá Nghị; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; KS. Đào Bắc Sơn - Hà Nội - Viện Cơ học, 2021;

07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mở ra hướng nghiên cứu mới về sản phẩm tích hợp các tính năng giảm chấn, tái sinh năng lượng, tự thích nghi, áp dụng trong nhiều lĩnh vực kỹ thuật khác nhau. Phát triển hướng mới sử dụng dòng năng lượng trong tính toán thiết kế. Thiết kế, phát triển, chế tạo và kiểm nghiệm một số bộ giảm chấn tái sinh năng lượng nhỏ gọn phù hợp với mục đích cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 20077

83451.11-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình, phương pháp đánh giá an toàn hệ thống hãm của đoàn tàu trong đường sắt đô thị tại Việt Nam/ TS. Lê Công Thành, TS. Trương Trọng Vương; TS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Phan Tùng; ThS. Trần Đức Độ; ThS. Bùi Thị Phương Thảo; ThS. Hoàng Hữu Chiên; CN. Trần Thị Tuyền; ThS. Vũ Thị Trường Giang; ThS. Hoàng Phúc Hưng; ThS. Đinh Văn Tuấn; ThS. Đoàn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Văn Hùng - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2021; 11/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn phương pháp đánh giá an toàn hệ thống phù hợp với đường sắt đô thị tại Việt Nam. Xây dựng mô hình đánh giá an toàn hệ thống hãm (phân tích cho hệ thống hãm cơ khí) của đường sắt đô thị tại Việt Nam. Xây dựng phương pháp đánh giá an toàn hệ thống hãm (xây dựng cho hệ thống hãm cơ khí) của đường sắt đô thị tại Việt Nam. Áp dụng, đánh giá thử nghiệm an

toàn hệ thống hãm đoàn tàu đường sắt đô thị tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20098

20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy

83399.11-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị giảm phát thải cho động cơ diesel bằng công nghệ scrubber/ ThS. Trần Trọng Tuấn, TS. Nguyễn Công Đoàn; TS. Phạm Xuân Phương; ThS. Nguyễn Xuân Hành; ThS. Trương Tất Anh; ThS. Nguyễn Diệp Thành; TS. Lư Thị Yến; TS. Lê Minh Đức; TS. Phạm Hồng Chuyên; ThS. Bùi Ngọc Ánh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo thiết bị scrubber lắp trên đường thải của động cơ diesel tàu thủy nhằm giảm các chất độc hại có trong khí xả của động cơ. Hiệu quả giảm phát thải các chất độc hại có trong khí thải của động cơ 5÷15% khi so sánh trước và sau bộ scrubber. Lưu lượng khí thải đi qua bộ scrubber 50÷240 kg/h. Sản phẩm của đề tài phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và thử nghiệm liên quan đến xử lý khí thải động cơ đốt trong nói chung và động cơ diesel nói riêng

Số hồ sơ lưu: 20063

83780.11-2022 Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống quản lý và giám sát lượng nhiên liệu trong các kết sử dụng công nghệ Radar phục vụ công tác thu thập và báo cáo tiêu thụ nhiên liệu trên tàu biển/ PGS. TS. Trần Hồng Hà, TS. Đặng Thanh Tùng; ThS. Nguyễn

Kim Anh; ThS. Trần Thị Lan; TS. Vương Đức Phúc; ThS. Đỗ Thị Hiền; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Nguyễn Văn Tiến; TS. Nguyễn Trung Cường - Hải Phòng - Trường ĐH Hàng Hải Việt Nam, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tình hình triển khai việc thu thập, báo cáo tiêu thụ nhiên liệu trên tàu biển. Nghiên cứu thiết kế mô hình đo và giám sát nhiên liệu trong két bằng cảm biến radar sử dụng công nghệ IoT theo thời gian thực. - Nghiên cứu và thử nghiệm cụ thể trên mô hình giám sát lượng nhiên liệu bằng cảm biến radar tại phòng thí nghiệm động lực tàu biển và tàu Sao Biển, Trường Đại học Hàng hải VN. Ứng dụng công nghệ IoT (internet of thing) để thiết kế và chế tạo hệ thống quản lý và giám sát nhiên liệu trên tàu biển, góp phần thực hiện chiến lược sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của quốc gia và quốc tế

Số hồ sơ lưu: 20266

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

83484.11-2022 **Nghiên cứu chế tạo xúc tác cracking công nghiệp trên cơ sở zeolite Y và zeolite ZSM-5 đa mao quản/** TS. Vũ Xuân Hoàn, ThS. Ngô Thúy Phương; TS. Đặng Thanh Tùng; TS. Lê Phúc Nguyên; TS. Nguyễn Anh Đức; TS. Hoàng Linh Lan; TS. Nguyễn Võ Xuân Phương; ThS. Trần Văn Trí; ThS. Lương Ngọc Thủy; GS. TS. Lê Thanh Sơn - Hà Nội - Viện dầu khí Việt Nam, 2021; 10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hợp tác với các đối tác của CHLB Đức để nghiên cứu phát triển thế hệ xúc tác cracking mới dựa trên zeolite đa mao quản nhằm chế biến hiệu quả nguyên liệu cặn nặng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất với sản phẩm ưu tiên là propylen và xăng trị số octance cao. Tổng hợp và biến tính zeolite Y và ZSM-5 thành dạng đa mao quản và bền hóa cấu trúc zeolite để nâng cao hiệu quả xúc tác. Phát triển thành công các quy trình chế tạo zeolite đa mao quản và xúc tác cracking công nghiệp ở quy mô pilot gồm: (i) Quy trình chế tạo zeolite Y đa mao quản quy mô 10 kg/mẻ, (ii) Quy trình chế tạo zeolite ZSM-5 đa mao quản quy mô 10 kg/mẻ và (iii) Quy trình để chế tạo thử nghiệm 100 kg xúc tác cracking công nghiệp trên cơ sở zeolite Y và ZSM-5 đa mao quản bằng công nghệ sấy phun.

Số hồ sơ lưu: 20116

84136.11-2022 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị đo thành phần khí độc hại trong các hầm lò, các mỏ khai thác khoáng sản để đảm bảo an toàn cho người làm việc/** PGS.TS. Nguyễn Văn Duy, TS. Chử Mạnh Hưng; GS.TS. Nguyễn Văn Hiếu; GS.TS. Nguyễn Đức Hòa; TS. Nguyễn Văn Toán; PGS.TS. Hoàng Sĩ Hồng; TS. Nguyễn Xuân Thái; TS. Trịnh Minh Ngọc; TS. Quán Thị Minh Nguyệt; ThS. Đặng Ngọc Sơn - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS) - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 2022; 07/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ổn định các quy định chế tạo vật liệu nano ứng dụng cho các loại cảm

biến khí khác nhau (NH_3 , NO_2 , H_2S , CH_4 , CO). Thiết kế, chế tạo các cấu trúc cảm biến có công suất tiêu thụ thấp, làm việc ổn định và phát triển phương pháp đóng vỏ đơn giản. Hoàn thiện các thiết bị kèm theo có khả năng đo liên tục và truyền các dữ liệu qua mạng không dây về một trung tâm quản lý quan trắc khí. Thử nghiệm và đánh giá các sản phẩm chế tạo được trong điều kiện thực tế.

Số hồ sơ lưu: 20458

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

83340.11-2022 **Nghiên cứu phát triển thiết bị và khai thác dòng neutron nhiệt trên kênh ngang số 1 lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt/ TS.** Phạm Ngọc Sơn, PGS. TS. Nguyễn Xuân Hải; TS. Trần Tuấn Anh; TS. Nguyễn Ngọc Anh; TS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Phan Bảo Quốc Hiếu; PGS. TS. Vương Hữu Tấn; PGS. TS. Phạm Đình Khang; PGS. TS. Nguyễn Quang Hưng; KS. Trương Thị Thu Hương; KS. Phạm Ngọc Tuấn; KS. Hoàng Minh Vũ; ThS. Đặng Hồng Ngọc Quý; ThS. Hồ Hữu Thắng; CN. Trịnh Văn Cường; KS. Trần Anh Khôi - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2021; 09/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao tiềm lực phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học với các kênh neutron từ Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, thiết bị phổ kế hạt nhân hiện đại và đào tạo nhân lực phục vụ chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình. Đưa kênh ngang số 1

của Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt vào sử dụng phục vụ nghiên cứu vật lý hạt nhân và đào tạo. Chế tạo 1 hệ đo tán xạ neutron sử dụng hệ 5 đầu dò He-. Hoàn thiện phương pháp số và áp dụng chế tạo mới 1 hệ phổ kế gamma đo đa kênh và trùng phùng kỹ thuật số sử dụng 2 đầu dò bán dẫn HPGe. Bổ sung số liệu hạt nhân và cấu trúc mức của một số hạt nhân nặng không bền.

Số hồ sơ lưu: 20034

83706.11-2022 **Nghiên cứu thiết kế lò phản ứng hạt nhân nhỏ sử dụng bó nhiên liệu của lò phản ứng AP1000/ TS.** Hoàng Văn Khánh, ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Đinh Văn Thìn; TS. Hoàng Sỹ Minh Tuấn; TS. Peng Hong Liem - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện các phân tích neutron cân bằng để xác định sự kết hợp giữa nhiên liệu và vật liệu tải nhiệt. Phân tích cân bằng neutron trong lò phản ứng thông qua khảo sát kiện hoạt động của lò phản ứng B&B phụ thuộc vào việc lựa chọn vật liệu vùng hoạt như chất tải nhiệt, nhiên liệu của vùng hoạt với cơ chế B&B. Nghiên cứu khả năng áp dụng nạp tải nhiên liệu kiểu xoay cho lò phản ứng tái sinh nhanh (B&B) tải nhiệt bằng natri. Nghiên cứu này nhằm chỉ ra khả năng áp dụng nạp tải nhiên liệu kiểu xoay cho lò phản ứng tái sinh nhanh tải nhiệt bằng natri, S-PRISM, dựa trên các phân tích neutron và nhiệt thủy.

Số hồ sơ lưu: 20238

83824.11-2022 **Nghiên cứu đánh giá tình hình phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Trần Thị Ngọc Diệp; CN. Lê Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Dịu; KS. Bùi Từ Thi Hoàng; ThS. Đinh Văn Chiến; ThS. Đỗ Ngọc Diệp; TS. Phạm Ngọc Đồng; CN. Trần Thị Thanh Hà; CN. Nguyễn Minh Hoàng - Hà Nội - Cục Năng lượng nguyên tử, 2021; 01/2021 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phục vụ cho việc xây dựng Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tổng kết Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử (NLNT) vì mục đích hòa bình đến năm 2020. Hệ thống hóa các số liệu và đánh giá tổng quan về phát triển ứng dụng NLNT ở Việt Nam để phục vụ công tác quản lý nhà nước về các hoạt động trong lĩnh vực NLNT. Những kết quả thu của Đề án cũng là một trong cơ sở để tham khảo trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách về phát triển, ứng dụng NLNT ở Việt Nam cho giai đoạn sau năm 2020.

Số hồ sơ lưu: 20284

83920.11-2022 **Xây dựng bản đồ công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ trong lĩnh vực y tế, công nghiệp/** TS. Hoàng Anh Tuấn, ThS. Đỗ Ngọc Diệp; ThS. Đinh Văn Chiến; ThS. Đặng Chí Dũng; KS. Bùi Từ Thi Hoàng; KS. Nguyễn Hữu Quang; ThS. Nguyễn Lê Sơn; TS. Đặng Huy Quốc Thịnh; KS. Nguyễn Trung Hiếu; CN. Đặng Thị Minh Tâm; ThS. Nguyễn Tấn Châu; TS. Nguyễn Khắc Thát; TS. Bùi Quang Biểu; TS. Phạm Văn Thái; GS.TS.

Nguyễn Quốc Hiến; ThS. Đặng Văn Phú; TS. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Vũ Tiến Hà; KS. Đặng Nguyễn Thế Duy; ThS. Phùng Khắc Toàn; KS. Chu Minh Dương; CN. Vũ Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thị Dịu; CN. Vũ Thị Hải Vân; CN. Vũ Thùy Vân; ThS. Nguyễn Văn Trường; ThS. Phan Văn Hưng; ThS. Nguyễn Đức Thuận; CN. Nguyễn Thu Giang - Hà Nội - Cục Năng lượng nguyên tử, 2021; 03/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng bản đồ công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ trong lĩnh vực y tế và công nghiệp, phản ánh hiện trạng, nhu cầu phát triển và khoảng cách công nghệ đối với các công nghệ chủ yếu hiện có ở Việt Nam và trên thế giới. Đưa ra các vấn đề ưu tiên trong việc đổi mới công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ trong lĩnh vực y tế và công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20243

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

83322.11-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng quá trình nghiên cứu đến khả năng hòa tan nhôm hiđroxit Tân Rai trong dung dịch axit HCl/** ThS. Phùng Vũ Phong, ThS. Nguyễn Thị Liên; PGS. TS. Lê Thị Mai Hương; TS. Bùi Công Trình; KS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Lương Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình nghiên cứu đến khả năng hòa tan nhôm

hydroxit Tân Rai trong dung dịch HCl đã được thực hiện trên mẫu chưa nghiền và mẫu nghiền sử dụng ba kỹ thuật nghiền mịn là nghiền đập ly tâm 3000 vòng/phút, nghiền bi và nghiền hành tinh. Kết quả chỉ ra rằng quá trình nghiền không làm thay đổi thành phần pha (Gibbsit) của mẫu, nhưng làm thay đổi đáng kể kích thước hạt và diện tích bề mặt riêng của mẫu so với mẫu ban đầu. Sự thay đổi này dẫn đến sự thay đổi về hiệu suất hòa tan nhôm hydroxit Tân Rai trong dung dịch HCl. Ở cùng một điều kiện hòa tan (nhiệt độ, thời gian, tốc độ khuấy, nồng độ HCl), hiệu suất hòa tan $Al(OH)_3$ của mẫu sau nghiền cao hơn rất nhiều so với mẫu chưa nghiền và mẫu sau nghiền hành tinh cho kết quả cao hơn so với mẫu nghiền đập ly tâm và nghiền bi. Điều này chứng minh hiệu quả rõ rệt của việc nghiền đến khả năng hòa tan $Al(OH)_3$ Tân Rai trong dung dịch HCl.

Số hồ sơ lưu: 20024

83475.11-2022 Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học kháng vi nấm gây bệnh trên cây cam ở một số tỉnh phía Bắc/ TS. Vũ Xuân Tạo, ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Trần Bảo Trâm; CN. Nguyễn Phương Lan; ThS. Phan Diệp Tú; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Trương Thị Chiên; KS. Trần Văn Quảng - Hà Nội - Trung tâm Sinh học Thực nghiệm - Viện Ứng dụng Công nghệ, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tạo được chế phẩm sinh học kháng vi nấm gây bệnh thối/rụng quả trên cây cam. Xác định được một số

chủng vi nấm gây bệnh thối/rụng quả (như *Penicillium digitatum*, *Collectotrichum*,...) trên cây cam trồng tại Hà Giang. Tạo được chế phẩm sinh học từ tổ hợp các chủng vi sinh vật tuyển chọn có hoạt tính đối kháng mạnh với vi nấm (*Penicillium*, *Collectotrichum*,...) gây bệnh thối/rụng quả trên cây cam. Đánh giá được hiệu quả của chế phẩm trên mô hình trồng cây cam tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 20106

83927.11-2022 Nghiên cứu xử lý các vật liệu giàu lignocellulose có nguồn gốc từ phế liệu nông, lâm nghiệp để sản xuất phân bón ứng dụng cho cải tạo đất/ TS. Nguyễn Ngân Hà, TS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Lê Thị Hoàng Oanh; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Phạm Thanh Đồng; TS. Nguyễn Minh Việt; ThS. Phạm Hùng Sơn - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được tiềm năng sản xuất phân hữu cơ, phân than sinh học chất lượng cao, có mức độ khoáng hóa chậm từ phụ phẩm nông, lâm nghiệp (bã thải dong riềng, bã thải trồng rau mầm, mùn cưa). Có được quy trình sản xuất phân hữu cơ, phân than sinh học chất lượng cao, mức độ khoáng hóa chậm từ bã thải dong riềng, bã thải trồng rau mầm, mùn cưa. Xác định được hiệu quả cải tạo đất và hiệu quả sử dụng các loại phân bón đã sản xuất trên cây trồng (quy mô phòng thí nghiệm). Phân tích tiềm năng nguyên liệu lignocellulose và khả

năng sử dụng chúng để sản xuất phân bón chất lượng cao, mức độ khoáng hóa chậm. Nghiên cứu quy trình xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ. Nghiên cứu chế tạo phân than sinh học từ phế phụ phẩm lâm nghiệp. Nghiên cứu chế tạo phân bón chất lượng cao, khoáng hóa chậm (nhả chậm). Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đến cải tạo đất và năng suất, chất lượng cây trồng.

Số hồ sơ lưu: 20343

20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

84023.11-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất tác nhân khử NO_x ứng dụng trong xử lý khí thải động cơ diesel thay thế hàng nhập khẩu/** ThS. Bùi Duy Hùng, CN. Phan Thị Chuyên; GS. TS. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Âu Thị Hằng; ThS. Nguyễn Quang Minh; CN. Nguyễn Thị Bảy; CN. Trần Nhật Đức; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Vũ Tuấn Anh - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất urê siêu tinh khiết đáp ứng yêu cầu sản xuất tác nhân khử NO_x trong khí thải. Xây dựng yêu cầu chất lượng nước đầu vào và xây dựng phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm nước EDI đủ tiêu chuẩn để chế tạo tác nhân khử NO_x. Đồng thời tiến hành nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất tác nhân khử NO_x trên cơ sở urê đã chế tạo được, đạt yêu cầu chất lượng để ứng

dụng trong xử lý khí thải động cơ diesel và đề xuất qui trình công nghệ sản xuất tác nhân khử NO_x.

Số hồ sơ lưu: 20397

20403. Kỹ thuật hoá dược

83336.11-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ tổng hợp và tinh chế tinh bột natri octenyl succinat làm chất xơ chức năng hỗ trợ điều trị bệnh béo phì và bệnh tiểu đường/** ThS. Bùi Thị Thời, ThS. Bùi Thị Thời; CN. Trần Thị Thu Hồng; ThS. Phạm Thị Thanh Hiếu; KS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thị Cúc; ThS. Nguyễn Thị Nga; KS. Nguyễn Văn Hiếu - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2020; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ tổng hợp và tinh chế tinh bột natri octenyl succinat quy mô 20 kg sản phẩm/ mẻ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng phù hợp làm thực phẩm chức năng hỗ trợ điều trị bệnh béo phì và bệnh tiểu đường. Xây dựng quy trình tổng hợp và tinh chế tinh bột SOS quy mô 20 kg sản phẩm/ mẻ với các thông số công nghệ tối ưu cho quy trình tổng hợp SOS: pH dung dịch = 8,5, thời gian phản ứng: 4 h, nhiệt độ phản ứng: 35°C, nồng độ dịch tinh bột: 35%, tốc độ khuấy: 120 vòng/phút, tỷ lệ tác nhân OSA/ tinh bột (w/w): 8%, hiệu suất thu sản phẩm SOS >90%.

Số hồ sơ lưu: 20031

83418.11-2022 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất hoạt chất kìm hãm α - glucosidase từ đỗ đen lên men**

bởi *Aspergillus oryzae* và ứng dụng tạo thực phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe/ ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, TS. Nguyễn Đức Tiến; ThS. Lưu Thị Gấm; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Dung; CN. Nguyễn Thị Huyền; KS. Mai Xuân Đại; CN. Hoàng Thị Phương; ThS. Hoàng Thanh Dương; ThS. Lưu Tuyết Mai - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất hoạt chất kìm hãm α -glucosidase (AGIs) từ đờ đen lên men bởi *A. oryzae* T6. Nghiên cứu công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe chứa chế phẩm AGIs dùng cho hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường và béo phì dạng túi bột uống liền, viên và siro. Triển khai ứng dụng công nghệ sản xuất chế phẩm AGIs từ đờ đen lên men bởi *A. oryzae* T6 quy mô 200 kg nguyên liệu/mẻ và ứng dụng sản xuất các sản phẩm thực phẩm chức năng bảo vệ sức khỏe chứa chế phẩm AGIs dùng cho hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường và béo phì dạng túi bột uống liền, viên và siro. Đào tạo và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ kỹ thuật, vận hành công nghệ và thiết bị sản xuất. Tổ chức sản xuất, kế hoạch kinh doanh sản phẩm và đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án.

Số hồ sơ lưu: 20074

83839.11-2022 **Thương mại hóa quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng hỗ trợ phòng chống loãng xương từ Ba kích tím Quảng Ninh/** ThS. DS. Phan Kế

Son, PGS. TS. Hà Phương Thư; TS. Phạm Hồng Nam; TS. Vương Thị Kim Oanh; ThS. Trần Thị Lan Anh; TS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Phan Văn Hiệu; ThS. Nguyễn Trường Thành; CN. Ngô Thị Thanh Hằng; PGS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS. TS. Cán Văn Mão - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất nguyên liệu nano cao định chuẩn Ba Kích. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng hỗ trợ phòng chống loãng xương từ nguyên liệu nano Ba Kích. Hỗ trợ thương mại hóa thực phẩm chức năng hỗ trợ phòng chống loãng xương từ nguyên liệu nano Ba Kích.

Số hồ sơ lưu: 20286

83896.11-2022 **Hỗ trợ thương mại hóa quy trình công nghệ sản xuất nano tảo *Spirulina platensis*/** TS. Nguyễn Trần Điện, PGS. TS. Bùi Thị Kim Anh; TS. Lê Thanh Sơn; KS. Phạm Văn Dương; ThS. Đào Trọng Hiền; TS. Dương Thị Hạnh; TS. Vũ Duy Hiền; ThS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Đoàn Tuấn Linh; ThS. Trịnh Đức Anh; ThS. Vũ Lê Minh; CN. Nguyễn Hồng Yên; DS. Phạm Văn Đông - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất nano tảo *Spirulina platensis* quy mô 100 kg/mẻ. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm thực phẩm

chức năng từ nano tảo *Spirulina platensis* quy mô 200.000 viên/mẻ. Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho sản phẩm thực phẩm chức năng từ nano tảo và thương mại hóa được quy trình công nghệ sản xuất nano tảo *Spirulina platensis*.

Số hồ sơ lưu: 20314

83901.11-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất sản phẩm giàu chất chống oxy hóa từ 3 loài vi tảo *Chlorella vulgaris*, *Arthrospira platensis* và *Dunaliella salina***/ PGS. TS. Nguyễn Đức Bách, ThS. Phí Thị Cẩm Miện; ThS. Trịnh Thị Thu Thủy; TS. Phùng Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Hữu Cường; TS. Bùi Thị Thu Hương; ThS. Phạm Thị Huyền Trang; TS. Trần Thị Bình Nguyên; TS. Nguyễn Thị Thuý Hạnh; TS. Nguyễn Thanh Hào; ThS. Nguyễn Thị Luyện; KS. Phùng Thị Duyên; ThS. Phạm Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Bích Lưu; ThS. Phạm Thu Giang; KS. Kim Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Phan Thị Hiền - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy trình nuôi, thu sinh khối, tách chiết các hợp chất có hoạt tính sinh học từ 3 loài vi tảo *Spirulina (Arthrospira) platensis*, *Chlorella vulgaris* và *Dunalliellasalina*. Tách chiết các thành phần hoạt chất, trong đó chủ yếu là các sắc tố Chlorophyll, Carotenoid và Phycocyanin từ 3 loài vi tảo trên và xác định hoạt tính chống oxy hóa in vitro, in vivo làm cơ sở khoa học để phát triển sản phẩm. Nghiên cứu quy trình nuôi 3

loài tảo *Arthrospira platensis*, *Chlorella vulgaris* và *Dunaliella salina* để thu sinh khối giàu các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học. Phát triển sản phẩm phối hợp các hợp chất có tác dụng chống oxy hóa từ 3 loài tảo trên sẽ có tác dụng chống oxy hóa và bảo vệ cơ thể tốt và bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20319

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

83330.11-2022 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất thử nghiệm hệ hóa phẩm ức chế lắng đọng muối vô cơ**/ ThS. Đỗ Thành Trung, ThS. Lê Văn Công; ThS. Vũ Hoàng Duy; KS. Phạm Ngọc Sơn; KS. Hoàng Anh Dũng; KS. Bùi Lê Phương; KS. Ngô Thị Nguyên; TS. Nguyễn Văn Ngo; KS. Phan Văn Minh; KS. Phạm Ngọc Tú - Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ kỹ thuật, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện hệ hóa phẩm ức chế lắng đọng muối vô cơ và sản xuất được 5000 lít Hệ hóa phẩm ức chế lắng đọng muối vô cơ SI-1806P đạt các yêu cầu đã đăng ký trong thuyết minh của dự án. Nghiên cứu hoàn thiện thêm 02 Hệ hóa phẩm ức chế lắng đọng muối vô cơ áp dụng cho điều kiện nhiệt độ sử dụng 1200C. Hoàn thiện dây chuyền công nghệ sản xuất hệ hóa phẩm ức chế lắng đọng muối vô cơ. Xây dựng quy trình sản xuất hệ hóa phẩm, quy trình công nghệ sử dụng hóa phẩm ức chế lắng

động muối vô cơ trong cần ống khai thác và thiết bị bề mặt và quy trình công nghệ sử dụng hệ hóa phẩm ức chế lắng đọng muối vô cơ bằng cách ép chất ức chế vào vữa.

Số hồ sơ lưu: 20032

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim

83693.11-2022 **Nghiên cứu quá trình chuyển pha và mạ kim loại (Pt, Fe, Co) sử dụng hỗn hợp eutectic ion lỏng thân thiện môi trường nhằm ứng dụng trong pin nhiên liệu/** TS. Lê Mạnh Tú, TS. Nguyễn Tăng Sơn; TS. Phạm Thị Lánh; CN. Dương Thị Thùy Trang - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quá trình hình thành mầm và lớn lên của tinh thể kim loại (Pt, Co, Fe, Ag, Ni) từ DES lên điện cực cacbon thủy tinh. Nghiên cứu quá trình hình thành mầm và lớn lên của tinh thể kim loại (Pt, Co, Fe, Ag, Ni) từ DES lên điện cực đồng. Nghiên cứu khả năng tổng hợp vật liệu mới, cấu trúc nano kim loại nhằm ứng dụng cho pin nhiên liệu. Nghiên cứu động học và cơ chế của quá trình chuyển pha và lớn lên từ mầm của tinh thể kim loại trên điện cực cacbon thủy tinh và dòng sử dụng dung môi eutectic sâu dựa trên ChCl .

Số hồ sơ lưu: 20226

20504. Luyện kim bột

83835.11-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ điều chế Disprozi kim loại từ oxit đất hiếm bằng**

phương pháp nhiệt kim/ TS. Nguyễn Trọng Hùng, ThS. Nguyễn Thanh Thủy; PGS. TS. Lê Bá Thuận; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Cao Duy Minh; CN. Đào Trường Giang; KTV. Ngô Quang Hiên; CN. Hà Đình Khải - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu công nghệ điều chế muối DyF_3 khan từ Dy_2O_3 sử dụng tác nhân florua hóa là amoni biflorua (NH_4HF_2); Nghiên cứu công nghệ nhiệt kim canxi hệ florua điều chế Dy kim loại; Nghiên cứu công nghệ tinh luyện-đúc thu nhận sản phẩm Dy kim loại. Một quy trình công nghệ quy mô PTN với công suất 100g nguyên liệu/ mẻ và hiệu suất nhiệt kim >80%, độ sạch kim loại Dy 95%, điều chế Dy kim loại từ oxit bằng phương pháp nhiệt kim đã được thiết lập.

Số hồ sơ lưu: 20292

20507. Vật liệu xây dựng

83478.11-2022 **Nghiên cứu ứng xử của cốt bê tông cốt thép thường được gia cường bởi lớp bê tông tính năng cao UHPC/** TS. Lê Hoàng An, hS. Phạm Ngọc Sáng; PGS. TS. Nguyễn Bá Hoàng; TS. Lê Trung Phong; KS. Phạm Đức Duy; TS. Nguyễn Phi Long; KS. Bùi Thị Ninh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày kết quả và phân tích ứng xử chịu nén đúng tâm của cốt bê tông cốt thép (BTCT) thường bọc lớp bê tông cường độ siêu cao

UHPC (Ultra-high performance concrete) để gia cường thông qua thực nghiệm. Đánh giá tính khả thi của phương án dùng UHPC gia cường trụ cầu so với các phương án truyền thống khác. Dự thảo chỉ dẫn kỹ thuật chế tạo và gia cường UHPC tại hiện trường được đề xuất. Nghiên cứu này có thể là tài liệu tham khảo và là cơ sở cho việc đề xuất sử dụng bê tông cường độ siêu cao UHPC để bọc gia cường hoặc sửa chữa các cột bê tông cốt thép thường hư hỏng ở Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20104

83508.11-2022 **Ứng dụng và phát triển công nghệ sản xuất gạch không nung từ cát, đá mặt và nguyên liệu sẵn có tại thành phố Cần Thơ/** KS. Nguyễn Ngọc Tâm Châu, KS. Lê Minh Tuấn; KS. Nguyễn Ngọc Trung; KTV. Nguyễn Khánh Huy; KTV. Dương Công Thành; KS. Phan Minh Phương; CN. Trần Thị Hoàng Diễm; CN. Nguyễn Thị Kim Ngân - Cần Thơ - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngân Phúc, 2021; 12/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất gạch không nung, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm nhiên liệu; xây dựng được mô hình sản xuất hàng hoá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ. Tiếp nhận làm chủ các quy trình công nghệ, công thức phối trộn vật liệu phối hợp với vật liệu tại địa phương, vận hành và bảo dưỡng dây chuyền thiết bị, sản xuất đóng gói sản phẩm. Trong thời gian

thực hiện dự án sản xuất 20-22 triệu viên/năm, sản xuất thử 02 triệu viên gạch.

Số hồ sơ lưu: 20125

83637.11-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất gạch xi măng - cốt liệu từ các nguyên liệu sẵn có ở tỉnh Thái Bình/** KS. Đinh Thành Hưng, KS. Trần Hữu Thành ThS. Phạm Vũ Việt Hoàng; KS. Trần Hữu Thành; KS. Nguyễn Văn Thắng; KTV. Phạm Xuân Thanh; KTV. Đinh Hoàng Trung; CN. Đỗ Tiến Đủ; CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Trịnh Thị Thục - Thái Bình - Công ty TNHH Vạn Xuân Thái Bình, 2021; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyên giao và tiếp nhận, làm chủ công nghệ sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu từ nguồn nguyên liệu tại chỗ sẵn có tỉnh Thái Bình. Xây dựng thành công mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất Gạch không nung từ cát và nguyên liệu sẵn có của địa phương công suất 22 triệu viên/năm, sản phẩm tạo ra là gạch rỗng 2 lỗ và gạch đặc kích thước 220 X 105 X 65 mm, mác gạch M5,0; M7,5; M10 đạt TCVN 6477:2016. ứng dụng thành công công nghệ mới trong sản xuất gạch không nung từ các nguyên liệu sẵn có trên địa bàn nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm nhiên liệu; Xây dựng được mô hình sản xuất hàng hoá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: 20205

20510. Góm

83913.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định độ chịu mài mòn, kích thước làm việc đối với Cyclone thủy lực sứ/ KS.** Nguyễn Thị Ty, KS. Nguyễn Thu Hà; KS. Nguyễn Đức Thuận; KS. Bùi Trường Chinh - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập được cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định độ chịu mài mòn, kích thước làm việc đối với Cyclone thủy lực sứ. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về Cyclone thủy lực sứ - Yêu cầu kỹ thuật. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về Cyclone thủy lực sứ - Phương pháp xác định độ chịu mài mòn. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về Cyclone thủy lực sứ - Phương pháp xác định kích thước làm việc.

Số hồ sơ lưu: 20331

83914.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định thành phần hóa học, độ dẻo đối với đất sét để sản xuất sứ dân dụng/ KS.** Nguyễn Thu Diệu, ThS. Nguyễn Thị Luyên; KS. Trần Đoàn Trường; KS. Cao Thọ Tùng - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp xác định thành phần hóa, độ dẻo của đất sét. Khảo sát, đánh giá hiện trạng về các chỉ tiêu kỹ thuật đối với một số loại đất sét thương mại để sản xuất sứ dân dụng. Kiểm tra, phân tích thành phần hóa học, độ dẻo đối với một số loại đất sét thương mại để sản xuất sứ dân dụng, đề xuất phương pháp phân tích. Xây dựng các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp phân tích thành phần hóa học, phương pháp kiểm tra độ dẻo đối với đất sét để sản xuất sứ dân dụng. Xây dựng các dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đối với đất sét để sản xuất sứ dân dụng,

Số hồ sơ lưu: 20329

83930.11-2022 **Nghiên cứu đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ thủy tinh gồm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và tư vấn hỗ trợ thực hành tại doanh nghiệp/ KS.** Vũ Thúy Nga, KS. Cao Nhật Quang; TS. Đặng Tuyết Phương; KS. Trần Thị Nga; KS. Phạm Thanh Sơn; KS. Nguyễn Thị Ty; KS. Nguyễn Thị Hồng; CN. Nguyễn Thị Hồng Vân; CN. Trần Thị Thúy Phương; ThS. Nguyễn Văn Tân; ThS. Hoàng Việt - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng sự đáp ứng các yêu cầu về an toàn đối với các loại bao bì, dụng cụ thủy tinh gồm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phổ biến trên thị trường trong nước. Đề ra các giải

pháp quản lý chất lượng sản phẩm gồm sứ thủy tinh và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, từ đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Đảm bảo an toàn và quyền lợi cho người tiêu dùng. Tạo môi trường lành mạnh giúp phát triển bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20337

83942.11-2022 **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất cyclon thủy lực hệ vật liệu gốm chịu mài mòn cao dùng trong công nghiệp tuyển khoáng/** KS. Nguyễn Văn Duy, KS. Trần Thị Nga; KS. Bùi Trường Chinh; KS. Nguyễn Thị Ty, KS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; CN. Lương Thị Hồng Bích - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về cyclon thủy lực bằng gốm chịu mài mòn cao dùng trong công nghiệp tuyển khoáng; Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất cyclon thủy lực bằng gốm chịu mài mòn cao dùng trong công nghiệp tuyển khoáng; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, lắp đặt dây chuyền sản xuất cyclon thủy lực bằng gốm quy mô 1000 sản phẩm/năm; Vận hành dây chuyền sản xuất cyclon thủy lực bằng gốm quy mô 1000 sản phẩm/năm; Đánh giá chất lượng sản phẩm và tính hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 20369

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

84131.11-2022 **Nghiên cứu sử dụng hạt nano SiO₂ tro trấu mang chất ức chế ion Ce³⁺ chế tạo sơn lót epoxy bảo vệ chống ăn mòn thép cacbon./** PGS.TS. Nguyễn Thị Mai, TS. Lại Thị Hoan; KS. Bùi Quang Tuấn; ThS. Phạm Thị Hồng Thoa; ThS. Vũ Trung Hiếu; ThS. Từ Minh Phương; TS. Nguyễn Thiên Vương - Hà Nội - Tổng cục Đường bộ Việt Nam, 2022; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, chế tạo lớp phủ chống ăn mòn kim loại. Tổng hợp và phân tích các đặc trưng nano SiO₂ từ vỏ trấu. Chế tạo các hạt nano SiO₂ tro trấu mang chất ức chế ăn mòn ion Ce³⁺ (nanocontainer SiO₂@Ce³⁺). Phân tán các hạt nano SiO₂@Ce³⁺ trong dung dịch nhựa epoxy. Nghiên cứu ảnh hưởng của hạt nano SiO₂@Ce³⁺ đến phản ứng đóng rắn của lớp phủ trên cơ sở nhựa epoxy và polyamin. Nghiên cứu ảnh hưởng của hạt nano SiO₂@Ce³⁺ đến tính chất cơ của lớp phủ. Ảnh hưởng của các hạt nano mang SiO₂@Ce³⁺ đến độ bền muối của lớp phủ. Xây dựng quy trình công nghệ và chế tạo thử nghiệm sơn lót epoxy chứa các hạt nano SiO₂@Ce³⁺ và chế tạo 40kg sơn lót epoxy, đồng thời xác định các chỉ tiêu kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 20456

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

83393.11-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo cảm biến sinh học vi lưu trên đế giấy bằng phương**

pháp in phun nhằm xác định hàm lượng β -hCG cho phụ nữ mang thai/ TS. Đặng Thị Mỹ Dung, GS. TS. Đặng Mậu Chiến; TS. Đoàn Đức Chánh Tín; PGS. TS. Nguyễn Tiến Thắng; ThS. Đàm Thị Quỳnh Liên; TS. Lê Nguyên Ngân; ThS. Lâm Hồng Phương; ThS. Trịnh Dũng Chinh; ThS. Trương Thị Thu An; ThS. Lê Thị Vân Anh; KS. Đinh Trịnh Minh Đức; KS. Lê Thị Mai - Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Nano, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo được các kênh dẫn vi lưu trên đế giấy hay nói cách khác là các đường chặn kỵ nước trên đế giấy để dẫn chất lỏng chỉ chảy trong lòng phần đế giấy thấm nước. Phương pháp in phun được sử dụng để tạo nên thành chặn kỵ nước là phương pháp in phun hòa tan đế giấy. Phương pháp này dựa trên cơ sở rằng giấy đóng vai trò là vật liệu thấm nước tốt, do đó chỉ cần loại bỏ đi lớp giấy này thì sẽ tạo ra đường kỵ nước. Vì vậy, trong đề tài này, các đường kỵ nước sẽ có dạng các đường rãnh thấp hơn bề mặt lớp giấy (có thể gọi là đường rãnh chặn nước); khác với các đường chặn kỵ nước trong các phương pháp thông thường sẽ cao hơn so với đường dẫn nước.

Số hồ sơ lưu: 20057

83926.11-2022 Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất tại các nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp quy mô dưới 50.000

tấn/năm./ KS. Nguyễn Đình Hải, KS. Nguyễn Thị Hằng; KS. Ngô Văn Hữu; KS. Trần Hoài Nam; KS. Đoàn Thị Lệ Huyền; KS. Đào Sĩ Hinh; KS. Nguyễn Thế Sáng; KS. Hà Thanh Tùng; KS. Nguyễn Việt Khánh; CN. Lý Hồng Lệ - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng tình hình sử dụng nguyên liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất tại một số nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp quy mô dưới 50.000 tấn/năm; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, năng lượng cho một số nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp quy mô dưới 50.000 tấn/năm; Tổ chức thực hiện áp dụng một số giải pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất tại 01 nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp quy mô dưới 50.000 tấn/năm; Đánh giá kết quả thực hiện áp dụng một số giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất tại 01 nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp quy mô dưới 50.000 tấn/năm.

Số hồ sơ lưu: 20338

20515. Vật liệu tiên tiến

83666.11-2022 Nghiên cứu tổng hợp vật liệu tiên tiến (cacbon hình cầu/hydroxide cấu trúc lớp kép) ứng dụng trong xử lý nước ô nhiễm/ TS. Trần Nguyễn Hải, TS.

Vũ Thị Mai; TS. Nguyễn Quốc Khương; ThS. Tôn Thất Lộc - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp vật liệu hấp phụ mới có khả năng hấp phụ cao và định hướng cho xử lý nước ô nhiễm. Nghiên cứu các đặc tính quan trọng của vật liệu hấp phụ được tổng hợp. Đánh giá khả năng hấp phụ của vật liệu mới đối với các chất ô nhiễm dạng vô cơ, hữu cơ, và các chất gây ô nhiễm mới. Đề xuất cơ chế hấp phụ đối với các chất ô nhiễm. Đánh giá hiệu quả xử lý nước ô nhiễm thực tế của vật liệu hấp phụ tổng hợp.

Số hồ sơ lưu: 20222

83698.11-2022 **Phát triển công nghệ chế tạo vật liệu đa chức năng trên cơ sở biến tính tro bay tại các nhà máy nhiệt điện, ứng dụng trong xử lý các nguồn thải hữu cơ và khí CO₂**/ PGS.TS. Đào Sỹ Đức, TS. Trịnh Xuân Đại; TS. Ngô Hồng Ánh Thu; TS. Hà Minh Ngọc; ThS. Đỗ Đình Khải - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xuất phát từ các vấn đề khoa học và thực tiễn đề tài đề xuất nhằm phát triển các vật liệu đa chức năng trên cơ sở tro bay biến tính có thể góp phần xử lý hiệu quả các nguồn thải hữu cơ khó phân hủy sinh học trong nước thải, đồng thời có khả năng hấp phụ, lưu giữ CO₂ nhằm hạn chế sự phát thải khí nhà kính gây vấn đề ấm lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Nếu

được đầu tư và triển khai thành công, đề tài có thể góp phần giải quyết nhiều vấn đề môi trường ở nhiều ngành công nghiệp quan trọng khác nhau như dệt nhuộm, sản xuất và sử dụng thuốc trừ sâu, nhiệt điện, khai thác và chế biến dầu khí... Đặc biệt, đề tài đi theo hướng sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sử dụng chất thải nguy hại của ngành công nghiệp này để giải quyết các vấn đề môi trường đáng lo ngại của các ngành công nghiệp trọng điểm khác, điều này không những góp phần giải quyết nhiều bài toán môi trường mà còn góp phần làm giảm đáng kể chi phí xử lý và vận hành.

Số hồ sơ lưu: 20233

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

84144.11-2022 **Phát triển phương pháp hiển vi huỳnh quang siêu phân giải dựng ảnh ngẫu nhiên ứng dụng trong phát hiện vi rút**/ TS. Nguyễn Trọng Nghĩa, PGS.TS. Trần Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Đình Hoàng; TS. Nghiêm Thị Hà Liên; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; PGS.TS. Lê Quang Huân; TS. Đào Huyền Quyên; ThS. Vũ Văn Sơn; PGS.TS. Đỗ Quang Hòa; TS. Lã Thị Huyền - Hà Nội - Viện Vật lý, 2022; 06/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng kính hiển vi huỳnh quang siêu phân giải sử dụng kỹ thuật định vị đơn phân tử. Đánh giá các thông số cơ bản của kính hiển vi, phân tử hoạt động STORM và thang đo trong kính hiển vi siêu phân giải. Nghiên cứu đánh dấu huỳnh quang

chụp ảnh siêu phân giải tế bào và phát hiện vi rút trên kính hiển vi huỳnh quang siêu phân giải định vị đơn phân tử.

Số hồ sơ lưu: 20461

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

84038.11-2022 “Nghiên cứu chế tạo bộ sinh phẩm RT-PCR và real-time RT-PCR phát hiện chủng vi rút corona mới 2019 (2019-nCoV)”/ PGS. TS. Hồ Anh Sơn, TS. Hoàng Xuân Sứ; TS. Đinh Thị Thu Hằng; TS. Hoàng Văn Tổng; PGS. TS. Nguyễn Thái Sơn; PGS. TS. Tạ Bá Thắng; TS. Lê Văn Nam; GS. TS. Đỗ Quyết; GS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; TS. Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thanh Việt; ThS. Trần Thị Thu Huyền; ThS. Văn Hồng Minh; CN. Phan Quốc Việt; ThS. Hồ Thị Thanh Thủy; ThS. Khổng Thị Minh Ngân; ThS. Nguyễn Thụy Dạ Thảo - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021; 02/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập chứng dương cho bộ sinh phẩm sàng lọc chủng 2019-nCoV bằng kỹ thuật RT-PCR. Thiết lập chứng dương và chứng nội kiểm cho bộ sinh phẩm phát hiện chủng 2019-nCoV bằng kỹ thuật real-time RT-PCR. Đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu và hiệu quả tiền lâm sàng của bộ sinh phẩm phát hiện chủng 2019-nCoV. Ứng dụng bộ sinh phẩm trong thử nghiệm lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: 20354

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

83309.11-2022 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất phương pháp đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí ở nước ta và thử nghiệm cho một khu vực/ ThS. Dương Thị Phương Anh, CN. Hoàng Thị Hiền; TS. Nguyễn Trung Thắng; ThS. Nguyễn Trường Huynh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Vũ Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; CN. Trần Quý Trung; GS. TS. Hoàng Xuân Cơ; GS. TS. Phạm Ngọc Hồ - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận từ khái niệm, ý nghĩa đến phương pháp đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế thông qua các tài liệu nghiên cứu để thấy được phương pháp, mô hình sử dụng trong đánh giá sức chịu tải trên thế giới để đưa ra bài học cho Việt Nam cũng như nghiên cứu được tổng quan về hệ số phát thải. Thực hiện rà soát các quy định pháp luật về sức chịu tải của môi trường không khí, đánh giá hiện trạng số liệu đầu vào cho mô hình lan truyền chất ô nhiễm không khí trong đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí ở Việt Nam. xây dựng dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí. Quy trình đánh giá sức chịu tải bao gồm các bước như sau: (i) Xác định, lựa chọn khu vực/khí vực đánh giá sức chịu tải; (ii) Xác định các thông số ô nhiễm không khí để đánh

giá sức chịu tải; (iii) Thu thập, xử lý số liệu đầu vào; (iv) Áp dụng mô hình đánh giá sức chịu tải của môi trường không khí; (v) Đánh giá khả năng chịu tải của khu vực/khí vực đối với các chất ô nhiễm.

Số hồ sơ lưu: 20017

83408.11-2022 Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ xử lý chất thải trong các cơ sở chăn nuôi và giết mổ lợn quy mô vừa và nhỏ khu vực Đông Nam Bộ phục vụ xây dựng nông thôn mới/ TS. Nguyễn Thành Trung, TS. Trần Tinh Huy; KS. Vũ Ngọc Bích; CN. Phạm Trường Giang; CN. Trần Thái Long; CN. Trương Công Sơn; CN. Trần Hữu Tình; KTV. Phạm Văn Hây; KS. Phạm Văn Quang; KTV. Phạm Văn Lâm; KTV. Phạm Văn Hơn; KS. Trần Quang Chính; KTV. Phạm Văn Nam; CN. Trần Thị Hồng; KTV. Nguyễn Thị Thanh Sương; KTV. Phạm Văn Sơn; KTV. Lê Thị Sanh; KTV. Ngô Minh Tr; KTV. Phạm Thị Hoa; KTV. Phạm Văn Chiến; GS. TS. Lê Sâm; KTV. Hoàng Văn Phước; KTV. Nguyễn Duy Phương; KTV. Nguyễn Duy Bảo; KTV. Vũ Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân - Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty TNHH Trang Linh, 2020; 05/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng thành công mô hình ứng dụng công nghệ xử lý chất thải trong các cơ sở chăn nuôi lợn, giết mổ lợn phục vụ xây dựng nông thôn mới khu vực Đông Nam bộ. Xây dựng 01 mô hình ứng dụng công nghệ đệm lót sinh học trong nuôi lợn và xử lý môi trường không khí bằng ozone,

quy mô 1500 con và 250 con lợn thịt tại Bà Rịa Vũng Tàu. Xây dựng 01 mô hình xử lý chất thải lỏng bằng công nghệ màng Biogill trong chăn nuôi, quy mô lưu lượng nước thải mô hình chăn nuôi 80m³/ngày, 35m³/ngày tại Bà Rịa Vũng Tàu. Xây dựng 01 mô hình hình ứng dụng công nghệ bigas kết hợp với ủ phân compost để tái sử dụng nước và chất thải rắn nuôi lợn.

Số hồ sơ lưu: 20068

83557.11-2022 Nghiên cứu ô nhiễm kim loại nặng trong không khí thông qua chỉ thị rêu *Barbula Indica*/ GS. TS. Lê Hồng Khiêm, ThS. Lê Đại Nam; CN. Vũ Đức Quân; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Khuất Thị Hồng; CN. Trần Văn Phúc; ThS. Vũ Đức Công; CN. Phan Thị Kim Thu; CN. Phan Thùy Linh; CN. Nguyễn Thị Diệu Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Đỗ Thái Bình; ThS. Trịnh Đình Trung; ThS. Nguyễn Hữu Quyết; CN. Dương Văn Thắng - Hà Nội - Viện Vật lý, 2021; 09/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu, học hỏi phương pháp quan trắc ô nhiễm kim loại nặng trong không khí dùng rêu từ các chuyên gia quốc tế tại Viện Liên hiệp Nghiên cứu Hạt nhân Dubna tiến tới làm chủ được phương pháp để có thể triển khai tại Việt Nam nhằm bổ xung cho sự thiếu hụt của các trạm quan trắc tự động, đắt tiền. Làm chủ quy trình phân tích kích hoạt neutron trên lò phản ứng hạt nhân IBR-2 tại Viện Liên hiệp Nghiên cứu Hạt nhân Dubna (Liên Bang Nga) tiến tới chủ

động khai thác lò phản ứng hạt nhân này cho các nhu cầu phân tích độ nhạy cao của Việt Nam. Khai thác vai trò thành viên chính thức của Việt Nam tại Viện Liên hiệp Nghiên cứu Hạt nhân Dubna và tăng cường hợp tác quốc tế. Đào tạo cán bộ trong lĩnh vực quan trắc ô nhiễm không khí dùng rêu và các phương pháp phân tích hạt nhân. Tiến tới chuyển giao phương pháp cho các sở khoa học công nghệ và môi trường ở các tỉnh thành trong để có thể triển khai hàng năm trên địa bàn cả nước.

Số hồ sơ lưu: 20114

83694.11-2022 **Dự báo xói mòn vùng đất dốc ở miền Bắc Việt Nam dùng phương pháp học máy/** TS. Vũ Đình Tuấn, TS. Hoàng Nhật Đức; TS. Trần Xuân Linh - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2021; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mục tiêu của đề tài nhằm góp phần hiểu biết thêm về cơ chế xói mòn, và yếu tố tác động đến xói mòn đất gây ra bởi mưa ở vùng nhiệt đới (Sơn La, Việt Nam). Những cơ sở dữ liệu này sẽ được dùng để xây dựng và tập huấn mô hình. Mô hình sẽ được hiệu chỉnh và kiểm nghiệm trước khi ứng dụng để dự báo xói mòn và đề xuất giải pháp bảo vệ đất cho khu vực. Phương pháp tiếp cận là Phương pháp học máy sẽ đóng góp hiểu biết sâu hơn về học máy, và đặt nền móng ứng dụng trong lĩnh vực môi trường nông nghiệp, cụ thể là giảm thiểu xói mòn. Kết quả dự án kỳ vọng đóng góp công cụ ra quyết định cho người lập kế hoạch sử dụng

đất hợp lý, hướng đến sử dụng bền vững đất dốc.

Số hồ sơ lưu: 20229

83825.11-2022 **Nghiên cứu giải pháp mềm bảo vệ bờ vùng cửa sông, ven biển bán đảo Cà Mau/** ThS. Mai Trọng Luân, PGS. TS. Lương Văn Thanh; ThS. Lương Văn Khanh; GS. TS. Thiều Quang Tuấn; TS. Nguyễn Quang Chiến; ThS. Vũ Minh Anh; TS. Trần Minh Đức; PGS. TS. Trịnh Văn Hạnh; ThS. Trần Thị Lợi; ThS. Lê Ngọc Cương - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 12/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiệu quả, tồn tại của các giải pháp đã áp dụng và đề xuất được giải pháp mềm để bảo vệ bờ vùng cửa sông, ven biển bán đảo Cà Mau; Xây dựng bộ tiêu chí để xác định các vị trí áp dụng giải pháp mềm để bảo vệ bờ vùng cửa sông, ven biển bán đảo Cà Mau; Áp dụng triển khai được 01 mô hình giải pháp mềm thân thiện với môi trường, bảo vệ bờ vùng cửa sông, ven biển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 20271

83903.11-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tăng cường năng lực thông tin khí tượng thủy văn phục vụ công tác dự báo, phòng chống thiên tai ở khu vực Nam Bộ/** ThS. Giáp Văn Vinh, CN. Nguyễn Nam Đức; CN. Nguyễn Hồng Hải; KS. Lương Hữu Anh; CN. Phạm Hồ Quốc Tuấn; CN. Nguyễn Hữu Hiệu; ThS. Đào Anh Văn; KS. Nguyễn Kiệt; KS. Trần Thành Công; CN. Lương Viết Huy - TP. Hồ Chí Minh

- Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ công cụ tổng hợp số liệu khí tượng thủy văn (KTTV) ở khu vực Nam Bộ; bao gồm số liệu quan trắc từ hệ thống các mạng lưới trạm KTTV tự động và số liệu quan trắc truyền thống ở khu vực Nam Bộ. Xây dựng ứng dụng bản đồ đơn giản và hiệu quả, có khả năng chạy độc lập (không cần cài đặt và tránh trả phí bản quyền cho các phần mềm hỗ trợ bản đồ chuyên dùng) để hiển thị thông tin KTTV trên bản đồ nhằm hỗ trợ công tác quản lý mạng lưới trạm, giám sát tình hình hoạt động thu nhận số liệu và khai thác số liệu KTTV. Phương thức mới để quản lý thông tin trạm bằng hình ảnh về nhà trạm, công trình đo, thiết bị đo ...

Số hồ sơ lưu: 20320

83907.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình điển hình xử lý và tái sử dụng nước thải nuôi tôm sú ở đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Lê Hữu Quỳnh Anh, TS. Đinh Thị Nga; GS. TS. Phan Đình Tuấn; ThS. Vũ Phương Thư; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Châu Thị Nhiên; TS. Nguyễn Minh Tân; TS. Trần Thị Thanh Ngọc; PGS. TS. Tôn Thất Lãng; ThS. Lương Ngọc Lân; PGS. TS. Trần Văn Quy; TS. Nguyễn Nhứt - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2021; 12/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm rõ được thực trạng sử dụng, sự suy giảm chất lượng nước, các

vấn đề về môi trường và nhu cầu tái sử dụng đối với nước thải ao nuôi tôm ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Nghiên cứu và triển khai được công nghệ có tính khả thi, phù hợp với điều kiện địa phương để xử lý nước thải ao nuôi tôm đạt tiêu chuẩn tái sử dụng. Nghiên cứu và đề xuất được giải pháp phương pháp xử lý bùn đáy theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường. Áp dụng và tích hợp được các công nghệ của CHLB Đức trong việc quan trắc và phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước của hệ thống xử lý, tái sử dụng nước thải ao nuôi tôm. Đánh giá được hiệu quả kinh tế và môi trường của hệ thống xử lý và tái sử dụng nước thải nuôi tôm từ đó đề xuất được tính khả thi và khả năng nhân rộng mô hình quản lý nguồn nước nuôi trồng thủy sản bền vững kết hợp công nghệ quan trắc của CHLB Đức và các điều kiện sẵn có của địa phương.

Số hồ sơ lưu: 20323

83915.11-2022 **Áp dụng sáng chế số 7430 để xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác từ bãi chôn lấp rác thải quy mô cấp huyện/ PGS. TS. Trần Liên Hà, TS. Đỗ Biên Cương; TS. Hoàng Quốc Tuấn; GS. TS. Nguyễn Văn Cách; PGS. TS. Quán Lê Hà; TS. Phạm Ngọc Hưng; TS. Nguyễn Đức Trung; KS. Nguyễn Thị Hoàng Mai; KS. Bùi Thị Kim Hoa; Phạm Tiên Phong - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khai thác ứng dụng sáng chế 7430 để xây dựng được hệ thống xử

lý nước rỉ rác đủ năng lực xử lý cho bãi chôn lấp rác thải quy mô cấp huyện; Nước rỉ rác được xử lý đạt ngưỡng cột B1 theo quy chuẩn nhà nước hiện hành QCVN 25:2009/BTNMT. Khai thác ứng dụng sáng chế 7430 để xây dựng được hệ thống xử lý nước rỉ rác cho bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt quy mô cấp huyện trên địa bàn các tỉnh khu vực phía bắc; Công suất xử lý 50 m³ nước rỉ rác/ngày đêm và Chất lượng nước sau xử lý đáp ứng giá trị quy định cột B1, theo QCVN 25:2009/BTNMT, với 4 chỉ tiêu bắt buộc. Bàn giao cho cơ sở tiếp nhận khai thác để kiểm soát ô nhiễm môi trường cho bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt của đơn vị tiếp nhận dự án. Đề xuất phương án nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong kiểm soát ô nhiễm nước rỉ rác cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp huyện sang các địa bàn khác trong nước.

Số hồ sơ lưu: 20328

83959.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình kết bao và chế tạo đơn nguyên màng lọc sợi rỗng ứng dụng trong xử lý nước thải sinh hoạt/** TS. Trần Hùng Thuận, ThS. Nguyễn Văn Tuyên; TS. Chu Xuân Quang; ThS. Trương Thị Nguyệt Ánh; KS. Bùi Thị Thủy Ngân; KS. Thái Thị Xuân Trang; ThS. Đặng Thảo Yên Linh; CN. Trần Ngọc Dương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ vật liệu - Viện Ứng dụng Công nghệ, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về vật liệu kết dính sử dụng trong chế tạo đơn nguyên màng

lọc sợi rỗng. Tiến hành xây dựng quy trình kết bao (potting) đơn nguyên màng lọc sợi rỗng. Từ những kết quả nghiên cứu, chế tạo đơn nguyên màng lọc sợi rỗng (dạng prototype) ứng dụng trong xử lý nước thải sinh hoạt công suất tối thiểu 100 lít/m².h. Qua đó, giúp cho công nghệ màng lọc được áp dụng rộng rãi hơn góp phần vào việc bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 20377

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí

83602.11-2022 **Nghiên cứu, chế tạo và khảo sát một số tính chất cấu trúc, điện, quang của cấu trúc lõi /Au/TiO₂(Au/TiO₂@PVP)/N719/PEDOT:PSS/ trên đế bán dẫn Si và Glass/ITO(FTO) nhằm phát triển pin mặt trời plasmonic tích hợp nhạy màu trạng thái rắn/** GS.TSKH. Đào Khắc An, TS. Nguyễn Sỹ Hiếu; CN. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Chung Đông; ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Nguyễn Xuân Chung - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá sự phụ thuộc của một số thông số của PDSSC vào kích thước các hạt nano, vào cấu trúc pin PDSSC và vật liệu sử dụng trong pin. Nghiên cứu một số tính chất cấu trúc của cấu hình Au/TiO₂/N719... và cấu hình /Au/TiO₂(Au/TiO₂@PPV)/N719/ bằng kỹ thuật SEM, TEM, HRTEM, AFM; EDX. Chế tạo và khảo sát một

số tính chất cấu trúc, điện, quang của hệ hạt Pt và hệ hạt nano Au có các kích thước khác nhau lên trên các đế ITO/Glass, Si (N+N). Chế tạo thăm dò một số cấu hình lõi pin màng Si/Au/TiO₂(Au/TiO₂@PVP)/N719/P EDOT:PSS, tích hợp với điện cực trong suốt Pt/ITO/Glass tạo thành mẫu pin plasmonic nhạy màu có lớp màng mỏng Si ở trạng thái rắn. Nghiên cứu tính chất cấu trúc, tính chất điện (phổ impedance..), tính chất quang điện, điện trở tiếp xúc (ohmic) ở các điện cực và khảo sát tính ổn định của mẫu pin chế tạo ra.

Số hồ sơ lưu: 20178

20704. Viễn thám

83719.11-2022 **Nghiên cứu, xây dựng nền tảng hạ tầng dữ liệu không gian (SDI), phục vụ quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị - Ứng dụng thí điểm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.**/ ThS. Lê Vĩnh Chiến, PGS. TS. Nguyễn Quang Tuấn; TS. Hoàng Bảo Hùng; ThS. Nguyễn Dương Anh; KTS. Hoàng Hải Minh; ThS. Lê Duy Sử; Lê Quốc Thịnh; ThS. Đỗ Xuân Huyền; Hoàng Thị Ngọc Dung; ThS. Lê Phước Thành; ThS. Phạm Ngọc Sơn; TS. Nguyễn Đại Viên; ThS. Lê Toàn Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Sơn; TS. Võ Anh Tuấn; Nguyễn Minh; TS. Hoàng Dương Huân; ThS. Hoàng Thế Vũ Long - Thừa Thiên - Huế - Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế, 2021; 07/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và xác lập được cơ sở khoa học xây dựng cơ sở SDI Việt Nam. Xây dựng được qui định,

chính sách về CSDL và hạ tầng cho SDI. - Đánh giá tổng quan được về hạ tầng không gian quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị cấp tỉnh (Nghiên cứu thí điểm tại tỉnh Thừa Thiên Huế). Xây dựng được cơ sở dữ liệu không gian đô thị cấp tỉnh phục vụ quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị hướng đến xây dựng đô thị thông minh tại Việt Nam, cụ thể: xây dựng được chuẩn CSDL GIS về hạ tầng không gian đô thị cấp tỉnh; Xây dựng được CSDL GIS (2D, 3D) phục vụ quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị.

Số hồ sơ lưu: 20253

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

83689.11-2022 **Xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác quy hoạch điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản vùng biển 0-200m nước Đông Nam Bộ/** TS. Nguyễn Tiên Thành, ThS. Vũ Tất Tuấn; TS. Nguyễn Trường Lưu; PGS.TS. Hoàng Văn Long; TS. Đào Mạnh Tiến; TS. Nguyễn Văn Niệm; PGS.TS. Nguyễn Phương; ThS. Nguyễn Trọng Hào; ThS. Dương Tuấn Ngọc; ThS. Nguyễn Đức Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Nguyễn Đình Lập; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Lê Văn Đức; TS. Dương Quốc Hưng; KS. Vũ Ngọc Tuyên - Hà Nội - Liên đoàn Địa chất và Khoáng sản Biển, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ quy luật phân bố, phân vùng triển vọng sa khoáng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng vùng biển từ 0 - 200m nước Đông Nam

Bộ; Lựa chọn loại hình khoáng sản làm vật liệu xây dựng, công nghệ khai thác; Định hướng quy hoạch điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản vùng biển từ 0 - 200m nước Đông Nam Bộ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

Số hồ sơ lưu: 20213

20708. Kỹ thuật bờ biển

83932.11-2022 Nghiên cứu động lực biến đổi bờ biển và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên vùng ven biển miền Bắc và miền Trung Việt Nam/ TS. Nguyễn Thanh Hoàn, PGS.TSKH. Nguyễn Văn Cư; PGS.TS. Lại Vĩnh Cẩm; PGS.TS. Đào Đình Châm; PGS.TS. Đinh Văn Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn; TS. Nguyễn Lập Dân; TS. Nguyễn Hồng Lâm; ThS. Nguyễn Thái Sơn; TS. Nguyễn Thị Thảo Hương; PGS.TS. Phan Thị Thanh Hằng; PGS.TS. Nguyễn Đăng Hội; ThS. Hoàng Thái Bình - Hà Nội - Viện Địa lý, 2021; 09/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến từ LB Nga trong nghiên cứu động lực biến đổi bờ biển. Xác định thực trạng, nguyên nhân và dự báo biến động bờ biển miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Đề xuất các giải pháp định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên vùng ven biển miền Bắc và miền Trung Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20247

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác

83697.11-2022 Nghiên cứu công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong vùng dịch và vùng có nguy cơ bị bệnh Dịch tả lợn Châu Phi/ PGS.TS. Lại Thị Lan Hương, TS. Võ Hữu Công; GS.TS. Nguyễn Thị Lan; PGS.TS. Phạm Hồng Ngân; ThS. Lê Văn Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; GS.TS. Trần Đức Viên; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh; TS. Đinh Hồng Duyên; ThS. Lý Thị Thu Hà - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình xử lý vệ sinh thú y đối với động vật mắc bệnh, xác động vật mắc bệnh, nghi ngờ mắc bệnh trong vùng bị bệnh Dịch tả lợn châu Phi và vùng có nguy cơ bị bệnh Dịch tả lợn châu Phi theo các quy mô xử lý. Xây dựng quy trình xử lý vệ sinh thú y đối với sản phẩm chăn nuôi, môi trường đất, nước, không khí trong vùng bị bệnh Dịch tả lợn châu Phi và vùng có nguy cơ bị bệnh Dịch tả lợn châu Phi theo các quy mô xử lý. Xây dựng quy trình công nghệ xử lý xác lợn nói riêng và xác động vật nói chung bằng sự kết hợp tiên xử lý bởi nhiệt với thủy phân nhờ hệ enzyme do vi sinh vật sinh ra tạo thành đạm động vật. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi, có giải pháp an toàn, chủ động để xử lý ô nhiễm môi trường trong vùng dịch và vùng có nguy cơ bị bệnh Dịch tả lợn châu Phi.

Số hồ sơ lưu: 20234

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

83567.11-2022 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano vô cơ bằng hệ thống điện sinh học nhằm tái thu hồi kim loại nặng và sản xuất tác nhân ức chế các nhóm vi khuẩn gây bệnh cho cây trồng/** TS. Hồ Tú Cường, TS. Lê Đăng Quang; PGS.TS. Tăng Thị Chính; ThS. Đặng Thị Mai Anh; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thị Hạnh - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2022; 04/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế hệ thống điện sinh học vận hành với *Shewanella* (bùn hoạt tính tự nhiên) cho mục đích sinh tổng hợp vật liệu nano vô cơ. Tổng hợp vật liệu nano kim loại CdS, Se, Ag, Cu và Zn). Thử nghiệm hoạt tính kháng khuẩn của vật liệu nano đối với các vi khuẩn gây bệnh cây *Xanthomonas axonopodis* và *Ralstonia solanacearum*.

Số hồ sơ lưu: 20177

83710.11-2022 **Nghiên cứu chế tạo và khảo sát đặc trưng, tính chất của xi măng xương acrylic trên cơ sở PMMA hình sao và các vật liệu nanocomposit lai ghép nanosilica-g-PMMA và hydroxyapatit-g-PMMA/** TS. Đỗ Quang Thâm, ThS. Mai Đức Huỳnh; TS. Nguyễn Thị Kim Dung; TS. Đỗ Văn Công; TS. Nguyễn Thị Thái - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp PMMA hình sao 4 cánh đang hoạt động (4sPMMA) có

trọng lượng phân tử trong khoảng 80 - 120 kDa, độ đa phân tán khối lượng phân tử 1.6 - 1.8, kích thước hạt từ 100-300 μm ở quy mô phòng thí nghiệm. Tổng hợp hạt nanosilica và biến tính bởi 3-methoxypropyl trimethoxy silane (MPS), nanoHAP biến tính bởi vinyltrimethoxysilan (VTMS) và các chất gia cường silicag-PMMA, HAP-g-PMMA. Chế tạo 2 phần của xi măng có hoạt tính sinh học: phần bột chứa bột 4sPMMA, silica-g-PMMA, HAP-gPMMA, submicromet (hoặc nano) BaSO₄; phần lỏng chứa MMA và một phần styren monome, chất hoạt hóa DMPT. Có các số liệu đánh giá hoạt tính sinh học của xi măng xương chế tạo.

Số hồ sơ lưu: 20230

83712.11-2022 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano trên cơ sở porphyrin bằng phương pháp self-assembly và ứng dụng trong xúc tác quang/** TS. Lã Đức Dương, ThS. Trần Văn Chinh; PGS.TS. Ninh Đức Hà; PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Phương; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Duy Anh - Hà Nội - Viện Hóa học và Vật liệu, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp vật liệu nano lai ghép cơ sở porphyrin từ meso-tetra(4-cacboxyphenyl) porphyrin (TCPP) và ZnO, graphen bằng phương pháp self-assembly. Tổng hợp vật liệu nano lai ghép cơ sở porphyrin từ meso-tetra(4-cacboxyphenyl) porphyrin (TCPP) và các hạt nano spinel bằng phương pháp self-assembly. Tổng hợp cấu trúc nano F-

porphyrin bằng phương pháp self-assembly trong các hệ dung môi khác nhau. Xác định tính chất và phân tích vật liệu nano cơ sở porphyrin thu được bằng các phương pháp SEM, TEM, XRD, FTIR, UV-Vis... Nghiên cứu khả năng xúc tác quang của vật liệu tổng hợp được cho việc xử lý một số loại thuốc nhuộm dưới ánh sáng khả kiến. Nghiên cứu cơ chế xúc tác quang của vật liệu nano cơ sở porphyrin ứng dụng làm xúc tác quang xử lý thuốc nhuộm.

Số hồ sơ lưu: 20235

83727.11-2022 **Dịch chuyển của vách domain từ trong các bẫy hợp kim Ni₈₀Fe₂₀ có cấu trúc nano/** TS. Hoàng Đức Quang, TS. Nguyễn Hoài Thương; TS. Đào Vĩnh Ái; TS. Cao Xuân Hữu - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tối ưu hóa các tham số hình dạng cấu trúc dây/chuỗi/bẫy domain walls từ (DWs), hướng từ trường ngoài/phương thức dịch chuyển DWs bằng từ trường ngoài, cấu trúc thành phần của 'bom DW' cho các cấu trúc tạo đơn DW ở giai đoạn đầu của quá trình dịch chuyển DW; Chế tạo thử các cấu trúc có chứa các DWs đã được tối ưu, và xem xét quá trình dịch chuyển DWs trong các cấu trúc đó, so sánh với các kết quả giả lập từ mô phỏng bằng phần mềm OOMMF/MatLab.

Số hồ sơ lưu: 20252

21101. Kỹ thuật thực phẩm

83339.11-2022 **Hoàn thiện công nghệ, dây chuyền thiết bị để nâng cao chất lượng dầu ăn và sản xuất shortening, margarine từ mỡ cá tra/** CN. Nguyễn Thị Kim Hồng, KS. Lương Công Lợi; KS. Trương Vĩnh Thành; KS. Lê Xuân Quế; TS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Điềm; KS. Lê Kiên Cường; KS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Đặng Văn An; KS. Lê Anh Tùng; KS. Hồ Thanh Phương; KS. Trịnh Thị Mỹ Tiên; KS. Trần Thế Bửu; TS. Vũ Phương Lan - An Giang - Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai, 2020; 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ và hệ thống thiết bị chế biến mỡ cá tra để nâng cao chất lượng sản phẩm dầu ăn. Xây dựng quy trình công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất shortening, margarine từ mỡ cá tra. Xây dựng 2 tiêu chuẩn cơ sở của 2 sản phẩm shortening và margarine từ mỡ cá tra. Sản xuất 500 tấn dầu ăn đạt các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế và khử được 100% mùi tanh. Sản xuất 250 tấn shortening và 250 tấn margarine đạt các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

Số hồ sơ lưu: 20028

83838.11-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị sấy và khử khuẩn tự động cho thanh long sấy dẻo/** ThS. Nguyễn Văn Đưa, ThS. Trịnh Thị Thương; KS. Phạm Đình Kha; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lê Quốc Tuấn;

ThS. Đỗ Trọng Tấn; ThS. Vũ Xuân Mạnh; ThS. Trần Hà - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, hoàn thiện và triển khai quy trình chế biến nông sản sấy từ bước tuyển chọn đầu vào, sơ chế, sấy, đóng gói và thương mại sản phẩm. Sản phẩm cũng cần thử nghiệm nhân rộng hơn nữa với các loại nông sản khác để đa dạng về đối tượng sấy. Xây dựng phát triển phần mềm theo hướng IoT để hỗ trợ giám sát điều khiển từ xa. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình thiết kế, chế tạo với quy mô lớn hơn để đáp ứng quá trình chế biến đại trà.

Số hồ sơ lưu: 20291

21102. Kỹ thuật đồ uống

83700.11-2022 **Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng chuỗi giá trị sản xuất rượu gạo gắn với chế biến vang nho tại Ninh Thuận và Lâm Đồng/ TS.** Phan Công Kiên, ThS. Phan Văn Tiêu; ThS. Phạm Văn Phước; ThS. Võ Minh Thư; ThS. Nại Thành Nhân; ThS. Đặng Minh Tâm; KS. Lê Văn Long; KS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Phạm Thị Thu; ThS. Lê Văn Gia Nhỏ - Ninh Thuận - Viện nghiên cứu nông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2021; 11/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tuyển chọn và hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất một số giống nho rượu có chất lượng tốt, phù hợp để phát triển trong điều kiện tự nhiên tại Ninh Thuận. Xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất được loại

rượu vang nho đạt chất lượng cao đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Xây dựng chuỗi giá trị sản xuất nguyên liệu nho rượu gắn với chế biến vang nho nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững tại Ninh Thuận và Lâm Đồng.

Số hồ sơ lưu: 20231

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

83917.11-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất ván ghép thanh từ gỗ trồng phục vụ trong nước và xuất khẩu tại tỉnh Phú Thọ/ KS.** Vũ Hữu Trường, KS. Phạm Quyết Thắng; KTV. Nguyễn Trung Thông; CN. Lê Ngọc Tuấn - Phú Thọ - Công ty TNHH Nam Linh Phú Thọ, 2021; 04/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyên giao công nghệ và xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất ván ghép thanh từ gỗ rừng trồng (gỗ keo) được Tổ chức chủ trì tiếp thu và làm chủ. Xây dựng mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất ván ghép thanh gỗ rừng trồng: dây chuyền công suất 5.000 m³ sản phẩm/năm. Sản phẩm ván ghép thanh đáp ứng tiêu chuẩn yêu cầu của thị trường xuất khẩu và trong nước. Lô số 0: 500 m³ ván ghép thanh với ít nhất 300 m³ đạt loại 1 (xuất khẩu) và không qua 200 m³ đạt oại II (tiêu dùng nội địa).

Số hồ sơ lưu: 20336

83946.11-2022 **Nghiên cứu phân tích và xây dựng các hồ sơ công nghệ phục vụ phát triển**

ngành năng lượng giai đoạn 2021-2025/ TS. Đặng Hoàng Hợp, ThS. Nguyễn Đăng Cường; ThS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Xuân Thành; ThS. Đinh Thị Minh Hiền; CN. Nguyễn Thùy Dung - Hà Nội - Trung tâm Thiết kế, Chế tạo và Thử nghiệm, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngành năng lượng phát triển hài hoà giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu năng lượng hợp lý; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.

Số hồ sơ lưu: 20365

3. Khoa học y, dược

84191.11-2022 **Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống trầm cảm ở người cao tuổi tại TP.**

Quảng Ngãi/ TS. Nguyễn Thị Trâm Anh, BS. CKII. Đỗ Văn Diệu ThS. Phạm Thị Kiều Duyên; ThS. Đặng Ngọc Dũng; BS. CKII. Nguyễn Thanh Quang Vũ ; TS. Lê Mỹ Dung; TS. Nguyễn Thị Hằng Phương; TS. Hà Văn Hoàng; ThS. Bùi Thị Thanh Diệu; ThS. Trịnh Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Thu Trang - Quảng Ngãi - Trường Đại học Sư phạm, 2021; 05/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình can thiệp cộng đồng phòng chống trầm cảm cho người cao tuổi phù hợp với địa bàn thành phố Quảng Ngãi. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy có thể góp phần vào hệ thống các nghiên cứu phòng chống trầm cảm cho người cao tuổi, là tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học lĩnh vực tâm thần học, tâm lý học và công tác xã hội.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-003

84192.11-2022 **Điều tra hiện trạng và giá trị nguồn dược liệu "Ma - Gang" ở tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững/** TS. Lý Ngọc Sâm, TS. Đỗ Đăng Giáp; TS. Bùi Đình Thạch; ThS. Trương Bá Vương; ThS. Đinh Mạnh Bình; PGS.TS. Đỗ Thị Hồng Tươi; ThS. Bùi Thế Vinh - Quảng Ngãi - Viện sinh học Nhiệt đới, 2021; 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có giá trị Đa dạng sinh học (ĐDSH), phong phú tài

nguyên lâm thổ sản và nhiều loại cây thuốc. Nhiều loài cây thuốc đã và đang được người dân tộc bản địa ở các huyện miền núi sử dụng điều trị các bệnh từ thông thường đến nan y, trong đó nổi bật nhất là phương thuốc “ma-gang” với thành phần chính là các loài thuộc họ Gừng (*Zingiberaceae*). Việc tiến hành nghiên cứu “Điều tra hiện trạng và giá trị nguồn dược liệu “ma-gang” ở tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững” là rất cần thiết, có ý nghĩa đối với công tác quy hoạch quản lý, bảo tồn, định hướng khai thác, sử dụng và phát triển bền vững nguồn dược liệu bản địa của ngành Y học cổ truyền ở Quảng Ngãi.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-004

30202. Sản khoa và phụ khoa

83324.11-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình sàng lọc thai phụ có cổ tử cung ngắn và điều trị dự phòng sinh non bằng Progesterone/ PGS. TS. Vũ Bá Quyết, PGS. TS. Nguyễn Xuân Hợi; BSCKII. Phan Thị Thu Nga; ThS. Nguyễn Thị Huyền Linh; TS. Đào Thị Hoa; BSCKII. Dương Thị Thu Hiền; BSCKII. Phan Hoài Nam, BSCKII. Phạm Chi Mai, ThS. Phạm Văn Định, ThS. Hoàng Phương Ly, TS. Đinh Bích Thủy, ThS. Phan Chí Thành; BSCKI. Trần Thu Nguyệt; ThS. Phạm Thị Thu; BSCKI. Nguyễn Tuấn Anh; BSCKI. Nguyễn Trung Trường; ĐDCKI. Chu Thị Nga; CN. Nguyễn Văn Anh; HS. Nguyễn Thị Mí; CN. Nguyễn Thị Hoàng Kim - Hà Nội - Bệnh viện

Phụ sản Trung ương, 2021; 04/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các quy trình sàng lọc thai phụ có cổ tử cung ngắn bằng siêu âm đường âm đạo. Xác định được tỷ lệ thai phụ có cổ tử cung ngắn dưới 25mm. Xây dựng phác đồ điều trị dự phòng sinh non bằng Progesterone đường âm đạo ở thai phụ có cổ tử cung ngắn. Đánh giá hiệu quả điều trị dự phòng sinh non ở thai phụ có cổ tử cung ngắn bằng Progesterone đường âm đạo.

Số hồ sơ lưu: 20021

30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan

83691.11-2022 Nghiên cứu cơ chế kháng erlotinib (tarceva) ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ ở Việt Nam bằng phương pháp giải trình tự gen thế hệ mới trên mẫu sinh thiết lỏng/ TS. Nguyễn Hoài Nghĩa, ThS. Võ Thanh Bình; CN. Nguyễn Minh Trúc; TS. Giang Hoa; TS. Nguyễn Thụy Vy; TS. Phan Minh Duy; PGS.TS. Hoàng Anh Vũ; TS. Nguyễn Duy Sinh; TS. Đỗ Đức Minh - Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình để phát hiện đột biến di truyền trên 11 gen ung thư dựa trên kỹ thuật sinh thiết lỏng và phương pháp giải trình tự thế hệ mới. Ứng dụng quy trình trên đối với bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ kháng với erlotinib. Nhận biết đột biến liên quan đến cơ chế kháng erlotinib ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Việt Nam

sử dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới để nhận biết các đột biến sinh dưỡng đặc hiệu ung thư hiện diện trên các DNA tự do trong huyết thanh.

Số hồ sơ lưu: 20217

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

83421.11-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán, tiên lượng và theo dõi kết quả điều trị ung thư biểu mô tuyến tụy/ GS. TS. Trần Văn Thuận, GS. TS. Trịnh Hồng Sơn; TS. Nguyễn Tiến Quang; PGS. TS. Tạ Văn Tờ; PGS. TS. Trần Thị Thanh Hương; TS. Đào Văn Tú; PGS. TS. Trần Văn Khánh; TS. Vũ Trường Khanh; PGS. TS. Trần Huy Thịnh; PGS. TS. Nguyễn Công Hoàng - Hà Nội - Viện nghiên cứu Phòng chống Ung thư, 2020; 11/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm chủ được quy trình kỹ thuật định lượng exosomal miRNA trong huyết thanh bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến tụy. Xác định được các yếu tố nguy cơ nội sinh của bệnh ung thư biểu mô tuyến tụy. Nghiên cứu giá trị của một số exosomal micro-RNA trong chẩn đoán, tiên lượng và theo dõi kết quả điều trị ung thư biểu mô tuyến tụy. Đánh giá được hiệu quả của phác đồ GEMOX trong điều trị ung thư biểu mô tuyến tụy. Mặt khác việc áp dụng công nghệ thông tin vào trong y học như bệnh án điện tử, và quản lý dữ liệu, vật liệu nghiên cứu cũng sẽ góp phần vào thay đổi phương pháp nghiên cứu hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 20073

83723.11-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PET/CT, sinh học phân tử, xạ trị (VMAT) trong chẩn đoán và điều trị một số ung thư khoang miệng/ PGS.TS. Lê Văn Quảng, ThS. Nguyễn Văn Đăng; GS.TS. Trần Văn Thuận; ThS. Ngô Quốc Duy; PGS.TS. Ngô Thanh Tùng; TS. Nguyễn Thị Thái Hòa; TS. Đỗ Hùng Kiên; TS. Trịnh Lê Huy; TS. Ngô Xuân Quý; PGS.TS. Phạm Cẩm Phương; ThS. Vũ Xuân Huy; ThS. Vũ Đình Tiến; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; CN. Nguyễn Thị Hồng Hào; ThS. Vũ Thu Thảo - Hà Nội - Viện nghiên cứu phòng chống Ung thư - Bệnh viện K, 2021; 07/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán giai đoạn, lập kế hoạch xạ trị và đánh giá kết quả điều trị một số ung thư khoang miệng. Xây dựng quy trình điều trị đích trong một số ung thư khoang miệng. Xây dựng quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị (VMAT) trong điều trị một số ung thư khoang miệng.

Số hồ sơ lưu: 20245

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

83338.11-2022 **Nghiên cứu bẹ cây Móc (Caryota mitis L.) tạo chế phẩm cầm máu/ PGS. TS. Đào Thị Vui, ThS. Trần Hồng Linh; PGS. TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Ngô Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thu Hằng; PGS. TS. Nguyễn Thu Hằng; TS.**

Nguyễn Thị Phương; DS. Trần Thị Thùy Linh - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng cầm máu của bẹ cây móc; xác định được phân đoạn có tác dụng cầm máu tốt nhất. Xây dựng được qui trình chiết xuất và bào chế cao khô, công thức và qui trình bào chế viên nang cứng từ cao chiết có tác dụng cầm máu tốt nhất của bẹ cây móc; đánh giá độ ổn định của chế phẩm. Bước đầu nghiên cứu định hướng cơ chế tác dụng cầm máu của cao khô; đánh giá tác dụng cầm máu và độ an toàn của chế phẩm. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu, cao khô và chế phẩm viên nang

Số hồ sơ lưu: 20036

83366.11-2022 **Nghiên cứu tạo chế phẩm từ lá hồng (Diospyros kaki) để phòng và hỗ trợ điều trị tai biến mạch máu não/** PGS. TS. Nguyễn Thị Bích Thu, TS. Nguyễn Văn Tài; TS. Lê Thị Xoan; PGS. TSKH. Nguyễn Minh Khởi; ThS. Phan Thị Trang; CN. Phùng Như Hoa; TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng; ThS. Nguyễn Thị Phương; TS. Lê Thị Kim Vân; ThS. Trần Thị Bích Vân - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình chiết xuất cao định chuẩn từ lá hồng đạt hiệu suất cao. Xây dựng bộ hồ sơ về chất lượng, tác dụng dược lý và độ an toàn của chế phẩm. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở dược liệu lá hồng có các chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của

dược điển Việt Nam V, dựa trên khảo sát các mẫu thực tế ở nhiều vùng khác nhau, nhiều thời điểm khác nhau trong năm. Phân lập tinh chế kaempferol, quecetin và 7 dẫn xuất của kaempferol. Xây dựng phương pháp điều chế quecetin, kaempferol và hai dẫn xuất tương ứng là hyperosid và astragalín với khối lượng 200 mg mỗi chất.

Số hồ sơ lưu: 20043

83419.11-2022 **Nghiên cứu bào chế cream, miếng dán giảm đau tại chỗ chứa capsaicinoid từ ớt (Capsicum spp.)/** GS. TS. Nguyễn Thanh Bình, PGS. TS. Đỗ Quyên; TS. Nguyễn Quỳnh Chi; TS. Phạm Tuấn Anh; PGS. TS. Nguyễn Thạch Tùng; TS. Nguyễn Trần Linh; PGS. TS. Trần Phương Thảo; TS. Đỗ Thị Nguyệt Quế; ThS. Nguyễn Đức Cường; ThS. Khuất Văn Mạnh - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2021; 06/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình bào chế cao định chuẩn từ ớt có tiêu chuẩn chất lượng tương đương với Dược điển Anh 2018; Xây dựng quy trình bào chế cream và miếng dán có tác dụng giảm đau tại chỗ chứa cao ớt định chuẩn, chất lượng tương đương sản phẩm đối chiếu; Đánh giá tính kích ứng da và tác dụng giảm đau tại chỗ của chế phẩm trên thực nghiệm nhằm khai thác được nguồn nguyên liệu ớt khá phong phú ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20076

83437.11-2022 **Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và**

ngiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ/ TS. Trần Minh Ngọc, TS. Trần Thị Liên; PGS. TSKH. Nguyễn Minh Khởi; CN. Trần Thu Thủy; TS. Hoàng Đức Mạnh; CN. Ngô Thị Minh Huyền; CN. Cao Ngọc Giang; ThS. Lê Đức Thanh; TS. Lý Ngọc Sâm; ThS. Nguyễn Xuân Trường - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2021; 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, tư liệu hóa danh mục các loài cây thuốc thiết yếu có giá trị sử dụng, phân bố tại tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. Đánh giá hiện trạng, sinh trưởng phát triển, khai thác và sử dụng nguồn cây thuốc trọng tâm tại tỉnh Cà Mau và Kiên Giang bao gồm vườn Quốc gia U Minh Thượng, huyện Kiên Lương, huyện Hòn Đất, vườn Quốc gia Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, vườn Quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau. Bảo tồn ex situ một số loài cây thuốc có triển vọng trên các vùng phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau và Kiên Giang.

Số hồ sơ lưu: 20082

83476.11-2022 Phân lập và tuyển chọn một số chủng vi sinh vật có hoạt tính sinh học từ vùng rễ cây Đinh lăng (*Polyscias fruticosa* (L.) Harms) để ứng dụng trong sản xuất chế phẩm vi sinh góp phần phòng trừ bệnh và thúc đẩy sinh trưởng cho cây Đinh lăng/ ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai, ThS. Trương Thị Chiên; TS. Trần Bảo Trâm; ThS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Ngô Thị Hoa; CN. Đỗ Thị Kim Trang; TS. Mai Thị Đàm Linh; KTV. Nguyễn Văn Điển - Hà Nội -

Trung tâm Sinh học Thực nghiệm-Viện Ứng dụng Công nghệ, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyển chọn được bộ sưu tập các chủng vi sinh vật từ vùng rễ và đất trồng cây Đinh lăng tại Hải Hậu (vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm) có khả năng đối kháng cao với vi khuẩn *Erwinia carotovora*/nấm *Fusarium* gây bệnh thối củ, cũng như các chủng vi sinh vật sinh ra một số hoạt tính sinh học quý nhằm ứng dụng trong sản xuất chế phẩm vi sinh đa chủng trong phòng trừ bệnh và thúc đẩy sinh trưởng cho cây Đinh lăng. Xác định được chủng vi sinh vật gây thối củ, rễ cây đinh lăng trồng tại Hải Hậu. Tuyển chọn được 01-02 chủng vi sinh vật có khả năng đối kháng với một số vi khuẩn *Erwinia carotovora*/nấm *Fusarium* gây bệnh thối rễ và củ cây Đinh lăng; 03-04 chủng vi sinh vật đất có hoạt tính sinh học cao (cố định nitơ, phân giải lân, sinh chất kích thích sinh trưởng). Định danh và xác định độ an toàn của các vi sinh vật tuyển chọn. Xây dựng quy trình tạo chế phẩm vi sinh đa chủng nhằm phòng trừ bệnh thối rễ và thúc đẩy sinh trưởng cho cây đinh lăng dạng bột.

Số hồ sơ lưu: 20105

83829.11-2022 Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và dược liệu đinh lăng lá nhỏ tại tỉnh Ninh Bình/ ThS. Phạm Tiến Duật, TS. Vũ Văn Tâm; TS. Nguyễn Toàn Thắng; CN. Nguyễn Văn Sinh; CN. Bùi Thị Thu Hằng; CN. Vũ Thị Kim Anh - Ninh Bình - Công ty TNHH Dược Liệu

Vũ Gia, 2021; 12/2016 - 11/2021.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận thành công các qui trình công nghệ về sản xuất giống, trồng, thu hoạch và chế biến cây Đinh lăng lá nhỏ để có năng suất và hàm lượng hoạt chất đảm bảo theo yêu cầu. Xây dựng vườn đinh lăng giống gốc 1,5ha theo tiêu chuẩn GACP. Xây dựng mô hình trồng thâm canh đảm bảo năng suất và hàm lượng hoạt chất, hướng tới mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất và chế biến dược liệu. Hoàn thiện quy trình thu hoạch, sấy khô và bảo quản nguyên liệu dược liệu. Xây dựng mô hình cơ sở sơ, chế biến đinh lăng theo tiêu chuẩn GACP với sản lượng dự kiến đạt 10 tấn khô sau 3 năm.

Số hồ sơ lưu: 20272

83900.11-2022 **Nghiên cứu phát triển vùng dược liệu đặc hữu miền Tây Nam bộ (Rau đắng đất, Thù lù, Ngải Zingiberaceae và vài dược liệu khác từ sàng lọc) đạt chuẩn GACP phục vụ sản xuất đông dược trong nước và hướng tới xuất khẩu/** TS. Lê Ngọc Hùng, TS. Phùng Văn Trung; PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Thị Hương; PGS. TS. Lê Minh Hà - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, 2021; 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá hiện trạng dược liệu đặc hữu vùng Tây Nam bộ như các loài Rau đắng đất, Thù lù, các loài Ngải (Ngải mọi, Ngải mặt trời...) và các cây dược liệu đặc hữu khác phù hợp với hệ sinh thái vùng

Tây Nam bộ (như Diệp hạ châu, Cỏ mực...) có hàm lượng hoạt chất cao. Nghiên cứu về thành phần hóa học của Rau đắng đất, Thù lù, các loài Ngải và một số cây dược liệu có hoạt tính mạnh được chọn từ sàng lọc. Nghiên cứu quy trình trồng, chế biến, bảo quản các dược liệu hướng hữu cơ, phù hợp với tiêu chuẩn GACP-WHO. Xây dựng 02 mô hình phát triển các cây dược liệu đặc hữu theo hướng hữu cơ, phù hợp với tiêu chuẩn GACP cho vùng Tây Nam bộ và mô hình liên kết nhà khoa học – nông dân – doanh nghiệp. Xây dựng quy trình chiết xuất quy mô pilot, ứng dụng công nghệ truyền thống chiết tuần hoàn - cô đặc chân không và quy trình làm giàu hoạt chất.

Số hồ sơ lưu: 20325

84295.11-2022 **Hoàn thiện quy trình chiết xuất dịch chiết từ Đảng sâm, nấm Đông trùng hạ thảo và đề xuất các sản phẩm ứng dụng trong chế biến/** CN. Lê Văn Thanh, KS. Thân Thị Minh Phương; KS. Lê Thị Thùy; CN. Phạm Thành Thật; ThS. Chu Đình Liệu; KS. Lê Thị Hà Phương; CN. Nguyễn Thị Bích Hà; ThS. Lê Thị Lệ Hằng; KS. Lê Tấn Huy; KS. Lê Thị Hiền; Nguyễn Thị Thu Huyền - Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN tỉnh Kon Tum - Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN, 2021; 08/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình công nghệ chiết xuất dịch chiết từ Đảng sâm, nấm Đông trùng hạ thảo để chuyển giao ứng dụng trong thực tiễn sản xuất góp phần thúc đẩy công nghiệp

chế biến và đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ dược liệu

Số hồ sơ lưu: 01-2022

30404. Hoá dược học

83438.11-2022 Nghiên cứu điều chế dược chất vi cầu phóng xạ Y-90 Microspheres tại Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt nhằm ứng dụng điều trị ung thư gan nguyên phát và thứ phát/ ThS. Dương Văn Đông, CN. Bùi Văn Cường; CN. Mai Phước Thọ; CN. Đặng Hồ Hồng Quang; KS. Nguyễn Đình Lâm; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thanh Nhàn; ThS. Nguyễn Thị Khánh Giang; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; TS. Đào Tiến Mạnh; TS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Thị Thuý Nhâm; CN. Nguyễn Ngọc Thuý; CN. Trần Thị Diễm Châu; CN. Dương Quốc Bảo; TS. Phạm Thành Minh - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2021; 06/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ điều chế dược chất vi cầu phóng xạ (Y-90 Microspheres) tại lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt đạt tiêu chuẩn dược điển Anh. Điều chế dược chất vi cầu phóng xạ (Y-90 Microspheres). Điều chế các đồng vị Y-90 dạng dung dịch $^{90}\text{YCl}_3$; Điều chế ^{177}Lu dạng dung dịch $^{177}\text{LuCl}_3$; Điều chế ^{166}Ho dạng dung dịch $^{166}\text{HoCl}_3$; Điều chế các hỗn hợp 90Y với ^{177}Lu và Hỗn hợp 90Y với ^{166}Ho phục vụ các thí nghiệm so sánh, đánh giá chất lượng. Nghiên cứu các điều kiện tối ưu để điều chế hạt vi cầu Y-90 Microsphere. Xây dựng bộ tiêu

chuẩn cơ sở cho sản phẩm vi cầu (90YMicrospheres).

Số hồ sơ lưu: 20085

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

83833.11-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất vắc xin Sởi bán thành phẩm và thành phẩm đạt tiêu chuẩn tiên thẩm định của Tổ chức Y tế Thế giới WHO/ TS. Nguyễn Thúy Hương, GS. TS. Nguyễn Đăng Hiền; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Lê Thu Nga; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Lê Quốc Hùng; ThS. Nguyễn Đăng Quỳnh; CN. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Phạm Thành Trường; TS. Ngô Thu Hương; ThS. Lê Tuấn Anh; KS. Nguyễn Đăng Ánh; ThS. Phạm Anh Thư; KS. Lương Phú Duẩn; ThS. Trần Thị Bích Hạnh - Hà Nội - Trung Tâm Nghiên cứu sản xuất Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế, 2021; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất thành công vắc xin sởi bán thành phẩm bằng công nghệ nuôi cấy tế bào phôi gà tiên phát trên chai nhựa nhiều tầng. Kết quả của dự án cũng đã xây dựng và ứng dụng được qui trình sản xuất vắc xin sởi thành phần có dán VVM, đây cũng là sản phẩm đầu tiên của Việt Nam áp dụng dán VVM nhằm đảm bảo tốt hơn chất lượng của sản phẩm, kiểm soát tốt quy trình bảo quản, vận chuyển sản phẩm và đáp ứng được yêu cầu quốc tế khi xuất khẩu vắc xin.

Số hồ sơ lưu: 20287

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc

83444.11-2022 Sàng lọc peptide RHAU từ người bầm chuyên biệt cấu trúc G-quadruplex song song và nghiên cứu tương tác giữa G-quadruplex và các ligand RHAU-peptide/ TS. Đặng Thanh Dũng, PGS. TS. Nguyễn Đức Hoàng; GS. TS. Phan Anh Tuấn; PGS. TS. Phan Thị Phương Trang; ThS. Trương Thị Tinh Tươi; CN. Phan Thị Thu Hạnh; ThS. Nguyễn Minh Trí; CN. Lê Đăng Lộc; CN. Nguyễn Ngọc Yến Nhi - Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển những ligand peptide cần thiết cho G-quadruplex và để hiểu rõ hơn về tương tác giữa G-quadruplex và RHAU peptide trong các quá trình sinh học của tế bào cũng như là những ứng dụng tiềm năng trong y dược của chúng. Sử dụng kỹ thuật hiện đại ribosome display để biến đổi và sàng lọc RHAU peptide mà có thể nhận biết và bám đặc hiệu vào cấu trúc song song của G-quadruplex. Phát triển mẫu dò protein huỳnh quang mà có thể phát hiện cấu trúc G-quadruplex song song trong ống nghiệm và tế bào. Ứng dụng sự tương tác của RHAU peptide/G-quadruplex để kiểm soát sự dimer và hoạt tính của enzyme Caspase-9.

Số hồ sơ lưu: 20092

30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen

83481.11-2022 Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới để xác định vi khuẩn đa kháng thuốc (MDRO) gây nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV)/ GS. TS. Nguyễn Văn Kính, PGS. TS. Nguyễn Vũ Trung; TS. Lê Thị Hội; ThS. Trần Thị Hải Ninh; TS. Trần Văn Giang; CN. Trần Mai Hoa; BS. Nguyễn Thị Hoa; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; GS. TS. Nguyễn Gia Bình; PGS. TS. Đào Xuân Cơ; ThS. Bùi Văn Cường; ThS. Đinh Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Quốc Phương; ThS. Đặng Thị Bích; BS. Trần Văn Kiên; ĐD. Lê Thị Liên; CN. Nguyễn Thị Tươi; CN. Nguyễn Thị Hà; CN. Trần Thị Vân Dung; CN. Ngô Thị Thu Hằng; PGS. TS. Đặng Quốc Tuấn; TS. Bùi Thị Hương Giang; TS. Nguyễn Công Tấn; ThS. Hoàng Minh Hoàn; BSCKII. Hà Sơn Bình - Hà Nội - Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương, 2021; 11/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định trình tự bộ gen của các loại vi khuẩn đa kháng thuốc gây nhiễm khuẩn bệnh viện bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới. 2. Phân tích đặc điểm bộ gen của các loại vi khuẩn đa kháng thuốc và mối liên quan đến nhiễm khuẩn bệnh viện. Phân tích phát sinh loài cho thấy sự lưu hành cục bộ các chủng K. pneumoniae và A. baumannii.

Phân tích các chủng E. coli cho thấy sự đa dạng di truyền của các chủng phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 20111

4. Khoa học nông nghiệp

84188.11-2022 **Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi/** TS. Nguyễn Trường Giang, ThS. Lê Đức Dũng; TS. Hồ Huy Cường; TS. Vũ Văn Khuê; ThS. Phạm Vũ Bảo; KS. Lý Nữ Cẩm Duyên; ThS. Trần Vũ Thị Bích Kiều - Quảng Ngãi - Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2021; 09/2018 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp trên đất cát biển (C) ở các huyện/thị Tư Nghĩa, Mộ Đức và Đức Phổ cần tập trung nghiên cứu các vấn đề sau: Điều tra và phân tích, đánh giá hiện trạng các loài cây trồng nông nghiệp, biện pháp canh tác và hiệu quả kinh tế trên đất cát biển (C) ở các huyện/thị Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ; Thử nghiệm các loại và cơ cấu cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao và lợi thế về thị trường tiêu thụ nội địa cũng như xuất khẩu; Xác lập cơ cấu cây trồng có hiệu quả trên đất cát biển (C) và tuyên truyền phổ biến đến cộng đồng vùng ven biển để nhân rộng và gia tăng thu nhập.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-001

84189.11-2022 **Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất củ hành tím đạt tiêu chuẩn VietGAP tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn/** TS. Nguyễn Văn Đức, KS. Lê Đăng

Khoa KS. Nguyễn Đức Đường; ThS. Phan Thị Bé; ThS. Dương Văn Hậu; ThS. Nguyễn Quốc Sinh; ThS. Châu Võ Trung Thông; ThS. Trần Cao Úy; KS. Vũ Thị Hải Yến; Phạm Cầu; Hàn Thị Hồng; Phan Thị Trang - Quảng Ngãi - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn, 2021; 09/2018 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình sản xuất hành tím theo tiêu chuẩn VietGAP phù hợp với mục tiêu phát triển nông nghiệp an toàn và bền vững. Hình thành nên vùng chuyên canh sản xuất hành tím đạt tiêu chuẩn VietGAP. Lựa chọn các giải pháp khoa học công nghệ thay thế từng bước việc sử dụng cát biển trong sản xuất hành tím tại Bình Hải, góp phần giảm thiểu tác động xấu đến môi trường biển, chống xói lở bờ biển, đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu hoạch, bảo quản và chế biến củ hành tím. Từng bước đưa ra thị trường, nhằm đa dạng hóa sản phẩm. Hỗ trợ phát triển thị trường: Xây dựng các kênh quảng bá, bán hàng, phân phối sản phẩm hành tím Bình Sơn để nâng cao giá trị kinh tế của sản phẩm hành tím trên thị trường trong nước, tiến tới xuất khẩu các sản phẩm hành tím.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-002

40101. Nông hoá

83412.11-2022 **Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu hữu cơ, phân bón hữu cơ nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất một số loại rau,**

quả ở các tỉnh phía Bắc/ GS. TS. Phạm Văn Cường, PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng; TS. Đoàn Văn Lư; TS. Vũ Thanh Hải; PGS. TS. Tăng Thị Hạnh; PGS. TS. Nguyễn Thị Minh; TS. Nguyễn Thu Hà; PGS. TS. Trần Thị Lan Hương; ThS. Bùi Ngọc Tấn; TS. Nguyễn Thu Hà; TS. Võ Hữu Công; TS. Nguyễn Thị Ái Nghĩa - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 05/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định hạn chế, nghiên cứu đề xuất được các giải pháp tăng cường sử dụng nguyên liệu hữu cơ, phân bón hữu cơ trong sản xuất một số loại rau và cam, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và giảm ô nhiễm môi trường ở các tỉnh phía Bắc. Xác định các chế phẩm hiện có với hiệu quả cao để xử lý phụ phẩm trồng trọt và chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ; Nghiên cứu tạo ra các chế phẩm mới để xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ; Xây dựng quy trình sử dụng hiệu quả nguyên liệu hữu cơ, phân bón hữu cơ thay thế 40-50% phân hóa học cho sản xuất rau, thay thế 20-30% phân hóa học cho sản xuất cây ăn quả, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; Xây dựng mô hình sản xuất rau và cam lợi nhuận tăng từ 10-25% thông qua việc sử dụng nguyên liệu hữu cơ và phân hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 20066

40102. Thổ nhưỡng học

83394.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất mô hình ngân hàng quỹ đất nông nghiệp tại Việt**

Nam/ ThS. Đàm Thị Mai Oanh, ThS. Bùi Minh Đức, TS. Mai Hạnh Nguyên, ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Vũ Thị Nhung; ThS. Đào Thị Hà Thanh; CN. Nguyễn Thị Kiều Nhung; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Nguyễn Thị Lơ; ThS. Đinh Thị Mai Hương - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2021; 06/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề xuất mô hình ngân hàng quỹ đất nông nghiệp. Đề xuất mô hình ngân hàng quỹ đất nông nghiệp tại Việt Nam để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp. Nghiên cứu cơ sở lý luận có liên quan đến mô hình ngân hàng quỹ đất nông nghiệp (trong đó có làm rõ một số khái niệm có liên quan; vai trò, ý nghĩa, đặc thù, nguyên tắc, yêu cầu, những yếu tố ảnh hưởng và mối quan hệ giữa nhà nước và mô hình ngân hàng quỹ đất nông nghiệp; kinh nghiệm của nước ngoài có liên quan đến mô hình ngân hàng quỹ đất nông nghiệp ...)

Số hồ sơ lưu: 20055

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

83386.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật canh tác tiên tiến giảm chi phí trong sản xuất lúa cho các tỉnh Duyên hải miền Trung/ TS. Lại Đình Hòa, ThS. Hồ Sĩ Công; ThS. Đinh Quốc Huy; ThS. Hồ Lệ Quyên; KS. Trịnh Thanh Sơn; KS. Đỗ Minh Hiện; KS. Phạm Văn Nhân; KS. Đinh Thị Huyền; KS. Trần Minh Hải; ThS. Lê Văn Vĩnh; ThS. Nguyễn Tất Hóa; KS. Lê**

Quang Đạo; KS. Trần Thị Thắm; ThS. Lê Thị Thơm; KS. Cao Đổ Mươi; KS. Lê Văn Quốc; KS. Hà Thị Tuyết - Bình Định - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2021; 10/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên cơ sở nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến nhằm làm giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất lúa tại các tỉnh Duyên hải miền Trung. Điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất lúa ở Duyên hải miền Trung. Nghiên cứu đề xuất quy trình kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến cho các tiểu vùng sinh thái. Xây dựng mô hình thực nghiệm quy trình trên diện hẹp ở các tiểu vùng sinh thái. Xây dựng mô hình liên kết ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến ở một số tỉnh miền Trung

Số hồ sơ lưu: 20051

83390.11-2022 Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử để đưa gene fea* làm tăng số hàng hạt vào các dòng ngô bố mẹ của Việt Nam phục vụ tạo giống ngô lai năng suất cao/ ThS. Đặng Cao Cường, KS. Trần Mạnh Báo; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Trần Thị Tiệp; ThS. Nguyễn Phạm Hùng; TS. Khuất Hữu Trung; TS. Vi Lạng Sơn; ThS. Trần Thị Thuý; ThS. Nguyễn Thuý Điệp; ThS. Đặng Thị Thanh Hà - Thái Bình - Công ty cổ phần Tập đoàn Thai Binh Seed, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quy tụ được gene fea* làm tăng hàng hạt vào các dòng ngô ưu tú của Việt Nam và tạo được giống lai có năng suất cao giữ được các đặc tính của giống gốc, có số hàng hạt tăng thêm ít nhất là 2 hàng. Quy trình ứng dụng chỉ thị phân tử để quy tụ gene fea* làm tăng số hàng hạt vào các dòng ngô bố mẹ của Việt Nam để tạo giống ngô lai năng suất cao được công nhận cấp cơ sở. Tạo 3-4 dòng bố mẹ mang gene fea* đồng hợp tử có số hàng hạt tăng lên ít nhất 2 hàng. Tạo được 1-2 giống ngô lai mới (từ các dòng bố mẹ mang gene fea*) khảo nghiệm Quốc gia có triển vọng, giữ nguyên một số đặc tính cơ bản của giống gốc, năng suất cao hơn giống gốc $\geq 10\%$, có số hàng hạt tăng lên ít nhất 2 hàng.

Số hồ sơ lưu: 20050

83509.11-2022 Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật canh tác tiên tiến trong sản xuất lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Trần Ngọc Thạch, TS. Trịnh Quang Khương; TS. Nguyễn Thị Phong Lan; TS. Dương Hoàng Sơn; TS. Nguyễn Kim Thu; ThS. Trịnh Thanh Thảo; ThS. Lê Ngọc Phương; ThS. Trương Thị Kiều Liên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hân; ThS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2021; 10/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên cơ sở nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp canh tác tiên tiến nhằm làm gia tăng giá trị sản phẩm, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến

đổi khí hậu trong sản xuất lúa tại các tỉnh vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Đánh giá hiện trạng sản xuất lúa tại vùng/ tiểu vùng (về chí phí sản xuất, giá thành sản xuất, lợi nhuận) và đề xuất gói kỹ thuật mới trên cơ sở lựa chọn công nghệ phù hợp nhất đang có nhằm nâng cao lợi nhuận ít nhất 25%). Áp dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm (đặc biệt ở các vùng đất trồng lúa có nguồn nước ngọt tưới chủ động cần chú ý đến phương pháp tưới khô - ngập xen kẽ). Cơ giới hóa sản xuất, chế biến và bảo quản sau thu hoạch... nhằm giảm chi phí thu hoạch và thất thoát sau thu hoạch xuống dưới 10%, nâng cao chất lượng gạo và an toàn thực phẩm

Số hồ sơ lưu: 20124

83673.11-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống lúa có giá trị hàng hóa cao cho các vùng trồng lúa chính trong toàn quốc/ PGS.TS. Trịnh Khắc Quang, TS. Tạ Hồng Lĩnh; TS. Nguyễn Trọng Khanh; TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên; PGS.TS. Trần Văn Quang; TS. Dương Xuân Tú; TS. Hồ Huy Cường; TS. Trần Ngọc Thạch; TS. Trần Đức Trung; TS. Phạm Văn Tính; ThS. Ngô Doãn Tài; ThS. Tống Thị Huyền; ThS. Vũ Thị Như Quỳnh; KS. Võ Thanh Toàn; ThS. Nguyễn Khắc Thắng; TS. Trần Đình Giới; TS. Phạm Ngọc Tú; ThS. Trần Như Ngọc; ThS. Lê Thị Yến Hương; ThS. Phạm Văn Nhân; ThS. Phạm Vũ Bảo; ThS. Trần Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Kim Dung; KS. Lại Thị Hải Yến - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam,**

2021; 10/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo và phát triển một số giống lúa phục vụ nội tiêu và xuất khẩu: giống lúa chất lượng cao năng suất cao, đạt giá trị xuất khẩu gạo và giá trị thương mại trên 600 USD/tấn; giống lúa thơm, chất lượng cao đạt giá trị xuất khẩu gạo trên 800 USD/tấn. Các giống lúa chịu được sâu bệnh hại chính (rầy nâu, đạo ôn, bạc lá), chống đổ, thích ứng cho các vùng trồng lúa chính trên toàn quốc, được công nhận, bảo hộ và là giống lúa chủ lực trong sản xuất ít nhất 10 năm, được đưa vào các dự án đầu tư phát triển sản phẩm lúa gạo Việt nam năng suất cao, chất lượng cao .

Số hồ sơ lưu: 20224

83724.11-2022 **Sản xuất hạt giống phẩm chất cao quy mô công nghiệp đối với các giống lúa chủ lực và có giá trị hàng hóa cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu ở các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ/ ThS. Nguyễn Việt Hà, TS. TS. Phạm Văn Dân; ThS. Nguyễn Xuân Dũng; ThS. Nguyễn Hữu Hiệu; TS. Hoàng Tuyên Phương; KS. Vũ Phương Thảo; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Như; ThS. Nguyễn Văn Bằng; KS. Nguyễn Đăng Thịnh; KS. Nguyễn Thị Sen - Hà Nội - Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Liên kết cơ quan nghiên cứu với doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ hạt giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng và xác nhận đối với các giống chất lượng và

lúa thơm mới đang SXTN, có giá trị thương mại cao nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô sản xuất theo hướng công nghiệp hóa; Các giống lúa mới sẽ được chuyển giao bản quyền cho các doanh nghiệp để phục vụ sản xuất cho những năm tiếp theo khi dự án kết thúc. Xây dựng cánh đồng mẫu lớn, vùng nguyên liệu tập trung để sản xuất lúa thương phẩm có giá trị thương mại gạo 600 USD/tấn, đáp ứng yêu cầu sản xuất lúa bền vững phục vụ nội tiêu và xuất khẩu ở các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 20244

83728.11-2022 **Sản xuất thử một số giống lúa Japonica (ĐS3, J01, J03, ...) theo hướng hàng hóa ở một số tỉnh phía Bắc/** ThS. Nguyễn Xuân Dũng, PGS.TS. Lê Quốc Thanh; TS. Hoàng Tuyền Phương; ThS. Đỗ Thị Thu Trang; KS. Nguyễn Thị Sen; ThS. Nguyễn Hữu Hiệu; ThS. Nguyễn Doãn Hùng; KS. Nguyễn Danh Quân; KS. Nguyễn Thị Tinh - Hà Nội - Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình sản xuất hạt giống Japonica (J01, QJ1) mới được công nhận đạt năng suất, chất lượng cao cho các tỉnh phía Bắc. Hoàn thiện quy trình thâm canh tổng hợp cho các giống lúa Japonica (J01, QJ1) tại các tỉnh phía Bắc. Sản xuất giống Japonica (VAAS16, J02, J01, QJ1) ở các cấp SNC, NC. Xây dựng vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa theo chuỗi giá trị góp phần

nâng cao giá trị kinh tế tăng trên 20% so với sản xuất lúa hiện nay của nông dân, khai thác hiệu quả lợi thế vùng. Đào tạo nâng cao trình độ canh tác lúa Japonica cho nông dân, cán bộ kỹ thuật tại vùng sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20246

83822.11-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống sản cho vùng thâm canh và vùng khó khăn/** TS. Nguyễn Hữu Hỷ, ThS. Phạm Thị Nhạn; ThS. Nguyễn Thị Nhung; KS. Tống Quốc Ân; KS. Võ Văn Tuấn; KS. Bạch Văn Long; KS. Nguyễn Thị Thu Hương; KS. Nguyễn Bá Tùng; ThS. Trương Minh Hòa; ThS. Nguyễn Trọng Hiền; ThS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Niêm Xuân Hồng - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2016 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo 01 giống sản mới năng suất 60- 70 tấn/ ha cho vùng thâm canh và 01 giống sản cho vùng khó khăn năng suất ≥ 35 tấn/ ha, hàm lượng tinh bột $\geq 28\%$, chống chịu một số bệnh hại chính (chối rồng, rệp sáp bột hồng). Xây dựng được qui trình kỹ thuật canh tác cho các giống sản mới đạt năng suất cao. Mô hình thử nghiệm giống mới tại 3 vùng sinh thái (TDMNPB, ĐNB, TN) qui mô 2 ha/vùng hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 10-15% so với giống trồng phổ biến của vùng.

Số hồ sơ lưu: 20279

83918.11-2022 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Giỗ ă hạt (Michelia tonkinensis A. Chev.) tại một số tỉnh miền Bắc**

Việt Nam/ ThS. Nguyễn Văn Hùng, KS. Đỗ Thế Hiếu; KS. Bạch Công Năm; KS. Bạch Công Hùng; ThS. Nguyễn Đức Tụ; KS. Nguyễn Thị Ngân; TS. Hoàng Thanh Lộc; PGS. TS. Đinh Thị Phòng; ThS. Nguyễn Huy Nhuận; ThS. Lê Minh Thủy - Hòa Bình - Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản Hòa Bình, 2021; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đặc điểm lâm học, đa dạng di truyền và giá trị sử dụng nguồn gen của Giổi ăn hạt. Tuyển chọn được ít nhất 50 cây trội từ ít nhất 5 xuất xứ có sản lượng hạt tăng thêm > 20 % và hàm lượng tinh dầu tăng thêm > 10% so với quần thể tại địa phương; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép và trồng thâm canh lấy hạt; Xây dựng 03 ha vườn tập hợp giống kết hợp khảo nghiệm xuất xứ tại 03 tỉnh, mỗi tỉnh 01 ha ; Xây dựng 09 ha mô hình (bằng cây ghép tại 03 tỉnh, mỗi tỉnh 03 ha; Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản hạt Giổi ăn hạt.

Số hồ sơ lưu: 20332

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

83342.11-2022 Sản xuất thử nghiệm giống nấm dạng dịch thể đối với một số loại nấm chủ lực/ TS. Cồ Thị Thùy Vân, ThS. Lê Thị Lan; KS. Hoàng Thị Soan; ThS. Vũ Thị Hằng; KS. Nguyễn Duy Hạnh; ThS. Phạm Thị Thu; CN. Lương Quyết Thắng; CN. Phạm Công Tụ; KS. Phạm Văn Tuyên; KS. Đàm Thị Châm - Hà Nội - Viện di truyền

nông nghiệp, 2021; 10/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất giống nấm ở dạng dịch thể ở thể tích giống 500 lít/mẻ nhân giống nhằm rút ngắn thời gian nhân giống và nuôi trồng nấm, giảm tỉ lệ nhiễm bệnh, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; áp dụng với một số loại nấm chủ lực bao gồm: nấm sò (giống P10), nấm đùi gà (giống P11), nấm mộc nhĩ (giống Au1) và nấm linh chi (giống Dt). Xây dựng dây chuyền thiết bị sản xuất giống nấm dạng dịch thể quy mô bán công nghiệp. Hoàn thiện 4 quy trình công nghệ sản xuất nấm giống dạng dịch thể cho 4 loại nấm: nấm sò (giống P10), nấm đùi gà (giống P11), nấm mộc nhĩ (giống Au1) và nấm linh chi (giống Dt); qui mô tối thiểu 500 lít/mẻ lên men; rút ngắn được 30% thời gian nuôi giống so với nuôi giống dạng thể rắn, được công nhận là tiến bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 20038

83396.11-2022 Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất một số loại rau có giá trị tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên và các vùng phụ cận/ ThS. Trần Minh Châu, ThS. Huỳnh Thị Tuyết Nhung; ThS. Phạm Quốc Hoàng; CN. Đinh Trọng Lệnh; CN. Nguyễn Duy Triều; CN. Nguyễn Văn Tường; KS. Nguyễn Thị Thúy Vy; KS. Trần Phương Hà; Nguyễn Văn Biên; Phạm Thọ Trường; ThS. Ngô Xuân Chinh; ThS. Ngô Minh Dũng; ThS. Tôn Thị Thúy; ThS. Ngô Hồng Nguyên; ThS. Mai Bá Nghĩa - Phú Yên - Trung tâm

Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Yên, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quy trình sản xuất cây giống của một số loại dưa, rau ăn lá quy mô công nghiệp, cây giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, tỷ lệ cây xuất vườn đạt $\geq 95\%$; Sản xuất tối thiểu 10.000.000 cây giống rau các loại. Quy trình công nghệ sản xuất một số loại dưa, rau ăn lá trong nhà màng tự động, bán tự động hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 50% so với sản xuất đại trà, sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Quy trình được Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thông qua. Sản xuất tối thiểu 3 ha dưa lưới và dưa chuột, 1,5 ha rau cải bó xôi. Năng suất: dưa lưới ≥ 25 tấn/ha/vụ; dưa chuột ≥ 55 tấn/ha/vụ; rau cải bó xôi ≥ 15 tấn/ha/vụ; sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 50% so với sản xuất đại trà. Đào tạo tập huấn cho 200 lượt người trong và ngoài vùng dự án; chuyên gia cho ít nhất 2 doanh nghiệp quy trình sản xuất cây giống, quy trình canh tác một số loại dưa, rau ăn lá quy mô công nghiệp

Số hồ sơ lưu: 20061

83529.11-2022 **Hỗ trợ thương mại hóa công nghệ sản xuất củ giống và công nghệ sản xuất hoa lily thương phẩm, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu/** ThS. Nguyễn Xuân Kết, ThS. Nguyễn Thị Thanh Tuyền; ThS. Phan Ngọc Diệp; PGS. TS. Đặng Văn Đông; ThS. Nguyễn Thị Liên; TS. Nguyễn Văn Tinh; ThS. Nguyễn

Thị Thu Thùy; ThS. Ngô Văn Kỳ; KS. Nguyễn Văn Đạt; KS. Nguyễn Bình Đoàn - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thương mại hóa công nghệ sản xuất củ giống và công nghệ sản xuất hoa lily thương phẩm đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tạo được vùng sản xuất củ giống và hoa lily thương phẩm. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất củ giống hoa lily được nghiệm thu cấp cơ sở công suất 1 triệu củ giống/năm; chu vi củ 16-22 cm; giá thành bằng 70% so với củ nhập khẩu. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất hoa lily thương phẩm được nghiệm thu cấp cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 20130

83961.11-2022 **Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cam Hà Giang, tỉnh Hà Giang/** CN. Hà Đình Uy, ThS. Phạm Minh Giang; ThS. Giang Đức Hiệp; KS. Phạm Thị Hà; KS. Nông Quỳnh Trang; TS. Nguyễn Văn Đạo; ThS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Phạm Đức Thụ; ThS. Lê Thị Mỹ Hảo; TS. Lương Đức Toàn; CN. Hoàng Trọng Quý - Hà Giang - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Giang, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống các công cụ, phương tiện phục vụ quản lý, sử dụng phát triển chỉ dẫn địa lý cam sành Hà Giang. Thiết lập hệ thống liên kết sản xuất và kinh doanh cam sành Hà Giang. Tiến hành kiểm soát chặt chẽ và bảo đảm thông qua hệ thống quản lý khép kín từ quy trình

canh tác, thu hoạch, chế biến, đóng gói, bảo quản đến tiêu thụ và phân phối sản phẩm, từ đó góp phần gìn giữ và phát triển uy tín, danh tiếng của sản phẩm. Triển khai đồng bộ, rộng rãi các hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị kinh tế của sản phẩm cam sành mang chỉ dẫn địa lý; góp phần tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho đồng bào, người dân vùng trồng cam sành mang chỉ dẫn địa lý.

Số hồ sơ lưu: 20385

83975.11-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất một số loại rau (cà chua ghép, ớt cay) theo chuỗi giá trị liên kết tại tỉnh Thái Bình/** ThS. Nguyễn Như Liên, ThS. Trịnh Thị Thanh Hương; Mai Văn Toàn; Mai Thị Tươi; Phạm Văn Sáu; Trịnh Thị Nhưồng - Thái Bình - Công ty Cổ phần thương mại Tổng hợp Toàn Vân, 2021; 10/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ sản xuất cây giống ớt, cà chua ghép; quy trình sản xuất ớt cay; cà chua ghép trái vụ an toàn theo VietGAP, Xây dựng mô hình thành công các mô hình: Mô hình sản xuất cây giống cà chua ghép với 8 vạn cây, cây giống ớt với 70 vạn cây; Mô hình sản xuất cà chua trái vụ theo VietGAP quy mô 1,0 ha; mô hình sản xuất cà chua ngoài đồng ruộng quy mô 3 ha và ớt cay an toàn quy mô 32 ha. Mô hình liên kết theo chuỗi sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ rau an toàn.

Số hồ sơ lưu: 20327

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

83313.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu quy mô công nghiệp/** TS. Nguyễn Duy Trinh, ThS. Trần Thu Hà; CN. Vũ Mạnh Nhật; ThS. Vũ Thị Hằng; KS. Lê Quý Thắng; KS. Nguyễn Duy Hạnh; ThS. Lê Thanh Uyên; ThS. Nguyễn Khắc Hải; CN. Phạm Quang Nhuệ; CN. Trần Ngọc Đại - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; 01/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng sản xuất, hạn chế và tồn tại về quy trình công nghệ và mức độ cơ giới hóa sản xuất nấm và dược liệu. Xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất, chế biến nấm quy mô công nghiệp các loại nấm rơm, nấm mộc nhĩ, nấm mỡ, nấm sò, nấm đùi gà, nấm linh chi tại các vùng sản xuất chủ lực, có hiệu quả kinh tế cao bền vững. Xây dựng được các mô hình ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất chế biến nấm quy mô công nghiệp gắn với thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 20013

83482.11-2022 **Hoàn thiện kỹ thuật nhân giống và gây trồng các giống Macadamia đã được công nhận (OC, 246, 816, Daddow và 842) tại Tây Bắc/** ThS. Trần Đức Vượng, ThS. Phan Đức Chính; TS. Hà Huy Thịnh; TS. Nguyễn Đức Kiên; ThS. Cán Thị Lan; TS. Đỗ

Hữu Sơn; KS. Hà Huy Nhật; KS. Bùi Tiến Hùng; KS. Trần Hoàng Gia; ThS. Quách Mạnh Tùng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, 2020; 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện qui trình kỹ thuật nhân giống và gây trồng Macadamia phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai vùng Tây Bắc. Xây dựng được các mô hình rừng trồng (25 ha trồng mới) và vườn vật liệu (03 vườn) bằng các giống mới có năng suất cao đã được công nhận trên qui mô sản xuất thử nghiệm. Sản xuất thương phẩm 5 ha các giống mắc ca đạt 2 tấn hạt khô/ha. Hoàn thiện được kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cây Mắc ca tại Tây Bắc. Tổ chức được các lớp tập huấn chuyển giao giống gốc, trồng và chăm sóc cây Macadamia cho một số cơ sở Lâm nghiệp và hộ nông dân tại Tây Bắc. Sản xuất thử nghiệm 20.000 cây ghép Mắc ca của 5 giống (OC, 246, 816, daddow và 842).

Số hồ sơ lưu: 20119

83817.11-2022 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen dược liệu Lan gấm (*Annoectochilus formosanus* Hayata) tại Thanh Hóa và một số tỉnh Bắc Trung Bộ/** ThS. Nguyễn Trọng Quyền, GS. TS. Hoàng Văn Sâm; PGS. TS. Bùi Văn Thắng; ThS. Vũ Quang Trung; ThS. Nguyễn Thị Thơ; KS. Lê Tùng Linh; ThS. Lê Văn Lược; ThS. Nguyễn Trọng Dũng; ThS. Lê Hùng Tiến - Thanh Hóa - Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, 2021; 09/2016 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định đặc điểm sinh học và thành phần hóa học chính của loài Lan gấm (*A.formosanus*). Xây dựng bản đồ phân bố Lan gấm (*A.formosanus*) tại vùng núi Bắc Trung Bộ. Xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng Lan gấm (*A.formosanus*) trên giá thể và ở môi trường tự nhiên ngoài khu vực phân bố tự nhiên của loài tại Thanh Hóa và một số tỉnh Bắc Trung Bộ. Xây dựng mô hình trồng Lan gấm (*A.formosanus*) trên giá thể và ở môi trường tự nhiên bên ngoài khu vực phân bố tự nhiên của loài tại Thanh Hóa và một số tỉnh Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 20273

83836.11-2022 **Khảo sát một số hoạt chất chiết xuất từ thảo dược có khả năng thay thế kháng sinh điều trị bệnh tiêu chảy do vi khuẩn *E. coli* và *Salmonella* trên gà/** TS. Lưu Quỳnh Hương, ThS. Trần Thị Thu Hằng; TS. Đỗ Hữu Nghị; TS. Nguyễn Phi Hùng; Lê Thị Hồng Nhung; Đỗ Thị Thu Thủy; Nguyễn Thị Kim Hoa; Nguyễn Đăng Khải; Nguyễn Văn Cẩm; TS. Nguyễn Thị Thu Hằng; Nguyễn Thị Thanh Huyền; Hoàng Minh Đức - Hà Nội - Hội Thú y Việt Nam, 2021; 05/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá hoạt tính kháng vi khuẩn *Salmonella* và *E. coli* gây tiêu chảy trên gà của các mẫu cao chiết và hoạt chất từ thực vật. Việc tìm ra các hoạt chất có khả năng kháng vi khuẩn *Salmonella* và *E. coli* gây tiêu chảy trên đàn gà sẽ giúp thay thế cho các kháng sinh sử dụng để phòng trị bệnh trong chăn

nuôi, giảm tình trạng kháng thuốc, đảm bảo chăn nuôi an toàn, bảo vệ sức khỏe cho con người.

Số hồ sơ lưu: 20290

83886.11-2022 Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng thâm canh cây Ba kích tím bằng kỹ thuật che phủ nilon trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang/ ThS. Đào Trọng Nghĩa, ThS. Ngô Văn Tâm ; ThS. Phan Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Hồng Hạnh; CN. Đào Thị Thu Hằng - Bắc Giang - Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Tỉnh Bắc Giang, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng các biện pháp kỹ thuật che phủ nilon cho ba kích bao gồm: che phủ từ khi trồng mới; che phủ từ giai đoạn 1 năm tuổi; che phủ từ giai đoạn 2 năm tuổi với quy mô 0,5 ha để đánh giá tình hình sinh trưởng, năng suất và chất lượng củ ba kích. Xây dựng mô hình trồng cây Ba kích tím bằng che phủ nilon quy mô 2,5 ha để làm mô hình trình diễn, khuyến cáo áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng thâm canh cây ba kích tím tại địa phương. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng thâm canh cây Ba kích tím bằng biện pháp che phủ nilon phù hợp với điều kiện huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Số hồ sơ lưu: 20313

83965.11-2022 Nghiên cứu và phát triển một số giống bông kháng sâu mọt tại Điện Biên và Sơn La/ KS. Vũ Văn Bộ, KS. Phan Quốc Hiến; KTV. Phạm Ngọc Hùng;

ThS. Nguyễn Văn Sơn - Sơn La - Công ty Cổ phần Bông và phát triển nông nghiệp Công nghệ cao, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá, chọn lọc các giống bông kháng sâu mọt tại tỉnh Điện Biên và Sơn La. Tiến hành nhân các dòng/giống bố mẹ và sản xuất hạt giống bông lai cung cấp cho các nghiên cứu và mô hình trồng thử. Đồng thời, nghiên cứu xác định một số biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp cho giống bông kháng sâu có triển vọng tại các tỉnh Điện Biên và Sơn La. Từ đó, xây dựng mô hình trồng thử nghiệm giống VN17-4 tại Điện Biên và Sơn La.

Số hồ sơ lưu: 20389

83973.11-2022 Nghiên cứu sử dụng polyphenol chiết xuất từ cây chè làm hương liệu trong sản xuất thuốc lá điếu/ ThS. Chu Cao Khánh, CN. Nguyễn Việt Hà - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập thông tin, lựa chọn chế phẩm polyphenol chiết xuất từ cây chè phù hợp, nghiên cứu bổ sung chế phẩm polyphenol trực tiếp lên thuốc lá và nghiên cứu khảo sát bổ sung chế phẩm polyphenol lên phụ liệu cây đầu lọc. Tiến hành phân tích thành phần hóa học trong khói thuốc và đánh giá cảm quan các mẫu thí nghiệm và đối chứng. Đồng thời đánh giá chất lượng các mẫu thí nghiệm, xây dựng và hoàn thiện quy trình sử dụng polyphenol chiết xuất từ cây chè trong sản xuất thuốc lá điếu.

Số hồ sơ lưu: 20387

84039.11-2022 Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Bạch truật (*Atractylodes macrocephala* Koidz.) và sâm Bồ Chính (*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr.) làm nguyên liệu sản xuất thuốc tại Đắk Lắk và một số tỉnh Tây Nguyên/ ThS. Nguyễn Xuân Nam, ThS. Đinh Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Như Trang; ThS. Võ Thanh Toàn; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Ngọc Dương; TS. Phan Thúy Hiền; CN. Phạm Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Nguyễn Hạnh Hoa - Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Vinature, 2021; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá bổ sung đặc điểm nông sinh học và giá trị sử dụng của nguồn gen Bạch truật và sâm Bồ Chính. Tiến hành tuyển chọn 1-2 mẫu giống/nguồn gen có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của Đắk Lắk và một số tỉnh Tây Nguyên. Xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống và tiêu chuẩn giống cho nguồn gen Bạch truật và sâm Bồ Chính, đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản 02 nguồn gen Bạch truật và sâm Bồ Chính theo tiêu chí GACP – WHO. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của giống và dược liệu Bạch truật và sâm Bồ Chính và xây dựng mô hình sản xuất giống và sản xuất dược liệu từ hai nguồn gen Bạch truật và sâm Bồ Chính chọn lọc.

Số hồ sơ lưu: 20395

84329.11-2022 Trồng thử nghiệm sa sâm trên vùng đất cát ven biển Quảng Bình/ TS. Hoàng Bích Thủy, Hoàng Bích Thủy; Dương Văn Sánh; Dương Quốc Phong; Dương Thăng Long; Nguyễn Văn Đức; Võ Thị Dung; Trần Thị Hải Yến - Hợp tác xã Nông nghiệp sinh thái Dũng Na - Hợp tác xã Nông nghiệp sinh thái Dũng Na, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng sa sâm với diện tích 1.000 m² thu được 1.800 kg thân lá tươi và 1.300 kg củ tươi vào tháng 8/2022. Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng cây sa sâm trên vùng đất cát ven biển Quảng Bình. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của sa sâm trên vùng đất cát ven biển Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 02/2022- SKHCN

40106. Bảo vệ thực vật

83424.11-2022 Nghiên cứu các biện pháp tổng hợp phòng trừ sâu bệnh hại nấm ăn, nấm dược liệu chủ lực/ ThS. Vũ Thị Phương Bình, ThS. Lê Thu Hiền; TS. Hà Minh Thanh; TS. Đào Thị Hằng; TS. Nguyễn Thị Thanh Hiền; ThS. Trần Ngọc Khánh; ThS. Lê Đình Thao; KS. Nguyễn Đức Việt; ThS. Vũ Thị Thuỳ Trang; TS. Cồ Thị Thuỳ Vân - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2021; 10/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được các đối tượng sâu bệnh hại chính, nguyên nhân phát sinh dịch bệnh và giải pháp khoa học công nghệ phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại chính trên 6 loài nấm ăn và

nấm dược liệu chủ lực bao gồm: nấm rơm, nấm sò, nấm mỡ, nấm mộc nhĩ, nấm đùi gà và nấm linh chi. Xác định được danh mục thành phần sâu bệnh hại và nguyên nhân phát sinh dịch bệnh trên 6 loài nấm bao gồm: nấm rơm, nấm mộc nhĩ, nấm sò, nấm mỡ, nấm đùi gà và nấm linh chi. Đề xuất được quy trình phòng trừ tổng hợp sâu hại và quy trình phòng trừ tổng hợp bệnh hại chính trên nấm ăn và nấm dược liệu chủ lực (rơm, sò, mỡ, mộc nhĩ, đùi gà và linh chi) áp dụng trong sản xuất, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 20069

83483.11-2022 **Nghiên cứu hệ vi sinh vật nội sinh phục vụ sản xuất chế phẩm phòng chống bệnh bạc lá (*Xanthomonas oryzae* pv. *oryzae*) và bệnh thối rễ (*Dickeya zeae*) trên cây lúa/** TS. Đinh Thúy Hằng, TS. Đinh Thúy Hằng; TS. Nguyễn Kim Nữ Thảo; TS. Nguyễn Hồng Minh; TS. Lại Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Văn Hưng; ThS. Nguyễn Thị Hiếu Thu; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Đinh Thị Ngọc Mai; ThS. Hoàng Văn Thái; ThS. Khúc Duy Hà - Hà Nội - Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, 2021; 12/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng công cụ metagenomics kết hợp với phương pháp phân lập truyền thống để phát triển các chế phẩm sinh học ứng dụng trong phòng chống các bệnh hại này trên cây lúa, góp phần giảm thiểu sử dụng thuốc hóa học trong nông nghiệp. Quy trình công nghệ ở quy mô phòng thí nghiệm với lượng sản

phẩm 1 kg/m² đã được xây dựng. Thử nghiệm trong nhà lưới cho thấy chế phẩm đạt hiệu quả kiểm soát bệnh bạc lá 71,61% khi được áp dụng theo phương thức phòng và chống bệnh (phun liên tục trước và sau khi nhiễm bệnh), và 22,14% khi được áp dụng theo phương thức chống bệnh (chỉ phun sau khi nhiễm bệnh).

Số hồ sơ lưu: 20115

83707.11-2022 **Ứng dụng chỉ thị phân tử để chọn giống keo lai kháng bệnh chết héo do nấm *Ceratocystis manginecans*/** TS. Trần Thanh Trảng, TS. Nguyễn Minh Chí; GS.TS. Phạm Quang Thu; ThS. Lê Thị Xuân; ThS. Bùi Quang Tiếp; KS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Nam; TS. Đỗ Hữu Sơn; TS. Lê Sơn; TS. Trần Hữu Biền - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chọn lựa 3 - 5 dòng keo lai có triển vọng mang tính trạng kháng bệnh chết héo, sinh trưởng tương đương với các giống đã được công nhận. Chọn được bộ chỉ thị phân tử SNP liên quan đến tính trạng kháng bệnh chết héo. Xây dựng Quy trình chọn giống keo lai kháng bệnh chết héo do nấm *Ceratocystis manginecans* bằng chỉ thị phân tử.

Số hồ sơ lưu: 20237

83708.11-2022 **Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học phòng chống bệnh thối rễ (*Phytophthora*) trên cây chanh leo/** TS. Nguyễn Đức Huy, PGS.TS. Hà Viết Cường; TS. Đỗ Trung Kiên; TS. Trần

Nguyễn Hà; PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng; KS. Phạm Thị Bích Phương; ThS. Hà Giang; KS. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Phùng Thị Thu Hà; TS. Vũ Quỳnh Hoa - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyển chọn bộ mẫu nấm và vi khuẩn đối kháng nấm *Phytophthora* phòng bệnh thối rễ chanh leo. Tạo chế phẩm sinh học phòng chống bệnh thối rễ (*Phytophthora*) trên cây chanh leo. Sản xuất chế phẩm sinh học phòng chống bệnh thối rễ (*Phytophthora*) trên cây chanh leo.

Số hồ sơ lưu: 20236

83709.11-2022 **Nghiên cứu sản xuất KIT chẩn đoán bệnh virus khảm lá chanh leo (*Passiflora mottle virus*, PaMoV)**/ PGS.TS. Đỗ Tấn Dũng, PGS.TS. Hà Việt Cường; TS. Nguyễn Đức Huy; TS. Trần Nguyễn Hà; PGS.TS. Nguyễn Văn Viên; ThS. Trần Thị Như Hoa; ThS. Hà Giang - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo kháng nguyên tái tổ hợp và kháng thể đặc hiệu với *Passiflora mottle virus*. Tạo được kit ELISA và que thử chẩn đoán bệnh nhanh (*Passiflora mottle virus*). Thử nghiệm chế tạo được KIT chẩn đoán chính xác bệnh khảm lá virus chanh leo (*Passiflora mottle virus*)

Số hồ sơ lưu: 20242

83828.11-2022 **Nghiên cứu cải tiến tính chống chịu sâu bệnh hại chính (rầy nâu, đạo ôn) của giống**

lúa OM 4900 và OM 4218 phục vụ xuất khẩu cho đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Trần Ngọc Thạch, ThS. Phòng Ngọc Hải Triều; TS. Nguyễn Thuý Kiều Tiên; TS. Nguyễn Thị Phong Lan; TS. Trần Đình Giới; TS. Phạm Ngọc Tú; KS. Võ Thanh Toàn; ThS. Lê Thị Yến Hương; ThS. Trương Thị Kiều Liên; ThS. Đặng Thị Tho - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2021; 01/2015 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cải tiến được giống lúa OM4218 và OM4900 có khả năng chống chịu rầy nâu (cấp 3) và đạo ôn (cấp 5), các đặc tính khác tương tự như giống gốc. Cụ thể là: Giống cải tiến từ OM4218: có TGST từ 90-95 ngày, cao cây từ 95-105 cm, gạo thon dài từ 6,5 - 6,8 mm, ít bạc bụng với hàm lượng amylose từ 24 -25%. Giống cải tiến từ OM4900: có TGST từ 100-105 ngày, chiều cao cây từ 110-120 cm, hạt gạo thon dài từ 7,1-7,3 mm, không bạc bụng, với hàm lượng amylose từ 16-17% và thơm nhẹ (cấp 1 theo chuẩn của IRRI). Đề xuất được quy trình canh tác có hiệu quả và phù hợp cho từng giống lúa

Số hồ sơ lưu: 20280

83972.11-2022 **Nghiên cứu phòng trừ một số đối tượng sâu và bệnh virus chính gây hại thuốc lá bằng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học và sinh học để sản xuất thuốc lá nguyên liệu hiệu quả và an toàn/** ThS. Nguyễn Văn Chín, KS. Đỗ Thị Thúy; KS. Phùng Thị Hay; KS. Ngô Văn Dư; KTV. Hoàng Văn Chiên; KTV. Nguyễn Thị Đăng; KTV. Dương Thế Hữu -

Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu lực phòng chống một số loài sâu và bệnh do virus chính gây hại thuốc lá của các loài thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học và sinh học. Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật phòng chống sâu và bệnh do virus đến năng suất và chất lượng thuốc lá. Đồng thời nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học và hóa học phòng chống sâu và bệnh do virus đến dư lượng trên cây thuốc lá. Từ đó xác định các biện pháp phòng chống sâu và bệnh do virus hiệu quả, đảm bảo năng suất, chất lượng và an toàn.

Số hồ sơ lưu: 20388

84146.11-2022 **Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh thối nhũn hành, tỏi tại các tỉnh phía Bắc/** ThS. Ngô Quang Huy, KS. Trương Thị Hương Lan; ThS. Mai Văn Quân; KS. Lê Quang Mẫn; TS. Nguyễn Mạnh Hùng - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, xác định nguyên nhân gây bệnh thối nhũn hành, tỏi tại các tỉnh phía Bắc. Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của vi khuẩn *Erwinia carotovora* gây bệnh thối nhũn hành, tỏi. Đánh giá hiệu lực của một số chế phẩm sinh học đối với bệnh thối nhũn hành tỏi. Đánh giá hiệu lực của một số thuốc hóa học đối với bệnh thối nhũn hành, tỏi. Khảo sát hiệu lực của một số chế

phẩm sinh học và thuốc hóa học trừ bệnh thối nhũn trên hành, tỏi trong điều kiện đồng ruộng.

Số hồ sơ lưu: 20462

84264.11-2022 **Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp phòng trừ bệnh hại chính trên cây Quế tại tỉnh Yên Bái./** Lê Thị Xuân, Thạc sĩ Lê Thị Xuân; Thạc sĩ Nguyễn Hoài Thu; Tiến sĩ Trần Thanh Trăng; KS Trang A Tông; KS Vũ Đình Thuận; Thạc sĩ Nguyễn Quốc Thống; KS Trần Mạnh Toàn; KS Nguyễn Văn Trường; KS Nguyễn Thúy Quỳnh; KS Bùi Duy Hưng - Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng - Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xác định được 8 loại bệnh trên cây Quế vườn ươm do 17 loài nấm gây hại, 10 loại bệnh trên cây Quế rừng trồng do 12 loài nấm gây hại. Trong đó đã xác định được bệnh hại chính trên cây Quế ở vườn ươm là bệnh khô lá do nấm *Diaporthe eucalyptorum* gây hại và bệnh hại chính cây Quế ở rừng trồng ≤ 5 tuổi là bệnh phấn trắng do nấm *Oidium* sp. gây hại và xác định được biện pháp phòng trừ; Trên cơ sở các kết quả thu được từ các nội dung thực hiện tác giả đã xây dựng dẫn kỹ thuật phòng trừ bệnh khô lá (*Diaporthe eucalyptorum*) hại cây Quế ở vườn ươm và bệnh phấn trắng (*Oidium* sp.) hại rừng trồng Quế phù hợp với tỉnh Yên Bái. Đây là tài liệu có giá trị khoa học và giá trị thực tiễn phục vụ cho các ngành chức năng, các tổ chức tham khảo, chỉ đạo, triển khai áp dụng phòng trừ

bệnh khô lá và bệnh phấn trắng hại Quế nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm quế, tăng thu nhập cho người trồng Quế, cây chủ lực của địa phương trong những năm tới.

Số hồ sơ lưu: YBI-028-2020

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

83353.11-2022 **Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất - sơ chế bảo quản - tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị cây xoài ở tỉnh Khánh Hòa/** ThS. Nguyễn Long An, PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Phương Nghi; KS. Lê Thị Hằng; ThS. Trần Đình Nam; CN. Nguyễn Long Phú; KS. Trần Giới - Khánh Hòa - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vạn Hương, 2021; 06/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất - sơ chế bảo quản - tiêu thụ trong thâm canh xoài để tiêu thụ nội địa và hướng tới xuất khẩu, quy mô 70 ha, năng suất tối thiểu 10,0 tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng từ 10% trở lên so với phương thức tổ chức sản xuất hiện nay và sơ chế bảo quản, tiêu thụ xoài thương phẩm, quy mô 200 tấn/kỳ dự án, thời gian bảo quản 30 ngày, tổn thất sau bảo quản <10%, quả sau bảo quản tươi và màu sắc, hương vị đặc trưng của giống. Đào tạo được 10 kỹ thuật viên về kỹ thuật ghép cải tạo, thâm canh và sơ chế, bảo quản đối với cây xoài, kỹ thuật viên là người địa phương

để làm nòng cốt nhân rộng khi dự án kết thúc.

Số hồ sơ lưu: 20040

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

83329.11-2022 **Khai thác và phát triển nguồn gen lợn Hương/** ThS. Phạm Hải Ninh, ThS. Nguyễn Quyết Thắng; TS. Nguyễn Công Định; TS. Đặng Vũ Hòa; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; TS. Nhữ Văn Thụ; KS. Đàm Đức Phúc; ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Đinh Ngọc Lợi - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 09/2016 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo đàn hạt nhân lợn Hương với quy mô 60 nái và 6 đực có số con sơ sinh sống/lứa đạt 8-9 con, số con cai sữa/lứa đạt 7-8 con, số lứa đẻ/nái/năm đạt 1,76-1,85 lứa. Tạo đàn sản xuất lợn Hương với quy mô 150 nái và 15-20 đực có số con sơ sinh sống/lứa đạt 7,5-8,5 con, số con cai sữa/lứa đạt 6,5-7,5 con, số lứa đẻ/nái/năm đạt 1,65-1,75 lứa. Xây dựng 04 mô hình liên hộ nuôi lợn Hương thương phẩm với quy mô 50-100 con/mô hình có khối lượng xuất chuồng ở 8 tháng tuổi \geq 40 kg, tăng khối lượng/ngày \geq 190g, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng \leq 4,3 kg. Xây dựng quy trình chọn đàn hạt nhân, quy trình chăn nuôi lợn Hương sinh sản và thương phẩm. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân, đàn sản xuất và đàn thương phẩm lợn Hương.

Số hồ sơ lưu: 20027

83367.11-2022 **Khai thác và phát triển nguồn gen trâu Bảo**

Yên/ TS. Nguyễn Công Định, ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Đặng Vũ Hòa; ThS. Nguyễn Quyết Thắng; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; ThS. Trần Trung Thông; TS. Nguyễn Văn Đại; KS. Nguyễn Thị Hải Yên - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2021; 09/2016 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng đàn trâu hạt nhân, nâng cao tầm vóc và khả năng sinh sản của đàn nhân giống và thương phẩm. Tạo đàn hạt nhân trâu Bảo Yên với quy mô 60 cái và 03 đực (Khối lượng trưởng thành: trâu đực ≥ 650 kg, trâu cái ≥ 450 kg; Tuổi đẻ lứa đầu ≤ 44 tháng tuổi; Khoảng cách lứa đẻ ≤ 18 tháng). Tạo đàn nhân giống trâu Bảo Yên với quy mô 80 cái và 04 đực (Tuổi đẻ lứa đầu ≤ 45 tháng tuổi; Khoảng cách lứa đẻ ≤ 20 tháng). Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân và đàn nhân giống trâu Bảo Yên. Xây dựng quy trình chọn đàn hạt nhân trâu Bảo Yên. Xây dựng quy trình chăn nuôi đàn sinh sản (hạt nhân, nhân giống) và đàn thương phẩm cho trâu Bảo Yên. Xây dựng 02 mô hình liên hộ chăn nuôi trâu thịt thương phẩm quy mô 100 con/mô hình (Tăng khối lượng trung bình giai đoạn 13 – 24 tháng tuổi ≥ 12 kg/tháng).

Số hồ sơ lưu: 20044

83713.11-2022 **Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen gà Lông Xước/** PGS.TS. Lê Minh, PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang; PGS.TS. Trần Huê Viên; TS. Trần Thị Hoan; TS. Hồ Thị Bích Ngọc; TS. Phan Thị Hồng Phúc; TS. Nguyễn Thanh

Hiếu; TS. Mai Anh Khoa; KS. Mai Thị Nhung - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2021; 09/2017 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở đàn hạt nhân và đàn sản xuất cho gà Lông Xước. Xây dựng đàn hạt nhân gà Lông Xước với quy mô 200 mái sinh sản có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, đạt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: tuổi đẻ: 21 - 22 tuần tuổi, khối lượng vào đẻ: 1.500 - 1.700 g/mái, năng suất trứng/mái/năm: ≥ 70 quả, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng: 5.500 g, tỷ lệ trứng có phôi $\geq 90\%$, tỷ lệ nở/phôi: $\geq 85\%$. Tạo được đàn sản xuất gà Lông Xước với quy mô 500 mái sinh sản có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, đạt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: tuổi đẻ: 21 - 23 tuần tuổi, khối lượng vào đẻ: 1.400 - 1.600 g/mái, năng suất trứng/mái/năm: ≥ 65 quả, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng: 6.000 g, tỷ lệ trứng có phôi $\geq 90\%$, tỷ lệ nở/phôi: $\geq 85\%$. Chọn được đàn gà Lông Xước có đặc điểm ngoại hình đặc trưng, cải thiện được năng suất nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 20241

83897.11-2022 **Ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến trong nhân giống dê lai và xây dựng mô hình nuôi dê thương phẩm tại tỉnh Phú Thọ/** KS. Nguyễn Văn Cư, KS. Đỗ Chiến Thắng; KS. Nguyễn Ngọc Anh Tú; ThS. Nguyễn Hữu Hà - Phú Thọ - Công ty TNHH tư vấn xây dựng

Diệp Tú, 2021; 07/2018 - 06/2021.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất để xây dựng thành công mô hình nuôi dê lai có năng suất, hiệu quả kinh tế cao và phù hợp với điều kiện chăn nuôi nông hộ tỉnh Phú Thọ nhằm cung cấp giống năng suất cao cho người chăn nuôi, góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, dạy nghề tạo nguồn thu nâng cao đời sống cho người dân trong vùng dự án. Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong nhân giống và chăn nuôi dê lai thương phẩm. Xây dựng mô hình sản xuất giống dê lai (bố Boer x mẹ dê cỏ địa phương) tập trung quy mô 220 con. Xây dựng mô hình mô hình nuôi dê lai thương phẩm phân tán quy mô 500 con tại 20 hộ dân.

Số hồ sơ lưu: 20316

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

83692.11-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất cây ngô và chế biến thức ăn gia súc bằng phương pháp ủ chua cung cấp cho chăn nuôi trâu, bò của người dân các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam/ CN.** Bùi Thị Như Thủy, CN. Bùi Văn Tuất; ThS. Nguyễn Văn Thương; KS. Phạm Việt Tịnh; ThS. Lê Thị Tường Vi; CN. Nguyễn Thị Phượng - Quảng Nam - Trung tâm Khoa học và Công nghệ, 2021; 11/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận, xây dựng mô hình và làm chủ 3 quy trình về cây ngô giàu đạm HQ2000: Sản xuất hạt giống lai

F1 và sản xuất ngô thương phẩm làm thức ăn xanh giống ngô lai HQ2000; thu hoạch và sơ chế ngô phục vụ ủ chua; quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên cây ngô IPM; Tiếp nhận, xây dựng mô hình và làm chủ 4 quy trình về sản xuất thức ăn ủ chua: Sản xuất chế phẩm vi sinh để ủ chua; sử dụng vi sinh vật cấy ủ chua cây ngô làm thức ăn gia súc; chăn nuôi trâu, bò thịt bổ sung thức ăn ngô ủ chua; chăn nuôi trâu, bò sinh sản bổ sung thức ăn ngô ủ chua; Ứng dụng thành công tiến bộ KH&CN trong xây dựng mô hình sản xuất cây ngô và chế biến thức ăn gia súc bằng phương pháp ủ chua cung cấp cho chăn nuôi trâu, bò của người dân các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: 20227

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

83721.11-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến xây dựng mô hình chăn nuôi thỏ trắng New Zealand tại vùng gò đồi trên địa bàn Hà Nội/ TS.** Nguyễn Kim Lin, CN. Đỗ Ngọc Lan; CN. Lê Thị Hải Yến; KS. Đinh Công Hoan; Nguyễn Trung Thành; CN. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; KTV. Đỗ Duy Quang; CN. Đào Vương Hào; KS. Nguyễn Kim Lược; KS. Nguyễn Hoàng Nam; BSTY Trần Thị Khanh; KTV. Nguyễn Tiến Đạt - Hà Nội - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội – Xí nghiệp Nông Lâm nghiệp Sông Đà, 2021; 05/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao các quy trình kỹ thuật nhân giống, chăn nuôi thú y

thỏ trắng New Zealand phù hợp với điều kiện vùng đồi gò Hà Nội. Xây dựng mô hình chăn nuôi thỏ giống tập trung quy mô 1.500 thỏ cái và 300 thỏ đực sinh sản tại Xí nghiệp NLN Sông Đà đạt các chỉ tiêu KTKT: trưởng thành nặng 3,5-4 kg, đẻ 5,5 lứa/năm, trung bình 5,5 con cai sữa, nhân giống 50.000 thỏ giống cai sữa. Xây dựng mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản và thỏ thịt thương phẩm quy mô trang trại tập trung và bán tập trung, mô hình phân tán tại huyện Ba Vì, huyện Chương Mỹ, chăn nuôi tổng số 5.530 con thỏ sinh sản, sản xuất tổng số 132.000 con thỏ thịt thương phẩm 3,5-4 tháng tuổi nặng 2,1-2,5 kg, tỷ lệ thịt xẻ đạt 50-52%. - Xây dựng mô hình trồng cây thức ăn cho thỏ tổng số 11 ha tại các điểm thực hiện mô hình chăn nuôi thỏ. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển chăn nuôi thỏ trắng New Zealand góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, khai thác tiềm năng, lợi thế vùng đồi gò trên địa bàn huyện Ba Vì, từ đó nhân rộng trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 20220

83763.11-2022 **Ứng dụng công nghệ sản xuất protein của Nhật Bản trong phòng chống bệnh cầu trùng trên gà tại Việt Nam/** TS. Bùi Khánh Linh, GS. TS. Nguyễn Thị Lan; TS. Nguyễn Việt Linh; TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; TS. Nguyễn Thị Hồng Chiên - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2019; 09/2016 - 04/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tỷ lệ nhiễm cầu trùng trên gà ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam. Xác định được các thành phần protein đích có tính đáp ứng miễn dịch cao để có thể ứng dụng trong chẩn đoán và sản xuất vaccine trên cơ sở áp dụng công nghệ sản xuất protein của Nhật Bản. Xây dựng và làm chủ quy trình sản xuất protein tái tổ hợp làm cơ sở cho việc sản xuất vaccine tái tổ hợp. - Nâng cao trình độ của các cán bộ dự án về công nghệ protein tái tổ hợp và các kỹ thuật về chiết tách và tinh chế protein trong phòng thí nghiệm

Số hồ sơ lưu: 20263

83776.11-2022 **Nghiên cứu các biện pháp an toàn sinh học đối với chăn nuôi lợn ở quy mô, cấp độ và phương thức khác nhau để phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi/** TS. Hà Minh Tuấn, TS. Nguyễn Công Định; TS. Ngô Thị Kim Cúc; ThS. Trần Trung Thông; TS. Trịnh Quang Tuyên; ThS. Nguyễn Văn Trung; TS. Phạm Văn Sơn; ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Nguyễn Trọng Tuyên; ThS. Thái Khắc Thanh - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 10/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng ATSH trong chăn nuôi lợn ở các quy mô, cấp độ và phương thức khác nhau. Xây dựng 03 quy trình chăn nuôi ATSH phòng, chống bệnh DTLCP cho 03 quy mô (nông hộ, trang trại quy mô nhỏ và trang trại quy mô vừa) với 02 phương thức nuôi chuồng kín và nuôi chuồng hở. Các quy trình được Cục Chăn nuôi công nhận và ban hành.

Số hồ sơ lưu: 20269

40205. Bảo vệ động vật nuôi

83511.11-2022 **Xác định và mô tả chức năng đặc trưng của một số gene miễn dịch trên gà/** TS. Trương Anh Đức, TS. Đặng Vũ Hoàng; TS. Trần Thị Thanh Hà; ThS. Lý Đức Việt; CN.Chu Thị Như; CN. Nguyễn Thị Chinh - Hà Nội - Viện Thú y Quốc gia, 2021; 09/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Dòng hoá và xác định chức năng của một số gene miễn dịch mới trên gà; Đánh giá khả năng điều khiển và kiểm soát sự biểu hiện của MHC nhóm I, nhóm II và các gene liên quan trên tế bào dòng HD 11 của các cytokines mới. Tối ưu hoá các điều kiện phản ứng PCR để khuếch đại vùng gene mã hoá protein của gene miễn dịch. Đánh giá biểu hiện của các tín hiệu phân tử trên tế bào dòng HD 11 đã gây nhiễm protein cytokines tái tổ hợp bằng phương pháp chuyển gene bằng phương pháp Western blot.

Số hồ sơ lưu: 20122

83639.11-2022 **Nghiên cứu sự lưu hành của avian Metapneumovirus (aMPV) trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà nuôi tại miền Bắc/** TS. Nguyễn Văn Giáp, ThS. Cao Thị Bích Phượng; PGS.TS. Huỳnh Thị Mỹ Lệ; TS. Đặng Hữu Anh; TS. Chu Thị Thanh Hương; ThS. Vũ Thị Ngọc; ThS. Tạ Thị Kim Chung; ThS. Võ Văn Hiệu; BSTY. Lê Bá Hiệp - Hà Nội - Học viện nông, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sự lưu hành aMPV ở gà nuôi tại miền Bắc, Nghiên cứu vai trò của aMPV trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà, Phân lập aMPV ở mẫu bệnh phẩm. Từ đó xác định sự hiện diện và vai trò của aMPV trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà, với 3 mục tiêu cụ thể: (i) trả lời câu hỏi có/không có aMPV lưu hành ở gà nuôi tại miền Bắc; (ii) xác định được subgroup virus lưu hành; (iii) làm rõ tần suất xuất hiện của aMPV và mầm bệnh khác trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà.

Số hồ sơ lưu: 20209

83679.11-2022 **Nghiên cứu bệnh trên cá rô phi do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri và Aeromonas hydrophila gây ra/** TS. Trương Đình Hoài, TS. Lê Việt Dũng; PGS.TS. Kim Văn Vạn; TS. Đoàn Thanh Loan; TS. Nguyễn Thị Mai; TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; ThS. Đặng Tiến Dũng; ThS. Đoàn Thị Ninh; ThS. Nguyễn Công Thiết; ThS. Phạm Thị Lam Hồng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng lưu hành và mức độ nhiễm, cơ sở dữ liệu về đặc tính sinh học, sinh hóa và độc lực, tình trạng kháng kháng sinh và phác đồ điều trị có hiệu quả đối với tác nhân gây bệnh Edwardsiella ictaluri và Aeromonas hydrophila trên cá rô phi, cung cấp thông tin cho người nuôi và các nhà quản lý trong công tác phòng và kiểm soát dịch bệnh do vi khuẩn, giảm thiểu thiệt hại, tăng hiệu quả kinh tế và phát triển bền

vững nghề nuôi cá rô phi tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20208

40299. Chăn nuôi khác

84255.11-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi gà thương phẩm HAH-VCN chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAHP tại tỉnh Yên Bái.**/ Trần Anh Tuyên, Thạc sỹ Trần Anh Tuyên, Thạc sỹ Đỗ Thị Phương Thảo, Thạc sỹ Hoàng Thị Hồng Nhung; Tiến sỹ Nguyễn Thị Quyên; Tiến sỹ Nguyễn Tài Năng; Thạc sỹ Nguyễn Xuân Việt; Thạc sỹ Bùi Thị Hoàng Yến; CN Nguyễn Tiến Sơn; KS Lê Văn Luyện; KS Nguyễn Đức Cường - Trường Đại học Hùng Vương - Trường Đại học Hùng Vương, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng được 02 mô hình nuôi gà thương phẩm HAH - VCN chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAHP quy mô 10.000 con và 01 giấy Chứng nhận VietGAHP cho sản phẩm gà HAH-VCN. Xây dựng kế hoạch sản xuất, quay vòng vốn thuận lợi, giải phóng chuồng nhanh, chủ động vệ sinh chuồng trại, có điều kiện mở rộng sản xuất, tạo công ăn việc làm cho các hộ nông dân, nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động. Sau khi kết thúc mô hình dự án các hộ đã được chuyển giao qui trình KHCN tiếp tục phát triển mô hình gà HAH-VCN với số lượng hiện tại: 6.000 gà khối lượng trung bình từ 1,8-2,2kg và tiếp tục duy trì, phát triển gà HAH-VCN tại các đợt

nuôi tiếp theo. Đây là cơ sở quan trọng giúp cho người nông dân có đầu ra ổn định, giá bán cao hơn so với ngoài mô hình.

Số hồ sơ lưu: YBI026-2021

40310. Vi rút học thú y

84037.11-2022 **Nghiên cứu sự lưu hành của thực khuẩn thể *Listeria (Listeria phage)* ở trang trại chăn nuôi bò sữa/ TS. Vũ Thị Kim Huệ, TS. Đặng Thị Thanh Sơn; BSTY. Trần Thị Nhật; BSTY. Trương Thị Hương Giang; KTV. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Viện thú y, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Phân lập 10-15 chủng vi khuẩn *Listeria* trên các loại mẫu bao gồm thức ăn cho bò sữa, sữa tươi, mẫu môi trường và chất thải chăn nuôi từ một số trang trại chăn nuôi bò sữa thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội. Phân lập được 5-10 chủng thực khuẩn thể *Listeria* từ các loại mẫu đã đề cập ở trên. Thử nghiệm trong phòng thí nghiệm khả năng tiêu diệt một số chủng vi khuẩn chủ *Listeria* của các chủng thực khuẩn thể thu thập được. Từ đó làm cơ sở chọn lọc và ứng dụng thực khuẩn thể *Listeria* như một chế phẩm cạnh tranh sinh học có khả năng tiêu diệt vi khuẩn *Listeria* có mặt trong chuỗi sản xuất sữa tươi.

Số hồ sơ lưu: 20362

40405. Giống cây rừng

83308.11-2022 **Nghiên cứu chọn giống Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet) cung cấp gỗ lớn cho vùng Bắc Trung Bộ và Đông**

Bắc Bộ/ ThS. Cán Thị Lan, TS. Đỗ Hữu Sơn; TS. Hà Huy Thịnh; TS. Nguyễn Đức Kiên; TS. Nghiêm Quỳnh Chi; Dương Thanh Hoa; Ngô Văn Chính; Trịnh Văn Hiệu; Ngô Đức Nhạc; TS. Phạm Xuân Đình; Dương Hồng Quân; Nguyễn Quốc Toàn; Trần Thị Hạnh; Lê Thị Thu Nga; Phan Đức Chính; Hà Huy Nhật; Phan Quyền; Dương Thị Hoa; Triệu Thị Thu Hà; Đồng Thị Ứng; Lưu Thị Quỳnh; Lê Thị Xuân Quỳnh; Nguyễn Thị Thu Dung; Kiều Thị Hà; Hà Thị Lệ - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020; 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn được giống có sinh trưởng nhanh, năng suất cao (vượt 15%) so với đại trà, cho sản lượng và chất lượng hạt cao, nhằm chủ động nguồn giống để trồng rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng Thông caribê cung cấp gỗ lớn. Xác định được quy trình nhân giống vô tính Thông caribê. Chọn được ít nhất 10 gia đình có triển vọng/vùng có năng suất sinh trưởng cao, vượt > 15% so với đại trà, cho sản lượng và chất lượng hạt cao. Xây dựng được 10 ha khảo nghiệm giống tại 2 vùng (5 ha/vùng), kết hợp xây dựng vườn giống hữu tính. Xây dựng được 2 vườn giống vô tính tại 2 vùng (1 ha/vùng) cung cấp hạt từ 30 cây trội cho sản lượng và chất lượng hạt giống cao hơn 10% so với rừng giống hiện có. Xây dựng được quy trình nhân giống vô tính Thông caribê được công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 20018

83669.11-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống bạch đàn (UP35, UP97, UP99 và PNCTIV) chất lượng cao bằng nuôi cấy mô quy mô công nghiệp phục vụ trồng rừng tại vùng Trung tâm Bắc Bộ./ ThS. Phạm Thị Kim Thanh, KS. Vũ Thị Thu Thảo; KS. Vũ Thị Lan; KS. Nguyễn Văn Chinh - Phú Thọ - Công ty cổ phần Giống cây trồng Phong Châu, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống cây Bạch đàn (UP35, UP97, UP99 và PNCTiv) bằng nuôi cấy mô quy mô công nghiệp. Sản xuất thử nghiệm 2,5 triệu cây giống Bạch đàn (UP35, UP97, UP99 và PNCTiv) trong đó có 2.0 triệu cây giống mầm mô và 500.000 cây giống thành phẩm. Xây dựng 3 mô hình rừng trồng Bạch đàn (UP35, UP97, UP99 và PNCTiv) ở 3 vùng (Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Yên Bái), quy mô 15 ha/vùng.

Số hồ sơ lưu: 20225

40499. Khoa học công nghệ lâm nghiệp khác

83641.11-2022 Nghiên cứu giải pháp tổng hợp để phục hồi và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển tỉnh Thanh Hóa/ ThS. Lê Văn Tuất, TS. Nguyễn Hoàng Hạnh; PGS.TS. Trịnh Văn Hạnh; ThS. Nguyễn Nguyên Hằng; ThS. Phạm Văn Duẩn; TS. Đỗ Duy Phái; TS. Trần Công Hạnh; ThS. Phạm Hữu Hùng; TS. Ngô Xuân Nam; ThS. Mai Trọng Hoàng - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình,

2021; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng và nguyên nhân gây suy giảm rừng phòng hộ ven biển tỉnh Thanh Hóa. Đề xuất giải pháp tổng hợp về quy hoạch, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đầu tư, cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện để phục hồi và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng mô hình phục hồi, trồng mới rừng phòng hộ ven biển tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: 20206

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

83411.11-2022 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực Nam Bộ/** ThS. Nguyễn Hữu Thanh, ThS. Huỳnh Hữu Ngãi; ThS. Trần Văn Nhiên; ThS. Nguyễn Văn Hiệp - Hồ Chí Minh - Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn đa dạng sinh học, lưu giữ lâu dài, an toàn nguồn gen và nâng cao chất lượng giống loài thủy sản nhằm phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản khu vực Nam bộ. Lưu giữ an toàn 8 nguồn gen thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, có tiềm năng và giá trị kinh tế. Tỷ lệ sống các nguồn gen > 90%; Hoàn thành đánh giá đặc điểm hình thái, khả năng thích nghi điều kiện nuôi, đặc điểm dinh dưỡng và sinh trưởng của 8 nguồn gen. Đánh giá đặc điểm sinh học sinh sản của cá trê Phú Quốc, cá sừ và cá dứa trong điều kiện lưu giữ; Thẩm dò khả năng sinh sản nguồn gen

móng tay chúa và cá hồ sọc nhỏ; Hoàn thiện cập nhật thông tin các nguồn gen bảo tồn, lưu giữ lên website của Viện.

Số hồ sơ lưu: 20065

40503. Bệnh học thủy sản

83531.11-2022 **Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng chất diệt khuẩn sinh học pyocyanin thay thế kháng sinh trong nuôi tôm nước lợ/** TS. Nguyễn Thị Thanh Lợi, TS. Nguyễn Chí Thuận; TS. Nguyễn Hoàng Uyên; ThS. Nguyễn Huyền Trang; TS. Nguyễn Thị Nguyệt; TS. Nguyễn Bích Nga; ThS. Phương Thu Hương; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Quang Vinh - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2021; 01/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất chất diệt khuẩn sinh học pyocyanin, xác định khả năng thay thế kháng sinh và áp dụng thử nghiệm nuôi tôm quy mô hàng hóa, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Nghiên cứu tạo chủng giống vi khuẩn sản xuất pyocyanin an toàn sinh học, năng suất cao; Nghiên cứu sử dụng pyocyanin thay thế kháng sinh phòng trị bệnh trên tôm nuôi nước lợ; Quy trình công nghệ sản xuất Pyocyanin dạng bột độ tinh khiết > 90%; quy mô 3000 mg/m²; Sản xuất thử nghiệm chế phẩm pyocyanin dạng bột quy mô 25g sản phẩm; Mô hình áp dụng chế phẩm sinh học phòng trị bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi.

Số hồ sơ lưu: 20131

40504. Nuôi trồng thủy sản

83351.11-2022 **Ứng dụng công nghệ Micro-nano Bubble Oxygen trong nuôi thủy sản/** ThS. Châu Hữu Trị, ThS. Nguyễn Trọng Huy; ThS. Phùng Thị Hồng Gấm; KS. Thân Hoàng Vinh; CN. Phan Minh Tâm; CN. Lê Văn Nà; CN. Nguyễn Hoàng Sang; ThS. Đặng Ngọc Thùy; ThS. Đoàn Văn Bảy; KS. Thới Ngọc Bảo - Bến Tre - Công ty TNHH Đầu tư Thủy sản Huy Thuận, 2020; 03/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quy trình công nghệ nuôi tôm thẻ chân trắng (TCT) thâm canh ứng dụng công nghệ Micro-nano Bubble Oxygen: tỷ lệ sống tăng $\geq 10\%$, FCR giảm 15%, giá thành sản xuất giảm 10%, được công nhận tiến bộ kỹ thuật. Quy trình công nghệ ương cá tra bột lên cá giống ứng dụng công nghệ Micro-nano Bubble Oxygen: tỷ lệ sống $\geq 25\%$, sạch bệnh, không nhiễm kháng sinh, được công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 20039

83949.11-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện và phát triển quy trình công nghệ nuôi tôm nước lợ hiệu quả cao, bền vững ở Việt Nam/** TS. Phan Thanh Lâm, PGS. TS. Thái Thanh Bình; TS. Đào Văn Trí; ThS. Nguyễn Văn Quyên; ThS. Nguyễn Minh Châu; ThS. Đỗ Văn Hoàng; ThS. Đoàn Văn Bảy; KS. Nguyễn Văn Phụng; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Thới Ngọc Bảo - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2021; 05/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các giải pháp kỹ thuật tổng hợp và quy trình công nghệ nuôi tôm nước lợ nhằm giảm thiểu rủi ro, hạ giá thành, nâng cao chất lượng, tăng năng suất và phát triển bền vững. Xây dựng 05 quy trình kỹ thuật nuôi tôm nước lợ áp dụng các giải pháp kỹ thuật đồng bộ được công nhận tiến bộ kỹ thuật, gồm: Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt đối với tôm sú: Quy trình kỹ thuật nuôi quảng canh cải tiến có năng suất ổn định từ 500-600 kg/ha/năm, tỷ lệ sống khi thu hoạch đạt trên 50%. Kỹ thuật nuôi bán thâm canh có năng suất ổn định 2-3 tấn/ha/vụ, tỷ lệ sống khi thu hoạch trên 75%. Kỹ thuật nuôi thâm canh có năng suất ổn định 5-7 tấn/ha/vụ, tỷ lệ sống khi thu hoạch trên 80%. Chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt đối với tôm thẻ chân trắng: Quy trình kỹ thuật nuôi bán thâm canh có năng suất ổn định 7 tấn/ha/vụ, tỷ lệ sống khi thu hoạch trên 75%. Kỹ thuật nuôi thâm canh có năng suất ổn định 15-16 tấn/ha/vụ, tỷ lệ sống khi thu hoạch trên 80%.

Số hồ sơ lưu: 20363

83964.11-2022 **Nghiên cứu công nghệ nuôi sinh khối vi tảo *Nannochloropsis oculata* bằng màng kép sinh học/** ThS. Bùi Trọng Tâm, TS. Nguyễn Văn Nguyên; TS. Nguyễn Hữu Hoàng; CN. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; CN. Nguyễn Thị Duyệt; ThS. Phạm Thị Mát; ThS. Phạm Thị Hiền Hòa; ThS. Phạm Huy Hưng - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021; 01/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng mô hình quang sinh màng kép TLPBR quy mô phòng thí nghiệm 1,2m² màng và xây dựng thành công mô hình quang sinh màng kép TLPBR quy mô phòng thí nghiệm 1,2m² màng. Đồng thời tiến hành xây dựng dự thảo quy trình nuôi sinh khối vi tảo *N. oculata* bằng hệ thống màng kép sinh học quy mô phòng thí nghiệm 1,2m². Quy trình (dự thảo) nuôi sinh khối vi tảo ổn định, cho năng suất sinh khối sinh khối tươi (dạng sệt) đạt 18-20g/m² màng.

Số hồ sơ lưu: 20383

83976.11-2022 **Nghiên cứu phát triển trồng một số loài rong biển phù hợp trong các mô hình nuôi tôm nước lợ cho khu vực xâm nhập mặn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long/** ThS. Phùng Bảy, TS. Thái Ngọc Chiến; ThS. Trần Thị Hiền; KS. Nguyễn Thị Ngoan; ThS. Phạm Trường Giang; KS. Nguyễn Thị Tuyết; KS. Trần Thanh Hương; KS. Nguyễn Minh Tú - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2020; 02/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn loài rong biển kinh tế phù hợp có khả năng thích nghi với vùng ngập mặn tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), đồng thời nghiên cứu khả năng di giống rong biển từ miền Trung vào trồng tại các tỉnh ĐBSCL. Xây dựng quy trình trồng rong biển kinh tế phù hợp với vùng ngập mặn tại ĐBSCL và nghiên cứu xây dựng các mô hình trồng rong

biển có giá trị kinh tế tại các vùng ngập mặn ở ĐBSCL

Số hồ sơ lưu: 20393

84296.11-2022 **Xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá niên (*Onychostoma gerlachi*, W.K.H. Peters, 1881) trên địa bàn huyện Kon Plông tỉnh KonTum/** PGS. Dương Nhật Long, PGS. TS Lam Mỹ Lan; PGS. TS Dương Thúy Yên; ThS. Nguyễn Hoàng Thanh; TS. Võ Thành Toàn; ThS. Võ Hoàng Liêm Đức Tâm; ThS. Nguyễn Thanh Hiệu; KS. Trịnh Xuân Quý; A Tông - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 08/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống và quy trình nuôi thương phẩm cá niên (*Onychostoma gerlachi*, W.K.H. Peters, 1881) để chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, nhằm bảo tồn và phát triển bền vững nguồn lợi cá niên trên địa bàn huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

Số hồ sơ lưu: 02-2022

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

84107.11-2022 **Nghiên cứu công nghệ, thiết kế chế tạo hệ thống cấp đông nhanh trực tiếp bằng chất tải lạnh lỏng, ứng dụng trong chế biến một số loại thủy sản/** TS. Phạm Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Mạnh Hiếu; ThS. Vũ Thị Nga; PGS.TS. Chu Văn Thiện; TS.

Lê Đức Thông; TS. Trần Hồng Thao; ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn; KS. Đinh Đức Cường; Nguyễn Văn Thuở - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2022; 09/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực trạng vùng nguyên liệu, tình hình ứng dụng công nghệ chế biến và xuất khẩu một số thủy sản lạnh đông. Nghiên cứu công nghệ điều chế chất tải lạnh 1 ng ứng dụng phù hợp cho công nghệ cấp đông nhanh. Xây dựng quy trình công nghệ chế biến lạnh đông cho 1 số thủy sản (cá ngừ phi lê, tôm thẻ chân trắng, mực ống và hào) ứng dụng công nghệ cấp đông nhanh bằng chất tải lạnh 1 ng. Chế tạo, lắp ráp và hiệu chỉnh các cụm thiết bị chính của hệ thống thiết bị cấp đông nhanh bằng chất tải lạnh 1 ng, năng suất 500kg sản phẩm/giờ. Hoàn thiện hệ thống thiết bị cấp đông nhanh bằng chất tải lạnh 1 ng, năng suất 500kg sản phẩm/giờ và xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ.

Số hồ sơ lưu: 20452

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

83834.11-2022 **Xây dựng tiêu bản ADN (DNA barcode) cho các giống cây trồng đặc hữu và có giá trị kinh tế của Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Lan Hoa, TS. Lã Tuấn Nghĩa; TS. Trần Danh Sửu; ThS. Trần Thị Thu Hoài; ThS. Hà Minh Loan; KS. Nguyễn Tiến Hưng; KS. Bùi Thị Thu Giang; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Trần Duy

Dương; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2017; 01/2013 - 06/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập 1 bộ tiêu bản DNA nhận dạng (DNA fingerprinting) của ≥ 10 giống cho mỗi loại cây trồng đặc hữu gồm 11 loại cây: lúa, đậu tương, vải, nhãn, bưởi, xoài, chuối, chè, hồ tiêu, lan hài, địa lan, trong đó có ít nhất một trình tự alen đặc trưng (ADN nhận dạng) để nhận dạng một giống của mỗi loài cây trồng đặc hữu (9 loại cây) và alen/trình tự đặc trưng (DNA barcode) để nhận dạng hoa lan hài và địa lan. Thiết lập cơ sở dữ liệu tra cứu trực tuyến về 11 nhóm cây trồng đặc hữu: lúa, đậu tương, vải, nhãn, bưởi, xoài, chuối, chè, hồ tiêu, lan hài, địa lan trên trang web của Trung tâm Tài nguyên Thực vật

Số hồ sơ lưu: 20262

83906.11-2022 **Hỗ trợ thương mại hoá công nghệ chọn giống lợn có năng suất sinh sản cao bằng chỉ thị phân tử/** TS. Trương Hà Thái, TS. Nguyễn Hoàng Thịnh; PGS. TS. Phạm Kim Đăng; TS. Trần Hiệp; PGS. TS. Bùi Văn Đoàn; PGS. TS. Huỳnh Thị Mỹ Lệ; TS. Nguyễn Văn Giáp; TS. Chu Thị Thanh Hương; ThS. Cam Thị Thu Hà; ThS. Trương Lan Oanh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 07/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra khảo sát nhu cầu ứng dụng công nghệ trong giai đoạn 2017-2022 và khả năng ứng dụng công nghệ chọn giống bằng chỉ thị phân tử nhằm nâng cao khả năng

sinh sản của đàn lợn tại các cơ sở giống. Giới thiệu công nghệ, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, tiến hành sàng lọc và chọn các cá thể mang kiểu gen mong muốn tại các cơ sở giống. Ghép đôi giao phối theo kiểu gen mong muốn để tạo ra và nhân đàn lợn có kiểu gen mong đợi (thế hệ 1). Phân tích kiểu gen của các lợn con sinh ra từ các nái xuất phát đã được phối. Chọn lọc và đánh giá năng suất sinh trưởng lợn đực và cái hậu bị mang kiểu gen mong muốn (thế hệ chọn lọc/ thế hệ 1). Đánh giá năng suất sinh sản của đàn nái chọn lọc (thế hệ 1) mang kiểu gen mong muốn. Xây dựng phương án chuyên gia công nghệ chọn giống lợn có năng suất sinh sản cao bằng chỉ thị phân tử.

Số hồ sơ lưu: 20317

83922.11-2022 **Nghiên cứu bảo tồn nguồn gen cây nông-lâm nghiệp và cây thuốc tại lưu vực thủy điện Lai Châu/** TS. Vũ Đăng Toàn, TS. Bùi Thị Thu Huyền; ThS. Lê Tuấn Phong; ThS. Hà Minh Loan; ThS. Phí Đình Nam; ThS. Vũ Xuân Trường; TS. Phí Hồng Hải; ThS. Trần Trung Thành; TS. Phạm Thanh Huyền; ThS. Phan Văn Trường - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2021; 10/2017 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các địa điểm chịu ảnh hưởng của việc xây dựng thủy điện Lai Châu có nguy cơ suy giảm, thất thoát nguồn gen cây trồng cao để lập kế hoạch thu thập. Thu thập được 3.000 mẫu nguồn gen và kiến thức bản địa của các loài cây trồng bao gồm: các nhóm cây nông nghiệp, cây

lâm nghiệp, cây thuốc; Đánh giá chi tiết được 200 mẫu nguồn gen của các cây trồng nông lâm nghiệp và cây dược liệu đặc sản, quý, hiếm được thu thập; Bảo tồn an toàn được 2.000 mẫu nguồn gen tại ngân hàng gen hạt giống, ngân hàng gen đồng ruộng, ngân hàng gen in vitro, vườn bảo tồn; Thiết lập được cơ sở dữ liệu, kiến thức bản địa của nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 20345

83928.11-2022 **Khai thác và phát triển nguồn gen cây thuốc Sâm tố nữ (*Pueraria candollei* Grah. ex Benth. var. *mirifica* Airy Shaw & Suv.) và Ngải đen (*Kaempferia parviflora* Wall. ex Baker)/** PGS. TS. Trần Ngọc Lân, TS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Tạ Thu Hằng; CN. Đào Thùy Dương; KS. Trương Công Đức; ThS. Trần Văn Thắng; ThS. Đào Văn Minh; ThS. Đoàn Thị Bắc; TS. Đỗ Thị Hà - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2021; 10/2016 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về đặc điểm thực vật, nông sinh học, thành phần hóa học chính của hai nguồn gen sâm tố nữ, ngải đen được thu thập từ 03 xuất xứ tại Việt Nam và bản mô tả giống cho 2 loại cây thuốc trên. Nghiên cứu xây dựng 02 quy trình kỹ thuật nhân giống cho hai nguồn gen sâm tố nữ, ngải đen. Nghiên cứu xây dựng được 02 quy trình kỹ thuật canh tác (trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế) dược liệu cho hai nguồn gen sâm tố nữ, ngải đen. Xây dựng 2 tiêu chuẩn cơ sở cho 2 loại

cây giống sâm tố nữ, ngải đen. Xây dựng 2 tiêu chuẩn cơ sở của 2 loại dược liệu sâm tố nữ, ngải đen.

Số hồ sơ lưu: 20346

83937.11-2022 **Nghiên cứu tăng kích thước hạt ở cây lúa bằng kỹ thuật chỉnh sửa hệ gen CRISPR/Cas9/** TS. Nguyễn Xuân Vũ, TS. Nguyễn Tiến Dũng; GS. TS. Trần Ngọc Ngoạn; TS. Bùi Tri Thức; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Vũ Thị Thanh Hằng; ThS. Ma Thị Hoàn; ThS. Vi Đại Lâm; KS. Lã Văn Hiền; TS. Hà Duy Trường - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm- Đại học Thái Nguyên, 2021; 08/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ được kỹ thuật chỉnh sửa hệ gen CRISPR/Cas9 để tăng kích thước hạt ở cây lúa; Thiết kế được 01- 02 cấu trúc vector chứa đoạn gRNA đặc hiệu chỉnh sửa gen tăng kích thước hạt GS3; Tạo được 05- 10 dòng lúa thể hệ T0 hoặc T1 mang gen tăng kích hạt GS3 đã chỉnh sửa, được kiểm tra bằng PCR, giải trình tự gen. Dòng đột biến biểu hiện kiểu hình tăng kích thước hạt 10% so với đối chứng và giữ nguyên các đặc điểm khác của hạt; Xây dựng quy trình kỹ thuật chỉnh sửa hệ gen tăng kích thước hạt ở cây lúa.

Số hồ sơ lưu: 20347

83962.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quỹ gen quốc gia/** KS. Nguyễn Tiến Hưng, ThS. Đới Hồng Hạnh; TS. Phạm Hùng Cường; KS. Vũ Đình Tú; TS. Lê Đình Sơn; TS. Hoàng Văn Vinh; PGS. TSKH. Nguyễn

Minh Khởi; TS. Phí Hồng Hải; TS. Phạm Công Thiều; TS. Lê Văn Khôi - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2021; 09/2017 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng cơ sở dữ liệu (CSDL) quỹ gen trên thế giới và ở Việt Nam; nhu cầu về quản lý và sử dụng dữ liệu quỹ gen sinh vật. Xây dựng cấu trúc CSDL quỹ gen quốc gia phù hợp với CSDL quỹ gen Quốc tế tương ứng với các nhóm đối tượng nguồn gen. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng bộ phần mềm máy tính song ngữ Việt - Anh đáp ứng yêu cầu lưu giữ, quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu về bảo tồn, sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn gen sinh vật. Tiến hành xây dựng hệ thống CSDL quỹ gen quốc gia với các thiết bị phù hợp để vận hành và quản lý trên mạng máy tính và xây dựng hệ thống tài liệu cũng như xây dựng dự thảo quy định về cơ chế vận hành, quản lý và khai thác sử dụng hệ thống CSDL quỹ gen quốc gia và đào tạo sử dụng hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 20394

40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp

83764.11-2022 **Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học từ nấm men đỏ *Rhodotorula* và rong Mơ phục vụ chăn nuôi gà để nâng cao chất lượng dinh dưỡng của trứng gà/** TS. Lê Việt phương, TS. Bùi Huy Doanh; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê; TS. Cù Thiên Thu; TS. Bùi Việt Đức; PGS. TS. Đỗ Hữu Quyết; ThS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị

Nguyệt; ThS. Dương Thu Hương - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học từ nấm men đỏ *Rhodotorula* và rong mơ bổ sung vào thức ăn cho gà đẻ nhằm nâng cao chất lượng dinh dưỡng của trứng. Nghiên cứu quy trình sản xuất và bảo quản chế phẩm sinh khối men đỏ *Rhodotorula* có hàm lượng beta-caroten lớn hơn 100mg/kg chất khô với quy mô 30kg/m². Nghiên cứu quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học từ nấm men đỏ *Rhodotorula* và rong mơ trong chăn nuôi gà đẻ, làm tăng đậm độ màu đỏ 1-2 điểm, giảm 15-20 % hàm lượng cholesterol, tăng hiệu quả chăn nuôi gà đẻ từ 10-15%.

Số hồ sơ lưu: 20257

499. Khoa học nông nghiệp khác

83676.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý sử dụng đất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ/** PGS.TS. Trần Trọng Phương, TS. Ngô Thanh Sơn; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Đức Lộc; PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ; ThS. Nguyễn Khắc Việt Ba; ThS. Nguyễn Văn Thao; ThS. Đoàn Thanh Thủy; ThS. Vũ Thanh Biển; ThS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội liên quan trực tiếp đến sử dụng đất nông

ng nghiệp và biến đổi khí hậu tại 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh; Xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ của biến đổi khí hậu (hạn hán, ngập lụt) và nước biển dâng tại 2 huyện Diễn Châu - tỉnh Nghệ An và huyện Lộc Hà - tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2035; Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai và phân hạng thích hợp đất đai cho 2 huyện Diễn Châu (Nghệ An) và Lộc Hà (Hà Tĩnh). Xác định một số mô hình sử dụng đất hiệu quả tại 2 huyện Diễn Châu và Lộc Hà: Xác định tiêu chí lựa chọn mô hình (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, và môi trường ...); Xây dựng bản đồ định hướng sử dụng đất đến năm 2035 cho 2 huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An và huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Đề xuất các giải pháp quản lý sử dụng đất nông nghiệp phù hợp với mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 20223

83690.11-2022 **Nghiên cứu giải pháp phát triển mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (CSA) vùng ven biển đồng bằng sông Hồng/** PGS.TS. Ngô Thế Ân, TS. Nông Hữu Dương; PGS.TS. Kim Văn Vạn; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; TS. Nguyễn Công Oánh; TS. Nguyễn Thị Bích Yên; TS. Nguyễn Đình Thi; TS. Nguyễn Thu Thùy; ThS. Nguyễn Tuyết Lan; TS. Phan Thị Thúy - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích hiện trạng của hệ thống nông nghiệp và xác định các nguyên

nhân tự nhiên, kinh tế, xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) dẫn đến sự thay đổi các hệ thống sản xuất nông nghiệp tại vùng đồng bằng sông Hồng. Đánh giá sự thay đổi về chất lượng đất và nước; đánh giá rủi ro môi trường và BĐKH trong vùng ven biển Đồng bằng sông Hồng. Đưa ra các giải pháp để phát triển bền vững các hệ thống sản xuất nông nghiệp vùng ven biển Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Các giải pháp được đưa ra trên cơ sở lựa chọn ra mô hình canh tác có tiềm năng phát triển đạt tiêu chí nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (CSA). Mô hình được thử nghiệm với những can thiệp phù hợp trong điều kiện của địa phương và được đánh giá để tìm ra các giải pháp phát triển trên quy mô canh quan toàn địa bàn nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 20214

83898.11-2022 **Nghiên cứu, đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy hộ, trang trại nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết với thương lái, doanh nghiệp tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chủ lực ở miền núi phía Bắc/ PGS. TS. Đinh Ngọc Lan, TS. Hà Quang Trung; PGS. TS. Dương Văn Sơn; TS. Nguyễn Văn Tâm; TS. Đỗ Xuân Luận; PGS. TS. Nguyễn Hưng Quang; PGS. TS. Trần Văn Quyết; ThS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Đoàn Thị Thanh Hiền; ThS. Nguyễn Đức Quang - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên, 2021; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Làm rõ được năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết với thương lái, doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chủ lực của miền núi phía Bắc Việt Nam. Đánh giá được thực trạng chính sách, giải pháp thúc đẩy hộ, trang trại nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết với thương lái, doanh nghiệp tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chủ lực ở miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 2016-2020 (05 năm); Phân tích các yếu tố ảnh hưởng và rút ra nguyên nhân hạn chế. Đề xuất hoàn thiện chính sách, giải pháp thúc đẩy hộ, trang trại nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết thành công với thương lái, doanh nghiệp tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chủ lực ở Miền núi phía Bắc giai đoạn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 20315

83912.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch trái cây sang thị trường Trung Quốc/ TS. Nguyễn Anh Phong, TS. Nguyễn Anh Phong; ThS. Vũ Huy Phúc; TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Cán Văn Toàn; TS. Trần Thị Kiều Vân; TS. Nguyễn Thị Tân Lộc; ThS. Lê Ngọc Minh; ThS. Trần Thị Thanh Nhàn; ThS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Vũ Xuân Thành - Hà Nội - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá thực trạng chính sách, giải pháp thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch trái cây sang thị trường Trung Quốc trong thời gian qua. Phân tích

năng lực cạnh tranh của trái cây Việt Nam tại thị trường Trung Quốc so với sản phẩm nhập khẩu từ các đối thủ cạnh tranh khác và sản phẩm sản xuất tại Trung Quốc. Phân tích những hạn chế, bất cập của sản phẩm trái cây Việt Nam so với tiêu chuẩn, yêu cầu, quy định nhập khẩu vào Trung Quốc và so với các đối thủ cạnh tranh chính. Đề xuất chính sách giải pháp để thúc đẩy xuất khẩu trái cây chính ngạch vào thị trường Trung Quốc.

Số hồ sơ lưu: 20334

5. Khoa học xã hội

84269.11-2022 **Giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.**/ Hoàng Thị Thanh Bình, Thạc sĩ Hoàng Thị Thanh Bình; Thạc sĩ Hà Thái Thọ; CN Nguyễn Văn Tiến; Thạc sĩ Triệu Thị Bình; CN Đỗ Phi Hải; Thạc sĩ Nguyễn Hồng Thoan; CN Hoàng Thùy Ninh; CN Dương Thị Lệ Thanh. - Yên Bái - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Yên Bái, 2021; 10/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, nghiên cứu các tài liệu thứ cấp một cách có hệ thống về cơ sở lý luận, những quan điểm của Đảng, Nhà nước có liên quan đến hoạt động giám sát của HĐND cấp tỉnh; Khảo sát, học tập kinh nghiệm tại tỉnh Bắc Giang và Sơn La nhằm đúc kết các kinh nghiệm hay, cách làm tốt của tỉnh bạn. Trên cơ sở đó lựa chọn, đề xuất giải pháp khả thi để áp dụng, vận dụng thực hiện tốt hơn hoạt động giám sát của HĐND tỉnh,

nâng cao chất lượng và hiệu quả giám sát của HĐND tỉnh Yên Bái. Đề xuất quan điểm nâng cao chất lượng và hiệu quả giám sát của HĐND tỉnh Yên Bái; đề xuất 03 nhóm giải pháp chung; 07 nhóm giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-029-2020

50102. Tâm lý học chuyên ngành

83458.11-2022 **Phát triển hành vi hướng đến thương hiệu của nhân viên dịch vụ khách sạn tại thị trường mới nổi Châu Á.**/ TS. Hoàng Trọng Hùng, TS. Hồ Thị Thuý Nga; ThS. Lê Quang Trực - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 2021; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển mô hình nghiên cứu về các yếu tố thúc đẩy hành vi hướng đến thương hiệu (BCB – brand citizenship behavior) của nhân viên dịch vụ khách sạn, trong đó xem xét đến vai trò của các chính sách dịch vụ, môi trường dịch vụ, mức độ cạnh tranh trong ngành dịch vụ khách sạn và định hướng văn hoá của nhân viên. Kiểm định mô hình nghiên cứu trên trong bối cảnh ngành dịch vụ khách sạn ở Việt Nam, một thị trường mới nổi ở Châu Á. Đề xuất các gợi ý về mặt lý thuyết và thực tiễn, cũng như đề xuất các hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 20100

83472.11-2022 **Cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư.**/ TS. Nguyễn Xuân Long, TS. Đào Thị

Diệu Linh; TS. Tạ Nhật Ánh; TS. Nguyễn Thị Thắng; PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Lan; TS. Vũ Thu Trang; TS. Nguyễn Hiệp Thương; TS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại ngữ, 2021; 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung phân tích thực trạng cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư (NNBNUT), từ đó đề xuất một số biện pháp tâm lý - giáo dục góp phần giúp họ lựa chọn và sử dụng các cách ứng phó với cảm xúc âm tính phù hợp khi chăm sóc bệnh nhân ung thư. Nghiên cứu thực trạng các cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư; Các cách ứng phó với các cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư; Một số yếu tố ảnh hưởng đến cách ứng phó với các cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư; Tham vấn nhóm để giúp người nhà bệnh nhân ung thư ứng phó tích cực hơn với các cảm xúc âm tính

Số hồ sơ lưu: 20102

83486.11-2022 **Nghiên cứu hành vi gây hấn và kỹ năng tự kiểm soát cảm xúc của học sinh trung học cơ sở ở Việt Nam hiện nay/** TS. Bùi Thị Thu Huyền, PGS. TS. Trần Thị Lệ Thu; PGS. TS. Dương Hải Hưng; PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng; TS. Hoàng Anh Phước; TS. Nguyễn Thị Nhân Ái; ThS. Phạm Thị Diệu Thúy - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về hành vi gây hấn, kỹ năng tự kiểm soát cảm xúc, sự thấu cảm và mối quan hệ của sự thấu cảm, kỹ năng tự kiểm soát cảm xúc và hành vi gây hấn. Phân tích thực trạng kiểu hành vi gây hấn trên học sinh trung học cơ sở ở Việt Nam hiện nay. Xây dựng và thử nghiệm chương trình tập huấn tâm lý - giáo dục nâng cao nhận thức về hành vi gây hấn và kỹ năng tự kiểm soát cảm xúc của học sinh trung học cơ sở, trong đó tập trung vào sự thấu cảm. Đề xuất giải pháp và cách thực hiện chương trình trợ giúp đã xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 20110

83510.11-2022 **Tác động của giáo dục tới tiền lương và hài lòng công việc của lao động trẻ ở Việt Nam/** GS. TS. Nguyễn Quý Thanh, ThS. Trần Lan Anh; TS. Nguyễn Thuỳ Anh; TS. Lê Thái Hưng; TS. Tăng Thị Thuỳ; TS. Vũ Phương Liên; ThS. Lê Thị Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Thị Bích - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lý giải cơ chế tác động của giáo dục tới tiền lương, hài lòng công việc và mục đích cuộc sống của lao động trẻ. Phân tích hồi quy trung bình (phương pháp bình phương nhỏ nhất) với dữ liệu chéo năm 2018 từ điều tra lao động việc làm cho thấy rằng: ở các mức giáo dục cao hơn, được đo bằng số năm đi học chính thức, hay bậc học cao hơn, đều đem lại thu nhập cao hơn cho lao động trẻ, và tác này tăng dần theo bậc học. Phân tích tác động của giáo dục và đào tạo

(on the jobtraining: của doanh nghiệp với lao động) tới tiền lương của người lao động ở các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Số hồ sơ lưu: 20121

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

83376.11-2022 **Tiếp cận tài chính và hiệu quả tài chính doanh nghiệp: Phân tích kinh tế lượng vi mô với dữ liệu mảng/** PGS. TS. Hoàng Trần Hậu, TS. Bùi Xuân Biên; TS. Lý Kim Cương; TS. Trần Thị Phương Dịu; ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga - Hà Nội - Trường Đại học Tài chính-Ngân hàng Hà nội, 2021; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích hiện trạng đặc điểm của các ngân hàng, tiếp cận tài chính và các khía cạnh khác nhau trong hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng khung phân tích về vai trò của các đặc điểm của doanh nghiệp đối với tiếp cận tài chính. Lượng hóa tác động của việc tiếp cận tài chính đến hiệu quả tài chính của công ty. Lượng hóa tác động của các hoạt động kiểm soát nội bộ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Chỉ ra các rào cản chính có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng đến việc các doanh nghiệp tiếp cận tài chính như nộp hồ sơ cho các khoản vay, phê duyệt khoản vay và thời hạn cho vay. Do đó, kết quả nghiên cứu dự kiến sẽ mang lại lợi ích cho các nhà hoạch định chính sách bằng cách chỉ ra những rào cản chính giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận

với tài chính và từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số hồ sơ lưu: 20046

83384.11-2022 **Chính sách tiền tệ mở rộng và quyết định tài chính của doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi/** PGS. TS. Trần Quốc Trung, ThS. Nguyễn Thị Mai; PGS. TS. Nguyễn Xuân Minh; TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tác động của chính sách tiền tệ mở rộng đến các quyết định tài chính của doanh nghiệp bao gồm quyết định đầu tư, chính sách cổ tức và tiền mặt nắm giữ của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Hiệu tác động của chính sách tiền tệ mở rộng đối với quyết định đầu tư của doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi. Hiệu được tác động của chính sách tiền tệ mở rộng đối với chính sách cổ tức của doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi. Hiệu được tác động của chính sách tiền tệ mở rộng đối với quyết định nắm giữ tiền mặt của doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi.

Số hồ sơ lưu: 20048

83452.11-2022 **Phát triển kinh tế chia sẻ ở một số nước châu Á và Hàm ý chính sách cho Việt Nam/** ThS. Trần Thị Cẩm Trang, TS. Lại Lâm Anh; TS. Phạm Mạnh Hùng; TS. Bùi Thị Thùy Nhi; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Chu Phương Quỳnh; ThS. Vũ Nhật Quang; CN. Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện

kinh tế và chính trị thế giới, 2021; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sự phát triển của kinh tế chia sẻ ở một số quốc gia, gồm Trung Quốc, Malaysia, Singapore và Philippines, từ đó gợi mở một số giải pháp chính sách nhằm phát triển kinh tế chia sẻ ở Việt Nam. Làm rõ một số vấn đề lý luận về kinh tế chia sẻ để hình thành nên khung phân tích cho toàn bộ đề tài. Làm rõ kinh nghiệm trong phát triển kinh tế chia sẻ của một số châu Á, gồm: Trung Quốc, Malaysia, Singapore và Philippines. Gợi mở một số giải pháp chính sách cho Việt Nam trong việc phát triển kinh tế chia sẻ.

Số hồ sơ lưu: 20099

83941.11-2022 **Kinh tế và chính trị thế giới năm 2021 và triển vọng năm 2022/** TS. Nghiêm Tuấn Hùng, ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Đặng Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; Trần Thị Thu Thủy; Ngô Thị Phương Lan - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình kinh tế và chính trị thế giới trong năm 2021; Phân tích những sự kiện, vấn đề nổi bật nhất của kinh tế và chính trị thế giới trong năm 2021; Dự báo triển vọng kinh tế và chính trị thế giới năm 2022; Đề xuất các hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20357

83969.11-2022 **Vai trò của tài nguyên trong bối cảnh chuyển đổi số: kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam/** TS. Lê Kim Sa, TS.

Hoàng Thế Anh; TS. Vũ Hoàng Đạt; TS. Phạm Minh Thái; ThS. Trịnh Khôi; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Đình Ngân; CN. Nguyễn Thủy Chung; CN. Lê Thu Hà; CN. Vũ Thị Vân Ngọc; CN. Hoàng Thanh Tú - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan tới những tài nguyên với tư cách là nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế và những thay đổi của những nguồn lực này dưới ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số. Làm rõ quá trình chuyển đổi số đang diễn ra trên thế giới và những tác động của quá trình này làm thay đổi vai trò của các nguồn tài nguyên. Phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về các chính sách đối với chuyển đổi số và khai thác và sử dụng tài nguyên dưới ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số. Qua đó, rút ra bài học và kiến nghị chính sách cho cho việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20382

84024.11-2022 **Cơ sở lý luận và thực tiễn mở rộng cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt/** PGS. TS. Lê Xuân Trường, TS. Nguyễn Hoàng Tuấn; TS. Lê Quang Thuận; PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài; TS. Nguyễn Đình Chiến; ThS. Nguyễn Thùy Trang; ThS. Đậu Đức Anh; CN. Lê Thị Vân Anh; CN. Hoàng Thị Mai Vân; TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh - Hà Nội - Học viện tài chính,

2022; 10/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về thuế tiêu thụ đặc biệt và mở rộng cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt. Tìm hiểu thực trạng cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt và quá trình mở rộng cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất các phương án mở rộng cơ sở thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam góp phần tái phân phối thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội.

Số hồ sơ lưu: 20396

84287.11-2022 **Tính toán năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) và đánh giá vai trò của khoa học và công nghệ đến tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020, xác định chỉ tiêu, biện pháp nâng cao đóng góp của TFP cho giai đoạn 2021-2025.**/ TS. Nguyễn Thị Lê Hoa, PGS. TS. Tăng Văn Khiên; TS. Nguyễn Tùng Lâm; CN. Lê Xuân Biên; CN. Nguyễn Mạnh Dân; CN. Bùi Thu Hoài; ThS. Lê Phương Thúy; ThS. Nguyễn Thị Hà Thu - Viện Năng suất Chất lượng - Viện Năng suất Chất lượng, 2021; 01/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhằm nhận diện rõ những thành tựu và hạn chế của thực trạng tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 – 2020; Đánh giá vai trò của khoa học công nghệ đối với tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong thời gian qua; Tính toán các chỉ số về năng suất cho các lĩnh

vực (Nông - lâm - thủy sản; Công nghiệp và xây dựng); Dự báo tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Xác định chỉ tiêu và đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao TFP thông qua phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2021-2025.

Số hồ sơ lưu: 01.2021

50202. Kinh doanh và quản lý

83321.11-2022 **Đánh giá và lựa chọn phân khúc thị trường sử dụng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn tích hợp mới/** TS. Trương Thị Thùy Dương, PGS. TS. Phạm Thị Hoàng Anh; PGS. TS. Lê Thái Phong; TS. Cao Đình Kiên; TS. Nguyễn Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Xuân Thảo - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình MCDM tích hợp mới sử dụng giải quyết các vấn đề MCDM trong thực tiễn, trong đó có đánh giá và lựa chọn các phân khúc thị trường hoặc lựa chọn thị trường mục tiêu. Xây dựng các độ đo mới như độ đo tương tự trên hai không gian là tập neutrosophic và tập mờ trực cảm cho việc xếp hạng. Nghiên cứu cung cấp công cụ giúp các doanh nghiệp đánh giá và lựa chọn phân khúc thị trường và xác định các nhóm tiêu chí đánh giá. Mô hình đề xuất không chỉ giới hạn trong đánh giá và lựa chọn phân khúc thị trường, mà còn có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề MCDM khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 20025

83327.11-2022 **Nghiên cứu các giải pháp chủ yếu nâng cao năng suất, chất lượng và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/** PGS. TS. Lê Trung Thành, TS. Đoàn Xuân Hậu; TS. Phan Thị Thu Hiền; ThS. Cao Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Phương Linh; TS. Nguyễn Thị Kim Chi; ThS. Nguyễn Minh Hiền; TS. Dương Công Doanh; ThS. Bùi Hương Thảo; PGS. TS. Phạm Thị Huyền; PGS. TS. Lê Hà Thanh; CN. Trần Thị Loan; ThS. Phạm Hải Lê; ThS. Vũ Thu Trang; ThS. Nguyễn Đức Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về năng suất và chất lượng và lợi thế cạnh tranh; Phân tích ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, tới ngành sản xuất vật liệu xây dựng trên thế giới và Việt Nam; Xác định bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sản xuất xi măng và kính xây dựng ở Việt Nam; Phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất xi măng và kính xây dựng ở Việt Nam. Đề xuất chính sách và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp sản xuất xi măng và kính xây dựng Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 20016

83328.11-2022 **Tài chính bao trùm và Trách nhiệm xã hội của ngành ngân hàng tại Việt Nam/** TS. Vân Thị Hồng Loan, TS. Võ Hồng Đức; ThS. Phạm Ngọc Thạch; ThS. Nguyễn Công Thắng; ThS. Võ Thế Anh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 06/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành thực hiện và định lượng vấn đề: tác động của tài chính bao trùm vào ổn định kinh tế vĩ mô tại các thị trường mới nổi bao gồm Việt Nam và các quốc gia ASEAN khác; đóng góp của tài chính bao trùm vào tăng trưởng kinh tế trong những thập kỷ qua; vai trò của hiệu quả hoạt động tài chính và trách nhiệm xã hội của ngành ngân hàng tại Việt Nam; và phân tích tác động từ việc xây dựng và thực hiện tài chính bao trùm đến trách nhiệm xã hội ngành ngân hàng với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam .

Số hồ sơ lưu: 20026

83337.11-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển xuất khẩu gạo bền vững sang thị trường Trung Quốc/** ThS. Trần Quốc Toàn, CN. Đào Thị Thanh Xuân; ThS. Phạm Như Phương; CN. Trần Thanh Bình; CN. Vũ Minh Tâm; ThS. Nguyễn Quốc Chính; CN. Nguyễn Hoàng Hà; CN. Lã Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Quốc Quang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân - Hà Nội - Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển xuất khẩu bền vững sang một thị trường. Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường Trung Quốc thời gian qua và xác định những vấn đề đặt ra. Đề xuất các giải pháp cụ thể cần triển khai cho từng Bộ, ngành, cơ quan,

đơn vị và thương nhân xuất khẩu gạo đảm bảo phát triển xuất khẩu bền vững sang thị trường Trung Quốc.

Số hồ sơ lưu: 20037

83341.11-2022 **Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam/** PGS. TS. Bùi Đức Thọ, PGS. TS. Trương Thị Nam Thắng; TS. Trương Tuấn Anh; ThS. Đinh Anh Tuấn; ThS. Trần Hoài Nam; TS. Vũ Hoàng Nam; PGS. TS. Phạm Thùy Giang; ThS. Lê Thanh Tuyên; GS. TS. Richard Hazenberg; PGS. TS. Nguyễn Văn Thành; TS. Ngô Minh Hương; PGS. TS. Phạm Vũ Thắng; TS. Đồng Xuân Đám; TS. Cán Anh Tuấn; PGS. TS. Đàm Quang Vinh; PGS. TS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Phan Đức Hiếu; CN. Trần Thị Hồng Gấm; TS. Phạm Quốc Hùng; ThS. Cao Thị Vân Anh; ThS. Ngô Phương Lan; ThS. Phạm Thu Trang; TS. Đoàn Thanh Nga - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2021; 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ khái niệm, nội dung của doanh nghiệp xã hội, các yếu tố tác động đến khu vực doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội. Về kinh nghiệm thực tiễn Nghiên cứu kinh nghiệm về phát

triển khu vực doanh nghiệp xã hội ở một số quốc gia tiêu biểu bao gồm Vương quốc Anh, Singapore, Hàn Quốc và Thái Lan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong thúc đẩy việc phát triển khu vực doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội. Phân tích và đánh giá đúng thực trạng phát triển, vai trò, đóng góp của khu vực doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam; Đánh giá các yếu tố tác động đến doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam, trong đó khuôn khổ pháp lý, chính sách là yếu tố chính. Đánh giá những bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20033

83350.11-2022 **Thao túng lợi nhuận công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam - Một số khuyến nghị/** TS. Đào Nam Giang, TS. Nguyễn Thị Lê Thanh; TS. Nguyễn Diệu Linh; TS. Nguyễn Thị Khánh Phương; TS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Đình Trọng; TS. Lê Thị Thu Hà; TS. Phan Thị Anh Đào; TS. Bùi Thị Thủy; ThS. Lê Thị Tuyết Nhung - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021; 01/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực nghiệm về hoạt động thao túng lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam để đề xuất các giải pháp hạn chế các hoạt động này. Đưa ra một đánh giá đa chiều và toàn diện về mức độ thao túng lợi nhuận công bố của các công ty niêm yết ở Việt Nam, tập trung xem xét

tác động của việc sửa đổi chế độ kế toán doanh nghiệp và khung pháp lý chung về kế toán - kiểm toán đến chất lượng thông tin và từ đó đưa ra những khuyến nghị cho cơ quan quản lý, các nhà đầu tư cũng như các bên có liên quan khác,

Số hồ sơ lưu: 20041

83391.11-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Trung Đông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030/** CN. Nguyễn Thị Mai Linh, ThS. Vương Thị Oanh; ThS. Nguyễn Thị Huyền; CN. La Đình Tuyền; CN. Hoàng Hoài Hạnh; CN. Nguyễn Thị Hoàng Anh; CN. Nguyễn Thị Anh Thư; ThS. Lê Thị Bích Thủy; TS. Nguyễn Văn Long; ThS. Phùng Thị Vân Kiều - Hà Nội - Cục Xuất nhập khẩu, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng luận cứ khoa học và đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Trung Đông từ nay đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Nghiên cứu cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu và xây dựng được khung tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu. Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Trung Đông; Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Trung Đông đến năm 2025 và định hướng tới 2030.

Số hồ sơ lưu: 20049

83398.11-2022 **Đánh giá, dự báo tác động của một số nội dung cải cách chính sách bảo hiểm xã hội trong Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 đến thu, chi quỹ hưu trí - tử tuất ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Minh Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Vinh; ThS. Lương Tuấn Anh; ThS. Phạm Hoàng Giang; ThS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Bùi Thị Nhài; ThS. Vũ Thu Trang; TS. Lưu Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Nguyễn Kim Đức - Hà Nội - Viện Khoa học bảo hiểm xã hội, 2021; 01/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá, dự báo tác động của 5 nội dung cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (nội dung 2, 7, 8, 9 và 11) trong Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 (sau đây gọi tắt là 5 nội dung cải cách của NQ28) đến thu, chi quỹ hưu trí ở Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý luận chung về hệ thống hưu trí và các yếu tố tác động đến sự bền vững của quỹ hưu trí; Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về công tác dự báo tài chính đối với hệ thống hưu trí. Phân tích thực trạng về hệ thống hưu trí và quỹ hưu trí của Việt Nam; Phân tích 5 nội dung cải cách từ đó xây dựng một số kịch bản để đánh giá tác động đến quỹ hưu trí của Việt Nam; Đề xuất, khuyến nghị lộ trình thực hiện một số nội dung cải cách của NQ28

Số hồ sơ lưu: 20035

83422.11-2022 **Tương tác giữa môi trường kinh doanh và kết quả đổi mới của các doanh nghiệp vừa**

và nhỏ: bằng chứng từ Việt Nam/ PGS. TS. Vũ Hoàng Nam, PGS. TS. Nguyễn Thị Tường Anh; TS. Kim Hương Trang; ThS. Đoàn Quang Hưng; ThS. Nguyễn Thị Minh Thư; ThS. Hoàng Bảo Trâm - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chung của đề tài nhằm hiểu rõ sự tương tác giữa các yếu tố của môi trường kinh doanh và các kết quả đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, từ đó cung cấp luận cứ cho các giải pháp hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua kiến tạo môi trường kinh doanh, thúc đẩy các hoạt động đổi mới, sáng tạo của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cung cấp luận cứ về tác động của môi trường kinh doanh tới các kết quả đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cung cấp luận cứ về tác động của các kết quả đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tới chiều hướng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố của môi trường kinh doanh tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đề xuất các giải pháp, chính sách, kiến nghị nhằm kiến tạo môi trường kinh doanh, thúc đẩy các kết quả đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Số hồ sơ lưu: 20070

83433.11-2022 **Hoàn thiện chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hướng đến/** ThS. Tạ Văn Thắng, CN. Trương Kim Thoa; ThS. Lê Vũ Thanh Tâm; PGS. TS. Ngô Thị Thu Hồng; TS. Nguyễn Thị Thúy Nga;

ThS. Nguyễn Bá Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Lan; ThS. Chu Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thị Chiên; CN. Quách Xuân Tùng - Hà Nội - Học viện tài chính, 2021; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp cơ sở lý luận về chính sách tài chính hướng tới tăng trưởng xanh làm rõ nội hàm của khái niệm chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng tới tăng trưởng xanh. Trình bày các tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng tới tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Đánh giá hiệu quả của chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng tới tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Từ việc nhận biết tồn tại, hạn chế của chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng tới tăng trưởng xanh và các nguyên nhân, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng tới tăng trưởng xanh ở Việt Nam cho tới năm 2030 theo hướng tích hợp các chính sách tài chính hướng tới tăng trưởng xanh và Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số hồ sơ lưu: 20081

83671.11-2022 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm dầu tràm Huế của tỉnh Thừa Thiên Huế/** TS. Hồ Thắng, KS. Hồ Lê Thủy Dương; ThS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Nguyễn Hùng; ThS. Ngô Thuần; CN. Nguyễn Bá Hội; ThS. Nguyễn Hải Anh; CN. Nguyễn Thị Thu Hương - Thừa Thiên - Huế - Sở Khoa học và

Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Dự án được triển khai qua 04 nội dung chính là: (1) Xây dựng và nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ CDĐL (gọi tắt là nội dung xác lập quyền); (2) Xây dựng cơ sở pháp lý và hệ thống các công cụ phục vụ công tác quản lý, khai thác và phát triển giá trị CDĐL; (3) Hỗ trợ tổ chức quản lý, khai thác và phát triển CDĐL; kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm dầu tràm Huế; (4) Theo dõi, đánh giá và tổng kết dự án.

Số hồ sơ lưu: 20207

83765.11-2022 **Xây dựng bản đồ công nghệ Protein và enzyme/** TS. Lê Thị Bích Thảo, GS. TS. Phan Văn Chi; TS. Bùi Thị Huyền; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Hoàng Thị Minh Hiền; TS. Kiều Thị Quỳnh Hoa; TS. Đỗ Thị Tuyên; TS. Nguyễn Hải Hà; ThS. Phạm Thị Huế; ThS. Lê Trọng Tài; ThS. Trần Thị Minh Nguyệt; TS. Phạm Đình Minh; PGS. TS. Đỗ Thị Huyền; ThS. Trần Hoàng Quyên - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mục tiêu áp dụng của bản đồ CN P&E là bản đồ công nghệ sẽ dành cho đối tượng là cơ quan quản lý nhà nước, cho các ngành công nghiệp và khoa học kỹ thuật và do vậy bản đồ công nghệ được xây dựng với mức độ tổng quát cao, không quá chi tiết Phạm vi xây dựng bản đồ bao gồm các đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp trên khắp cả nước (doanh

ng nghiệp 100% vốn của Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực CNP&E bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh, phân phối, doanh nghiệp ứng dụng Đối tượng là ngành công nghệ, CNP&E được phân tích chi tiết dần theo cấu trúc phân nhánh và phân lớp. Đối tượng là ngành sản xuất, đối tượng lựa chọn phân tích theo sản phẩm và quy trình sản xuất, từ đó xác định CN liên quan.

Số hồ sơ lưu: 20255

84106.11-2022 **Nhân rộng áp dụng công cụ Đánh giá hiệu quả công việc, Bố trí mặt bằng, Nghiên cứu thao tác và thời gian, và các giải pháp thân thiện môi trường của Năng suất xanh vào doanh nghiệp Việt Nam/** CN. Nguyễn Thị Thu Phương, KS. Lê Minh Dung; CN. Nguyễn Minh Khang; KS. Nguyễn Chí Danh; CN. Lê Đình Khôi; CN. Nguyễn Phương Thanh; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Nguyễn Thái Thùy Hoa; CN. Hà Thị Thương - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2, 2022; 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tư vấn, hướng dẫn 30 doanh nghiệp áp dụng một trong các công cụ năng suất chất lượng trên (25 doanh nghiệp áp dụng một trong các công cụ năng suất chất lượng như Đánh giá hiệu quả công việc, Bố trí mặt bằng, Nghiên cứu thao tác thời gian và 05 doanh nghiệp áp dụng công cụ Năng suất xanh). Hoàn chỉnh hệ thống tài liệu hướng dẫn áp dụng và phương án nhân rộng 04 công cụ phù hợp cho các doanh

nghiệp Việt Nam. Hoàn chỉnh báo cáo khả năng nhân rộng triển khai áp dụng 04 công cụ để làm cơ sở nhân rộng cho các doanh nghiệp khác. Tuyên truyền, quảng bá và xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: 20453

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

83630.11-2022 **Nghiên cứu đánh giá, dự báo tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đối với kinh tế Việt Nam và đề xuất giải pháp ứng phó/** ThS. Lưu Mai Lan, ThS. Lê Lan Hương; TS. Dương Duy Hưng; ThS. Trần Thu Hạnh; TS. Vũ Ngọc Thanh; TS. Phạm Văn Kiệm; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Vũ Thị Như Quỳnh; ThS. Vũ Tuyết Lan; ThS. Thái Quốc Hải - Hà Nội - Vụ Kế hoạch - Bộ Công thương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề về lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm về ứng phó với xung đột thương mại của các nền kinh tế, bài học cho Việt Nam. Nghiên cứu về bản chất, cập nhật về thực trạng, diễn biến của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tình hình phản ứng chính sách của hai bên và một số nền kinh tế lớn có liên quan. Phân tích, đánh giá tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến kinh tế hai Bên và kinh tế toàn cầu. Phân tích, đánh giá tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến các mặt của kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 7/2018 đến thời điểm nghiên cứu. Nhận định, dự báo

các kịch bản có thể xảy ra của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dự báo hướng tác động tới kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Đề xuất các biện pháp, giải pháp tận dụng cơ hội và ứng phó với diễn biến, tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

Số hồ sơ lưu: 20210

83631.11-2022 **Nghiên cứu luận cứ khoa học phục vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của một số địa phương giai đoạn 2021-2030/** PGS.TS. Lê Phước Minh, TS. Đặng Thu Thủy; PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Phạm Sỹ An; TS. Đỗ Đức Hiệp; ThS. Nguyễn Thanh Hà; ThS. Phạm Thị Kim Huệ; ThS. Nguyễn Trung Tuyền; ThS. Trần Ngọc Diễm - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được các khái niệm về luận cứ, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo hướng phát triển nhanh, bao trùm và bền vững. Phân tích điểm mạnh, thách thức, điểm nghẽn trong xây dựng, soạn thảo chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Vận dụng lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước để đưa ra gợi ý cho một số địa phương về mặt luận cứ khoa học phục vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030.

Số hồ sơ lưu: 20211

83718.11-2022 **Đánh giá mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt**

Nam giai đoạn 2011-2020 và đề xuất mô hình tăng trưởng mới cho giai đoạn 2021-2030/ PGS.TS. Bùi Quang Tuấn, TS. Phạm Sỹ An; PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Vũ Quốc Huy; TS. Nguyễn Thắng; TS. Nguyễn Cao Đức; TS. Bùi Thu Trang; TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Đức Long; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Trần Thị Lụa; ThS. Trần Văn Hoàng - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 12/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Trong giai đoạn 10 năm gần đây (2011-2020), có nhiều thời điểm nền kinh tế trải qua bất ổn như tỷ lệ lạm phát ở mức cao, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng cao, nợ công lớn, bội chi ngân sách cao. Thực trạng này là do mô hình tăng trưởng đã từng thành công trong hơn 30 năm Đổi mới thì nay không còn phù hợp. Trước những yêu cầu thách thức mang tính chất thời đại, Việt Nam cần phải có cách tiếp cận mới nhằm khôi phục sự ổn định kinh tế và tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định dài hạn. Mô hình tăng trưởng mới phải được cụ thể hóa, chuyển tải rõ ràng trong Chiến lược phát triển Kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030 để có thể từng bước hiện thực hóa trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 20248

83722.11-2022 Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính để phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030/ ThS. Lê Minh Hương, ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Chử Thị Loan; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương

Hoa; ThS. Khương Thị Quỳnh Hương; ThS. Trần Thị Hưng Bình; ThS. Vũ Ngọc Loan; ThS. Bùi Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Lâm; ThS. Nguyễn Trọng Toàn - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2021; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số luận cứ khoa học về KTB và cơ chế, chính sách tài chính để phát triển KTB. Đánh giá thực trạng phát triển KTB, xu hướng phát triển KTB trong tương lai và chỉ ra những vấn đề/yêu cầu đặt ra đối với cơ chế, chính sách tài chính để phát triển KTB. Đánh giá thực trạng cơ chế, chính sách tài chính để phát triển KTB ở Việt Nam và chỉ ra những vấn đề cần hoàn thiện. Đưa ra những định hướng hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính để phát triển KTB Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20249

83726.11-2022 Nghiên cứu đánh giá đóng góp của ngành kinh tế số tới GDP của Việt Nam giai đoạn 2016-2020/ TS. Đặng Thị Việt Đức, ThS. Dương Thị Thúy Hồng; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Đoàn Hiếu - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về xu hướng phát triển kinh tế số trên thế giới và Việt Nam; Nghiên cứu các mô hình và đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế số hóa trong GDP của Việt Nam giai đoạn 2016-2020; Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đóng góp của các ngành kinh tế số hóa trong GDP của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20250

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,...

83409.11-2022 **Hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên các trường đại học Việt Nam/ PGS. TS. Lê Thị Minh Loan, PGS. TS. Phạm Minh Sơn; TS. Nguyễn Thị Anh Thư; TS. Hà Thị Minh Chính; PGS. TS. Đặng Thanh Nga; TS. Tiêu Thị Minh Hường; ThS. Nguyễn Thị Huệ - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu lý luận và thực trạng hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng và xác định sự tác động của hành vi này, đề xuất một số biện pháp tăng cường hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên các trường đại học Việt Nam. Xây dựng cơ sở lý luận về hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên: làm rõ được bản chất hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên từ các lý thuyết tiếp cận khác nhau và xác định cấu trúc hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên các trường đại học; Đánh giá thực trạng hành vi công dân trong tổ chức của giảng viên các trường đại học Việt Nam với các thành phần cụ thể và phân nhóm giảng viên với sự kết hợp các thành phần hành vi công dân khác nhau, làm rõ đặc điểm hành vi công dân trong tổ chức của các nhóm giảng viên.

Số hồ sơ lưu: 20064

83410.11-2022 **Tích hợp giáo dục đạo đức kỹ thuật vào trong chương trình đào tạo KS trình độ đại học tại Việt Nam/ TS. Nguyễn Văn Hạnh, TS. Nguyễn Thành Long; TS. Nguyễn Tiến Long; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Phan Thị Thanh Cảnh; ThS. Mai Đức Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phân tích yếu tố cốt lõi của giáo dục đạo đức kỹ thuật có tác động đến nhận thức và thực hiện trách nhiệm đạo đức của sinh viên đại học kỹ thuật tại Việt Nam. Đánh giá sự ảnh hưởng của giáo dục đạo đức kỹ thuật đến nhận thức và thực hiện trách nhiệm đạo đức của sinh viên đại học kỹ thuật tại Việt Nam. Đề xuất các biện pháp để tích hợp giáo dục đạo đức kỹ thuật vào trong chương trình đào tạo KS trình độ đại học tại Việt Nam nhằm tăng cường nhận thức và thực hiện trách nhiệm đạo đức của sinh viên.

Số hồ sơ lưu: 20067

83434.11-2022 **Nghiên cứu mô hình lãnh đạo chuyên môn của hiệu trưởng nhằm phát triển học tập nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở Việt Nam/ TS. Trương Đình Thăng, TS. Đinh Thị Hồng Vân; PGS. TS. Trần Thị Tú Anh; PGS. TS. Phan Thị Mai Hương; TS. Đỗ Thị Lệ Hằng; TS. Nguyễn Thanh Hùng; TS. Hoàng Hữu Tân; ThS. Trần Hải Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Quảng Trị - Trường cao đẳng sư phạm Quảng Trị, 2020;**

01/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mô hình lãnh đạo chuyên môn của hiệu trưởng nhằm phát triển học tập nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đánh giá thực trạng lãnh đạo chuyên môn của hiệu trưởng nhằm phát triển học tập nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông. Xác định mối quan hệ giữa lãnh đạo chuyên môn của hiệu trưởng và sự phát triển học tập nghề nghiệp của giáo viên phổ thông. Phát hiện những đặc trưng của hiệu trưởng thành công trong việc lãnh đạo chuyên môn nhằm phát triển học tập nghề nghiệp giáo viên phổ thông. Đề xuất mô hình lãnh đạo chuyên môn của hiệu trưởng nhằm phát triển học tập nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Số hồ sơ lưu: 20079

83489.11-2022 **Mối quan hệ giữa giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.**/ PGS. TS. Trần Thị Lệ Thu, TS. Nguyễn Thị Nhân Ái; PGS. TS. Phan Thị Mai Hương; PGS. TS. Đỗ Thị Hạnh Phúc; TS. Vũ Thị Ngọc Tú; PGS. TS. Trần Thành Nam; TS. Nguyễn Diệu Hương; TS. Trần Thị Cẩm Tú - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định thực trạng biểu hiện giá trị sống - kỹ năng sống, mối tương quan giữa giá trị sống - kỹ năng sống và mối quan hệ giữa giáo dục giá trị

sống - kỹ năng sống ở học sinh trung học cơ sở. Trên cơ sở đó đề xuất hướng tiếp cận xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Nghiên cứu tổng quan tình hình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống hiện nay trong các trường phổ thông ở nước ta. Nghiên cứu tổng quan các công trình trong và ngoài nước về mối quan hệ giữa giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống với phẩm chất và năng lực của học sinh trung học cơ sở. Khảo sát và phân tích thực trạng mối quan hệ giữa giá trị sống - kỹ năng sống và giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 20113

83527.11-2022 **Giải pháp phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở/** PGS. TS. Đỗ Thị Bích Loan, TS. Phạm Thị Thúy Hồng; GS. TS. Phan Văn Kha; PGS. TS. Phan Văn Nhân; PGS. TS. Nguyễn Đức Huy; TS. Lê Đông Phương; ThS. Phạm Xuân Thu; TS. Trịnh Thị Anh Hoa; TS. Lương Việt Thái; ThS. Mạc Thị Việt Hà - Hà Nội - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2020; 05/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập luận cứ khoa học về phân luồng học sinh sau THCS, từ đó đề xuất cơ chế, chính sách và các giải pháp thực hiện phân luồng học sinh sau THCS đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phân tích đánh giá thực trạng giáo dục hướng nghiệp, phân

luồng học sinh sau THCS, các nhân tố ảnh hưởng, cơ hội và thách thức của phân luồng học sinh sau THCS đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế; Nghiên cứu xây dựng mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở đào tạo, đơn vị sử dụng lao động và cộng đồng trong việc giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế; Đề xuất cơ chế quản lý, chính sách huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội đối với công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS;

Số hồ sơ lưu: 20128

83823.11-2022 **Nghiên cứu tác động của cơ chế tự chủ tài chính đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải và vấn đề đặt ra trong thời gian tới/** TS. Đinh Thị Hải Yến, ThS. Vũ Thị Tân Dậu; ThS. Ngô Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Hoa; TS. Đỗ Văn Thuận; ThS. Lê Khắc Khoa; ThS. Trần Văn Bông; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Đặng Thị Lý; ThS. Đinh Văn Tuấn - Hà Nội - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ cơ sở pháp lý lý về cơ chế tự chủ tài chính (TCTC) đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; Xác định được những tác động của việc thực hiện cơ chế TCTC đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Nghiên cứu thực trạng tác động của việc thực hiện cơ chế TCTC đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với các đơn vị SNCL thuộc Bộ GTVT, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm phát huy những tác động tích cực của cơ chế tự chủ tài chính đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế TCTC đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Số hồ sơ lưu: 20281

83830.11-2022 **Đào tạo về sở hữu trí tuệ trong ngành văn hóa và du lịch/** PGS. TS. Lâm Nhân, ThS. Nguyễn Đình Thịnh; TS. Phạm Lan Hương; ThS. Phan Đình Dũng; ThS. Chu Phạm Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thanh Hải; TS. Nguyễn Thái Hòa; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Thái Thu Hoài; TS. Từ Mạnh Lương; GS. TS. Lê Hồng Lý - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đào tạo kiến thức và nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân để tăng cường nguồn nhân lực sở hữu trí tuệ trong ngành văn hóa và du lịch; Nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần thúc đẩy hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ trong ngành văn hóa và du lịch; Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan thực thi để nâng cao năng lực thực thi quyền sở hữu trí tuệ, qua đó thúc đẩy hoạt động nghiên cứu triển khai và phát triển tài sản trí tuệ trong ngành văn hóa và du lịch;

Số hồ sơ lưu: 20274

83840.11-2022 **Xây dựng khung năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập/** ThS. Nguyễn Hải Cường, ThS. Lê Thị Thảo; ThS. Phạm Xuân Thu; TS. Vũ Xuân Hùng; PGS. TS. Hoàng Văn Hải; TS. Trần Việt Đức; TS. Nguyễn Đức Hồ; ThS. Phùng Lê Khanh; ThS. Đinh Xuân Thành; ThS. Nguyễn Hữu Hợp - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2022; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng khung năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương; Đánh giá thực trạng năng lực và thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về GDNN ở địa phương; Đề xuất khung năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về GDNN ở địa phương theo các chức danh/cấp quản lý; Đề xuất giải pháp triển khai khung năng lực và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập lĩnh vực GDNN.

Số hồ sơ lưu: 20288

83921.11-2022 **Dữ liệu lớn (Big Data) và giải pháp ứng dụng trong công tác đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/** TS. Nguyễn

Thị Hồng Lâm, TS. Nguyễn Mạnh Hải; ThS. Lưu Quang Đà; ThS. Phùng Thị Việt Hà; TS. Trần Quang Diệu; TS. Nguyễn Minh Ngọc; TS. Trần Thị Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Thị Lê Thủy; ThS. Bùi Thị Long; TS. Nguyễn Duy Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thoa; ThS. Trình Trần Phương Anh; TS. Đỗ Tất Cường; TS. Trần Minh Văn; ThS. Hà Đỗ Quyên; ThS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Lò Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Mai Phương; TS. Nguyễn Thị Thùy Linh; CN. Dương Thị Kim Ngân; CN. Nguyễn Thành Trung - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dữ liệu lớn. Khảo sát, đánh giá thực trạng về ứng dụng dữ liệu lớn trong công tác đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy tại Học viện. Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm ứng dụng hiệu quả dữ liệu lớn trong công tác đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy tại Học viện.

Số hồ sơ lưu: 20340

83963.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục giai đoạn 2017-2025 và những năm tiếp theo/** GS. TS. Phạm Quang Trung, TS. Lê Thị Ngọc Thúy; PGS. TS. Trần Hữu Hoan; GS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; PGS. TS. Trần Thị Minh Hằng; PGS. TS. Nguyễn Thành Vinh; ThS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Phùng Thị Lý Hằng;

ThS. Đặng Thu Thủy - Hà Nội - Học viện Quản lý giáo dục, 2021; 12/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục giai đoạn 2017-2025 và những năm tiếp theo. Khảo sát, đánh giá thực tiễn về chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục trên 2600 mẫu khách thể của 06 tỉnh đại diện vùng miền trên cả nước như: Lào Cai, Hà Nội, Hà Nam, Nghệ An, Cần Thơ.... Qua đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục giai đoạn 2017-2025 và những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 20390

84148.11-2022 **Bồi dưỡng cán bộ tư pháp địa phương bằng phương pháp trực tuyến/** TS. Trương Thế Côn, TS. Bùi Thị Hà; PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; TS. Ngô Thị Ngọc Vân; TS. Lê Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Quang Thái; TS. Chu Thị Hoa; ThS. Bùi Thị Thủy; ThS. Bùi Ngọc Lợi; ThS. Bùi Nguyễn Phương Lê; ThS. Bạch Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Bùi Thị Hòa; ThS. Phan Thị Hồng Hà; CN. Hoàng Thị Thảo; TS. Nguyễn Công Khanh; ThS. Phan Huy Hiếu; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Liên; ThS. Nguyễn Thanh Nam; ThS. Cao Thị Kim Trinh; ThS. Võ Minh Hải; CN. Phạm Anh Tuấn; ThS. Vũ Thị Thu Thủy - Hà Nội -

Học viện tư pháp, 2022; 05/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định pháp luật về cán bộ, bồi dưỡng cán bộ, bồi dưỡng cán bộ tư pháp địa phương bằng phương pháp trực tuyến. Nghiên cứu một số vấn đề về lý luận như khái niệm, các yêu cầu, điều kiện bảo đảm, mô hình và cách thức tổ chức thực hiện, kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng bằng phương pháp trực tuyến. Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, việc bồi dưỡng cán bộ, nhu cầu bồi dưỡng cán bộ tư pháp địa phương bằng phương pháp trực tuyến hiện nay. Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện và đảm bảo, nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc bồi dưỡng cán bộ tư pháp địa phương bằng phương pháp trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: 20466

84161.11-2022 **Nghiên cứu tác động của kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đại học theo Bộ tiêu chuẩn AUN trong khối ASEAN theo mô hình đa quan điểm/** TS. Phạm Thị Hương, TS. Nguyễn Hữu Cường; TS. Nguyễn Kim Dung; TS. Tạ Thị Thu Hiền; PGS.TS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Lê Thị Ngọc Nhân - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Giáo dục Nam Việt, 2022; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về các tác động và hiệu quả của đánh giá chất lượng bên ngoài đến chất lượng giáo dục ở các nước khác trên thế giới. Đánh giá tác động của đảm bảo chất

lượng bên ngoài theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA đến chất lượng giáo dục của các chương trình đào tạo được AUN-QA đánh giá đến chất lượng đào tạo và những khó khăn và thách thức mà các trường đối mặt trong toàn bộ quá trình tự đánh giá và trong toàn bộ quá trình đánh giá ngoài. Xác định những khó khăn và thách thức mà các trường đối mặt trong toàn bộ quá trình tự đánh giá và trong toàn bộ quá trình đánh giá ngoài. Đề xuất các giải pháp về mặt chính sách, qui trình, và biện pháp nhằm cải tiến chất lượng giáo dục cho các trường đại học và các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20472

50401. Xã hội học nói chung

83401.11-2022 **Hoạt động cầu phong, triều cống Trung Quốc của Đại Việt giai đoạn 1600 - 1785/** PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng; TS. Nguyễn Hữu Tâm; TS. Nguyễn Thị Kiều Trang; TS. Nguyễn Thu Hiền; TS. Nguyễn Kim Măng - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Rút ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hoạt động cầu phong, triều cống Trung Quốc của Việt Nam ở giai đoạn này với các giai đoạn trước-sau nó. Rút ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hoạt động cầu phong, triều cống Trung Quốc của Việt Nam với hoạt động cầu phong, triều cống Việt Nam của các nước Đông Na

m Á cùng thời. Rút ra được những đặc điểm nổi bật nhất của hoạt động cầu phong, triều cống Trung Quốc của Việt Nam từ 1600 đến 1785. Đánh giá đúng bản chất thực sự của hoạt động cầu phong, triều cống của Việt Nam thời bấy giờ; trả lời cho câu hỏi “Việt Nam độc lập hay phụ thuộc” trong quan

hệ ngoại giao với Trung Quốc qua hoạt động cầu phong, triều cống? Rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực có thể vận dụng trong thế ứng xử ngoại giao với các nước lớn hiện nay và trong tương lai, nhất là trong mối quan hệ với nước Trung Hoa láng giềng hùng mạnh.

Số hồ sơ lưu: 20060

83968.11-2022 **Nghiên cứu mô hình quản lý các rủi ro về danh tính số, xác thực số và đề xuất cho Việt Nam/** TS. Lê Quang Tú, CN. Nguyễn Thị Như Quỳnh; KS. Ngô Minh Điệp; ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; ThS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Nguyễn Đức Mạnh; ThS. Nguyễn Thị Phương Thu; ThS. Nguyễn Khang; KS. Phạm Xuân Trường; KS. Vũ Bảo Sơn - Hà Nội - Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, 2021; 01/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các mô hình, tiêu chuẩn về quản lý rủi ro về danh tính số và xác thực số. Nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng, triển khai quản lý các rủi ro về danh tính số, xác thực số trên thế giới và tìm hiểu thực trạng các tiêu chuẩn quản lý rủi ro danh tính số, xác thực số tại Việt

Nam. Từ đó, đề xuất phương án quản lý rủi ro thông tin số (rủi ro trong thu thập và sử dụng danh tính số và rủi ro đối với thông tin xác thực). Đề xuất các giải pháp kỹ thuật, mô hình triển khai quản lý rủi ro.

Số hồ sơ lưu: 20380

84155.11-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật đáp ứng các khuyến nghị của Liên hợp quốc đối với việc thực hiện Công ước ICCPR tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Hồng Yên, ThS. Nguyễn Hoàng Lan; PGS.TS. Vũ Công Giao; PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa; ThS. Nguyễn Linh Kha; PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Ngân; TS. Nguyễn Toàn Thắng; TS. Lê Thị Anh Đào; ThS. Bùi Văn Xuân; CN. Vũ Ngọc Bình; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Giang; ThS. Lê Thị Hồng Hải; TS. Mạc Thị Hoài Thương; ThS. Lã Minh Trang; ThS. Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Luật, 2022; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận và pháp lý liên quan đến quyền dân sự, chính trị và Công ước Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR). Phân tích thực tiễn việc thực thi các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền (Human Rights Committee) tại một số quốc gia trên thế giới và đề xuất kinh nghiệm cho Việt Nam. Rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành trong mối tương quan với yêu cầu thực thi các khuyến nghị về các quyền dân sự, chính trị mà Ủy ban Nhân quyền dành cho Việt Nam. Đề xuất những giải pháp nhằm thực thi

các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20469

50404. Dân tộc học

83947.11-2022 **Tộc người với quốc gia - dân tộc trong phát triển ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Vương Xuân Tình, TS. Nguyễn Thắm Thu Hà; TS. Lê Thị Mùi; ThS. Hoàng Thị Lê Thảo - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tài liệu để có dẫn luận về vấn đề tộc người và quốc gia - dân tộc từ bối cảnh thế giới soi chiếu vào thực tế ở Việt Nam. Làm rõ các khái niệm, nội hàm, lý luận về tộc người với quốc gia - dân tộc; xem xét sự tác động của quan hệ tộc người, văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia đến phát triển.

Số hồ sơ lưu: 20358

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

83312.11-2022 **Khả năng thích ứng về sinh kế của các nhóm hộ cư dân ven biển trước biến đổi khí hậu (Nghiên cứu cộng đồng tại Thừa Thiên Huế)/** TS. Huỳnh Thị Ánh Phương, TS. Nguyễn Xuân Hồng; GS. TS. Lê Đức Ngoan; PGS. TS. Lê Thị Hoa Sen; TS. Nguyễn Thị Mỹ Vân; ThS. Bùi Thị Minh Hà; GS. TS. Paul Duongtran; TS. Malin Beckman - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học khoa học, 2021; 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tác động của biến đổi khí hậu tới sinh kế của các nhóm hộ khác nhau tại một số cộng đồng ven biển ở tỉnh Thừa Thiên Huế; Đánh giá các giải pháp sinh kế ứng phó hiện tại do các nhóm hộ thực hiện và các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn giải pháp sinh kế dựa vào các nguồn lực sẵn có của các nhóm hộ tại một số cộng đồng ven biển ở tỉnh Thừa Thiên Huế; Đề xuất một số giải pháp chính sách và thực tiễn nhằm tăng cường khả năng thích ứng về sinh kế phù hợp với từng nhóm hộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 20014

83326.11-2022 **Việc làm của lao động trẻ, ảnh hưởng vết sẹo, và thể chế thị trường lao động ở Việt Nam/** TS. Bạch Ngọc Thắng, TS. Nguyễn Việt Hưng; PGS. TS. Lê Quang Cảnh; PGS. TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Lý Đại Hùng - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Những hiểu biết toàn diện và cân bằng trong bối cảnh quy mô giáo dục đại học đang mở rộng tại các nước đang phát triển về sự đa dạng trên thị trường lao động của lao động trẻ mới tốt nghiệp. Đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu hiện nay về các hiệu ứng vết sẹo của lao động trẻ tại các nước đang phát triển, nơi mà phần lớn những người trẻ đang làm việc với mức lương thấp, bị thiếu việc làm, và phải làm việc trong khu vực phi chính thức. Cung cấp sự hiểu biết thấu đáo hơn về ảnh hưởng của thể chế thị trường lao động trong nội bộ

một quốc gia, cụ thể là tổ chức công đoàn và cơ chế thương lượng tập thể, độ che phủ của công đoàn cấp tỉnh, đến cả kết quả trên thị trường của giới trẻ nói riêng và người lao động nói chung.

Số hồ sơ lưu: 20015

83385.11-2022 **Sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ: Tiếp cận từ sinh thái nhân văn/** TS. Nguyễn Song Tùng, TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt; TS. Trần Ngọc Ngoạn; TS. Trần Thị Tuyết; TS. Phạm Thị Trâm; TS. Nghiêm Thị Thủy; ThS. Lê Hồng Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Huyền Thu; ThS. Cao Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Địa lí nhân văn, 2021; 02/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ được những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của dân cư nông thôn vùng ven biển từ góc độ tiếp cận sinh thái nhân văn. Làm rõ được thực trạng sinh kế và các mô hình sinh kế tiêu biểu ở khu vực nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ. Làm rõ được tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế của dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ. Đề xuất được các giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng dân cư nông thôn vùng ven biển Nam Trung Bộ theo tiếp cận sinh thái nhân văn.

Số hồ sơ lưu: 20047

83392.11-2022 Nghiên cứu, rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội/ TS. Bùi Sỹ Tuấn, CN. Nguyễn Quang Toàn; CN. Hoàng Nghị Lực; ThS. Nghiêm Xuân Nam; ThS. Lê Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Phạm Thị Thanh Việt; ThS. Phạm Thị Hải Ninh; ThS. Đỗ Vân Hương; ThS. Lê Hải Anh - Hà Nội - Văn phòng Bộ, 2021; 07/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát và đề xuất các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đến năm 2025. rà soát, kết quả cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đăng ký kinh doanh doanh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2015-2020; đánh giá chung về kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân. Thực trạng các thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trước và sau khi thực thi cắt giảm, đơn giản hóa; những khoảng « trống » thủ tục hành chính, đăng ký kinh doanh cần tiếp tục đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

Số hồ sơ lưu: 20058

83455.11-2022 Đánh giá nhu cầu, khả năng tiếp nhận công nghệ và xây dựng mô hình điển hình về kết nối cung cầu của thị trường phát triển khoa học và công nghệ cho một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã/ TS. Lê Tuấn An, ThS. Vũ Thị Khắc; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Đào Thị Ngân; ThS. Trịnh Anh Tuấn; TS. Nguyễn Thị Hòa; CN. Nguyễn Việt Gò; CN. Trần Thị Hiền; TS. Đinh Đức Minh; CN. Đoàn Thành Quân - Quảng Nam - Trung tâm Tư vấn Khoa học Công nghệ và Môi trường miền Trung, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được nhu cầu, khả năng tiếp nhận công nghệ của các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng danh mục công nghệ phù hợp với nhu cầu và khả năng tiếp nhận của các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng mô hình điển hình về kết nối cung cầu công nghệ cho các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trong chuỗi hai ngành hàng thuộc 10 ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất. Xây dựng cổng thông tin công nghệ cho các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng chuyên đề truyền thông về các mô hình kết nối cung cầu công nghệ điển hình, hoạt động hiệu quả làm cơ sở quảng bá ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, thúc đẩy phát triển thị trường KH-CN trong khu vực Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20096

83469.11-2022 Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp giải

quyết việc làm đối với người Dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học trở lên chưa có việc làm tại vùng Tây Bắc./ TS. Đỗ Thùy Ninh, TS. Đàm Thanh Thủy; PGS. TS. Đàm Thị Uyên; TS. Từ Quang Tân; TS. Nguyễn Quang Hợp; TS. Nguyễn Hữu Toàn; PGS. TS. Nguyễn Hữu Công; PGS. TS. Nguyễn Văn Dự; TS. Phạm Thị Lý; PGS. TS. Nguyễn Quốc Tuấn; TS. Nguyễn Thị Hồng Liên - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2021; 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá, làm rõ thực trạng người Dân tộc thiểu số (DTTS) đã tốt nghiệp đại học trở lên chưa có việc làm ở vùng Tây Bắc, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách giải quyết việc làm cho người DTTS đã tốt nghiệp đại học trở lên chưa có việc làm tại vùng Tây Bắc. Tổng hợp, phân tích một số chính sách liên quan đến vấn đề giải quyết việc làm cho đối với người DTTS tốt nghiệp đại học trở lên đã ban hành từ năm 2010 đến thời điểm nghiên cứu, nhằm chỉ ra được những điểm thiếu đồng bộ trong các chính sách đã ban hành ở cả cấp trung ương và địa phương; Đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách, chương trình đào tạo nhằm giải quyết việc làm cho người DTTS đã tốt nghiệp đại học trở lên ở vùng Tây Bắc nói riêng và những vùng có nhiều người DTTS có trình độ từ đại học trở lên trong toàn quốc.

Số hồ sơ lưu: 20109

83904.11-2022 Báo cáo thường niên xã hội học 2021: Vấn đề an toàn xã hội ở cộng đồng nông thôn hiện nay/ PGS. TS. Nguyễn Đức

Chiện, TS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Lương Ngọc Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; TS. Lê Văn Năm - Hà Nội - Viện Xã hội học, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan làm rõ hệ khái niệm, lý thuyết, quan điểm của Đảng và Nhà nước và khoảng trống về nhận thức đặt ra đối với nghiên cứu dẫn đến lệch chuẩn xã hội - vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến ATXH ở nông thôn; Khai thác các nguồn dữ liệu thứ cấp và khảo sát đánh giá nhanh thực trạng lệch chuẩn xã hội - vi phạm pháp luật liên quan đến ATXH ở một số cộng đồng nông thôn; Phân tích và lý giải các nguyên nhân chủ quan và khách quan chi phối hành vi lệch chuẩn xã hội - vi phạm pháp luật liên quan đến ATXH ở cộng đồng nông thôn.

Số hồ sơ lưu: 20321

83943.11-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất cơ chế bảo đảm sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo/ ThS. Hoàng Nhất Thống, CN. Trần Hà Thu; ThS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Dương Duy Đạt; ThS. Hoàng Trường; ThS. Nguyễn Thục Anh; ThS. Bùi Thị Thủy; ThS. Vũ Hồng Hà - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá hệ thống thông tin tư liệu về cơ chế đảm bảo

sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lập Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng cơ chế tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý ngành đối với tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng cơ chế tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất quy định cơ chế bảo đảm sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lập Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đề xuất xây dựng nội dung quy định cơ chế bảo đảm sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý ngành đối với tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Số hồ sơ lưu: 20364

83956.11-2022 **Nghiên cứu hiện trạng hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam và đề xuất mô hình, khung giải pháp chính sách hỗ trợ hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030/** PGS. TS. Trần Ngọc Ca, TS. Nguyễn Hữu Xuyên; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Cao Thị Thu Anh; ThS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Đinh Tuấn Minh; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hường; ThS. Trần Xuân Bách; CN. Phạm Thị Thắm - Hà Nội - Viện

Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan một số cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và mô hình, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Phân tích hiện trạng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam. Đồng thời, phân tích các yếu tố cản trở hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam và lựa chọn mô hình hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia phù hợp với Việt Nam. Qua đó đưa ra các chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam để đưa ra những lựa chọn và kiến nghị khung giải pháp chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20378

84151.11-2022 **Truyền thông xã hội và cảm giác lo âu ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp thực phẩm bẩn và ô nhiễm môi trường/** TS. Nguyễn Thu Giang, TS. Nguyễn Thị Thuý Hằng; TS. Bùi Hải Thiêm; TS. Nguyễn Thị Như Trang; PGS.TS. Bùi Chí Trung; TS. Nguyễn Văn Lượ - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2022; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu vấn đề không gian diễn ngôn của mạng xã hội trong tương tác với cảm giác lo âu tại Việt Nam hiện nay. Cơ chế tác động của truyền thông xã hội đối với cảm giác và cảm xúc của con người trong bối

cảnh xã hội Việt Nam. Đánh giá tác động của cảm giác lo âu trên mạng xã hội tới cách công chúng Việt Nam tạo nghĩa và tổ chức lại cuộc sống thường ngày.

Số hồ sơ lưu: 20459

50501. Luật học

83440.11-2022 **Nguyên tắc thủ tục pháp lý chặt chẽ và vai trò bảo vệ quyền con người ở Việt Nam/** TS. Bùi Tiến Đạt, TS. Nguyễn Văn Quân; GS. TS. Nguyễn Đăng Dung; GS. TS. Phạm Hồng Thái; PGS. TS. Vũ Công Giao; PGS. TS. Đặng Minh Tuấn; PGS. TS. Bùi Xuân Đức; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh; PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Nguyễn Bích Thảo; TS. Mai Văn Thắng; ThS. Nguyễn Anh Đức; ThS. Nguyễn Thùy Dương - Hà Nội - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, làm rõ khái niệm và các nội dung cơ bản của nguyên tắc thủ tục pháp lý chặt chẽ theo quan niệm phổ biến trên thế giới. Đánh giá vai trò của nguyên tắc thủ tục pháp lý chặt chẽ trong bảo vệ quyền con người, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, xây dựng pháp luật hợp hiến và đảm bảo thủ tục pháp lý công bằng ở các quốc gia và ở Việt Nam hiện nay. Đánh giá nhận thức, sự biểu hiện các thành tố của nguyên tắc thủ tục pháp lý chặt chẽ trong pháp luật và thực trạng áp dụng nguyên tắc này ở Việt Nam; so sánh với nhận thức, sự biểu hiện trong pháp luật và việc áp dụng nguyên tắc này ở các quốc gia trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 20083

83507.11-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Chanh leo Quế Phong, tỉnh Nghệ An/** ThS. Ngô Thị Oanh, CN. Trần Hoàng Phương CN. Ngô Hoàng Linh; CN. Đặng Thị Loan; KS. Thái Văn Duy; CN. Nguyễn Thị Trà My; ThS. Lang Văn Minh; KS. Nguyễn Khắc Đức; ThS. Nguyễn Mạnh Khả; CN. Lô Hùng Cường; ThS. Trần Quốc Thành; ThS. Hoàng Nghĩa Nhạc; CN. Hà Phương - Nghệ An - Trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Nghệ An, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tiêu chí, đặc tính cần chứng nhận của sản phẩm chanh leo mang nhãn hiệu chứng nhận "Quế Phong", từ đó tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ với nhãn hiệu chứng nhận. Thiết lập hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý và khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận "Quế Phong"; Nhãn hiệu chứng nhận "Quế Phong" được đăng ký bảo hộ, sử dụng, quản lý và khai thác có hiệu quả trên thực tế; Xây dựng và triển khai mô hình liên kết sản xuất, phát triển sản phẩm được bảo hộ mang nhãn hiệu chứng nhận theo chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 20126

83768.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra về đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu theo quy định của pháp luật về đo lường và chất lượng sản phẩm,**

hàng hoá/ ThS. Trần Quý Giàu, ThS. Nghiêm Thanh Hải; ThS. Lê Thị Thuý Sâm; CN. Trần Thị Thuý Hà; ThS. Cao Việt Bách; ThS. Bùi Trung Dũng; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Phan Thị Bích Hạnh; KS. Nguyễn Quang Hạnh; CN. Phạm Thị Đào Anh - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2021; 11/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đo lường, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Thông tư 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 của Bộ KHCN quy định kiểm tra nhà nước về đo lường phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu của thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 20258

83769.11-2022 Nghiên cứu, rà soát các quy định về bản quyền tiêu chuẩn quốc tế để xây dựng hướng dẫn quản lý trong xây dựng, xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tại Việt Nam/ ThS. Nguyễn Văn Khôi, KS. Đỗ Thị Tuyết; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; CN. Trần Duy Tài; ThS. Vũ Thị Thu Phương; ThS. Trịnh Minh Tùng; ThS. Đoàn Thanh Thọ; ThS. Vũ Văn

Dương; ThS. Hoàng Thị Thúy Hồng; ThS. Lăng Thị Diệu Linh; CN. Phùng Quang Minh; ThS. Phạm Thị Hòa - Hà Nội - Vụ Tiêu chuẩn - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung pháp lý cơ bản về bản quyền tiêu chuẩn nói chung, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật cụ thể chống vi phạm bản quyền bảo vệ tính toàn vẹn của các tiêu chuẩn quốc gia tiêu chuẩn quốc tế tiêu chuẩn khu vực tiêu chuẩn nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Góp phần thúc đẩy thực thi các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới về quyền sở hữu trí tuệ. Để thực hiện được mục tiêu trên nhiệm vụ trước mắt tập trung vào các mục tiêu cơ bản sau: Tạo hành lang pháp lý rõ ràng, hướng dẫn các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan đến xuất bản, phát hành và sử dụng TCQT, TCKV, TCNN, TCVN. Quy định phân công trách nhiệm nghĩa vụ của các cơ quan tổ chức và cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia (Tổng cục TCĐLCL) trong hoạt động xuất bản phát hành sử dụng TCQT TCKV TCNN và TCVN. Từng bước đưa công tác xuất bản phát hành tiêu chuẩn vào nề nếp phù hợp với quy định quốc tế liên quan.

Số hồ sơ lưu: 20259

84149.11-2022 Hoàn thiện chính sách, pháp luật về thu hồi tài sản cho Nhà nước trong các vụ án kinh tế, tham nhũng/ TS. Trần Văn Dũng, ThS. Lê Tuấn Sơn; CN. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn

Thị Thanh; TS. Nguyễn Quang Thái; ThS. Bùi Thị Bích Hằng; TS. Hoàng Anh Tuyên; TS. Nguyễn Minh Khuê; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Mai; TS. Đào Lệ Thu; ThS. Kiều Thị Hảo; TS. Đỗ Khắc Hưởng; ThS. Nguyễn Hà Thanh; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Phạm Hồ Hương; CN. Nguyễn Thị Thanh Xuân; CN. Bùi Thị Phương Anh; CN. Nguyễn Hữu Thắng; CN. Lê Công Năm - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2022; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích khái niệm, bản chất, mối quan hệ giữa chính sách và pháp luật, giữa tội phạm kinh tế, tham nhũng và thu hồi tài sản cho Nhà nước trong các vụ án kinh tế, vụ án tham nhũng. Tiêu chí đánh giá hiệu quả thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng. Nghiên cứu pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng. Đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật và kết quả thu hồi tài sản cho Nhà nước trong các vụ án kinh tế, tham nhũng. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản cho Nhà nước trong các vụ án kinh tế, tham nhũng.

Số hồ sơ lưu: 20465

50601. Khoa học chính trị

83941.11-2022 **Kinh tế và chính trị thế giới năm 2021 và triển vọng năm 2022**/ TS. Nghiêm Tuấn Hùng, ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; TS. Đặng Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; Trần Thị Thu Thủy; Ngô Thị

Phương Lan - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình kinh tế và chính trị thế giới trong năm 2021; Phân tích những sự kiện, vấn đề nổi bật nhất của kinh tế và chính trị thế giới trong năm 2021; Dự báo triển vọng kinh tế và chính trị thế giới năm 2022; Đề xuất các hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20357

83958.11-2022 **Cạnh tranh chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Đông Nam Á từ năm 1991 đến năm 2020**/ TS. Võ Xuân Vinh, PGS. TS. Dương Văn Huy; PGS. TSKH. Trần Khánh; PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng; PGS. TS. Văn Ngọc Thành; TS. Nguyễn Thị Phương Hoa; TS. Trần Lê Minh Trang - Hà Nội - Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở của cạnh tranh chiến lược Ấn Độ-Trung Quốc ở Đông Nam Á (lý luận về cạnh tranh chiến lược, truyền thống đối ngoại của Trung Quốc và Ấn Độ, tầm quan trọng của Đông Nam Á đối với Trung Quốc và Ấn Độ, gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Nam Á và Ấn Độ Dương, và gia tăng ảnh hưởng của Ấn Độ ở Thái Bình Dương, nhân tố các nước như Mỹ, Nhật Bản, Nga, Pakistan và Australia); cạnh tranh giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Đông Nam Á thời kỳ Chiến tranh Lạnh, thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh tại các cơ chế hợp tác ở Đông Nam Á, ở Indonesia,

Myanmar và Việt Nam); triển vọng của cạnh tranh giữa Ấn Độ và Trung Quốc trong những năm tới; tác động của cạnh tranh chiến lược Ấn Độ-Trung Quốc đối với chính sách Hướng Đông/Hành động phía Đông của Ấn Độ, chính sách của Trung Quốc đối với Đông Nam Á, cạnh tranh ảnh hưởng nước lớn ở Đông Nam Á, vai trò trung tâm của ASEAN trong các cơ chế hợp tác ở khu vực và Việt Nam); thích ứng của ASEAN và một số nước đối với cuộc cạnh tranh này; một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20361

84150.11-2022 **Các giải pháp nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng thể chế pháp lý ASEAN/** TS. Trần Anh Tuấn, ThS. Chu Hoàng Linh; TS. Trịnh Hải Yên; TS. Đồng Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Vũ Thị Anh Thư; ThS. Vũ Thị Châu Quỳnh; ThS. Phạm Thùy Linh; ThS. Bùi Thị Ngọc Lan; ThS. Dương Bạch Long; ThS. Nguyễn Minh Hằng; ThS. Hoàng Thị Thu Hà; ThS. Đặng Lê Trịnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; CN. Bùi Thị Phương Anh; CN. Nguyễn Hữu Thắng - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2022; 05/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan những vấn đề lý luận, đặc điểm và vai trò của thể chế pháp lý ASEAN. Đánh giá thực trạng thể chế pháp lý ASEAN. Pháp luật và vai trò của Việt Nam trong xây dựng thể chế pháp lý ASEAN. Định hướng và giải pháp nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng thể chế pháp lý ASEAN.

Số hồ sơ lưu: 20464

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

83352.11-2022 **Nghiên cứu xây dựng khung năng lực cho cán bộ nghiên cứu trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Việt Nam/** TS. Trần Quang Huy, TS. Vũ Thị Ánh Tuyết; TS. Nguyễn Bình Minh; TS. Hoàng Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Văn Huru; ThS. Nguyễn Bảo Ngọc; TS. Từ Thảo Hương Giang; TS. Phan Thành Hưng; TS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Chu Văn Tùng; KS. Nguyễn Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung năng lực dành cho cán bộ nghiên cứu trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Việt Nam để làm cơ sở cho việc đào tạo và phát triển phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về khung năng lực và tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về xây dựng khung năng lực ứng dụng cho đào tạo và phát triển cán bộ nghiên cứu. Đề xuất khung năng lực dành cho cán bộ nghiên cứu trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các chỉ số đánh giá năng lực phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đề xuất các giải pháp ứng dụng khung năng lực cho đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20030

83441.11-2022 **Nghiên cứu về mức độ tương tác giữa người dân và cơ quan nhà nước trong chính phủ số/** ThS. Đặng Thị Thu Hương, ThS. Đỗ Công Anh; ThS. Nguyễn Phú Tiến; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Mai Thanh Hải; TS. Lê Quốc Hưng; CN. Nguyễn Hoài Thu; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh; CN. Trần Thị Duyên; CN. Đinh Thị Thanh Vân - Hà Nội - Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đề xuất phương pháp đánh giá mức độ tương tác giữa người dân và cơ quan nhà nước trong chính phủ số, góp phần thúc đẩy hoạt động quản lý nhà nước minh bạch thông qua môi trường số và cung cấp dịch vụ số nhanh chóng, thuận tiện, an toàn cho người dân. Dự thảo hướng dẫn về các tương tác giữa người dân với cơ quan nhà nước và phương pháp đánh giá mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong Chính phủ số sẽ giúp các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp có thể áp dụng trong việc lập kế hoạch, triển khai, mua sắm các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin được hiệu quả, bền vững dẫn đến kết quả trực tiếp là chất lượng cung cấp dịch vụ công cơ quan nhà nước và sự tham gia điện tử của người dân trong chính phủ số.

Số hồ sơ lưu: 20086

83471.11-2022 **Chính sách đất đai vùng Đông Bắc Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2017/** TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, TS. Lê Thị

Mùi; TS. Trần Văn Hà; TS. Lý Hành Sơn; TS. Bùi Thị Bích Lan - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021; 11/2017 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý và sử dụng đất đai ở các tỉnh miền núi; Đánh giá thực trạng chính sách đất đai và thực hiện chính sách đất đai ở 4 tỉnh được nghiên cứu qua hơn 30 năm Đổi mới (1986 - 2017); những mặt được và chưa được, nguyên nhân và yếu tố tác động. Xác định những vấn đề mới trong quá trình thực hiện chính sách đất đai và ảnh hưởng của nó đối với quan hệ tộc người, sự phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, nêu những vấn đề đặt ra liên quan đến chính sách quản lý và sử dụng đất đai ở vùng Đông Bắc. Đề xuất quan điểm, giải pháp về quản lý và sử dụng đất đai phù hợp, hiệu quả ở vùng Đông Bắc trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 20090

83512.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, công chức Bộ Công Thương trong tình hình hiện nay/** CN. Nguyễn Ngọc Minh Hương, ThS. Phạm Hữu Thành Hội; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Thơ; ThS. Đào Tuấn Anh; ThS. Cao Đức Thành; ThS. Đặng Xuân Tâm; ThS. Hồ Thị Tuyết Nhung; TS. Tạ Văn Nam; TS. Vũ Anh Hoàng; CN. Nguyễn Thị Hương Giang - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng đề từ đó đề xuất được phương hướng, giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, công chức Bộ Công Thương trong tình hình hiện nay đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng Bộ Công Thương theo hướng nâng cao năng lực quản lý vĩ mô theo ngành, lĩnh vực. Nghiên cứu giải quyết một số nội dung lý thuyết về cán bộ, công chức; quản lý cán bộ, công chức; Thống kê, đánh giá thực trạng công tác quản lý cán bộ, công chức Bộ Công Thương. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, công chức Bộ Công Thương

Số hồ sơ lưu: 20123

83902.11-2022 **Hoàn thiện khung pháp lý về xây dựng nền hành chính số ở Việt Nam thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư/** TS. Dương Thị Tươi, ThS. Âu Thị Tâm Minh; TS. Lê Đình Mùi; TS. Hoàng Minh Hội; TS. Vũ Ngọc Hà; TS. Đinh Thị Hương Giang; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Đặng Việt Đạt; ThS. Bùi Thị Long; ThS. Nguyễn Thị Yên; ThS. Nguyễn Văn Thơ; ThS. Lục Việt Dũng; ThS. Đinh Thị Phương; ThS. Đinh Thị Hằng; ThS. Nguyễn Quỳnh Trang - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận của hoàn thiện khung pháp lý về xây dựng nền hành chính số ở Việt Nam thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như: khái niệm,

đặc điểm, vai trò của khung pháp lý; Nghiên cứu khung pháp lý về xây dựng nền hành chính số ở một số nước trên thế giới; nhận diện được những giá trị chung của khung pháp lý về xây dựng nền hành chính số ở một số nước trên thế giới và rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng khung pháp lý về xây dựng nền hành chính số ở Việt Nam hiện nay thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đề xuất các quan điểm, giải pháp, kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý về xây dựng nền hành chính số ở Việt Nam hiện nay thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 20322

83923.11-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của thanh tra Thông tin và Truyền thông trong phòng chống in lậu, in giả./** TS. Ngô Mạnh Hùng, CN. Nguyễn Thanh Hiếu; KS. Nguyễn Ngọc Thủy; CN. Phạm Minh Hiếu; CN. Nguyễn Thanh Dung - Hà Nội - Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, 2022; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động in lậu, in giả, công tác quản lý nhà nước về hoạt động in và phòng chống in lậu, in giả thời gian qua để đề xuất được các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của thanh tra Thông tin và Truyền thông trong phòng chống in lậu, in giả bao bì, nhãn hàng hóa. Khảo sát, đánh giá thực tiễn quản lý nhà nước về hoạt

động in và thực tiễn công tác phòng chống in lậu, in giả bao bì, nhãn hàng hóa của thanh tra Thông tin và Truyền thông. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của thanh tra Thông tin và Truyền thông trong phòng chống in lậu, in giả bao bì, nhãn hàng hóa.

Số hồ sơ lưu: 20342

83925.11-2022 Nghiên cứu, đề xuất đổi mới tổ chức và hoạt động của thanh tra Thông tin và Truyền thông trong tình hình mới/ TS. Ngô Mạnh Hùng, ThS. Vũ Ngọc Hưng; CN. Nguyễn Quang Toàn; ThS. Đặng Văn Anh; CN. Nguyễn Thị Vân Trang - Hà Nội - Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng tổ chức cán bộ và hoạt động của thanh tra Thông tin và Truyền thông để đề xuất nội dung đổi mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của lực lượng thanh tra Thông tin và Truyền thông trong tình hình mới. Nghiên cứu cơ sở khoa học của việc đổi mới tổ chức và hoạt động của thanh tra Thông tin và Truyền thông trong tình hình mới. Đề xuất nội dung đổi mới tổ chức, hoạt động của thanh tra Thông tin và Truyền thông trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: 20341

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

84176.11-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ và cơ chế chính sách có sự

tham gia của các tổ chức xã hội trong bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển vùng Duyên Hải Bắc Bộ/ TS. Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Khắc Bằng; Phạm Tô Minh Tuấn; Nguyễn Việt Phong; Nguyễn Hữu Thiện; Nguyễn Hữu Quý; Nguyễn Khắc Vinh; Nguyễn Hữu Hiền; Cán Thị Huyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng (IEH), 2022; 01/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đặc điểm tài nguyên môi trường và kinh tế biển vùng duyên hải Bắc Bộ. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên môi trường và kinh tế biển vùng duyên hải Bắc Bộ. Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ và cơ chế chính sách phát triển bền vững kinh tế biển vùng duyên hải Bắc Bộ. Đề xuất mô hình phát triển bền vững kinh tế biển vùng duyên hải Bắc Bộ với sự tham gia của các tổ chức xã hội.

Số hồ sơ lưu: 20449

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

83944.11-2022 Nghiên cứu phát triển bền vững dịch vụ logistics khu vực thành phố Hải Phòng đáp ứng tiêu chí đô thị cảng biển xanh giai đoạn 2020 đến 2030, tầm nhìn 2045/ ThS. Nguyễn Ngọc Hà, TS. Phạm Thị Yên; PGS.; TS.; Dương Văn Bạo; TS.; Nguyễn Cảnh Toàn; CN. Nguyễn Hữu Hưng; ThS. Quản Thị Minh Hiền; ThS. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Đoàn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Lê Hằng; TS. Vương Toàn Thu Thủy; ThS. Đặng Quốc Thắng; ThS. Nguyễn Việt Thái - Hải Phòng

- Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ tiêu chí phát triển bền vững dịch vụ logistics thành phố cảng biển theo hướng xanh. Mô hình tại thành phố Cảng Hải Phòng theo tiêu chí đô thị cảng biển xanh. Chỉ ra lợi thế của hoạt động logistics của thành phố có cảng biển cùng bộ tiêu chí phát triển bền vững theo tiêu chí xanh cùng một số giải pháp thực tiễn đề Bộ Giao thông vận tải, thành phố Hải Phòng thúc đẩy hoạt động bền vững hoạt động dịch vụ Logistics nhằm tác động tích cực đến kinh tế-xã hội cảng cửa ngõ khu vực phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 20359

83974.11-2022 **Biển trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng ở Nhật Bản/ TS. Nguyễn Bình Giang, TS. Võ Thị Minh Lệ; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Nguyễn Đình Ngân; CN. Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu, tìm hiểu các chính sách, hoạt động của Nhật Bản về kinh tế biển, tìm hiểu các chính sách, hoạt động của Nhật Bản về bảo vệ môi trường biển và các chính sách, hoạt động của Nhật Bản về phát huy các giá trị văn hóa gắn với biển, xây dựng xã hội gắn bó với biển. Đồng thời, tìm hiểu các chính sách, hoạt động của Nhật Bản về bảo vệ an ninh quốc phòng ngoài biển để qua

đó tổng kết kinh nghiệm của Nhật Bản và rút ra bài học cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20386

50801. Báo chí

83473.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp cải thiện một số chỉ số xếp hạng quốc tế về tự do báo chí, tự do ngôn luận của Việt Nam/ ThS. Đinh Tiến Dũng, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Văn Thuật; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; CN. Nguyễn Thị Lan Hương; CN. Nguyễn Thị Tuyết - Hà Nội - Cục Thông tin đối ngoại, Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu các tiêu chí xếp hạng về tự do báo chí và tự do ngôn luận hiện đang được sử dụng, có giá trị tham khảo quốc tế. Định vị thứ hạng và đề xuất giải pháp cải thiện thứ hạng của Việt Nam phù hợp với các tiêu chí, chuẩn mực quốc tế. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với công tác thông tin, truyền thông, báo chí, ngôn luận phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thích ứng kịp thời trước các thời cơ và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Phân tích tính khách quan, khoa học, hợp lý của các tiêu chí sử dụng trong các bảng xếp hạng quốc tế phổ biến để đề xuất hướng tiếp thu, điều chỉnh theo hướng nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đối với các đánh giá xác đáng. Đối với các tiêu chí xếp hạng thiếu cơ sở khoa học, công tác nghiên cứu sẽ chỉ ra tính bất hợp lý, từ đó, đề xuất giải

pháp về tuyên truyền phản bác hiệu quả qua báo chí và trực tiếp thông qua các kênh đối thoại nhân quyền của Chính phủ với các đối tác liên quan.

Số hồ sơ lưu: 20108

83955.11-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý báo chí số tại Việt Nam/** TS. Lê Thị Hằng, ThS. Nguyễn Văn Anh; ThS. Lương Văn Lam; ThS. Nguyễn Đình Sơn; ThS. Trần Hoàng Dương; ThS. Nguyễn Thị Thu Dung; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; TS. Nguyễn Quốc Uy; ThS. Nguyễn Huy Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Phạm Văn Đạt - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về AI và báo chí số, tìm hiểu về thực trạng ứng dụng AI trong báo chí số và hoạt động quản lý báo chí số tại Việt Nam như: khung pháp lý về quản lý báo chí tại Việt Nam; hiện trạng phát triển báo chí tại Việt Nam; hiện trạng ứng dụng công nghệ số trong quản lý báo chí tại Việt Nam; hiện trạng ứng dụng công nghệ số trong quản lý báo chí số tại Việt Nam. - Kinh nghiệm quốc tế trong việc sử dụng AI trong quản lý, phát triển báo chí số, truyền thông số. Qua đó, đề xuất các ứng dụng, giải pháp sử dụng AI trong quản lý báo chí số tại Việt Nam; dự kiến hiệu quả sử dụng AI trong quản lý báo chí số tại Việt Nam; đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và với các cơ quan báo chí.

Số hồ sơ lưu: 20375

50803. Khoa học thư viện

83420.11-2022 **Hoàn thiện và chuyển giao mô hình tích hợp Thư viện điện tử và Atlas điện tử Tây Nguyên phục vụ quản trị và truyền thông CSDL khoa học công nghệ/** TS. Nguyễn Đình Kỳ, PGS. TS. Nguyễn Trường Xuân; PGS. TS. Nguyễn Cẩm Vân; KS. Lê Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Trịnh Thị Tú Anh; TS. Lê Hồng Anh; TS. Vũ Tuấn Hưng; TS. Nguyễn Duy Thụy; TS. Phạm Thế Trịnh; ThS. Đặng Quốc Huy; ThS. Đỗ Minh Phương; ThS. Phan Nhã Hòa; ThS. Nguyễn Thị Bích; ThS. Lê Đức Hoàng; ThS. Đào Thị Lưu - Hà Nội - Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2021; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao cơ sở dữ liệu trên mô hình tích hợp Thư viện điện tử và Atlas điện tử Tây Nguyên nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các viện nghiên cứu và trường đại học. Chuyển giao CSDL trên mô hình tích hợp Thư viện điện tử và Atlas điện tử tổng hợp Tây Nguyên vào hệ thống thông tin phục vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội cho các sở, ban, ngành các tỉnh vùng Tây Nguyên. Mô hình hệ thống mạng lưới truyền thông ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp dữ liệu vào các thiết bị điện tử. Cập nhật, bổ sung CSDL của chương trình Tây Nguyên giai đoạn 2016 – 2020 và nâng cấp Atals điện tử Tây Nguyên trong hệ thống quản trị và truyền thông kết quả KHCN. Đào

tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển đội ngũ khai thác CSDL của Thư viện điện tử và Atlas điện tử tổng hợp vùng Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 20071

50899. Thông tin đại chúng và truyền thông khác

83470.11-2022 **Truyền thông khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình Nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020/** TS. Trần Quang Tuấn, ThS. Đinh Thị Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Hải Hằng; TS. Phạm Trần Lê; PGS. TS. Hà Quốc Trung; TS. Chu Thúc Đạt; TS. Nguyễn Thế Ích; CN. Đoàn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Quang Thái; ThS. Phí Công Thường; ThS. Phạm Lệ Hằng; ThS. Nguyễn Thu Quỳnh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Truyền thông Khoa học và Công nghệ, 2021; 08/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Từng bước xây dựng mạng lưới để phổ cập kiến thức, chia sẻ thông tin khoa học và công nghệ, kết quả thực hiện mô hình tại các địa phương cho vùng nông thôn, miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Tập huấn cho biên tập viên, phóng viên, cán bộ truyền thông của các sở Khoa học và Công nghệ, cán bộ làm truyền thông khoa học và công tại cấp xã, huyện để hình thành mạng lưới truyền thông KH&CN từ Trung ương tới cơ sở. Trong nội dung này, nhiệm vụ sẽ tiến hành tập huấn cho các đối tượng nêu trên tại khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam, chi tiết về nội dung của các khóa tập huấn sẽ được

xác định theo từng năm triển khai nhiệm vụ. Xây dựng tài liệu, dữ liệu điện tử về quy trình kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng vùng, từng địa phương. Phát hành các ấn phẩm (bản giấy, điện tử) về kinh nghiệm, quy trình công nghệ đã chuyển giao để phổ biến, nhân rộng kết quả của Chương trình nông thôn miền núi. Thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương, địa phương

Số hồ sơ lưu: 20101

6. Khoa học nhân văn

60101. Lịch sử Việt Nam

83948.11-2022 **Anh hùng các dân tộc thiểu số thời đại Hồ Chí Minh/** PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thanh, TS. Nguyễn Thẩm Thu Hà; ThS. Lục Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu những thông tin cụ thể về tiểu sử, cuộc đời của những người con ưu tú đại diện cho tinh thần, ý chí chiến đấu bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu, lao động quật cường, phẩm chất đạo đức tốt đẹp của cha ông cho thế hệ trẻ ngày nay, đặc biệt là thế hệ trẻ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Góp phần phục vụ cho công tác tuyên truyền nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 20353

60103. Khảo cổ học và tiền sử

84152.11-2022 **Điều tra tư liệu thư tịch cổ và tư liệu điền dã về vương quốc Thủy Xá - Hoả xá/ PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Nguyễn Duy Thuy; TS. Lê Quang Chấn; TS. Ngô Vũ Hải Hằng; TS. Trần Thị Phương Hoa; GS.TS. Lê Hồng Lý; PGS.TS. Phạm Quang Hoan; PGS.TS. Lê Hải Đăng; TS. Phú Văn Hãn; PGS.TS. Đoàn Văn Phúc - Hồ Chí Minh - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 04/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Sưu tập, dịch thuật và hệ thống hóa các tài liệu liên quan đến Thủy Xá, Hỏa Xá trong, ngoài nước đã được công bố và sưu tầm, điều tra bổ sung nguồn tư liệu mới về Thủy Xá, Hỏa Xá. Đặc trưng cơ bản về Thủy Xá, Hỏa Xá trên cơ sở các tư liệu được sưu tập, điều tra, điền dã và xác định mối quan hệ giữa Thủy Xá và Hỏa Xá với các vương triều của người Việt, vương quốc Champa, các vương triều của Campuchia, Lào theo lịch đại và đồng đại dựa trên các tư liệu mới nhất về Thủy Xá, Hỏa Xá. Đề xuất quan điểm tiếp cận, nhận thức các vấn đề liên quan đến Thủy Xá - Hỏa Xá và kiến nghị giải pháp phát huy giá trị lịch sử văn hóa Thủy Xá - Hỏa Xá phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh quốc phòng.

Số hồ sơ lưu: 20470

60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

83388.11-2022 **Tầm nguyên, khảo luận hệ thống yếu tố Hán**

Việt trong tiếng Việt và xây dựng phần mềm tra cứu/ PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Chung, PGS. TS. Hà Văn Minh; PGS. TS. Trịnh Thị Lan; PGS. TS. Vương Thị Hương; TS. Đặng Thị Thu Hiền; TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Phùng Diệu Linh; TS. Hà Đăng Việt - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những mối quan hệ giữa ngôn ngữ và các lĩnh vực như văn hóa, văn học, tư tưởng, lịch sử và lí luận dạy học. Những kết luận khoa học được đưa ra trên cơ sở nghiên cứu mối tương quan này sẽ giúp cho người đọc có thêm những một cách tiếp cận với những nội hàm văn hóa của tiếng Việt mà vốn dĩ người dùng tiếng Việt từ xưa đến nay vẫn bỏ qua. Nghiên cứu quá trình ứng dụng tri thức tầm nguyên vào giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sẽ hỗ trợ giáo viên có thêm các công cụ hiệu quả trong giảng dạy môn Ngữ văn. Ngoài nội dung nghiên cứu dành cho người dạy (giáo viên), đề tài cũng chú trọng đến những nội dung dành cho người học (học sinh) giúp người học có thể tự nâng cao tri thức và sử dụng một cách hữu hiệu yếu tố Hán Việt trong quá trình học tập và giao tiếp thường nhật.

Số hồ sơ lưu: 20052

83446.11-2022 **Hoạt động giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam/ GS. TS. Nguyễn Đức Tồn, TS. Vũ Thị Sao Chi; PGS. TS. Đoàn Thị Tâm; PGS. TS. Mai Xuân Huy; TS. Trần Phương Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Thùy;**

ThS. Văn Tú Anh; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Đàm Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Nguyễn Thị Uyên; TS. Nguyễn Minh Hoat - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số; Nhận diện đặc điểm những vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục ngôn ngữ đối với vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam hiện nay; phân tích và chỉ rõ sự hợp lý và bất hợp lý của những hoạt động đó trong yêu cầu thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục ngôn ngữ nói riêng và GD nói chung để phát triển bền vững xã hội vùng dân tộc thiểu số. Đề xuất những kiến nghị cụ thể đối với nhà nước về chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động giáo dục ngôn ngữ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20091

83908.11-2022 **Nghiên cứu xác định thành phần ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với vấn đề xác định thành phần dân tộc/ PGS. TS. Nguyễn Hữu Hoàn, TS. Phan Lương Hùng; TS. Bùi Thị Ngọc Anh; PGS. TS. Tạ Văn Thông; PGS. TS. Đoàn Văn Phúc; TS. Nguyễn Tài Thái; TS. Vũ Thị Hải Hà; PGS. TS. Nguyễn Văn Chính; PGS. TS. Nguyễn Văn Hiệu; PGS. TS. Vũ Kim Bằng; TS. Phan Hoàng Anh; TS. Tạ Quang Tùng; ThS. Nguyễn Thu Huyền; ThS. Trần Thùy An; ThS. Lê Thanh Hương; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Trương**

Thị Hồng Gái; ThS. Vũ Thị Thanh Tư - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chỉ ra các đặc điểm cảnh huống ngôn ngữ có ảnh hưởng đến công việc xác định thành phần ngôn ngữ ở Việt Nam. Làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn đối với công việc xác định thành phần ngôn ngữ ở trên thế giới và Việt Nam, trong đó có việc làm rõ các tiêu chí xác định thành phần ngôn ngữ trong tình hình thực tiễn ở Việt Nam và vai trò của tiêu chí ngôn ngữ trong mối quan hệ với các tiêu chí khác khi xác định thành phần dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam. Vận dụng các tiêu chí xác định ngôn ngữ để tiếp tục làm rõ thành phần ngôn ngữ một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Nghiên cứu, đề xuất cách viết tên gọi các ngôn ngữ, phương ngữ, thổ ngữ một cách thông nhất.

Số hồ sơ lưu: 20324

83916.11-2022 **Thì và Thể tiếng Việt - soi xét từ góc độ cú pháp nanô/ TS. Phan Thị Huyền Trang, GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp; TS. Trịnh Hữu Tuệ - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2021; 02/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Vận dụng phương pháp tạo sinh luận để soi xét vấn đề Thì và thể tiếng Việt nhưng không nhằm mục đích thuần túy cung cấp tư liệu tiếng Việt để minh họa cho lý thuyết tạo sinh, mà hướng tới một mục tiêu cao hơn, đó là bám chắc vào đặc trưng loại hình học riêng biệt của tiếng

Việt, lấy chính ngữ liệu tiếng Việt làm kim chỉ nam để kiểm nghiệm lại lý luận của ngữ học tạo sinh, từ đó có những đóng góp mới mẻ cho lý thuyết ngữ học nói chung. Xuất phát từ chính cái đặc trưng đơn lập phân tích tính và cũng như cái đặc trưng thiên-chủ đề của tiếng Việt, chúng tôi có cơ sở thực nghiệm vững chắc để biện luận cho những đề xuất chỉnh sửa của mình đối với lý thuyết ngữ pháp tạo sinh nói chung.

Số hồ sơ lưu: 20330

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

83953.11-2022 **Nghiên cứu lý luận và thực tiễn trong việc xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng ưu tiên và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021 – 2030/** TS. Hoàng Xuân Long, CN. Hoàng Lan Chi; ThS. Cao Thị Hồng Ngọc; ThS. Nguyễn Hồng Anh; CN. Bùi Ngọc Thu Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021; 02/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề chung có ý nghĩa tiền đề cho xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng ưu tiên và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021 – 2030. Xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng ưu tiên và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021 – 2030. Đồng thời đề xuất giải pháp phát triển và đưa ra một số luận giải về quan điểm, mục tiêu, định hướng ưu tiên

và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021 – 2030.

Số hồ sơ lưu: 20374

83954.11-2022 **Nghiên cứu tiềm lực Khoa học và Công nghệ và đề xuất một số giải pháp, quan điểm phát triển Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào giai đoạn đến 2030/** TS. Nguyễn Hoàng Hải, TS. Phạm Văn Hồng; ThS. Trần Thị Kim Oanh; TS. Bạch Tân Sinh; ThS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Nguyễn Trường Phi; ThS. Nguyễn Thị Minh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Lê Quang Thái; ThS. Đặng Thị Thu Trang - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2021; 05/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về phát triển kinh tế - xã hội và Khoa học và Công nghệ của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào) giai đoạn 2011-2020. Nghiên cứu, tổng quan về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của CHDCND Lào và của một số nước ASEAN. Qua đó tìm hiểu về thực trạng tiềm lực khoa học và công nghệ của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và đề xuất một số quan điểm, giải pháp phát triển Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo cho Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào giai đoạn đến 2030.

Số hồ sơ lưu: 20373

83971.11-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030/** TS. Vũ Thị

Thùy Dương, CN. Đồng Văn Nhiệm; TS. Nguyễn Đức Hoàng; TS. Đào Thị Anh Thư; ThS. Phạm Hải Minh; ThS. Lê Mộng Lâm; ThS. Nguyễn Vũ Thao; ThS. Nguyễn Phương Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; TS. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - Hà Nội - Văn phòng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, 2021; 06/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2011-2020. Phân tích thực trạng hoạt động của chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn đến năm 2020 trong hệ thống các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện dự thảo Chương trình đổi mới công nghệ giai đoạn 2021 - 2030. Tiến hành phân tích thực trạng qua đó đề xuất cơ chế quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 trong khung tổng thể các chương trình quốc gia, đảm bảo có sự hỗ trợ, lồng ghép, không trùng lặp.

Số hồ sơ lưu: 20391

84104.11-2022 Đánh giá tác động của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đến tăng trưởng nông nghiệp, kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất khung Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025/ GS.TS. Nguyễn Hồng Sơn, ThS. Phạm Thị Hạnh Thơ; PGS.TS. Đào Thế Anh; TS.

Trịnh Văn Tuấn; TS. Tạ Hồng Lĩnh; TS. Trần Công Thắng; ThS. Nguyễn Thị Hà; TSKH. Bạch Quốc Khang; TS. Nguyễn Văn Thịnh; TS. Hoàng Thanh Tùng; TS. Ngô Đức Minh; TS. Nguyễn Lê Trang; ThS. Trịnh Thị Vân; ThS. Lê Ngọc Lan; Tổng Thị Thanh Hương; Phạm Ngọc Sang; Nguyễn Thu Hương; Trịnh Thị Quyên; ThS. Bùi Quang Duẩn; ThS. Lê Đức Công; Phạm Công Nghiệp - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hoá cơ sở lý luận, thực tiễn về tác động của khoa học và công nghệ đến tăng trưởng nông nghiệp và phát triển nông thôn bền vững. Đánh giá tác động của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đến tăng trưởng nông nghiệp và kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Nghiên cứu bối cảnh, nhu cầu khoa học và công nghệ và đề xuất “Khung chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”. Xây dựng kỹ yếu điện tử “Giới thiệu các kết quả khoa học, công nghệ tiêu biểu của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020”

Số hồ sơ lưu: 20450

84145.11-2022 Triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ cho các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam/ ThS. Nguyễn Thị Hải Xuân, Nguyễn Thị Thu Hà; Bùi Khánh Tùng; Đoàn

Trung Dũng; CN. Phạm Quốc Bình; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Vũ Hoàng Minh; CN. Trần Thị Tiên Thủy; Trần Dũng Sỹ; Vũ Mạnh Hà - Hà Nội - Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), 2022; 01/2020 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng và chứng nhận về nông nghiệp hữu cơ cho các lĩnh vực, sản phẩm đã ban hành. Tổ chức hội thảo tại 2 miền Nam, Bắc cho trên 100 đơn vị/tổ chức về hướng dẫn áp dụng và hướng dẫn chứng nhận nông nghiệp hữu cơ theo TCVN 11041. Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Đánh giá chứng nhận chuyển đổi cho mô hình và tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm từ các mô hình điểm.

Số hồ sơ lưu: 20460

84153.11-2022 Nghiên cứu đề xuất về tổ chức triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 – 2030/ ThS. Hà Công Hải,

CN. Hoàng Lan Chi; TS. Hoàng Xuân Long; ThS. Đặng Thu Minh; ThS. Trần Xuân Bách; ThS. Vũ Thùy Liên; TS. Kiều Quỳnh Anh; TS. Nguyễn Hữu Khánh; CN. Hà Trung Đoàn - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2022; 02/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Lý luận và kinh nghiệm quốc tế về tổ chức triển khai chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kinh nghiệm tổ chức triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020. Đề xuất tổ chức triển khai chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 20467

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*